



ĐỌC LẠI SỬ CŨ

QUYỀN BỐN – THIỆU TRỊ, TỰ ĐỨC VÀ HÒA ƯỚC NHÂM TUẤT

Nguyễn Trọng Tín

Nội dung

Nội dung.....	i
Hình ảnh	iii
Lời đầu cho Quyển Bốn.....	v
A - Tình hình nước Việt.....	1
244 – Vua Thiệu Trị.....	2
245 – Sở học của vua Thiệu Trị.....	6
246 – Chuyện Việt Miên Xiêm.....	11
247 – Vua Thiệu Trị và các thừa sai	16
248 – Đoạn cuối của vua Thiệu Trị.....	21
249 – “Revolutions 1848”.....	27
250 – Dân trị versus Quân trị.....	31
251 – USS Plymouth và 2 điểm đến của nó.....	36
252 – Những câu chuyện tình	42
253 – Từ Dự chứ không phải Từ Dũ.....	46
254 – Sứ mệnh Montigny	51
255 – Sứ mệnh Montigny (tiếp theo).....	56
B - Tình hình nước Pháp	60
256 – Câu chuyện của Le Lieur	61
257 – Câu chuyện của Le Lieur (tiếp theo).....	66
258 – Câu chuyện của Matthew C. Perry ở Nhật Bản	71
259 – Câu chuyện của Collier	76
260 – Câu chuyện của Collier (tiếp theo)	82
261 – Câu chuyện của Montigny	86
262 – Câu chuyện của Montigny (sự thiển cận).....	91

263 – Câu chuyện của Montigny (sự thiếu hiểu biết)	95
264 – Napoléon III.....	100
C - Các tình hình khác	106
265 – Xiêm La và Cao Miên.....	107
266 – Hội Thừa sai Paris và chính trường Pháp.....	114
267 – Sứ mệnh Montigny qua góc nhìn Cao Miên	119
268 – Chiến tranh Krym và chiến tranh thuốc phiện	124
269 – Đêm trước của la Siège de Tourane	128
D - Pháp xâm lược Việt	133
270 – Trần Đà Nẵng.....	134
271 – Sài Gòn thất thủ 17/02/1859	139
272 – Phản ứng sau khi thành Gia Định thất thủ	144
273 – Hòa hay Chiến	149
274 – Hoàng đế hiếu thảo	154
275 – Chương mới trong quan hệ Việt – Miên	160
276 – Những nỗ lực ngoại giao.....	164
277 – Phòng tuyến các ngôi chùa.....	169
278 – Những địa danh trong thời đại mới	176
279 – Trận đại đồn Chí Hòa.....	184
280 – Sau Sài Gòn là Mỹ Tho.....	192
281 – Kẻ thức thời là trang tuần kiệt.....	198
282 – Kẻ thức thời là trang tuần kiệt (tiếp theo)	202
283 – Kẻ thức thời là trang tuần kiệt (tiếp theo nữa)	206
284 – Hòa ước Nhâm Tuất 1862.....	212

Hình ảnh

Hình 1: Tranh cổ vườn Thiệu Phương (Wikipedia).....	2
Hình 2: Tranh cổ vườn Xuân Quang (Wikipedia)	4
Hình 3: Đầu vật - tranh dân gian Đông Hồ.....	8
Hình 4: Bản đồ Nam Kỳ và Cao Miên, người Pháp vẽ lại theo bản đồ Việt năm 1860 (Wikipedia)	11
Hình 5: Cảnh pháo đài của xứ Đàng Trong ở núi Non Nước	18
Hình 6: Khu trục 52 đại bác La Gloire trong trận Veracruz, Mexico năm 1838	22
Hình 7: Hình trên trang mạng kienthuc, 2 bài thơ nổi tiếng của vua Thiệu Trị.....	26
Hình 8: Bản đồ châu Âu, revolutions 1848.....	27
Hình 9: Berlin năm 1848 với những lá cờ khác nhau, Cách mạng trong sự đa dạng của nó	32
Hình 10: USS Constitution và USS Plymouth.....	36
Hình 11: 1 trong 4 chiến hạm của Hoa Kỳ thả neo ở Edo năm 1853 trong mô tả của người Nhật Bản	41
Hình 12: Manchester của Mary Burns, địa ngục công nghiệp những năm 1870s	45
Hình 13: Tranh cổ vườn Cơ Hạ, (Wikipedia)	49
Hình 14: Tuần dương hạm Catinat, 1896-1911 (Wikipedia).....	54
Hình 15: Vịnh Đà Nẵng, nơi Le Lieur đưa tàu vào về sau có con đường nối ra hòn Cô, đến nay là cảng Tiên Sa	64
Hình 16: Bản đồ Đà Nẵng của vụ nổ súng lần 3 năm 1859, với ghi chú bổ sung bằng tiếng Việt (Wikipedia)	66
Hình 17: Kỳ hạm U.S.S. Susquehanna của Perry (tranh khắc gỗ Nhật Bản, từ Đại học Indiana)	71
Hình 18: Bàn giao quà của tổng thống Hoa Kỳ tặng vua Nhật Bản tại Yokohama (bảo tàng Nimitz, Annapolis).....	74
Hình 19: Tàu la Capricieuse	76
Hình 20: New York 10/1861, tàu Catinat ngay phía sau cánh buồm trắng nhỏ (trang NHHC của hải quân Hoa Kỳ)	81
Hình 21: La Capricieuse với thuyền trưởng Belvèze năm 1855, thành công nối lại quan hệ với Canada.....	84
Hình 22: Sir Thomas Francis Wade là 1 nhà ngoại giao và China học nổi tiếng.....	88
Hình 23: Roquemaurel là 1 sĩ quan hải quân Pháp, có nhiều đóng góp cho bảo tàng Toulouse: vòng răng người	89
Hình 24: Revue d'histoire des colonies, tập 38, số 136, quý Tư năm 1951	91

Hình 25: Những tác phẩm nổi tiếng của Huc	96
Hình 26: Bà de Bourboulon nổi tiếng hơn chồng sau chuyến phiêu lưu	99
Hình 27: Chiến tranh Krym, 1853-1956, làm bối cảnh cho cuộc viễn chinh xứ Đàng Trong của Napoleon III	101
Hình 28: Bản đồ Cao Miên và Hạ Đàng Trong năm 1863	112
Hình 29: Gông khổng lồ đeo cho giám mục Pierre Dumoulin-Borie Cao, được trưng bày ở Paris từ 03/08/1843 ...	115
Hình 30: Xiêm nhượng lãnh thổ cho Anh và Pháp theo từng năm, Wikipedia	121
Hình 31: Châu Âu năm 1856	124
Hình 32: Minh họa 1 "ổ thuốc phiện" ở Pháp	125
Hình 33: Điều tra của Salford Star về bất động sản của công ty Ermen and Engels Victoria Mill ở Salford	128
Hình 34: Thành Điện Hải ngày nay – Google Map	130
Hình 35: Bổ sung các địa danh trong trận Đà Nẵng	135
Hình 36: Tranh vẽ theo phác thảo của 1 thư ký của Genouilly. Có lẽ đây là cửa Đông Nam thành Phụng	140
Hình 37: Đoàn Cây Mai về sau này, khi đã trở thành 1 đồn binh của Pháp	145
Hình 38: Bản đồ Sài Gòn năm 1895, còn đủ cả những Cây Mai, Tham Lương và cả đại đồn Chí Hòa	146
Hình 39: Hoàng đế An Nam trên ngai vàng, hình minh họa trong hồi ký của Paul Doumer	149
Hình 40: Vái chào - bộ tranh của Henri Oger	155
Hình 41: Lấy vợ lấy chồng - lễ vấn danh và lễ nghênh hôn - bộ tranh của Henri Oger	158
Hình 42: Bản đồ bán đảo Indo-China năm 1867	160
Hình 43: Pháo bằng gỗ của nhà Nguyễn, thu được ở Vĩnh Long năm 1862 - Musée de l'Armée, Paris, France	168
Hình 44: Bản đồ này có nhiều yếu tố rõ ràng hơn so với bản đồ của Pallu	169
Hình 45: Hình ảnh duy nhất còn lại về đồn Clochetons	173
Hình 46: Chùa Barbé, sau đó là trường sư phạm An Nam	174
Hình 47: Bản đồ Cochinchine Đàng Trong, nguồn Wiki	176
Hình 48: Bản đồ Cochinchine Nam Kỳ lục tỉnh năm 1863, 3 tỉnh của Việt 3 tỉnh của Pháp	178
Hình 49: Bản đồ Đông Kinh năm 1771 của Rigobert Bonne	179
Hình 50: Câu hỏi cho Wiki: Đông Dương hay Indo-China	180
Hình 51: Bản đồ đại đồn Chí Hòa của Pallu	184
Hình 52: Dấu vết còn lại của đại đồn trên bản đồ năm 1923, có 1 đài tưởng niệm lính Pháp cạnh nhà thờ Chí Hòa	186
Hình 53: Tranh của Pháp, minh họa về cuộc tấn công đại đồn Chí Hòa, 24/02/1861	189
Hình 54: Đồn Thuận Kiều, góc trên bên trái, bây giờ là trường tiểu học Thuận Kiều, Q12 – bản đồ năm 1895	191
Hình 55: Bản đồ trận Mỹ Tho trong sách của Pallu	195

Lời đầu cho Quyển Bốn

Hình như là từ đầu thế kỷ XXI này, những người có ít nhiều ưu tư ở nước Việt bắt đầu quen với 1 câu nói, chẳng biết là chua cay hay hóm hỉnh, xuất phát từ ai cũng chẳng quan trọng, rằng “cái nước Việt mình nó thế”.

Rồi nhiều người, đa số, 1 cách dễ dãi, cho đó là lời giải thích cho mọi câu hỏi.

Thực ra, đó mới là câu hỏi.

*

Đọc lại Sử cũ là 1 trong những cố gắng đi tìm câu trả lời.

Đây chẳng phải là 1 cố gắng được xác định ngay từ ban đầu, nó chỉ xuất hiện và lớn dần lên từ Quyển này sang Quyển khác. Việc Đọc Sử, tự nó nó thế...

*

Gần quá thì không phải, mà xa quá thì cũng không phải, có lẽ câu trả lời nằm ở đâu đó đúng trong Quyển Bốn này, với những diễn biến từ hậu Minh Mạng đến hòa ước Nhâm Tuất 1862, định hình nước Việt trong bối cảnh những cuộc chơi mới trên thế giới bắt đầu nhen nhóm...

A - Tình hình nước Việt

244 – Vua Thiệu Trị

Nguyễn Phúc Miên Tông Thiệu Trị, 1807-1847, ở ngôi 1841-1847, là trường nam và là người kế vị xứng đáng, xuôi chèo mát mái, của vua cha Minh Mạng. [“Xứng đáng” tới mức mà, lẽ ra chỉ nên dành cho 1 vài mục tiếp nối vua cha trong quyển trước, quyển Ba, như là 1 chút trốn còn sót lại của con tàu mất lái, hơn là để mở đầu quyển Bốn như thế này].

Tính chất “xứng đáng” đó thể hiện trước hết ở chỗ tiếp bước vua cha, vua Thiệu Trị có chừng gần 4 chục người phối ngẫu chỉ tính những người có sinh con hoặc được ghi nhận trong thế phả, với chừng 29 hoàng tử cộng 35 công chúa [số liệu không hoàn toàn chính xác, ĐNTL chỉ ghi số hoàng nữ là 25, trong khi Wiki ghi đầy đủ tên tuổi 35 người]. Tiếp theo, tính chất “xứng đáng” thể hiện ở 7 năm cầm quyền không có gì đáng để được ghi lại, ngay cả trong ĐNTL đệ tam kỷ chính sử của triều Nguyễn, ngoài chuyện lo tang cha và Bắc tuần nhận sắc phong, toàn những chuyện mất đứt vài năm trời, “tốn tiền đến hàng bao nhiêu vạn..., chưa từng có bao giờ...”.



Từ ảnh cảnh VƯỜN THIẾU PHƯƠNG VÂN

Hình 1: Tranh cổ vườn Thiệu Phương (Wikipedia)

Liên quan đến việc lo tang cho vua cha, có câu chuyện ngoài lề mà ĐNTL kể: “giam 2 thầy thuốc là Hoàng Đức Hạ và Đặng Công Tuấn vào ngục; khi trước Thánh tổ Nhân hoàng đế yếu nặng, bọn Hạ chữa thuốc không có công hiệu, đưa xuống đình thần bàn xét đều nói là, [bọn Hạ] biết mà không nói là bất trung, dám tự theo ý mình là bất kính, tội bất trung và bất kính không gì to bằng, xin khép vào tội trăm giam hậu; quan khoa đạo là bọn Lưu Quỹ và Nguyễn Văn Chấn lại cho rằng tội của bọn Hạ chỉ là chữa thuốc không công hiệu mà thôi, không phải là có sự làm lỡ, không đáng khép vào tội nặng; vua phán rằng, bọn Hạ giữ việc chữa thuốc, thường thường gọi vào thăm bệnh, thì xem mạch hỏi bệnh trông khí sắc nghe tiếng nói không phải là không kỹ, kê dâng phương thuốc không phải là không hiểu, thế mà mỗi khi ta có chỉ hỏi thì cứ nói là có thể qua khỏi, câu nói lơ mờ như thế để nói dối ai chẳng, đình thần khép vào tội bất trung bất kính

thực đã xác đáng, nay khoa đạo lại cho là bốc thuốc không lầm để bệnh vực, nếu quả là bốc thuốc lầm thì khi ấy đã lập tức đem ra chính pháp rồi, và không những chỉ xử tội 1 thân 1 mạng bọn Hạ mà thôi, chứ còn để đâu đến ngày nay phải bàn luận lỗi thôi nữa; vua bèn chuẩn theo lời đình nghị, nhưng sau giảm xuống tội đưa lên làm việc đồn điền ở trên nguồn”. Cái nghề của “ban bảo vệ sức khỏe trung ương” này, đã hèn hạ lại còn bạc bẽo khó làm thật.

Liên quan đến việc Bắc tuần nhận sắc phong, cũng có câu chuyện ngoài lề khác mà ĐNTL kể, dài dòng 1 chút: [vua] dụ rằng, bang giao là việc lớn, người nước xa đến quan chiêm, chinh đồn quân sĩ phô bày binh uy chính là lúc này, trăm sẽ 1 phen duyệt cả các quân để làm cho uy thế của nước mạnh mẽ, các người đều nên kiểm soát sắp đặt tâu lên cho kịp biết ngay; lại dụ bộ Binh rằng, việc binh có thể trăm năm không dùng đến nhưng không thể 1 ngày không giảng tập, voi ngựa thuyền tàu đều quan hệ về binh chính, nên gồm duyệt cả, trăm sẽ thân tới xem...; vua bảo các đại thần ban võ rằng, giống Na tiên [tên giống voi] là vật các nước ở phương Nam có nhiều nhưng chỉ dùng để vận tải, nếu dùng vào việc binh thì bản tính nó bất thường nhiều khi làm hỏng việc; duy ở nước Đại Nam ta trải các đời dùng binh, nuôi voi đã rèn luyện được đúng phép; khi dàn trận ở đồng bằng có quân bộ giúp sức, có súng lớn đặt lên, hoặc cưỡi đi trước hoặc kéo xe đi sau, xông bên tả đánh bên hữu tới đâu cũng làm cho tan nát, xưa nay các nước dùng binh ít thấy như thế, cho nên chính sách dùng voi của bản triều là rất trọng, các nước đều khen ngợi muốn bắt chước mà không thể bằng được [không rõ các nước ở đây là những nước nào]; còn trận ngựa thì có 10 điều lợi, 1 đón giặc lúc mới đến, 2 thừa lúc giặc hư không, 3 theo quân giặc đánh bừa bọn, 4 đón giặc đánh đằng trước, 5 chặn giữ lương thực tuyệt đường đi của quân giặc, 6 phá các bến đồn huỷ bỏ cầu đập, 7 đánh úp khi giặc không phòng bị, đánh thành linh khi giặc chưa chấn chỉnh, 8 đánh lúc giặc trễ nải, thừa lúc giặc không ngờ, 9 đốt những chỗ chứa lương của giặc, 10 giẫm xéo nát ruộng nương làm hệ lụy cho con em của giặc, đó là những cái lợi của kỵ chiến; quân kỵ có thể rời ra tan ra, có thể tụ tập ở xa nghìn lý mà về tới chỉ bằng 100 lý, ra vào được luôn luôn cho nên gọi là quân ly hợp; khi xưa kỵ sĩ chỉ có cung tên là môn sở trường, nay thì có các súng điều sang tiêu sang gươm trường súng ngựa, công đánh phá giặc hơn biết chừng nào; và lại, người dùng binh giỏi không cần phải đánh, người đánh giỏi không cần phải bày trận; thế nhưng trời sinh ra ngũ hành, [việc] binh không thể bỏ được thì về phép đánh trận người làm tướng không nên không biết; trận có 4 thế ‘chính’ chuyển làm 4 thế ‘kỳ’; Thiên trận ở phương Càn gọi là cửa Thiên, Địa trận ở phương Khôn gọi là cửa Địa, Phong trận ở phương Tốn gọi là cửa Phong, Vân trận ở phương Khảm gọi là cửa Vân, Phi Long ở phương Chấn gọi là cửa Phi Long, Vũ Dực ở phương Đoài gọi là cửa Vũ Dực, Điều Tường ở phương Ly gọi là cửa Điều Tường, Xà Bàn ở phương Cấn gọi là cửa Xà Bàn; Thiên Địa Phong Vân là 4 cửa ‘chính’, Long Hồ Điều Xà là 4 cửa ‘kỳ’; Càn Khôn Cấn Tốn là cửa đóng, Khảm Ly Chấn Đoài là cửa mở, trong ngoài tiếp ứng thành một cái thể nương tựa; 4 ‘chính’ 4 ‘kỳ’ đó là bát trận nhưng cốt yếu lại chỉ ở 3; xưa vua Cao tông nhà Đường ngự điện Vũ Thành, hỏi nhà binh có 3 trận là thế nào, Viên Bán Thiên [1 tay nào đó] tiến nói, tôi nghe đời xưa theo các sao các ngày xấu tốt là thiên trận, theo sông núi đối diện hay quay lưng là địa trận, theo tổ chức các đội ngũ là nhân trận, nhưng tôi trộm cho là không phải thế; hành binh theo chính nghĩa như trận mưa quý hoá đổ xuống hợp với thiên trời ấy là thiên trận, đủ lương ăn ít tiêu phí vừa làm ruộng và chiến đấu hợp

với địa nghi ấy là địa trận, đem quân đi quân sĩ như con em đi theo cha anh được sự nhân hoà ấy là nhân trận, nếu bỏ những điều đó thì đánh thế nào được, vua Cao Tông khen là phải, đó tức là trận tam tài mà là cốt yếu của nhà binh; bọn Phạm Hữu Tâm, Mai Công Ngôn nghe vua nói xong, cúi đầu tạ xin chịu kém..., v.v. và v.v.”. Đám quan tướng như Phạm Hữu Tâm và Mai Công Ngôn, mặc dù đã già đời, trải trận mạc từ Gia Long tẩu quốc, chả đại đột gì mà cãi, mà cũng chẳng có lý lẽ gì mà cãi, chỉ tiếc rằng Đường Cao tông Viên Bán Thiên không đứng lên mà giành chiến thắng trong Chiến tranh Nha Phiến, và vua Thiệu Trị cũng không nhân đó mà đứng lên dạy cho thực dân Pháp lấy vài bài học.

Chuyện ngoài lề liên quan đến việc sắc phong khác mà ĐNTL kể như sau: “sứ Thanh là Bảo Thanh đến công quán Gia Thụy; Bảo Thanh từ khi qua cửa ải, phàm những chỗ sứ đi qua đều được tiếp đãi rất hậu, những nơi quán xá để sứ vào ở đều kết hoa treo đèn ở ngoài cửa; Thanh thấy đường sá sửa sang thành quách bền vững, quân dung nghiêm chỉnh dân cư đông vui, khen ngợi tấm tắc không dứt; khi vào tới công quán, Thanh hỏi Trần Văn Trung rằng, quán xá này sau khi làm lễ xong có còn để nguyên như cũ không, Trung đáp xong việc thì triệt bỏ đi ngay, Thanh nói như vậy há chẳng uống mất bao nhiêu công khó nhọc và phí tổn, Trung đem lời ấy về tâu, vua nói hấn thật là người chất phác”. Sứ “thiên triều” được coi là chất phác, vậy vua quan “phiên quốc” nên được coi là gì?



Tranh cổ cảnh THƯ VIỆN XUÂN QUANG

Hình 2: Tranh cổ vườn Xuân Quang (Wikipedia)

Thiệu Trị cũng thường được đánh giá cao về mặt thơ văn, “nổi tiếng là 1 vị vua thi sĩ”, đặc biệt là trong cái bối cảnh “bọn di địch nông cuồng” đang gây chiến với nhà Thanh. Oái oăm là cái “tài năng” này sớm bị ngôn quan can gián: “thự hình khoa cấp sự trung Giang Văn Hiến dâng lời tâu rằng, bệ hạ buổi đầu nối ngôi chinh tề mọi việc, lại gặp lúc có việc bang giao to tát công việc bề bộn, thế mà ham thích ngâm vịnh hết tập nọ lại thiên kia đêm khuya cũng không thôi; nay xin bệ hạ sau lúc muôn việc đã rồi, xem rộng kinh sử để tìm những nghĩa lý sâu xa, xét những chính

trị hay dở, noi cái học của Nghiêu Thuần Vũ Thang Văn Vũ, thi hành ra chính trị để cũng rộng lớn như các vua đời thịnh trị ấy, há chỉ làm thơ mà thôi ru”. Kể ra nhà vua cũng hiền lành, “trẫm mới coi lời tâu, cho rằng chức ngôn quan nói lên tất có mưu hay lời thẳng, đến khi duyệt kỹ lại thì là một bài nghị luận toàn không thiết đáng..., định bảo trẫm ham mê thơ văn mà bỏ nhãng chính trị à..., có lẽ muốn làm thầy của đế vương chăng..., những khi muôn việc đã rồi mượn bút ghi việc trước để tự nhắc nhở lấy sự siêng năng, há chẳng hơn là khi ấy đối tiếp với đàn bà và bọn hoạn quan ru...”. Giang Văn Hiến không bị tội tình phạt vạ gì, lại còn tiếp tục nhiều lần can ngăn này kia nọ khác, được thăng “quyền hình khoa chương án cấp sự trung”, bỏ “thực chương án ngự sử đạo kinh kỳ, xem xét cả công việc tôn nhân phủ”.

Ngoài ra, có lẽ 1 việc vua thường làm nhất là đổi tên các sông núi đình chùa để kiêng húy: chùa Quy Tông thành chùa Kim Sơn, chùa Viên Tông thành chùa Diệu Giác, chùa Hoa Nghiêm thành chùa Từ Quang, chùa Sùng Ân thành chùa Hoằng Ân, chùa Trấn Quốc thành chùa Trấn Bắc, điện Kính Thiên ở Thăng Long thành điện Long Thiên, núi Dục Thúy thành núi Hộ Thành, phủ Yên Ninh thành phủ Tương Yên, tỉnh Thanh Hoa thành tỉnh Thanh Hóa, núi Thúy Ba thành núi Thúy Vân, phố và cầu Đông Ba thành phố và cầu Đông Gia... Ngoài ra ĐNTL còn ghi chi tiết, cũng vì “đều là chữ húy phải kiêng nên đổi làm chữ khác” những thay đổi sau đây: “Lại đổi, đội Tài hoa làm đội Tài thụ, đội Hoa pháo làm đội Hoả pháo, sổ Hoa danh là sổ Anh danh, thợ Triền ti làm thợ Chức ty, thợ Hoa đăng làm thợ Lạp chúc, thợ Hồng ty hoa làm thợ Hồng ty, thợ Tuyền chuyên làm thợ Xế chuyên, thợ Triền chinh truy làm thợ Kết chinh truy, thợ Triền đao binh làm thợ Bao đao binh, thợ Ba ngân làm thợ Phương ngân”. Đây chỉ là những thợ thủ công làm các đồ lật vật phục vụ tế lễ, ĐNTL dùng chữ “lại đổi” có khi cũng có hàm ý trong đó rằng “vua đổi nhiều thứ quá” không chùng.

245 – Sở học của vua Thiệu Trị

ĐNTL đệ tam kỷ, tức là phần nói về thời kỳ 7 năm trị vì của vua Thiệu Trị, gồm những 72 quyển, hoàn thành năm 1879 dưới thời vua Tự Đức, các “tổng biên tập” sử quan trải từ Trương Đăng Quế tới Trần Tiễn Thành rồi Phan Thanh Giản, nằm trọn vẹn trong chừng 1200 trang của tập 6 bản dịch. Chẳng có nhiều chuyện để nói nhưng chắc là sử quan cũng phải cố kéo dài sao cho có đủ số quyển số trang số chữ coi cho được. Dưới đây liệt kê vài kỹ thuật để kéo dài bản văn:

- Những điều vua ban ra thì chép vào sử cho bằng hết, dù dài tới mức nào,
- Những việc lật vặt như làm lỗ bộ cũng liệt kê chi tiết từng thứ, mất cả trang,
- Vua “ban ơn” bao nhiêu điều, chi tiết từ cao tới thấp, từ trong ra ngoài, mấy trang,
- Thường tiền “có thứ bậc” là liệt kê chi tiết bậc nào bao nhiêu tiền, cả trang,
- Định “màu sắc mũ áo quan viên”, từ cao tới thấp chi tiết vài trang,
- Thăng chức và ban thưởng từng người, rất chi tiết rất nhiều lần, rất nhiều trang,
- Dâng đồ mừng đồ lễ các dịp cũng liệt kê bằng hết số lượng chủng loại,
- V.v. và v.v.

Hay ví dụ như những câu chuyện tào lao sau đây, mỗi chuyện cũng mất vài trang:

“Có người đem dâng vua cái nghiên mực cổ, đo theo thước bây giờ nghiên dài 7 tấc 8 phân, rộng 4 tấc 7 phân, dày 5 phân, chất rất bền chắc và nhuận my, cách pha chế có vẻ cổ kính mộc mạc, rõ hết là một tấm ngói âm dương, người ta nhân hình thể nó mà đục mài thành chỗ đựng nước chỗ mài mực; đầu nghiên có bài minh rằng, ‘kỳ sắc ôn nhuận / kỳ chế cổ phác / hà dĩ trí chi / thạch cừ bí các / cải phong tức mặc / lan đài liệt tước / vĩnh nghi bảo chi / thư hương thị thác’”. [Dịch nghĩa: sắc nghiên nhuận my / cách chế tạo cổ kính mộc mạc / đặt nghiên vào chỗ nào / vào gác thạch cừ kín đáo / đổi phong cho nghiên là tức mặc hầu / liệt vào quan tước ở lan đài / nên giữ làm của báu mãi mãi / dòng dõi văn học nhờ ở đó].

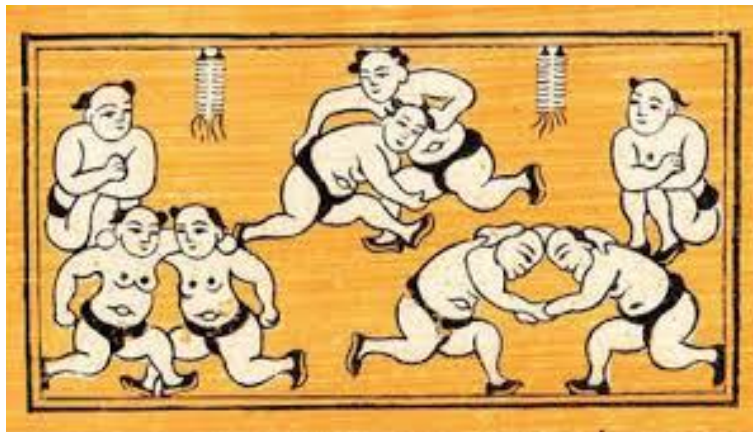
ĐNTL viết tiếp, “sau những câu đó viết 2 chữ ‘tô thức’, khắc 2 cái ấn nhỏ có những chữ ‘kỳ trân’ và ‘tàng bảo’, lưng nghiên khắc 1 ấn to có chữ ‘thạch cừ các ngoã’ [viên ngói ở gác Thạch Cừ], lạc khoản đề, ‘nguyên phù tam niên trọng thu nhật chế’ [ngày trong tháng trọng thu, tức tháng 8, năm Nguyên Phù thứ ba, tức năm 1100, làm ra]; vua sai đem trình lên chỗ vua ngự, bảo nội các rằng, đây là cái nghiên cổ Thạch Cừ, gác Thạch Cừ nguyên từ Tiêu Hà đời Hán dựng ra để chứa sử sách và bản đồ, đến Tuyên đế năm Cam Lộ thứ 3 [là năm 51 trước Công nguyên] họp các nhà Nho giảng Ngũ kinh, tức là ở chỗ gác ấy; từ năm Cam Lộ thứ 3 đến năm Nguyên Phù thứ 3 đời Tống Triết Tông, Tô Thức được viên ngói ở gác ấy đem mài thành cái nghiên, tính ra gồm 1.149 năm, trải đến bây giờ lại hơn 740 năm nữa; vậy thì cái nghiên này xuất hiện từ đời Hán thành hình ở đời Tống mà trình tiến ở ngày nay, thật là một vật quý báu của làng văn; đời trước với sau hơn 2 ngàn năm mà nghiên này cùng xuất hiện vào lúc văn minh thịnh trị, há chẳng phải là vật quý báu được trời đất trân trọng giữ kín, phải đợi thời rồi mới trình bày, mà do trọng đạo sùng văn, đời dẫu khác nhưng của báu chung tự có cái cơ duyên cùng hợp hay sao; Âu

Dương Tu [1 tay Nho sĩ nào đó thời Tống] có nói, vật thường đến với người biết ưa thích, chính là nghĩa thế; vua lại nói, trong ngoã nghiên phả [sách chép các điển tích nghiên ngói] có chép rằng, chỗ di chỉ đài đồng tước [của Tào Tháo xây dựng, nhân bắt được con chim sẻ bằng đồng trong khi dựng nền nên đặt tên thế] nhà Ngụy người ta chứa được nhiều ngói cổ đem mài thành nghiên rất khéo, dựng nước đến vài ngày không khô; đời truyền rằng khi xưa dựng đài này, sai thợ gốm làm bùn thật sạch lấy vải thưa lọc bùn rồi cho thêm dầu hồ đào vào, trộn để nặn cho nên khác hẳn với ngói thường; nay xem cái nghiên này là di tích ở Thạch Cù thì ngói đài Đồng Tước há có thể sánh kịp cái vẻ cổ kính chất phác của nó được sao”. Kể ra thì với 90% dân số mù chữ, cái nghiên mực quả là 1 thứ quá xa xỉ...

Tiếp nữa ĐNTL kể, “vua ra ngự nhà Lương Đình câu cá, bảo thị thần rằng Hoài Nam tử [lại 1 tay nào đó nữa], có nói thánh nhân lấy đạo đức làm cần câu dây câu, lấy nhân nghĩa làm lưỡi câu mỗi nhử, ném tung ra trong khoảng trời đất thì phạm vạn vật cái gì mà chẳng có; bày thiên hạ để làm lồng, nhân sông Giang sông Hoài để làm lưới còn mất cá mất chim sao được; cho nên tên bắn không bằng thứ tên có buộc dây, tên có buộc dây không bằng lưới, lưới không bằng vật vô hình, ấy cũng là cái nghĩa đánh cá câu cá đó”. Quả là 1 thứ triết học gồm thâm thiên hạ vào tay mình.

Ở 1 đoạn khác ĐNTL kể: “bọn Phạm Khắc Trạch, quan tỉnh Cao Bằng, dâng con xạ hương còn sống, vệ úy Trình Văn Châu bắt sống được con vật ấy; vua nói rằng, mặc ha bà già sao mà đến đây [sách nhà Phật gọi xạ hương là Mặc ha bà già], há chỉ 1 núi Thương Nhữ có vật này [sách cổ nói giống xạ sán ở núi ‘Thương Nhữ’, bây giờ chả biết là núi nào ở đâu], ở Lạng Sơn Cao Bằng cũng có nhiều; xạ là vật tầm thường thôi nhưng bắt sống được thì cũng hiếm, đáng thưởng cho; nhân đó bảo thị thần rằng, chỗ nào xạ hương ở tụ thì có cây không mọc được, người ta đeo hương ấy vào vườn tược, hễ thấy dưa không đậu quả được thì nghiệm biết là xạ thực; giống xạ vì có hương thơm mà đưa đến người bắn, cũng như hồ báo vì có vằn đẹp mà đưa đến người săn, cho nên chữ ‘xạ’ ấy viết theo chữ ‘lộc’ và chữ ‘xạ’ [chữ ‘lộc’ tức con hươu ở trên, chữ ‘xạ’ tức bắn ở dưới]; trong bài phú của Ngô Quân [lại 1 tay nào đó nữa] có câu, xạ mang hương mà mua hại vào mình, khi khoe khéo để khiến nên bị bắn, đáng thương thay; vua lại nói hương xạ có 3 thứ, thứ nhất là hương lúc còn sống gọi là ‘di hương’, là thứ hương con xạ tự bốc bỏ ra nhưng rất khó kiếm được thứ ấy, giá nó đắt bằng ngọc minh châu, thứ 2 là hương ở rốn là thứ hương khi người ta bắt được con xạ giết đi rồi lấy, thứ 3 là hương kết trong bụng là thứ hương khi xạ bị con thú lớn đuổi bắt, sợ hãi cuống cuống ngã chết, người ta tình cờ bắt được mở bụng nó thấy trên lá lách có 1 khối huyết khô tức là hương ở đó; xưa có người ở Kinh Sơn đuổi bắt con xạ, xạ vội bốc rốn của mình lấy khối hương ném vào bụi cỏ, người đuổi xạ chạy xô đến nhặt, con xạ nhân thế trốn thoát được; lệnh doãn Tử Văn [lại 1 tay nào đó nữa, tất nhiên toàn là người nước China] nghe chuyện ấy nói rằng, ấy là con thú đó mà người có kẻ không bằng nó, vì của cải để đến mất cả thân và nhà, sao trí khôn họ lại thua con xạ thế nhỉ; câu nói ấy có thú vị sâu xa, đáng làm cho kẻ khư khư giữ của nên mau tỉnh ngộ”. Thứ triết học này là dành cho kẻ dưới, khác với thứ triết học bên trên dành cho bậc con trời.

ĐNTL còn kể, hóa ra là chính vua Thiệu Trị “cấm dân gian đánh vật”. Đầu đuôi câu chuyện chỉ là “dân huyện Thượng Nguyên tỉnh Nam Định đặt trường đánh vật làm trò vui, có tên Trần Đình Ngạn lão luyện về nghề ấy người làng đón về làm thầy; Ngạn dạy tên đồ đệ Nguyễn Văn Tú sai tập cái thế ‘đánh miếng dưới’, Ngạn đứng 1 chỗ giữ miếng để bảo cách tập, Tú tay tả bá lấy cổ Ngạn tay hữu nắm lấy khó Ngạn xô đi kéo lại không để yên, xảy chạm vào tường đất tường đổ xuống Ngạn bị chết bẹp”, vậy thôi. Chuyện trở nên phức tạp chỉ vì các quan địa phương không giải quyết được: “án sát Lê Phác chiếu theo điều luật ‘đua giết người’ xử Tú tội giảo, hộ đốc Hà Thúc Lương đối theo điều luật ‘làm lờ giết người’ cho chuộc tội; vua nói, Ngạn chết vì nghề, Tú làm thầy chết, chơi đùa thành sự thực tình nhẹ nhưng mạng trọng ty án sát định tội như thế là phải, song vì chơi đùa mà không phải cố ý tình cũng đáng thương, vậy chuẩn cho xử giảo giam hậu, đợi đến kỳ xét án mùa thu cho liệt vào danh sách những tội đáng thương đáng ngờ; vả, đánh vật là 1 thói hủ lậu của dân gian gây hại không phải là ít, từ nay cấm chỉ vĩnh viễn, kẻ nào không theo sẽ trị tội nặng”. Cái gọi là “tinh thần thượng võ”, nếu có cũng chỉ nhỏ nhoi đến nay lại còn bị cấm tiệt.



Hình 3: Đấu vật - tranh dân gian Đông Hồ

Điều quan tâm có vẻ hơi đặc biệt của vua Thiệu Trị là kiêng húy [người khác cũng quan tâm nhưng có vẻ vua Thiệu Trị quan tâm nhiều hơn, hoặc ĐNTL vì cần chạy theo số trang nên kể nhiều lần hơn và chi tiết hơn]. ĐNTL kể: “thực vệ úy vệ Kim ngô Tôn Thất Mậu và nội các học sĩ Nguyễn Bá Nghi tâu rằng, 2 chữ tên ngự cùng phải tôn kính; năm ngoái bộ Lễ làm tập nghị tâu về tên ngự, 1 chữ trên không thấy nói đến”. Tên của vua Thiệu Trị, nói đúng kiểu nhà Nho là “thượng Miên, hạ Tông”, vậy “1 chữ trên” đề cập ở đây là chữ Miên 綿.

“Xét về triều Thanh 2 chữ tên vua đều phải kiêng tránh: Thế tổ Hiến hoàng đế tên là Dận Chân, chữ dưới [Chân] cấm chỉ không được dùng, chữ trên [Dận, nếu dùng thì phải] đổi làm chữ Doãn, Cao tông Thuần hoàng đế tên là Hoảng Lịch, chữ dưới [Lịch] cấm chỉ, chữ trên [Hoảng, nếu dùng thì phải] đổi làm chữ Hoàn, anh em cùng hàng miễn đổi tên nhưng viết bớt 1 nét, vậy xin sắc xuống cho bộ bàn kỹ lại; vua phê rằng nói hợp lý, cho giao bộ Lễ bàn kỹ tâu lên”. Nên nhớ đây không phải là lần đầu bàn về việc kiêng chữ húy. Bàn kỹ rồi mà vẫn còn bỏ sót, hoặc là lần

bàn sau luôn luôn mở rộng hơn so với lần bàn trước đó, phạm vi kiêng tránh ngày càng rộng, thế mới có chuyện mà bàn.

“Bộ Lễ phúc tâu lời nghị, tên ngự 1 chữ trên, gặp khi đọc đến thì đọc là Mân, gặp khi viết văn thì tùy nghĩa câu văn đổi dùng chữ khác, như về nghĩa ‘lâu dài’ thì đổi dùng chữ Diên 延, về nghĩa đồ mặc thì đổi dùng chữ Miên 綿 [viết tả Mộc 木 hữu Bạch 帛 là cây bông, là do chỗ chữ Miên trong tên của vua Thiệu Trị, cũng là Miên nhưng viết 綿 tả Mịch 糸 hữu Bạch 帛, có các nghĩa tơ tằm / lâu dài / mềm mại].

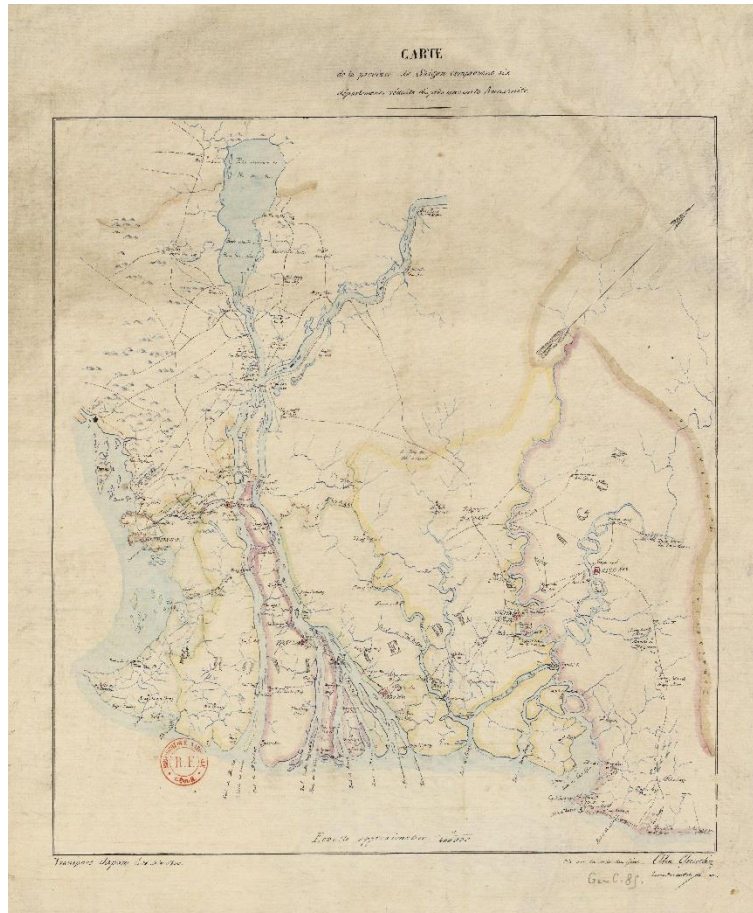
“Tên người tên đất không được mạo dùng chữ ấy, duy tên các hoàng đế [gần trăm người hiển nhiên tên do vua cha đặt toàn là thượng chữ Miên] thì miễn đổi nhưng phải viết bớt 1 nét [nét giữa, thành chữ Miên 綿]; về 1 chữ dưới [Tông 宗], nếu gặp khi kính viết huy hiệu các miếu cùng là lễ tế Giao tế Miếu hay sắc chỉ sắc văn có thể đến miếu của đế vương các đời đều theo đúng chữ viết y nguyên, nếu gặp khi viết văn dùng đến thành ngữ hoặc miếu hiệu các đế vương Nam Bắc triều đều viết bớt đi 1 nét, tám biển đề ‘miếu vua Lê Thánh Tông’ thì đổi là ‘miếu vua Lê Hồng Đức’ [về sau tất tần tât những Thái tông Nhân tông Văn tông đều bị đổi thành tôn hết, kể cả Nùng Tông Dân]; Tông nhân phủ thì đổi là Tôn nhân phủ, những chữ ‘Tông’ về Tông nhân lệnh, tả hữu Tông chánh, tả hữu Tông nhân, tả hữu Tông khanh và Tông thần Tông thất Tông sinh Tông bồng đều đổi là chữ ‘Tôn’ cả; mặt thẻ bài của các hạng thị vệ ở Tôn nhân đều cho khắc lại cả; sau đây nếu có phụng mệnh làm tập ngọc điệp, gặp chữ ‘Tông’ đều bỏ bớt đi 1 nét; chữ đã khắc ở tám biển hay trên cửa Tông nhân phủ đều đổi làm chữ Tôn, chữ trong bài vị thần ở các đền miếu viết từ trước đây thì không phải viết lại, còn những chữ có 1 bên hay 1 phần giống những chữ tên ngự như chữ Miên cây bông chữ Sùng thì kính để thiếu 1 nét, chữ gần giống tên ngự thì không được viết nét chấm ở 2 bên; xin lục đưa đi trong kinh ngoài tỉnh để hết thấy đều tuân theo”. Rất phức tạp phiền toái một mội...

“Vua mở xem kỹ lưỡng, dụ rằng lời bàn còn có 1 vài chỗ chưa được tường tât, thí dụ như cùng 1 chữ ấy mà hoặc xin viết y nguyên hoặc xin bớt nét hoặc xin tùy nghĩa câu văn đổi dùng, bàn không nhất trí sợ người không biết chỗ theo, đó không phải là cái ý đặt pháp lệnh khiến người dễ tránh; nay chuẩn định, phạm dùng về giao miếu và soạn ngọc điệp thực lục về liệt thánh mà gặp huy hiệu các miếu đều viết y nguyên, còn như miếu hiệu đế vương các đời sắc thần bài vị thần trừ ra từ trước đã làm và cấp hay nguyên trước đã làm đều cứ để như cũ, còn từ sau này cấp thêm sắc chỉ sắc văn và sổ sách của các quan chức trong có viết đến huy hiệu các miếu cùng là trong ngọc điệp thực lục gặp có tên người phải viết rõ, hay khi viết văn nếu có gặp huy hiệu liệt thánh cũng chuẩn cho đều viết bớt 1 nét; đến như viết văn nếu dùng về chữ miếu hiệu đế vương các đời trước ở nước Nam và Bắc triều, hay nhất thiết những chữ trong văn chương thường dùng, đều cho tùy nghĩa văn hoặc đổi làm chữ Tôn hoặc dùng chữ khác, chứ không được viết bớt nét như trước; ngoài những điều đó, y theo lời bộ nghị thi hành”.

Tuy linh tinh như vậy nhưng dù sao, Thiệu Trị cũng không phải là hạng tàn ác hay bán nước cầu vinh, chỉ là được giáo dục quá chu đáo mà đầu óc lậm toàn những Âu Dương Tu Hoài Nam tử này nọ...

246 – Chuyện Việt Miên Xiêm

Số 246 này có thể coi là phần tiếp theo của số [226 – Chiến tranh Việt – Xiêm] hay của số [241 – Chiếm đóng Chân Lạp lần 1], hay là của cả 2 số đó.



Hình 4: Bản đồ Nam Kỳ và Cao Miên, người Pháp vẽ lại theo bản đồ Việt năm 1860 (Wikipedia)

Vua Minh Mạng từng mong ước vỗ yên xứ Trấn Tây, “việc gian nan to lớn ấy, thà rằng ở đời ta, chớ nên ở đời con cháu ta”. Điều mong ước không thành đó đã trở thành nỗi ám ảnh dai dẳng gần hết thời gian ở ngôi của đời vua kế tiếp. Cũng may vua kế tiếp Thiệu Trị còn kịp chứng kiến điều mà nhà vua và triều đình tự hoan hỉ coi là “võ công cáo thành” với rất nhiều thủ tục báo công rườm rà và ban thưởng hậu hĩ. ĐNTL thuật lại lời vua “thân dụ” như sau, lời tổng kết súc tích của 1 góc nhìn rất chủ quan:

Mở đầu, “cõi xa ở phía tây nam, đời cổ gọi là Thủy Chân Lạp [và] Lục Chân Lạp, sau hợp làm 1 nước Cao Miên, truyền đến 12 đời đều làm tôi thờ bản triều, hậu gia vun trồng cho không việc gì là không chu đáo; huống chi khi nước Xiêm La ăn hiếp thì đuổi đi cho, khi nước Đồ Bà lại xâm lấn và những khi các tù trưởng người Mên đến Nam Kỳ nương tựa, thì các tiên đế ta rộng ra ơn huệ, xây dựng lại cho và tỏ được cái đức vỗ yên các nước nhỏ”.

Cũng là 1 góc nhìn có vẻ có chiều sâu lịch sử nhưng rõ là quá lố ngạo mạn. Vua Cao Miên bị gọi là “tù trưởng người Mên” trong khi các bộ tộc Jarai “không có văn tự” thì lại được coi là các “nước” Hỏa Xá và Thủy Xá có “vua” ngồi trên giường tre mà cai trị.

Tiếp theo, “rời đến Nặc Ong Chấn 1 lòng kính thuận nghìn dặm lặn suối trèo non, hoàng tử thế tử Cao hoàng đế ta phong cho làm Cao Miên quốc vương, đời giữ chức công; năm Gia Long Tân Mùi [1811] nước Xiêm La lại cậy mạnh hiệp yếu, Ong Chấn sợ chạy đến nương náu ở tỉnh Gia Định, mang cái roi đến xin chịu tội, ngâm cỏ cầu ơn; hoàng tử ta sai thượng thư bộ Binh Ngô Nhân Tĩnh đem vạn quân đến sát côi, truyền hịch đầy lùi được người Xiêm, Ong Chấn lại trở về nước cũ; năm Minh Mệnh Quý Tỵ [1833], người Xiêm La 3 lần lại xua đuổi, Ong Chấn bèn ba đến tỉnh Vĩnh Long chiếc thân nương tựa; hoàng khảo thánh tổ Nhân hoàng đế ta sai bọn binh khẩu tướng quân Lương Tài hầu Trần Văn Năng đánh tan người Xiêm La, đón phiên vương về nước”.

Quả thật chỉ có vua Cao Miên Udayaraja IV, cũng gọi Outey Reachea III hay Ang Chan II, ĐNTL gọi Nặc Ong Chấn là phiên âm từ Ang Chan II mà ra, là 1 hiện tượng lạ của lịch sử Cao Miên về việc thần phục vua Việt. Có thể điều này đã bắt nguồn từ thời thơ ấu phải làm con tin bên Bangkok, khi vua cha mất mới lên 6 tuổi phải chịu sự nhiếp chính của người Xiêm, 1 Mr. Pok nào đó, cho đến khi người này chết mới được lên ngôi chính thức.

Tiếp theo, “chưa bao lâu Ong Chấn chết, chỉ có con gái là Ngọc Vân lên nối ngôi nhưng không thể trông coi được việc nước, liêu thuộc phiên xin mệnh lệnh ở triều đình, được đội ơn vua phong Ngọc Vân làm Cao Miên quận chúa để giữ lấy cơ nghiệp, rồi sai Trương Minh Giảng lưu trấn đất ấy để vỗ về dân Mên; các con gái phiên vương cũng đều được phong làm huyện quân, các người phiên mục cũng đều được bổ cho quan chức; liêu thuộc phiên lại xin đổi thổ quan mà bổ lưu quan đến, nhân đó đặt tên là thành Trấn Tây; khi ấy đã không có nước Cao Miên rồi, mới đổi phong Ngọc Vân là Mỹ Lâm quận chúa, ân trạch của triều đình chu chuân biết là chừng nào”.

Có 1 sự thừa nhận ở đây, mặc dù vót vát “liêu thuộc phiên lại xin đổi”, rằng sau khi “sai Trương Minh Giảng lưu trấn đất ấy” thì “khi ấy đã không có nước Cao Miên rồi”, Cao Miên quận chúa được đổi phong thành Mỹ Lâm quận chúa. Sự tình nghe có vẻ đơn giản nhưng là xóa tên 1 nước trên bản đồ thế giới.

Ở 1 khía cạnh khác, lẽ ra ngôi vua hoàn toàn có thể được truyền từ anh sang em, nhưng ở đây, chỉ vì những người em trai đang ở Xiêm và người con gái trưởng cũng được coi là gắn bó với phía Xiêm, chỉ có người con gái thứ Ang Mei Ngọc Vân được sử dụng.

Tiếp theo, “thế mà quan ngoài biên là Trương Minh Giảng và Dương Văn Phong lại chấp nhặt những việc nhỏ trong tờ thư để lại, gây ra mối hiềm khích; không ngờ cái tính cầm thú khó dạy, cái thói rợ mọi hung tợn cần trả lại [nặng lời quá], đưa đến chỗ mở cửa rước giặc, cùng bọn giặc Xiêm dựa dẫm nhau; năm Canh Tý [1840] sinh sự ở chốn biên thủy, giờ giáo can phạm mệnh lệnh, chợt lại xảy ra việc to; vừa lúc ta mới lên ngôi, đức hoá chưa ban ân uy chưa khắp, ngoài

thì người Chân Lạp chưa bị tội cứ nấp quân nơi bụi rậm, trong thì phủ Ba Xuyên, phủ Lạc Hoá, bắt chước mà để quân trong rừng; sợ hãi khôn xiết, ta tự xét mình để trừ tính công việc, kíp lo toan công việc ngoài biên; bọn Minh Giảng giữ không 1 chỗ đất hoang, không biết làm thế nào dâng sớ tự kể tội mình xin rút quân về; việc giao xuống cho đình thần bàn, họ đều nói hãy tạm cho yên, xin triệt quân về để nghỉ ngơi; ta nghĩ, làm việc khó trước phải tính việc dễ, yên mình rồi mới lo đến người, 2 phủ Ba Xuyên Lạc Hoá thứ đệ dẹp yên, nước Chân Lạp thành Trấn Tây lại mở mang ra cũng chưa lấy gì làm muộn; hãy tạm y lời xin triệt quân ở An Giang về, rồi lại trừ tính sẽ bàn”.

Trương Minh Giảng vốn được vua cha Minh Mạng coi là đệ nhất danh tướng công thần trong cuộc chiến trước đó, bên trong dẹp loạn Nguyễn Hựu Khôi bên ngoài chặn quân Xiêm xâm lấn, đột ngột bị vua con Thiệu Trị coi là tội đồ trong 1 vấn đề ngoại giao và chính trị. “Việc nhỏ trong tờ thư để lại”, Ngọc Biện là chị cả của Ngọc Vân bị xử tội chết, dẫn đến việc lớn “thổ biến thổ dân thành Trấn Tây làm phản” đã được đề cập trong ĐLSC số 241.

Vụ án Ngọc Biện đã từng được ĐNTL tập 5 mô tả về việc bắt được người và thư, cả nội dung thư nói gì..., rất hợp lý. Đột nhiên về sau, khi mà thái độ của vua sau đối với Trương Minh Giảng thay đổi, câu chuyện bỗng trở thành “án của Ngọc Biện khi trước do Dương Quan Thảo thêu dệt ra Dương Văn Phong khép buộc vào, Trương Minh Giảng không chịu xét đến căn nguyên, nhất vị y theo để cho được Ngọc Biện phải chịu oan, bọn thổ dân tức giận, việc biến loạn ở Trấn Tây ngày nay chính là do án ấy khêu gọi ra vậy”. Cũng lòng lẫy và ản bóng với Trương Minh Giảng nhưng khi được vua Thiệu Trị hỏi tới thì Trấn Tây bang biện đại thần Doãn Uẩn “thưa rằng thần không dự biết án ấy, chỉ nghe thấy Lê Văn Đức có nói, Ngọc Biện chịu ơn triều đình rất hậu, có gì lại mưu trốn đi, tình cũng đáng ngờ...”. Cái “tình” của các quan này với nhau mới là cái đáng ngờ.

Kết cục của Trương Minh Giảng, “tháng 9 [âm năm 1841], quan quân ở Trấn Tây rút về đóng giữ ở tỉnh An Giang, ngày hôm ấy Trương Minh Giảng chết; trước đây, công việc sửa sang ở Trấn Tây công của Minh Giảng nhiều hơn cả; đến đây rút quân về trong lòng uất ức, vừa xấu hổ vừa tức bực căo ôm không tiếp các tướng hiệu, về đến An Giang thì chết”.

Tiếp theo “năm Thiệu Trị thứ 2 Nhâm Dần [1842], giặc Xiêm dám bằng đường thủy vào cướp tỉnh Hà Tiên, bằng đường bộ lại lấn khu vực sông Vĩnh Tế; ta sai Anh dũng tướng Đoàn Văn Sách bắn lui được đường thủy, tỉnh Hà Tiên được thanh bình, sai Hùng dũng tướng Nguyễn Công Nhà đánh giết ở đường bộ, nơi Vĩnh Tế được yên ổn”. Lời văn biên ngẫu 1 cách gượng gạo, có lẽ để lảng tránh 1 khoảng thời gian dài từ 1842 đến 1845 loanh quanh lúng túng giảng co “lấy thì không khó nhưng giữ được thì khó”.

Đoạn tiếp theo của trong lời dụ của vị vua có tiếng là “uyên nho” và văn hay chữ tốt này rất lung củng [có thể là lỗi dịch thuật chẳng, vì chưa tham khảo bản gốc, nhưng có lẽ hợp lý hơn là vì quá lên gân cho 1 thắng lợi]: “năm Thiệu Trị thứ 5 Ất Tỵ [1845] đất Tây Ninh đợi nhà vua đến, đem lòng thực hướng theo đức hoá; nhân cơ hội này ta mới cất quân đánh nước địch, bèn cho đô

thống phủ đô thống Hậu quân Vũ Văn Giải lĩnh tổng đốc Định-Biên điều khiển quân cơ, phát ngay lính thú tỉnh An Giang; sai tuần phủ Doãn Uẩn và chương đề tiêu Nguyễn Văn Hoàng, lãnh binh Nguyễn Công Nhân chia làm 3 đường cắt quân đánh dẹp; 3 trận được luôn, các đồn Ba Nam Vĩnh Bích Đàm Luỹ Sách Sô quân uy lừng lẫy; nhưng địa thế rất rộng rãi đồn Thiết Thăng là nơi ách yếu, quan quân đánh dẹp loanh quanh; thiên thời thực không thể dễ lấy, nắm được thắng toán triều đình cương quyết định đoạt, chỗ sa mạc đã chiếm được địa lợi, đón đưa cơm rượu lại được nhân hoà, tức thì phi dụ giục tổng đốc An-Hà Nguyễn Tri Phương, lại truyền chỉ phái đề đốc Vĩnh Long Tôn Thất Nghi, hợp với các đạo quân để tiến công, quyết không trận nào là không được; 1 dải đồn Trường Luỹ, Lạp Mên đào hào sâu để giữ vững ngang sông, đồn Thiết Thăng giặc Xiêm dựa nơi hiểm để đóng quân; quan quân ra sức mạnh, tướng sĩ cùng cầm thù, thuyền bè như xâu cá đàn chim, súng ống sấm vang muôn dặm, quân ngũ như đàn ve hàng nhận, tinh kỳ mây phủ nghìn non; 1 trận đập tan ruổi sang phương Bắc, 3 quân đánh phá bình ngay Trấn Tây; lập tức cho Vũ Văn Giải làm phủ biên tướng quân đổi thắng đô thống phủ đô thống Tiền quân tiết chế cả toàn hạt Trấn Tây, lại cho Nguyễn Tri Phương làm khâm sai đại thần thụ hiệp biện đại học sĩ tụy phủ Trấn Tây biên vụ, lại cho Doãn Uẩn làm tham tán đại thần thụ thượng thư bộ Binh hội bàn đề dẹp yên công việc Trấn Tây, lại cho Nguyễn Văn Hoàng thụ đề đốc An Giang trú phòng bang biện quân vụ ở Trấn Tây, lại cho thêm tổng đốc Định-Biên Lê Văn Phú làm tổng thống tiểu phủ quân vụ đến ngay hội bàn tụy cơ tiểu phủ”.

Sở trường của nhà vua có lẽ chỉ ở những bài thơ vịnh cảnh hay diễn tích, theo kiểu “cao lầu thắng thưởng, quảng hạ đàm văn” hay “vũ giang thắng tích, tiên động phương tung”, hay những bài minh khắc trên những súng đồng “đại tướng quân”, “thượng tướng quân” nặng nhiều tấn [bắn không được] mà thôi. “Đạo quân lớn như mây kéo đến tiến đóng Vĩnh Long, đánh 4 mặt như sao từng hàng thọc vào sào huyệt; đến gần đất Ô Đông là nơi thành giặc tụ họp, người Xiêm Lạp phải sợ nên giặc Hồ rã tan; hàng muôn sĩ tốt đều đầu hàng, mở lưới 3 mặt không trệ những người bị ép theo, đại đầu mục giặc Xiêm Phi Nhã Chất Tri sợ lưới trời khó trốn, đến cửa quân kêu van xin lỗi, tù trưởng Mên Sá Ong Giun em ruột Nặc Chấn, đón quân nhà vua mà phủ phục, dẫn liêu thuộc thú tội về hàng, dâng tờ biểu xin làm tôi, sai sứ nộp lễ cống; tướng quân lên trưởng thu nhận những thư xin hàng; tờ lộ bố trạm truyền đi, thỉnh cầu thay cho để xin sắc chỉ”.

Rồi “thương anh em người và những người thân cận về dòng dõi Mên, triều đình không hám lợi vì thổ địa nhân dân, đánh dẹp để yên lương dân mà trừ kẻ tàn bạo, cắt quân nhân nghĩa, yêu mến người xa; nhà Hán lên đài Thuyền Vu vốn không phải tính đường báo phục, nhà Đường lược đất Cao Ly nguyên không phải ở chỗ có hay không; sợ uy mến đức mà lại châu đổi lỗi sửa mình mà hướng hoá, kéo quân về để cho dân yên chẵn chiếu, không đánh mà khuất phục được người; chuẩn cho sứ bộ tiến kinh, xét lòng thành thực có thể cho tập phong, mới theo lễ chế cũ, sai tuyên phong Ong Giun làm Cao Miên quốc vương truy niệm nghiệp nhà, lại nguyên phong Ngọc Vân làm Cao Miên quận chúa; nước người dựng lại, trả cả thổ địa nhân dân, phiên thuộc phong cho vào hàng ‘yên hoang hậu diện’; làm việc nghĩa dựng lại 1 nước đã mất, ra cái ơn nối lại tôn ti không còn, lâu giữ cõi xa kính dâng lễ cống; mới xuống chiếu kéo quân về tàu khúc nhạc khai hoàn, mở tiệc rượu mừng để ghi chép công trạng”.

Trang mạng ‘royalark’, 1 trang chuyên về các phả hệ hoàng gia, ghi rằng Ang Duong II, tức Ong Giun, crowned at a simultaneous ceremony under the joint auspices of Vietnam and Siam at Bangkok, Siam, 7th March 1848, đăng quang tại 1 buổi lễ dưới sự bảo trợ chung của Việt và Xiêm tại Bangkok, Xiêm, 07/03/1848. Ở Bangkok thì chắc chắn vai trò của đại diện phía Việt cũng chỉ mờ nhạt, chứ không như những lời có cánh của vua Thiệu Trị.

Nói thêm về Phi Nhã Chất Tri: Tên thật là Sing Sinhaseni [chứ không phải là Bodindecha cũng chỉ là tước hiệu], là 1 người đã gắn bó với Rama III từ trước khi vị vua này lên ngôi 1824. Trong cuộc nổi dậy của vua nước Vạn Tượng Anouvong, ĐLSC số 218, Sing Sinhaseni giữ vai trò quan trọng về phía Xiêm nhưng không thành công cho lắm, mặc dù cuối cùng cũng diệt được Anouvong và được vinh thăng “Chao Phraya Chakri Bodindecha”, ĐNTL gọi là “Phi Nhã Chất Tri”, trích xuất từ Phraya Chakri.

Ở góc độ của người Cao Miên, sứ mệnh của Phi Nhã Chất Tri Sing Sinhaseni đưa Nặc Ong Giun lên ngôi vua Cao Miên là chính đáng và mặc dù gian khổ nhưng đã thành công.

247 – Vua Thiệu Trị và các thừa sai

Những đoạn liên quan đến vua Thiệu Trị và các thừa sai được ghi lại trong ĐNTL:

Tháng Ba nhuận 11 năm 1841, “bắt được người đạo trưởng của Tây dương tên là Vọng, đóng cũi đưa về Kinh sư; Vọng, người nước Pha Nho [Tây Ban Nha] tên là Đê-du-ni-mô, mấy năm về trước sang ở Nam Định đổi tên là Vọng, giảng dạy tà giáo, bọn tiểu dân nhiều người bị lừa gạt mê hoặc; triều đình đã treo giải thưởng cho người nào bắt được tên đạo trưởng ấy, nhưng bọn ngu dân hòa nhau chứa chấp giấu giếm nên bắt mãi không được; đến đây, tên đạo trưởng này cùng với đồ đảng trốn ẩn ở nhà dân tỉnh Ninh Bình, tổng đốc Định-Yên Trịnh Quang Khanh được tin báo, thân đem quân lính và mật tư cho hộ tuần Ninh Bình Nguyễn Văn Nhị hội đồng vây bắt, bắt được cả đồ đảng là tên Khu Phong người Phú Lãng Sa và kinh sách, đồ dùng của bên đạo; các phạm nhân Tây dương ấy giao xuống quan pháp xử tội trăm bêu đầu; khi kết án xong, vua truyền cho hầy tạm giam giữ lại”.

Đây là chuyện về Giám mục Jerónimo Hermosilla, Giám quản Giáo phận Đông Đàng Ngoài, tên tiếng Việt là Vọng nhưng cũng còn những tên khác như Liêm, Tuấn..., là người từng bị truy nã gắt gao dưới thời vua Minh Mạng. Lần này, triều đình và do đó ĐNTL tưởng lầm là đã bắt được Giám mục Vọng nhưng không phải, đạo trưởng Vọng người nước Pha Nho và đồ đảng tên Khu Phong người Phú Lãng Sa thực ra là 2 vị thừa sai người Pháp, 1 người tên là Siméon-François Berneux Nhân, về sau sẽ tử đạo ở Triều Tiên vào năm 1866, và 1 người tên là Galy Lý. Sự nhầm lẫn này chưa rõ bắt nguồn từ đâu nhưng thực tế, phải 2 ngày sau Đức cha Vọng mới tới nơi đã xảy ra cuộc bố ráp. Nguồn tin cho cuộc bố ráp này chính là từ 1 giáo dân nên khó có chuyện nhầm lẫn. Nhiều khả năng hơn là sự nhập nhằng để tăng công của đám quan lại triều đình, có thể là của chính Trịnh Quang Khanh, 1 tay có vẻ mẫn cán nhưng cũng có nhiều điều tiếng.

Vụ việc này đã góp phần tạo ra 1 vị thánh, là thánh nữ duy nhất trong số Thánh Tử Đạo Việt, Thánh Agnes Lê Thị Thành, còn được gọi là bà Đê theo tên của người con đầu, là người đã cam chịu chết rũ tù vì bị bắt khi định dấu linh mục Galy Lý ở sau vườn nhà, và kiên quyết không chịu bỏ đạo.

Tháng Mười 11 năm 1841, “tỉnh Sơn Tây lùng bắt được đạo trưởng người Tây dương là Đoan, tên thực là Phê-đô-sa-đê-y, đóng gông giải về Kinh tổng ngục”. Đây là chuyện về linh mục Charrier Đoan. “Tên Đoan giải đến Kinh giao cho bộ Hình trị tội, khép vào tội xử tử, vua truyền cho hầy tạm giam giữ lại”.

Tháng Ba 11 năm 1842, “tỉnh Phú Yên tâu lên rằng có người đạo trưởng Tây dương tên là Mịch Danh Lộ đem kinh đạo đồ dùng nhà đạo, đáp tàu buôn Gia Định lên đến, bị nhân viên thủ ngự bắt được, vua giao bộ Hình trị tội, án xử trăm quyết, sai hầy đem giam cầm, rồi vua lại cho tha”. Tiếp theo 8 tháng sau, tháng Một [thường gọi 11] 11 cùng năm lại có chuyện, “có bọn đạo trưởng đạo Gia tô, tên Lộ tên Mịch [vậy “Mịch Danh Lộ” trong đoạn trên có khi là 1 lỗi dịch thuật, tên Mịch tên Lộ?] người Phú Lãng Sa, lẩn lút ở địa hạt tỉnh Phú Yên, quan sở tại bắt giải về Kinh, vua giao bộ Hình nghị tội; bộ nghĩ xử tội nặng, vua sai hầy giam lại; sau đó có thuyền công phái

đi ngoại quốc bèn thả cho bọn ấy về”. Đây là chuyện về các thừa sai Miche Mịch và Duclos Lộ bị bắt ở Phú Yên khi đang tìm cách lên truyền đạo trên Cao nguyên miền Trung.

Tổng cộng có 5 người trong 3 trường hợp nói trên được xử lý giống nhau, đều bị án xử tử nhưng vua truyền “hãy tạm giam giữ lại”. Trường hợp cuối cùng có thêm đoạn “thả cho về”. Không thể có chuyện nhân tiện “có thuyền công phái đi ngoại quốc” mà nhà vua cho những tội nhân này được quá giang về, mà nếu có thì chắc chắn sẽ giống như đem bỏ mặc ở đâu đó chẳng hạn Hạ Châu hơn là “thả cho về”. Tài liệu phương Tây thì cho rằng thuyền trưởng Felix Favin Levêque và hộ tống hạm Heroïne, không có sứ mệnh nào cụ thể có liên quan cả mà chỉ là biết tin thôi khi đang hoạt động gần đó, đã tự ý ghé Đà Nẵng ngày 25/02/1843 để uy hiếp quan quân triều đình, đòi và đã đón được cả 5 người: Berneux Nhân, Galy Lý, Charrier Đoan, Miche và Duclos, đưa về Singapore.

Tháng Mười ăm năm 1844, “tỉnh Vĩnh Long có đạo trưởng người Tây dương gọi là Phó giám mục Đô-mi-ny-cô, ẩn nấp ở huyện Tân Minh thuộc địa hạt tỉnh Vĩnh Long bị quan quân bắt được, sai giải giao bộ Hình trị tội...; khi làm án xong, bộ Hình nghị xử vào tội nặng, sai giam giữ lại; sau rồi tha”.

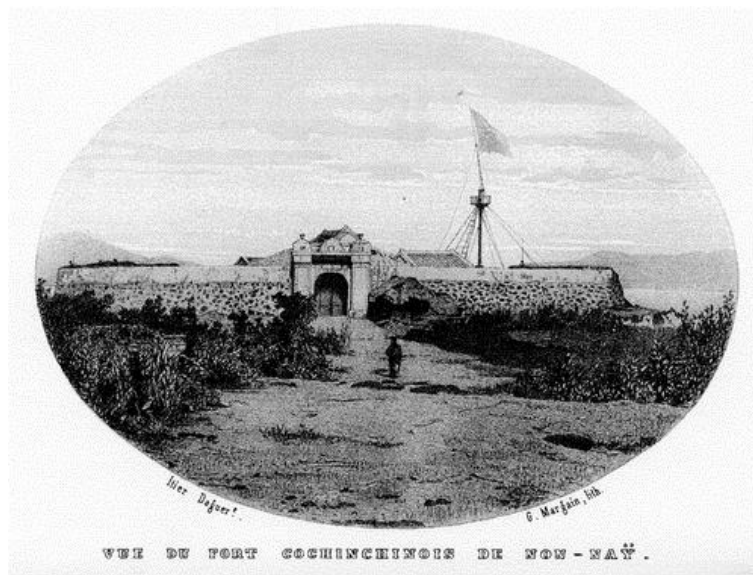
Đây là chuyện về thừa sai Dominique Lefèbvre Ngãi mới được tấn phong Giám mục phó hiệu toà Isauropolis. Câu chuyện này li kì là ở chỗ, nó đã liên kết lại với nhau 2 cựu thù là Hải quân Pháp và Hải quân Hoa Kỳ vừa mới đánh nhau tung bừa 44 năm trước đó [Quasi War 1798-1800]. Bằng cách nào đó biết được tin Đức cha Dominique Lefèbvre Ngãi bị bắt, đại tá Hải quân Hoa Kỳ John Percival, người vốn bắt đầu sự nghiệp hải quân như 1 thủy thủ trong chính Quasi War 44 năm về trước, đang chỉ huy con tàu USS Constitution hoạt động ở gần đó liền nhảy vào can thiệp, đồng thời báo tin cho đô đốc Hải quân Pháp Jean-Baptiste Thomas Médée Cécille lúc đó đang hoạt động bên bờ biển China. Nhận được tin báo, đô đốc Cécile bèn cử tàu Alcmène do trung tá Hải quân Fournier du Plan chỉ huy, đêm 30/05/1845 tới neo đậu gần lối vào Đà Nẵng, cùng với tàu USS Constitution gây áp lực với triều đình. Giám mục Lefebvre Ngãi được phóng thích ngày 16/06/1845, theo tàu Alcmène về Singapore.

ĐNTL kể về chuyến ghé thăm của 2 tàu Alcmène và USS Constitution như sau: Tháng Năm ăm năm 1845, “nước Phú Lãng Sa sai sứ sang tạ [!?]; trước kia người nước ấy là bọn tên Đoan tên Vọng lên đến lừa dối dụ dỗ nhân dân, bị bắt bị giam cầm, vua cho là không biết mà làm phạm, đều tha cho [đây là đề cập vụ hộ tống hạm Heroïne]; đến đây quốc trưởng nước ấy ủy đầu mục là Đô-rấp-lăng [du Plan] đến cửa biển Đà Nẵng dâng thơ trình tạ, lại nài xin thăm thiết cho người nước ấy là Đô-mi-ny-cô hiện đương phải giam; thự phủ Nam-Ngãi là Ngụy Khắc Tuần nói rằng trong thư đưa đến có ý cung kính hòa thuận, vua cũng sai tha cả; có người Kinh là bọn Nguyễn Văn Thất theo tả đạo, ngầm thông tin tức với thuyền nước ngoài, bị bắt chém bêu đầu rêu rao khắp nơi; chưa bao lâu thuyền Man của nước Hoa-cân [USS Constitution] cũng đến cửa biển, trong kinh phái viên ngoại lang Nguyễn Long cùng thuộc viên ở tỉnh là kinh lịch Nguyễn Dụng Giai đi đến thăm hỏi, bị người Man dọa nạt mang xuống thuyền, bọn Long không biết cự lại; người Man bồng nhô neo đi, khi bọn Long về đều phải [bị phạt] cách lưu”. Không biết “bọn

Nguyễn Văn Thất” làm cách nào để “ngâm thông tin tức” với Hải quân Hoa Kỳ. Hải quân Hoa Kỳ ở Biển Đông mà báo tin cho Hải quân Pháp ở China thời đó thì chắc là cũng chỉ thông qua hệ thống truyền tin bằng tín hiệu quang học, optical telegraphy kiểu như flag semaphore, giữa những tàu thuyền đang đi lại trong vùng mà thôi. Có thể nào chẳng Nguyễn Văn Thất cũng dùng flag semaphore, đã liệu mình leo lên 1 đỉnh núi ven biển nào đó để phát cờ đánh tín hiệu, với hy vọng tàu thuyền nước ngoài đang qua lại có thể nhận ra và giúp đỡ?

Sự kiện tàu Hoa Kỳ lần đầu can thiệp như trên, trong khi vị thế của Hoa Kỳ lúc này còn rất mờ nhạt, có lẽ là do vụ việc đã có 1 tầm mức quốc tế to lớn, tất nhiên vua Thiệu Trị và triều đình thì không quan tâm và do đó không thể biết, là Giáo hoàng Gregory XVI mới ngày 10/05/1844 vừa phân chia Giáo phận Đàng Trong ra làm 2, thành Giáo phận Đông Đàng Trong do Đức cha Étienne-Théodore Cuenot tên tiếng Việt là Thẻ làm Giám quản, và Giáo phận Tây Đàng Trong do chính Đức cha Dominique Lefèbvre Ngãi vừa được tấn phong làm Giám quản. Từ thời vua Minh Mạng đã có không ít người ở hàng giám mục bị sát hại, bao gồm Giám mục Domingo Henares Minh, Giám mục Clementé Ignacio Delgado Y, Giám mục Pierre-Rose-Ursule Dumoulin-Borie Cao, đều trong 1 năm 1838 nhưng sự việc chưa hề gây ra mối quan tâm của Tây Ban Nha hay của Pháp, là những nước mà các giám mục này là công dân, chưa có ảnh hưởng trên tầm quan hệ quốc tế như với vụ việc của Đức cha Dominique Lefèbvre Ngãi lần này.

Chuyện ngoài lề: Dường như là nghệ thuật nhiếp ảnh lần đầu tiên có mặt tại Việt, rất tiếc không phải để cho người Việt xem, bởi Jules Itier 1 thành viên trên tàu Alcmène, với bức ảnh có lẽ cũng khá nổi tiếng Vue du fort Cochinchinois de Non-Nay, Cảnh pháo đài của xứ Đàng Trong ở Non-Nay, chắc là núi Non Nước.



Hình 5: Cảnh pháo đài của xứ Đàng Trong ở núi Non Nước

Diễn biến tiếp theo, đến tháng Năm âm năm 1846, “tỉnh Gia Định lòng bắt được 2 đạo trưởng người Tây dương là Pha-ba-ly-e và Di-nê-ô, cho giải về Kinh giao Pháp ty trị tội xử tử hình; vua

cho rằng họ là người ngoài vòng giáo hoá, tạm giam cầm lại rồi nhân có thuyền nhà nước đi việc quan ở nước ngoài, lại tha cho về nước”.

Không hiểu là do người Tây dương giống nhau quá không nhận ra được ai vào với ai, hay là những người đã từng tham gia vào vụ việc trước thì lại không tham gia vào vụ việc sau, mà những Pha-ba-ly-e và Di-nê-ô này như là khác với những Đô-my-ni-cô và Lộ trước đó. Thật ra thì Pha-ba-ly-e chính là Đô-my-ni-cô, là Đức cha Dominique Lefèbvre Ngãi mới được tấn phong Giám quản Giáo phận Tây Đàng Trong, không thể rời xa giáo phận của mình nên chỉ 1 năm sau đã cùng với thừa sai Duclos Lộ lén quay trở lại [thừa sai Miche Mịch thì đã quay lại từ trước đó rồi]. Chuyến trở lại lần này nhiều kịch tính, xuất phát từ Singapore ngày 23/05, cả đoàn bị bắt ngày 06/06/1846 khi vừa về đến Cần Giờ, người chủ thuyền đã trở thành Thánh Tử Đạo Máttêu Lê Văn Gẫm, thừa sai Duclos Lộ chết vì kiệt sức khi bị giam, sau được đưa về an táng bên cạnh Bửu Nhu quận công Bá Đa Lộc, chính là tại Lăng Cha Cả.

Việc Giám mục Lefèbvre Ngãi được “tha cho về nước” bằng “thuyền nhà nước đi việc quan ở nước ngoài”, tài liệu phương Tây thì cho rằng đô đốc Cécille lại 1 lần nữa phải cử tàu đi giải cứu, lần này là 2 chiếc: Gloire của đại tá Hải quân Augustin de Lapierre và Victorieuse của trung tá hải quân Rigault de Genouilly, người sẽ rất quen thuộc với Sài Gòn về sau này. Giám mục Lefèbvre Ngãi được phóng thích ngày 09/04/1847 nhưng 2 tàu Pháp rút kinh nghiệm vụ trước, chưa chịu rời đi ngay mà tiếp tục yêu sách về việc tự do truyền đạo. Lời qua tiếng lại thế nào đó, ngày 15/04/1847 xảy ra nổ súng, 3 hoặc 5 theo các nguồn khác nhau, chiến thuyền Việt bị đánh đắm.

[Cũng có những tài liệu khác về sau này, ví dụ như cuốn “The Last Emperors of Vietnam: From Tu Duc to Bao Dai” của Oscar Chapuis phát hành năm 2000, cho rằng chính Bộ Ngoại giao Pháp, cụ thể là bộ trưởng François Guizot đã cử đô đốc Cécille đi trong tất cả các sứ mệnh, từ năm 1843 của tàu Heroïne với thuyền trưởng Levêque, đến năm 1845 của tàu Alcène với trung tá du Plan, và cả năm 1847 của 2 tàu, Gloire với đại tá de Lapierre và Victorieuse với trung tá de Genouilly. Sách này còn cho rằng sở dĩ xảy ra nổ súng là vì đại tá de Lapierre đã không đón được Giám mục Lefèbvre Ngãi trong khi phía Việt thì nói là đã phóng thích rồi. Câu chuyện không đáng tin và có vẻ có dụng ý nhưng cũng ghi vào đây].

ĐNTL kể về vụ nổ súng này khá dài dòng như là 1 việc hoàn toàn tách biệt với việc “tha cho” nói trên, lưu ý rằng tàu Alcène đột trước được coi là từ Phú Lăng Sa, còn Gloire và Victorieuse đột này thì lại là từ Phật Lan Tây: “Có 2 chiếc quân thuyền của nước Phật Lan Tây đậu ở cửa biển Đà Nẵng, có 5-6 người đạo trưởng công nhiên đeo chữ thập đi lại ở nơi cửa biển, quan tỉnh Quảng Nam xét ra chúng đến đó có ý kiêu ngạo, đem việc phi tẩu lên; vua sai tả tham tri bộ Lễ Lý Văn Phức đi đến ngay làm tác vi đại viên tỉnh Quảng Nam, hội đồng với tuần phủ Nguyễn Đình Tân, lãnh binh Nguyễn Đức Chung tùy biện đối đáp, Nguyễn Đức Tập trước đã có chỉ gọi về kinh, cũng chuẩn cho tạm lưu lại để bàn với nhau mà làm việc; khi Phức đã đến cửa biển, bọn Tây dương đĩnh ngày cùng hội với nhau; đến ngày, đầu mục Tây dương là Lạp Biệt Nhĩ [de Lapierre] đem vài mươi tên đồ đảng đeo gươm đeo súng đến thẳng ngay công quán, ngăn lại

không được; chúng đưa ra 1 lá thư của nước chúng bằng chữ Hán, lời lẽ phần nhiều nông cạn, Phúc không chịu tiếp nhận, đầu mục Tây dương quát to để dọa nạt, đặt lá thư lên trên ghế rồi đi; Phúc và Đình Tân bàn với nhau rằng, nhận lấy thư là có tội, mà đốt thư đi cũng có tội, không gì bằng cho chạy trạm về đệ tâu lên; Phúc cũng về Kinh để đợi tội, vua giận là làm mất quốc thể, sai vệ cấm y đóng gông đem giam ở Tả đái lậu, bắt giải chức giao cho đình thần bàn”. Làm đại diện ngoại giao cho nước Việt quả là khó thật.

Tiếp, “vua ngự điện Vũ Hiến, sai ngay đô thống Hữu quân Mai Công Ngôn, tham tri bộ Hộ Đào Trí Phú đem biên binh 3 vệ Vũ lâm Hồ oai Hùng nhuệ đều đến ngay chỗ cửa biển, từ tuần phủ trở xuống đều phải nghe lệnh điều khiển của Mai Công Ngôn; lại vì quan tỉnh phải ở cửa biển thương biện thể khó quản cố được cả việc ở tỉnh, sai tả thị lang bộ Lễ sung biện việc nội các Nguyễn Bá Nghi quyền lĩnh bố chính Quảng Nam, phó vệ uý vệ hậu dinh Hùng nhuệ Nguyễn Nghĩa Thịnh quyền lĩnh phó lãnh binh Quảng Nam, phó vệ uý vệ hậu dinh Tiền phong Mai Điền bổ thụ phó vệ uý vệ nhị hữu bảo Hữu quân, cai đội vệ cấm y Phạm Dũng thăng thụ thành thủ uý sung hiệp quản vệ nhị hữu bảo Hữu quân, theo Mai Công Ngôn đến đóng ở cửa biển Đà Nẵng để phòng thủ; cai đội vệ Cấm y Vũ Khoa thăng thụ thành thủ uý sung hiệp quản vệ Cấm y, phó vệ uý Ngô Khánh, theo Nguyễn Bá Nghi đến ngay Quảng Nam đóng để phòng thủ; Nguyễn Đình Tân Nguyễn Đức Tập đều phải cách lưu, theo Mai Công Ngôn Đào Trí Phú ra sức làm việc để chuộc tội; lại sai thự chương vệ Thủy sư Phạm Xích, thự lang trung bộ Binh Vũ Duy Ninh quản lĩnh 4 chiếc thuyền đồng chạy đến ngay phận bể Trà Sơn, để xa làm thanh ứng; nhân truyền chỉ cho Mai Công Ngôn và Đào Trí Phú rằng, người Tây dương nếu đã sợ uy thu hình thì ta không nên tự động thủ trước, nếu chúng sinh chuyện trước thì đốc sức thành đài cùng biên binh các hiệu thuyền và thuyền đồng do kinh phái đi, ngoài hợp trong ứng lập tức đánh giết không để sót mống nào, những nơi ven vụng thuyền phải nghiêm gia phòng thủ không cho tự tiện vào các thôn xã, lại nghiêm cấm những người theo đạo Gia tô ở hạt sở tại không được đi lại dòm ngó để tuyệt tâm hơi”.Phản ứng cũng mau lẹ kịp thời, phân bổ cũng lóp lang bài bản.

“Lại bảo đại thần viện Cơ mật rằng, thuyền Tây dương đến đây có ý gì, bọn Mai Công Ngôn đi chuyến này các ngươi liệu xem ra thế nào; Trương Đăng Quế thưa rằng, người Tây dương sở cầu chẳng qua chỉ được thông thương mà bỏ điều cấm mà thôi, không có lẽ chỉ có 2 cái thuyền mà dám từ xa đến gây việc, Đào Trí Phú quen biết Man tinh, cùng chúng đối đáp tương cũng không phải dùng đến quân, nếu chúng sinh chuyện ra trước thì chúng trái ta phải, tiêu diệt cũng không khó gì [?!]; Hà Duy Phiên thưa rằng, thuyền của Tây di không đáng lo, duy có thuyền đồng của ta đóng chặt ở nơi vụng thuyền chỗ ấy là phải để tâm lo nghĩ”. Đám quan lại này thì chỉ giỏi việc đoán xem vua muốn nghe gì để sẽ nói vậy.

Tiếp đến là ngày Thanh Minh, vua đi viếng 1 mộ lăng của ông bà cha mẹ, lúc về “đề thơ 12 cảnh ở cung Bảo Định sai văn thần ứng chế”, riêng đoạn này tồn tới gần chục trang sách ĐNTL trước khi đến diễn biến tiếp theo ở Đà Nẵng.

Những “hoàng nga” của mẹ Thiếu Hiệu, “binh pháp tứ ngôn” của hoàng đế [chắc là Hiến Viên], “khánh vân” của Đường Nghiêu răn bảo Ngu Thuấn, “chú đỉnh do thương” của Hạ Vũ, “quán bàn” của Chu Vũ vương, “thủy tiên thảo” của Bá Nha, “việt nhân” và “tam ngôn” của Lỗ Liêu Tử, “đại phong” của Hán Cao đế, “bách lương” của Vũ đế, “lâm hà” của Chiêu đế, “ngũ ngôn” của Tô Vũ, “tửu bàn” của Âu Trọng Khâm nhà Tấn, “tạp số” và “mê tự” của Bào Minh Viễn nhà Tống, “tứ khí” của Vương Vi, “cửu ngôn” của Dữu Ngôn Thương nhà Bắc Chu, “hồi văn” và “tứ sắc” của Vương Sinh nhà Tề, “quái danh” của Giản Văn đế nhà Lương, “cú cú dụng tử” và “cung điện danh” và “thụ danh” và “điều danh” của Nguyên đế, “kiến trừ” của Tuyên đế, “quận huyện danh” của Phạm Vân, “khẩu tự” và “bát âm” và “lục phủ” của Trần Thẩm Quýnh, “tam ngũ thất ngôn” và “hổ lô vận” của Lý Bạch nhà Đường, “cô nhận nhập quần” rồi “cô nhận xuất quần” của Đỗ Phủ, “chiết tự” và “tràng đoản cú” của Bạch Lạc Thiên, “lục ngôn” của Cố Huống, “diệp vận” của Bì Nhật Hưu, “toàn bình” của Lục Quy Mông, “duộc danh ly hợp” và “chương kiệt song vận” của Trương Tịch, “thủ vĩ ngâm” của Thiệu Nghiêu Phu nhà Tống, “phiến đổi cách” của Tô Đông Pha, “tràng tự hồi văn” của Tần Quan, “toàn trắc” của Mai Nghiêu Thần, “diệp tự” và “sư trung tiến thoái” của Vương Thập Bằng, “trùng diệp tự” và “văn đồng nhất tự chí thập tự” và “hoà diệp” và “phi nhận” và “phật ấn diệp vận” và “tràng ca” của Triệu Cát Sĩ, “ngư phủ tử” của Trần Kế nhà Minh, đảo cú thuyền liên hình như là 57 thể 46 cách và hàng loạt những thứ linh tinh khác đọc phát một..., là những điều mà vua Thiệu Trị tâm đắc cùng bày tỏ suốt gần chục trang ĐNTL tập 6, sau khi đã trừng phạt Lý Văn Phúc và điều động Mai Công Ngôn.

Trong khi đó thì ở Đà Nẵng, “khi Phúc đã đi, bọn Tây dương lại càng rộng càn, ngày thường lên bờ đi lại chỗ làng xóm; những người nước ta vẫn theo tả đạo, phần nhiều đi lại nom dòm, thông tin tức kín; những thuyền quân đi tuần biển bị chúng bắt giữ lại ở cửa biển, có 5 chiếc thuyền bọc đồng ở kinh phái đi Nam, gồm Kim Ứng Phần Bằng Linh Phượng Thọ Hạc Vân Bằng, chưa ra biển còn đậu lại ở vịnh Trà Sơn cùng đối diện với thuyền Tây dương, cũng bị chúng sấn đến cướp lấy buồm thuyền và dây buộc thuyền”.

Diễn biến tiếp theo được mô tả 1 cách đầu Ngô mình Sở: Thoạt đầu rất có khí thế, “từ khi Mai Công Ngôn đến cửa biển, bố trí quân thủy quân lục để làm cái thế dựa nhau, quân dung rất lộng lẫy; người Tây dương chực muốn lên bờ bị biên binh ở thuyền Phần Bằng ngăn lại, người Tây dương biết là không có thể xâm phạm được, lại về chỗ đỗ thuyền trước”. Tiếp theo, “bọn Công Ngôn mặt ngoài thân thiện với người Tây dương, mặt lệnh cho các quân đánh ngày hội đánh”. Cái này gọi là “binh bất yếm trá”, phạm đã là chiến tranh thì không ngần ngại việc lừa dối. Nhưng xui xẻo, “có 1 tên tiểu biên là Vũ Văn Diễm bị bọn Tây dương bắt được, chúng tìm được bản ước thúc của quân cơ vì thế hiểu ngầm tình trạng trong quân thứ; gặp ngay thuyền ở kinh chạy đến ngoài biển, người Tây dương đến ngay chỗ quân Đào Trí Phú giả cách xin hoà, Trí Phú cũng tin, đóng quân không hành động gì”. Vậy là không giống như các nguồn thông tin khác nếu không tranh công thì cũng đổ tội, ĐNTL 1 cách chính thống đã trung thực mà nói lên rằng, “tên

tiểu biên Vũ Văn Đĩnh” chỉ là 1 liên lạc viên không may bị quân Tây dương bắt với tài liệu mật trong người mà thôi, quân triều đình do đó bị lộ kế hoạch đánh úp, quân Tây dương từ đó đã tương kế tựu kế mà ra tay. Kết cục bị thảm chóng vánh, “đến ngày hôm sau giờ Ngọ, bọn Tây dương tự nhiên nổ súng âm ỹ, dồn bắn cả vào thuyền quan; quan quân giờ tay không kịp, 5 chiếc thuyền đồng chóc lát đều bị đắm mà vỡ cả, lãnh binh Nguyễn Đức Chung hiệp quản Lý Đĩnh đều chết ở trận, biên binh chết hơn 40 người bị thương hơn 90 người, còn 104 người không biết trôi giạt đi đâu, súng và khí giới chìm mất rất nhiều, 10 cỗ súng chu y bằng gang, 3 cỗ súng chân hải bằng gang, 15 cỗ súng quá sơn bằng đồng, các khí giới chìm mất rất nhiều; hôm sau thuyền Tây dương giương buồm chạy đi, không có 1 người nào đuổi theo”.



Hình 6: Khu trục 52 đại bác La Gloire trong trận Veracruz, Mexico năm 1838

Cái kết cục bị thảm 1 cách quá chóng vánh như vậy, “giờ tay không kịp”, trong bối cảnh triều đình vừa tổ chức quá rình rang việc báo công ăn mừng 1 chiến thắng phần nhiều là tự tưởng

tượng ra trước người Xiêm và người Miên, đã có ảnh hưởng tâm lý nặng nề đến vua Thiệu Trị. ĐNTL thừa nhận, “từ sau khi cửa biển Đà Nẵng bị lỡ việc, vua rất tức giận, bụng thường không vui”, trút giận lên đám hầu cận hoặc tổ chức các buổi “diễn tập bắn súng” để trút đạn lên các “bó cỏ làm hình người Tây dương”. Nhà vua cũng cho “đặt 7 đồn Trấn Dương ở ven biển Quảng Nam” nhưng những thứ đó thực chất chẳng có giá trị quân sự gì.

Trường hợp trước của “Nguyễn Văn Thất theo tả đạo ngầm thông tin tức với thuyền nước ngoài, bị bắt chém bêu đầu” [ĐLSC số 247] còn chưa rõ tung tích, thì trường hợp này của “tiểu biên Vũ Văn Diễm”, có nhiều nguồn tài liệu với các dụng ý khác nhau đã không ngần ngại gán ngay cho Vũ Văn Diễm 1 căn cước Kitô giáo. Đáng suy ngẫm là quan điểm từ phía Kitô giáo Pháp, sau 1 thời gian bị bách hại nặng nề dưới thời vua Minh Mạng, họ đã quyết xoay chuyển tình thế bằng cách, 1 mặt kêu gọi sự can thiệp của chính phủ Pháp và mặt khác, gán tất cả những thất bại của triều đình vào cho công trạng của những Kitô hữu.

Lời kêu gọi chính thức của các thừa sai Pháp chỉ được đưa ra bởi Giám mục François Pellerin vào năm 1857, tức 10 năm nữa dưới triều vua Tự Đức, nhưng trong 1 tác phẩm phát hành năm 1894, Louis-Eugène Louvet đã viết về sự kiện của năm 1847 như sau [Vie de Mgr Puginier par E. Louvet, Hanoi 1894]: Au mois de mars 1847, le commandant Lapierre ayant été envoyé à Tourane pour entamer avec l'Annam des négociations commerciales, et réclamer pour nos nationaux la liberté de la prédication, Thieu-Tri essaya de l'attirer dans un guet-apens, en l'invitant à un festin, pendant lequel on devait le massacrer avec ses officiers ; mais le complot fut découvert par la fidélité d'un chrétien, qui risqua sa vie afin d'instruire le commandant de la trahison projetée. Mal en prit au roi de cette perfidie. En deux heures, sa flotte fut incendiée et détruite à coups de canon. A quelques mois de là, Thieu-Tri mourait de colère et d'humiliation (novembre 1847). [Vào tháng 03/1847, chỉ huy Lapierre đã được cử đến Tourane để bắt đầu các cuộc đàm phán thương mại với An Nam, và đề đòi cho những công dân của chúng tôi quyền tự do giảng đạo, Thiệu Trị đã cố gắng dụ ông ta vào một cuộc phục kích, bằng cách mời ông ta đến một bữa tiệc, trong đó ông ta sẽ bị tàn sát cùng với các sĩ quan của mình; nhưng âm mưu đã bị phát hiện bởi lòng trung thành của 1 tín đồ Kitô giáo, người đã liều mạng đi báo tin cho viên chỉ huy về sự bội tín đã được trù định trước. Kết cục xấu đã đến với nhà vua vì sự gián trá này. Trong vòng 2 giờ, hạm đội của nhà vua bị đốt cháy và bị tiêu diệt bằng đạn đại bác. Vài tháng sau, Thiệu Trị chết vì uất hận và nhục nhã (tháng 11/1847)]. Có lẽ cũng trong trào lưu gán công trạng này mà tên tuổi của những A Lịch Sơn Đắc Lộ và Bi Nhu quận công Bá Đa Lộc dù đã yên nghỉ hàng thế kỷ trước cũng bị dựng dậy lên vào cuộc. Các Kitô hữu người Việt ở vào tình thế không thể chia sẻ những suy diễn cay nghiệt và đẩy thành kiến này, đẩy họ vào vị trí phản bội lại nhà vua và đất nước của mình. Đắc Lộ và Bá Đa Lộc chắc cũng vậy.

Lưu ý rằng, mặc dù các thừa sai người Pháp thường được nhà vua cho hoãn thi hành án và sau đó thả cho về, các Kitô hữu người Việt không được may mắn như vậy: trong khi thừa sai Galy Lý được tha thì người che dấu bà Agnes Lê Thị Thành phải tử đạo, trong khi cha Lefèbvre Ngãi 2 lần được tha, thì lần đầu có Nguyễn Văn Thất lần sau có Máttêu Lê Văn Gầm phải tử đạo. [Trong khi chưa rõ tung tích của trường hợp Nguyễn Văn Thất thì vẫn có 1 thánh tử đạo khác là

Phêrô Hoàng Khanh, bị bắt tháng 01/1842 tại Hà Tĩnh, đưa tổng số thánh tử đạo dưới triều vua Thiệu Trị lên 3 người, toàn người Việt].

ĐNTL còn ghi chi tiết tháng Bảy âm năm 1841, “ty Tam pháp dâng danh sách những người có tội được gia ân xét lại, cộng 426 người, vua sai đình thần bàn xét lại; trong danh sách ấy có 4 người đạo trưởng người bản quốc bị giam cầm đã lâu, vua thương vì không biết gì mà phạm pháp, sai đem 4 người ấy ra trước để hiểu dụ, nếu họ biết tỉnh ngộ bỏ đạo thì sẽ liệu lượng khoan giảm cho, nếu cứ cố chấp mê hoặc không biết tỉnh ngộ thì cứ theo án xử trước mà xử tội; 4 người ấy vẫn kiên quyết không chịu bỏ đạo, vua bùi ngùi mà rằng, tà giáo làm mê hoặc người đến thế ư, bèn sai lại giam cầm như cũ”. Bùi ngùi nhưng vẫn không tha. Đến tháng Sáu âm năm 1846 thì nặng tay hơn, “Ninh Bình lùng bắt đạo trưởng Kitô là Nguyễn Cẩm và 2 người đồ đệ, họ không chịu bỏ đạo đều phải tội xử tử; thưởng cho người tố giác và các người đi bắt 50 quan tiền”. Chưa tìm thấy tung tích của những trường hợp này.

Sang tháng Ba âm năm 1847 thì thái độ “bùi ngùi” hoàn toàn biết mất: Vua “dụ rằng Kitô là tà đạo từ Tây dương đến, cái đạo của chúng không thờ cha mẹ không kính quý thần, thác ra cái thuyết Giê-su với thập tự giá để mê hoặc lòng người, đặt ra thuyết thiên đường và nước phép để người ta nghe đến thì mê, tà đạo ấy rất hại cho phong hoá...; chỉ nghĩ, tà đạo ấy dẫn dắt vào đường sâu, tiểu dân ngu muội dễ mê hoặc mà khó hiểu biết, kẻ theo đạo ấy hoặc mê hoặc không tỉnh cam chịu hình phạt, hoặc ngoài theo mà trong không theo chưa thực lòng hối cải; vả lại, lập giáo hoá tất phải mong được lâu mới nên, trừ mầm ác phải mong cho hết sạch; nay hoàng phong truyền khắp thánh giáo tuyên minh, đó chính là cái buổi nước nhà hoá dân thành tục, mà là cái ngày dân ta hướng đạo hồi tâm, phải nên ra hiệu lệnh luôn để mà răn bảo; nay thông dụ các nha môn lớn nhỏ ở các địa phương trong kinh ngoài tỉnh, đều phải kính tuân điều cấm; người làm quan phải dùng nhiều phương pháp hiểu thị mà kiểm soát luôn luôn, không thể nhân việc bởi nhiều để sinh ra sự đoán, kẻ làm dân phải tẩy trừ những thói cũ biến ác trở lại làm lương dân, không thể cứ 1 mực ngu tối ngoan ngoan để phạm vào pháp luật; nếu có đạo trưởng Kitô còn ngấm ngầm ẩn giấu ở địa hạt nào thì quan sở tại phải thường gia kiểm sát, nơi nào gần bên cạnh biết thì phải phát giác ngay để cho thi hành pháp luật, lập nên giáo hoá 1 nền đạo đức 1 lối phong tục, kéo lại thói thuần mỹ cùng hưởng phúc thái bình, há chẳng tốt lắm thay; nếu còn kẻ nào phạm pháp, tất bắt tội không tha được”.

Còn về chính sự, ĐNTL có thuật lại như sau: “Vua đương triều, hỏi đại thần viện Cơ mật ở trước mặt rằng, thuyền Tây dương đến đây chỉ cần có 2 việc là bỏ cấm và thông thương mà thôi, thông thương thì được, cấm có thể bỏ được không; Trương Đăng Quế thưa rằng, chúng đã sinh chuyện ra trước, không thể lại mong khoan điển; vua nói, người Tây dương lòng vốn giáo trá, nếu bỏ cấm thì Anh Cát Lợi nghe thấy cũng sẽ cầu xin bỏ cấm thuốc phiện; nhưng địch là giống sài lang, không thể thoả mãn nó được, làm thế nào mà việc gì cũng theo gượng như chúng sở cầu; vả lại đạo Kitô là tà giáo, cái hại rồi đến bởi chuyện ngoài biên, mở đường chinh chiến, thuốc phiện là thứ thuốc mê, cái hại rồi đến khuynh gia bại sản, hại tính mệnh người, 2 việc ấy đều là điều nghiêm cấm ở trong nước, ta sẽ giáng dụ để vào quốc sử truyền lại đời sau, để nghiêm tuyệt xa đi mà ngăn chặn mối lo ở ngoài; lại bảo các đại thần rằng, Tây dương vốn không phải 1 nước, thì

dụ như nước Phật Lan Tây, từ trước đến nay cũng chưa nghe thấy có cái tên Tây dương ấy, xem thư của chúng đưa đến đã không phải tự quốc vương ra, mà hiệu cờ cũng là cờ mới chế, hay là chúng tự lập ra bộ lạc cũng chưa thể biết được; vả lại, người nước Phú Lãng Sa từ trước đến nay có phạm cấm, nhiều lần đã được tha cho về, y đáng ơn ta, có thất vọng gì mà sinh ra ý khác; việc đó hãy đợi thuyền quan phái ra biển về để hỏi xem tình ý của chúng thế nào; nếu bọn nhung địch quả sinh bụng dạ gì thì Gia Định và Hải Phòng cũng là chỗ quan yếu, không riêng Đà Nẵng mà thôi”. Vậy là lá cờ 3 màu của nước Pháp, ra đời trong cách mạng 1789, chìm khuất trong thời gian Phục Hoàng 1815-1830 và trở lại cùng với nền Quân chủ thánh Bấy, tính đến đương thời là đã 17 năm, đã không hề được vua quan nước Việt biết tới, quả thật là “bọn chúng tự lập ra bộ lạc chưa biết chừng”.

Từ thời vua Minh Mạng tháng Chạp tức đầu năm 1837 đã có chuyện, “thuyền nước Phú Lãng Sa đến đậu ở hòn Mỏ Điều thuộc Quảng Nam; tinh thần sai người đến hỏi thì họ nói, thuyền của thành Tu Luân [chắc Toulon] quốc trưởng sai đi thao diễn ở đường biển đã hơn 1 năm, nay từ Ma Cao đến đây xin ở lại 1-2 hôm để lấy củi và nước; xuống khám qua thấy thuyền dài hơn 8 trượng rộng hơn 1 trượng 8 thước cao hơn 1 trượng 5 thước, 3 tầng ván lát 3 cột buồm to, 24 cỗ đại bác 10 cỗ súng quá sơn súng điều sang súng mã pháo, dao ngắn đều có hàng tram, 6 chiếc xuồng, cuối thuyền treo cờ tam tài vuông xanh trắng đỏ; tinh thần lấy làm ngờ, nghiêm sức cho binh thuyền ở tân phận phải đi tuần tiểu và phi tư cho tỉnh Quảng Ngãi phòng bị, rồi dâng sớ tâu lên”. Đúng là người Việt lúc đó chưa biết đến cờ Pháp và cả khái niệm “quốc kỳ”.

Cũng nên chép lại ở đây những điều vua Thiệu Trị giảng giải cho triều thần về lịch sử của nước Xiêm: “Xiêm La xưa là nước Xích Thổ sau chia ra làm 2 nước, 1 nước gọi là Xiêm 1 nước gọi là La Hộc; nước Xiêm đất xấu không cày cấy được, nước La Hộc đất tốt bằng phẳng cấy được nhiều lúa, nước Xiêm thường vẫn trông nhờ vào thóc lúa của La Hộc; buổi đầu nhà Nguyên, nước La Hộc mạnh kiêm tính cả nước Xiêm, gọi là nước Xiêm La Hộc; đến đầu nhà Minh mới vào dâng cống, vua Minh cho cái ấn gọi là nước Xiêm La, tên gọi Xiêm La bắt đầu từ đây; khi mới lập nước thì nước Xiêm nhỏ nước Lạp to, nước Xiêm phải phục tùng nước Lạp; khoảng năm Vạn Lịch [Minh Thần Tông, 1573-1619] nước Xiêm ngày 1 to mạnh, hàng phục được nước Lạp rồi cai quản các dân Man, đất của nước Lạp bị nước Xiêm chà đạp đã lâu lắm rồi; bản triều ta thương nước Lạp bị lúc tai nạn nguy vong, mới bồi đắp cho nước Lạp được còn, nước ta thực là có công tái tạo to lớn cho nước Lạp vậy”.

Trong lĩnh vực ngoại giao, ĐNTL kể rằng tháng Chín âm năm 1845, “nước Anh Cát Lợi cho sứ đến tạ ơn, vua xuống chiếu đặc biệt để đáp lại; năm trước thuyền của người nước Anh bị bão trôi giạt vào bờ biển Bình Thuận, vua phái thuyền công đưa về; đến đây, quốc trưởng Anh là Bích-tô-ri [nữ hoàng Victoria, trị vì từ 1837 đến 1901, chắc vua không biết đây là nữ] sai bề tôi là Cáp-tăng-sô [chưa tìm ra tung tích, nghe như là 1 captain Shaw nào đó] dâng biểu tạ ơn, kính dâng lễ phẩm;... vua dụ bộ Lễ rằng, Anh Cát Lợi là nước phương Tây thế mà biết cảm mộ phong hóa nhà vua, đem ngọc dâng cống, lòng thành đáng xét; nên định khen thưởng hậu để yên ủi người từ phương xa đến;... dụ rằng, nước Anh từ trước vốn gọi là rợ xảo trá, chưa giao thiệp với

nước ta, nay bỗng ngưỡng mộ phong hóa nhà vua, đem ngọc dâng cống; vốn là cái thói rợ mọi dữ tợn, bây giờ theo thói áo mũ lễ nhạc”. Đó là ngay từ đầu năm đó, vua đã biết mà “bảo thị thần rằng chính sự nhà Thanh gần đây thực không đáng kể, trẫm vừa rồi xem báo [của bên nhà Thanh] thấy nhà Thanh phải chi số tiền trả cho nước Anh Cát Lợi, tiền trong kho hầu hết, sao tôi tàn thế; thậm chí bán quan buôn ngục không việc gì không làm, giặc cướp mưa đá tai dị luôn luôn xảy ra, ý hẳn đó là đời mạt vận chẳng”.

Ngay trước khi vua Thiệu Trị qua đời, “có 2 chiếc quân thuyền nước Anh đến cửa biển Đà Nẵng, tỉnh thần Quảng Nam Mai Công Ngôn đem việc tâu lên; sai thự tham tri bộ Hộ Tôn Thất Thường đến ngay hỏi rõ tình ý đến đây; thuyền trưởng là Đức Huệ Lư [có vẻ như là sứ mệnh không thành của Sir John Francis Davis, thống đốc Hong Kong] nói đến đây là vâng mệnh của quốc trưởng hần, muốn được đến kinh chiêm cận mới chịu trình quốc thư lên, Tôn Thất Thường cho là xin như thế không hợp lệ, khước đi; cùng nhau tranh biện đến hơn 10 ngày, hậu gia khoản đãi rồi thưởng cho vật hạng chiếu lệ năm Thiệu Trị thứ 5 châm chúc nghĩ biện [tức là làm giống như hồi 1845], rồi thuyền Tây dương nhổ neo đi”.



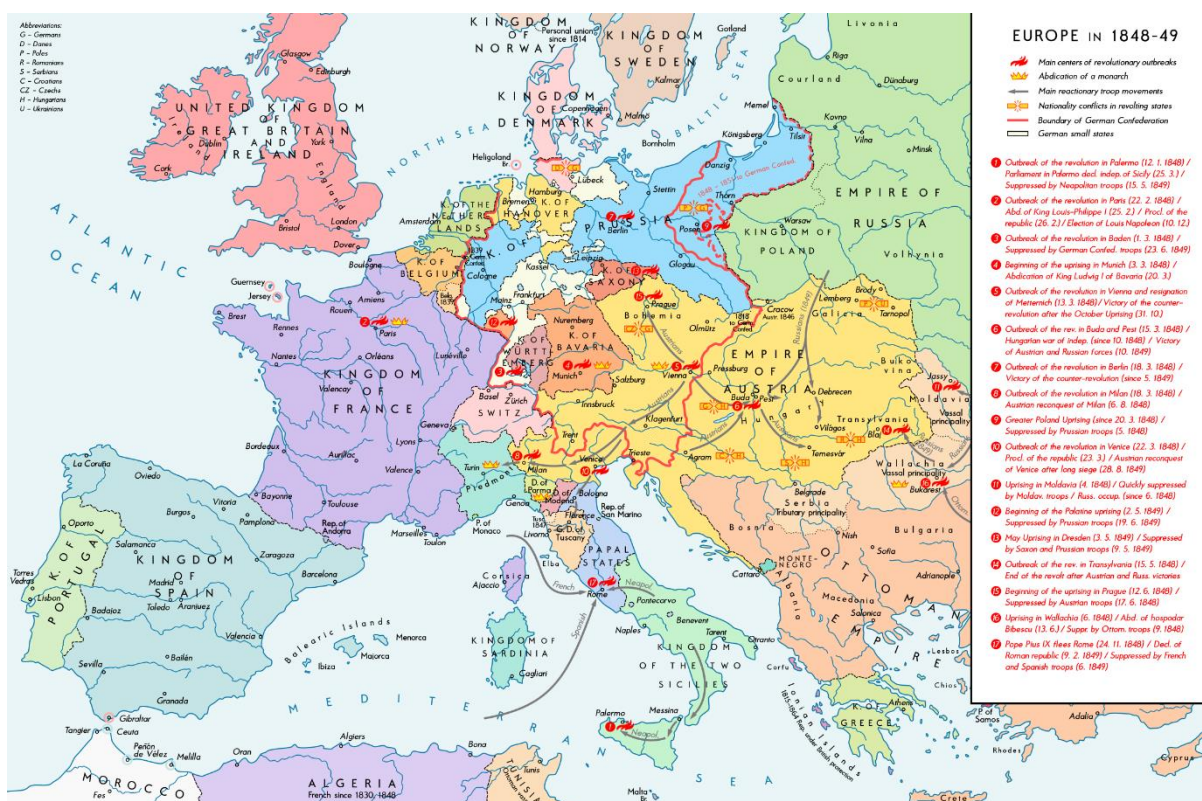
Hình 7: Hình trên trang mạng kienthuc, 2 bài thơ nổi tiếng của vua Thiệu Trị

Kết thúc về vua Thiệu Trị, tuy không thấy được đề cập trong ĐNTL nhưng dường như nhà vua có để lại 2 bài thơ, nay còn được khám xà cừ trên gỗ ở đâu đó, “vũ trung sơn thủy” và “phước viên văn hội lương dạ mạn ngâm” gì đó, được ca ngợi hết lời, mỗi bài có 56 chữ được mô tả là “viết thành 5 vòng tròn đồng tâm mỗi vòng vài chữ trông như trận đồ bát quái”, thực ra giống Bát Nhã hay cái bánh lái tàu thủy hơn, đọc theo các kiểu trình tự, có người tìm được 64 bài thơ có người tìm được 128 bài thơ trong đó, kiểu như “dóng rừng dăng kéo én bay nhanh” và “nhanh bay én kéo dăng rừng dăng” vậy...

249 – “Revolutions 1848”

Trong khi Đức tông kế thiên hành vận chí thành đạt hiệu thể kiện đôn nhân khiêm cung minh lược duệ văn anh hoàng đế, huý là Thì tự là Hồng Nhậm, nói ngội 1 cách long trọng thành vua mới Tự Đức thì ở bên trời Âu, Ein Gespenst geht um in Europa, “1 bóng ma đang ám ảnh châu Âu”, đúng như 1 bản văn rất vớ vẩn của thời đó, mặc dù không phải là ý đồ của các tác giả nhưng có lẽ là định mệnh theo 1 cách nào đó, đã tự xác nhận.

Quả thật năm 1848 là 1 năm mà châu Âu có nhiều sự kiện, như là thời điểm bùng vỡ của nhiều dồn nén đã được tích tụ từ trước đó. Mặc dù những dồn nén đó là những vấn đề riêng biệt ở nơi này nơi khác của người này người khác, nhưng chúng xảy ra khá đồng thời và có truyền cảm hứng cho nhau, giới sử học tràn trẻ lãng mạn đã gọi chung những bùng vỡ đó dưới 1 cái tên quynh rữ là “cách mạng”, revolutions of 1848. Cần phải nhìn lại cái gọi là “cách mạng 1848” này bằng những góc nhìn khác:



Hình 8: Bản đồ châu Âu, revolutions 1848

Mặc dù trung tâm của lực địa châu Âu đã sôi sục cả lên trong cùng 1 khoảng thời gian [ngoại lệ là Anh, Nga, Tây Ban Nha và bán đảo Scandinavia], nhưng đó hoàn toàn chỉ là những vấn đề riêng biệt của từng nước chứ không hề có bất kỳ 1 thuộc tính chung nào, và do đó cũng không hề có bất kỳ sự hợp tác nào của bất kỳ lực lượng nào, kể cả khi có người đã đứng ra kêu gọi Proletarier aller Länder, vereinigt euch, “những người làm công ăn lương ở tất cả các nước, hãy đoàn kết lại”. [Chính là cái bản văn rất vớ vẩn đã nói trên, Proletarier tiếng Đức, hay proletariat

tiếng Anh, là 1 thuật ngữ thời La Mã cổ đại, proletarius, dùng để chỉ những người, do chỉ có tài sản không đáng kể cho nên bị mất quyền biểu quyết trong đời sống cộng đồng. Nhà kinh tế học chính trị người Thụy Sĩ Jean Charles Léonard de Sismondi, 1773-1842, được coi là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ này, có lẽ là trong tác phẩm “Nouveaux principes d'économie politique, ou de la richesse dans ses rapports avec la population” xuất bản năm 1819 của ông, để chỉ những người làm công ăn lương trong xã hội hiện đại. Cách chuyển ngữ “vô sản” để lấy đó làm đối lập với “hữu sản”, dưới mọi góc độ đều là tối nghĩa và khiên cưỡng].

Tuy không thể có 1 kết quả cụ thể có ý nghĩa nào sinh ra từ 1 chuỗi những sự kiện riêng rẽ này, ngoại trừ 1 cách nói dễ dãi kiểu Wikipedia rằng, little political change, significant social and cultural change, chỉ thay đổi rất ít về chính trị thôi nhưng thay đổi rất đáng kể về văn hóa xã hội, nhưng như đã đề cập bên trên, nếu ngoại lệ là Anh, Nga, Tây Ban Nha và bán đảo Scandinavia tức Tây, Bắc và Đông Âu, thì không thể bỏ qua những thay đổi về đường biên giới đã xảy ra rất rõ rệt ở Trung và Nam Âu, Deutsches Kaiserreich Đế chế Đức và Regno d'Italia Vương quốc Ý ra đời.

Trong cái danh sách ngoại lệ nói trên không có nước Pháp, thậm chí nước Pháp còn bị cuốn vào vòng xoáy 1 cách dữ dội nhất nhưng nói chung, đường biên giới của nước Pháp lại không bị thay đổi gì. Sở dĩ có tình trạng như vậy là bởi vì, hiện trạng của châu Âu trước năm 1848 chính là hậu quả của kỷ nguyên Napoléon, của nước Pháp, để lại. Con bão Napoléon mặc dù đã qua đi từ năm 1814 nhưng nhiều điều nó để lại phải 34 năm sau mới phát tác.

Cũng nên làm rõ ngay rằng, những ngoại lệ Tây, Bắc và Đông Âu, mặc dù đều không phải gánh chịu những hậu quả của kỷ nguyên Napoléon nhưng lại hoàn toàn vì những lý do riêng rất khác nhau: Nước Anh là 1 hòn đảo riêng biệt, thường được giảm nhẹ những chấn động từ châu Âu và điều quan trọng hơn, đó chính là người đã chiến thắng trước Napoléon; vị thế yên bình của nước Anh sẽ làm cho nó phải chịu ảnh hưởng theo 1 cách khác: những kẻ bị lục địa truy đuổi sẽ tìm tới đó, lấy đó làm địa bàn hoạt động. So với nước Anh thì Tây Ban Nha ở vào 1 vị thế yếu hơn hẳn, đã bị Napoléon đem đặt người anh trai lên ngai vàng để cai trị; vốn đã từng rất hùng cường và đồ sộ, Tây Ban Nha cũng đã theo chân người Anh mà đánh đuổi được Joseph Bonaparte và do đó thoát khỏi vòng ảnh hưởng của kỷ nguyên Napoléon. Bán đảo Scandinavia thì lạnh lẽo và tách biệt, dường như Napoléon chưa từng để mắt tới nơi đó. Nước Nga thì tệ hơn, mặc dù đã từng làm cho đội quân của Napoléon bị khốn đốn và tổn thất trầm trọng nhưng do xã hội vẫn đang còn ở giai đoạn bán khai, nước Nga quá lạc hậu để có thể tham gia vào cuộc chơi cùng với châu Âu.

Choáng ngợp bởi các diễn biến, thoạt đầu các nhà nghiên cứu cho rằng đó là a series of republican revolts against European monarchies, “1 loạt các cuộc nổi dậy có tính chất cộng hòa chống lại các nền quân chủ châu Âu”, bất chấp thực tế rằng các nền quân chủ châu Âu hoặc không bị ảnh hưởng gì như vương quốc Anh, hoặc được phục hồi như vương quốc Tây Ban Nha, hoặc được tạo mới cách mạnh mẽ như vương quốc Ý và đế chế Đức. Cũng có thể là các nhà nghiên cứu, choáng ngợp và bối rối, mới chỉ diễn tả gần đúng thôi về những gì xảy ra lúc đó,

thực ra đúng hơn là, trong khi các ngai vàng được củng cố hoặc được hình thành, thì “ý tưởng cộng hòa”, the republican idea mới là cái đang thực sự trỗi dậy trong tâm tưởng của con người châu Âu. Bản thân những con người châu Âu trong biến cố đó cũng choáng ngợp và bối rối và nói chung, trở thành những đám đông mất kiểm soát.

Lẽ ra về mặt lý thuyết thì không đáng phải nói về nó vì nó tối nghĩa và khiên cưỡng, nhưng quả thật theo thực tế thì rất cần phải quay lại với cái bản văn vớ vẩn nói trên vì hóa ra chưa từng có thứ gì gây tác hại cho nhân loại bằng nó: Die Geschichte aller bisherigen Gesellschaft ist die Geschichte von Klassenkämpfen, “lịch sử của mọi xã hội trước đây là lịch sử của các cuộc đấu tranh giai cấp”. Chẳng có lịch sử nào như vậy cả. Vấn đề là 1 sự xuyên tạc lịch sử như vậy đã trở thành 1 liều thuốc độc khủng khiếp.

Chuỗi biến cố bùng vỡ châu Âu đầu thế kỷ XIX đã tạo ra 1 loạt những kẻ ngoài vòng pháp luật nhưng về phạm vi hoạt động và qui mô tổ chức hoàn toàn khác với những Robin Hood hay Jacques Ferral / Jacquou người nông dân nổi dậy thời trước. Vào năm 1834, Carl Wilhelm Theodor Schuster [1808-1872] 1 người Đức lưu vong đã thành lập ở Paris 1 cái gọi là Bund der Geächteten, “liên đoàn của những kẻ ngoài vòng pháp luật”. Tính cực đoan và dân tộc chủ nghĩa Đức của đám này lên đến cao trào vào năm 1836, sau đó biến tướng thành Bund der Gerechten, “liên đoàn công chính” có tính chất Kitô Giáo, dưới sự lãnh đạo của Wilhelm Christian Weitling [1808-1871], đặt mục tiêu Befreiung Deutschlands von Unterdrückung und Entsklavung der Menschheit, “giải phóng nước Đức khỏi áp bức và nô lệ cho nhân loại”. Tụ tập nhau lại ở nước Anh, sự kết hợp đáng buồn giữa những kẻ tào lao này với đôi bạn tự kỷ Karl và Friedrich vào năm 1847 đã đẻ ra cái gọi là Bund der Kommunisten, và sau đó vào năm 1848 là cái bản văn rất vớ vẩn nói trên.

Với 1 khoảng lùi vài chục năm đến năm 1895, Gustave Le Bon [1841-1931] đã có thể có 1 tóm lược đơn giản: L'époque actuelle constitue un des moments critiques où la pensée humaine est en voie de transformation. Deux facteurs fondamentaux sont à la base de cette transformation. Le premier est la destruction des croyances religieuses, politiques et sociales d'où dérivent tous les éléments de notre civilisation. Le second, la création de conditions d'existence et de pensée entièrement nouvelles, engendrées par les découvertes modernes des sciences et de l'industrie. [Psychologie des Foules, đã có bản tiếng Việt “Tâm Lý học Đám Đông”: Thời đại hiện nay là 1 trong những thời điểm then chốt khi tư tưởng của nhân loại đang trải trong quá trình biến đổi. Hai yếu tố cơ bản là cơ sở của sự chuyển đổi này. Đầu tiên là sự phá hủy các niềm tin tôn giáo, chính trị và xã hội mà từ đó bắt nguồn tất cả các yếu tố của nền văn minh của chúng ta. Thứ 2, sự ra đời của những điều kiện tồn tại và tư tưởng hoàn toàn mới, do những khám phá khoa học và công nghiệp hiện đại tạo ra].

Lịch sử [châu Âu] không còn chỉ là câu chuyện giữa các vị vua chúa với nhau nữa, mà đã bao gồm cả vào trong đó tiếng nói thường là giận giữ và hoang dã của đám đông quần chúng. Yếu tố đầu tiên là sự phá hủy đã đến quá sớm trong khi yếu tố thứ 2, những tư tưởng tử tế mới còn chưa

kip ra đời. Đám đông quần chúng vốn hoang dã và giận giữ do đó rất dễ bị tiêm thuốc độc, bị kích động bởi “lòng hận thù giai cấp” và bị lừa dối bởi 1 thiên đường ngay nơi trần thế.

Sở dĩ phải mở ngoặc lịch sử chỉ của châu Âu thôi, vì phải chấp nhận rằng ở phương Đông này, cũng như ở nước Nga bán khai đã nói trên, chưa hề hay chưa thể có cái đám đông quần chúng có tiếng nói. Có 1 chuyện nhỏ ngay trong ĐNTL tập 6 có thể dùng tạm để minh họa như sau: ”có người nhà Thanh đứng ngoài cửa Hiên Nhân cầm 1 tập giấy 1 tờ điệp, nói rằng nhà Thanh đương bị bọn Xích Mao nhiều hại, yêu cầu nước ta giảng giải giúp; phủ doãn Phạm Quỹ đem việc ấy tâu lên, vua [Thiệu Trị] nói đó là việc quan trọng, kẻ thư sinh kia sao dám đường đột như vậy, viên coi phủ nên dỗ bảo cho về”. Vậy là may mắn cho kẻ thư sinh đó lắm rồi.

250 – Dân trị versus Quân trị

Nói chung người ta coi Republic hay République hay Republik, danh từ, là bắt nguồn từ thuật ngữ Latin “res publica”, để nói về 1 hình thức cai trị đất nước như là “công việc chung” của mọi công dân, đối lập với hình thức Monarchy hay Monarchie, bắt nguồn xưa hơn từ thuật ngữ Hi Lạp $\mu\omicron\nu\alpha\rho\chi\eta\varsigma$ đọc là monárkhēs, bao gồm 2 thành tố $\mu\omicron\nu\omicron\varsigma$ nghĩa là “đơn” và $\alpha\rho\chi\omega$ nghĩa là “cai trị”, trong đó đất nước và cả con người sinh sống trong đất nước đó như là tài sản riêng của 1 dòng họ hay 1 tập đoàn.

Trong tiếng Việt 2 thuật ngữ này, “Cộng hòa” và “Quân chủ”, là được chuyển ngữ từ 共和國 Gònghéguó Cộng hòa quốc và 君主制 Jūnzhǔzhì Quân chủ chế của China. “Quân chủ chế” là 1 thuật ngữ dễ hiểu vì nó đã bám rễ nhiều ngàn năm trên thế giới, ở China và cả ở nước Việt, còn “Cộng hòa quốc” thì, không kể “cộng hòa theo nghĩa hẹp” của các quý ông La Mã, rõ ràng là 1 điều rất mới. Có lẽ Sào Nam tiên sinh Phan Bội Châu và các chí sĩ của phong trào Đông Du là những người đầu tiên sử dụng thuật ngữ này: “Kìa xem Nhật Bản người ta, / Vua dân như thế 1 nhà kính yêu. / Chữ bình đẳng đặt đầu chính phủ, / Bấy lâu nay dân chủ cộng hòa...” [Hải ngoại huyết thư, năm 1906 Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán, 1 chí sĩ là Lê Đại, 1875-1951, dịch sang quốc ngữ, chắc là không lâu sau thời điểm đó].

Có 1 chi tiết nhỏ mà dường như chỉ trong tiếng China mới thể hiện rõ: “Quân chủ” là 1 “chế”, tức là 1 cơ chế trong đó quân vương làm chủ, mà vị quân vương này thì không bao giờ muốn giới hạn phạm vi quyền lực của mình, cái cơ chế đó sẽ áp dụng ở mọi nơi mà bàn tay của ông / bà ta có thể vươn tới, hoàn toàn khác với “Cộng hòa” bị giới hạn trong 1 “quốc” nhất định. Chính là ở trong cái giới hạn “quốc” này mà những con người cộng hòa sẽ cùng nhau chia sẻ 1 cảm giác chung về “nước mình”, 1 “không gian liên đới” theo như cách nói của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên, nước cộng hòa của công dân là 1 điều hoàn toàn khác với cương vực lãnh thổ của vua chúa. Khác với những tuyên truyền dễ dãi về “truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân”, lòng yêu nước là 1 tình cảm hoàn toàn mới. Chỉ có những người công dân trong 1 chính thể cộng hòa mới có thể yêu nước / Tổ quốc / quốc gia của mình, còn những thần dân trong 1 triều đại quân chủ thì không thể có “lòng yêu nước” mà chỉ có thể có “lòng trung thành” với “quân vương” mà thôi. [Xem lại ĐLSC số 176, trích dẫn tác phẩm “Chín mươi ba”, nói về thời điểm năm 1793, của Victor Hugo: “Tổ quốc của bà là gì? Tôi không biết. Sao, bà không biết quê hương của bà à? A, quê hương của tôi hả, vậy thì có chứ”. Trong nguyên bản, Victor Hugo sử dụng từ Patrie để đối lại với Pays].

Thực ra vấn đề “lòng yêu nước” không phải là vấn đề trung tâm của cuộc đối đầu giữa Cộng hòa và Quân chủ. Vấn đề trung tâm của cuộc đối đầu này là vấn đề Tư Cách Cá Nhân của 1 con người, đặc biệt là cho những con người chiếm đại đa số dân chúng xưa nay nằm ở tầng thấp của xã hội, Tư Cách Cá Nhân của họ không được đếm xỉa tới. Với nền Cộng hòa, tài sản hay trình độ hay địa vị của họ cũng vẫn vậy thôi, chẳng có thay đổi hay phép màu nào cả. Cái thay đổi ở đây chỉ là về mặt luật pháp, sự tùy tiện của bề trên trong việc đối xử với họ đã bị xóa bỏ, và từ đó họ có thể có tiếng nói, nhỏ nhoi như hạt cát trong sa mạc, đối với “những vấn đề của đất nước”,

mang lại cho họ 1 tư cách mới, tư cách Công Dân. Đất nước từ chỗ không phải là của họ, cho dù họ có nhà cửa ruộng vườn, đã trở thành “của họ” 1 cách trang trọng trên danh nghĩa, và “lòng yêu nước” trở thành 1 biểu hiện dễ thấy của thời đại.



Hình 9: Berlin năm 1848 với những lá cờ khác nhau, Cách mạng trong sự đa dạng của nó

Điều quan trọng nhất trong cuộc đối đầu giữa Cộng hòa và Quân chủ mà lối tư duy ngập tràn “tinh thần cách mạng” sẽ không thể nào nhận ra được, đó là không nhất thiết phải tiêu diệt cái này thì mới có được cái kia: Tinh thần Cộng hòa hóa ra lại phát triển mạnh mẽ nhất ở trong nền Quân chủ lâu đời nhất là United Kingdom, Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland, hay ở nơi mà mượn gió Napoléon ngay trong năm 1848 sôi động đó, nền Quân chủ của dòng họ Orange đã bẻ luôn mãng của nền Cộng hòa Batavia non trẻ để mà trị vì đất nước Hà Lan, hay ở Đông Á xa xôi chưa đầy 2 chục năm sau Thiên hoàng Minh Trị sẽ tiến hành 1 công cuộc Duy Tân ngoạn mục. Ở nước Pháp của Tự do – Bình đẳng – Bác ái thì những người đứng đầu nền Cộng hòa lại thường thích nhảy phắt lên làm hoàng đế [làm cho vua quan nước Việt bối rối không phân biệt được nước Phú Lãng Sa và nước Phật Lan Tây], còn ở United States Hợp chúng quốc châu Mỹ, nơi sinh ra vốn đã là Cộng hòa thì 1 loạt những vấn đề về sở hữu nô lệ về quyền của phụ nữ về người da màu v.v., hàng trăm năm sau vẫn chưa phải là đã giải quyết được rốt ráo.

Năm 1925, kể ra thì muộn so với những biến động năm 1848, và quá muộn so với năm 1793, nhưng hóa ra vẫn là quá sớm với nước Việt, Tây Hồ tiên sinh Phan Châu Trinh đã có bài diễn thuyết về “Quân trị” và “Dân trị” [cách nói đương thời của Monarchy và Republic], toàn văn bài diễn thuyết có thể tìm thấy dễ dàng trên internet, chỉ trích dẫn vài câu như sau:

- Quân trị tức là Nhân trị.
- Nhân trị nghĩa là cai trị 1 cách rộng rãi hay là nghiêm khắc chỉ tùy theo lòng vui buồn, thương ghét của 1 ông vua mà thôi, pháp luật tuy có cũng như không.

- Cái độc quân chủ vào óc dân ta sâu quá, mà cái trình độ của dân ta cũng thấp quá, chỉ có 1 người mà nói: "Mày phải trung với người này phải kính với người này", thì nó mới hiểu. Mà nếu cứ nói ra cái tên nước Việt Nam mà rằng: "Ấy là nước ông cha mày, mày phải thương", thì tay nó không rờ được, mắt nó không trông thấy được thì nó không thể làm thế nào mà thương được.
- Tôi nghĩ rằng vì cái độc quân chủ giết hẳn cái lòng ái quốc của dân Việt Nam ta, bây giờ muốn cho dân Việt Nam ta biết nước là của chúng nó, thì phải đem cái tội bù nhìn đó vất hết cả đi, thì nó mới có thể tìm kiếm cái nước đó là nước của ai? Mà nòi giống ta thông minh, có lẽ 1 ngày kia sẽ gặp thấy rằng ở trong cái miếng đất mấy ngàn năm lưu truyền lại đây, cái quyền lợi của nó hãy còn nhiều. Cái quyền phép của nó cũng có nhiều, rồi nó sẽ hiểu rằng xưa nay người mà gọi rằng vua quan đó, chẳng qua là người thay mặt làm việc cho nó, nếu làm không xong thì nó đuổi đi cũng không có lỗi gì. Khi nào dân đã hiểu như thế thì nó mới biết thương nước. Mà nó có biết thương nước thì 1 ngày kia mới mong tự do độc lập được, chứ không thế thì cứ đời đời làm tôi mọi mãi.
- Dân trị tức là pháp trị (lấy phép mà trị người). Vì quyền lợi và bổn phận của mọi người trong nước đều có pháp luật chỉ định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi tự do. Muốn bước tới bao nhiêu cũng không ai ngăn trở, chỉ trừ khi nào xâm lấn đến quyền lợi của người khác thì không được. Vì đối với pháp luật thì mọi người đều bình đẳng không có ai là quan, ai là dân cả.
- So sánh 2 chính phủ quân trị và dân trị, ta thấy chủ nghĩa dân trị hay hơn chủ nghĩa quân trị nhiều lắm. Lấy theo ý riêng của 1 người hay là của 1 triều đình mà trị 1 nước, thì cái nước ấy không khác nào 1 đàn dê, được ẩm no vui vẻ hay phải đói rét khổ sở chỉ tùy theo lòng của người chăn. Còn như theo cái chủ nghĩa dân trị, thì tự quốc dân lập ra hiến pháp, luật lệ, đặt ra các cơ quan để lo việc chung cả nước, lòng quốc dân muốn thế nào thì làm thế ấy. Dù không có người giỏi làm cho hay lắm, cũng không đến nỗi phải đè đầu khốn nạn làm tôi mọi 1 người, 1 nhà, 1 họ nào.
- Xét lịch sử xưa, dân nào khôn ngoan biết lo tự cường tự lập, mua lấy sự ích lợi chung của mình thì càng ngày càng bước tới con đường vui vẻ. Còn dân nào ngu dại cứ ngồi yên mà nhờ trời mà mong đợi mà trông cậy ở vua, ở quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay 1 người, hay là 1 chính phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không bàn luận, không kiểm xét thì dân ấy phải khốn khổ mọi đường.
- Anh em chị em đồng bào ta đã hiểu thấu các lẽ, thì phải mau mau góp sức lo toan việc nước, mới mong có ngày cất đầu lên nổi!

Ngay trong cái buổi ban đầu mới nảy nở của tinh thần dân tộc và lòng ái quốc đó, tất nhiên không phải chỉ ở nước Việt mà nói chung trên toàn thế giới, cái bản văn nổi tiếng của những kẻ tào lao kiêm tự kỷ thuộc Bund der Kommunisten lại cho rằng “trong các cuộc đấu tranh của những người làm công ăn lương thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc mà chung cho toàn thể giai cấp” [in den verschiedenen nationalen Kämpfen der Proletarier die gemeinsamen, von der Nationalität unabhängigen Interessen des gesamten Proletariats hervorheben und zur Geltung bringen], thậm

chí chúng còn khẳng định luôn rằng “công nhân không có Tổ quốc”, [Die Arbeiter haben kein Vaterland]. Bọn chúng thì đúng là những kẻ không có Tổ quốc thật.

Quay lại với ĐNTL, trong khi các công dân châu Âu còn đang choáng ngợp và bối rối với những tình cảm mới đối với Tổ quốc của mình thì ở nước Việt, tất nhiên là thần dân vẫn chỉ có lòng trung thành với nhà vua, còn nhà vua thì chỉ hướng lên trời, lên cái nơi mà nhà vua, “thiên tử”, vốn là “con” của nơi đó. ĐNTL kể, vào tháng Bảy âm năm 1848 “kinh sư lại hiếm mưa, các địa phương ở 2 kỳ Nam Bắc phần nhiều cũng báo tin ít mưa, vua lại sai quan cầu đảo nữa và dụ sai các tỉnh thần thành kính cầu đảo nhưng chưa được mưa, vua rất lấy làm lo; Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp, Nguyễn Đăng Giai, Phan Thanh Giản dâng sớ xin chịu tội [đại lược “ngõ hầu hồi lại lòng trời, sớm cho mưa xuống”], vua xem lời tâu cũng tự nhận lỗi; nhân dụ các đại thần lấy ý vua tôi cùng kính sợ khuyên răn lẫn nhau; rồi kinh sư lại được mưa to, các tỉnh cũng tiếp tục báo tin được mưa”. Đây không phải lần đầu và cũng chẳng phải lần cuối triều đình lo việc cầu đảo, chẳng qua đây là 1 lần được lựa chọn ngẫu nhiên để trích dẫn vì thấy có nhiều đại thần cùng “thành kính tham gia” mà thôi. Kể ra thì, mặc dù đã hiểu nước tuần hoàn như thế nào trong tự nhiên, hình như là từ thời cổ đại, nhưng việc làm sao để khiến cho trời mưa xuống hoặc đừng mưa nữa thì cho đến nay vẫn còn là việc khó.

Việc cầu đảo cũng có thể theo nhiều cách khác nhau: “Vua thân làm thơ đảo vũ, sai Lễ bộ các thần là Lê Bá Đình, Mai Anh Tuấn đem thơ đến trước miếu tuyên đọc rồi đốt đi; ngày Giáp Tý mưa, sai lễ tạ, lại thân làm bài thơ tạ mưa, sai đem đến miếu tuyên đọc rồi đốt đi như trước”. Cũng có khi đành phải chấp nhận việc cầu đảo không thành: “Lại ít mưa; quan phủ Thừa Thiên Vũ Trọng Bình cầu đảo mãi không mưa, dâng sớ xin nhận lỗi, xin đổi phái người khác đến cầu đảo; vua giận nói rằng, Vũ Trọng Bình chính mình làm kinh doãn không biết vì dân hết lòng thành, rất đáng hổ thẹn với người đời xưa đi đâu thì có mưa theo xe [tích Trịnh Hoàng đời Hậu Hán, được coi là quan tốt, khi mùa xuân đi tuần hành các huyện, trời đang nắng xe của Hoàng đi đến đâu mưa theo đến đấy], đại hạn thì chất củi tự đốt mình thì mưa xuống ngay [tích Đới Phong cũng là quan tốt đời Hậu Hán, gặp năm đại hạn cầu đảo mãi không được, Phong sai chất đồng củi tự ngồi lên trên để đốt mình, lửa bốc cháy lên thì có mưa to đến rất mau, những tích chuyện bịp bợm này sao mà có đất sống lâu đến hàng ngàn năm vậy không biết nữa], Trọng Bình bị cắt lương; [vua] bèn đặt đàn ở trước cửa Ngọ Môn, sai bọn Càn Chính điện đại học sĩ Trương Đăng Quế, trung quân Tạ Quang Cự thay lượt nhau cầu đảo, mỗi ngày đốt 1 đạo văn khấn viết bằng giấy vàng liên tiếp 3 ngày, lại không mưa nhưng vẫn cầu đảo [không thấy nói là đến bao giờ thì mới thôi]”, v.v. và v.v.

Chuyển sang lĩnh vực quốc phòng. Trong bối cảnh “thiên triều” láng giềng đang gặp nạn binh đao với Tây di, vua Tự Đức cũng không quên chinh bị quân đội. ĐNTL kể: “lại thí nghiệm 9 cỗ súng đồng lớn, đúc từ năm Thiệu Trị thứ 7 đã sắc phong là thần oai phục viễn đại tướng quân, trong đó có 6 cỗ bị phá vỡ, là từ cỗ thứ 4 đến cỗ thứ 9, nguyên sung chức đồng lý là Nguyễn Tuấn trở xuống và đường quan 3 bộ Hộ Binh Công đều giao bộ Hình nghiêm nghị; sau chuẩn cho cưa bớt đi, lại y phép thí nghiệm đều được bền chắc, đều hạ sắc đổi phong là trấn hải đại tướng quân, khắc vào thân súng; rồi sau trích lấy 3 cỗ, từ cỗ thứ 1 đến thứ 3 tải đến cửa biển Đà

Năng ở Quảng Nam, 2 cổ là thứ 4 và thứ 5 tải đến thành Trấn Hải, đều đặt ở các nơi đó để phòng giữ, còn 4 cổ nữa lưu lại ở xưởng coi giữ”. Để hiểu tác dụng của các “đại tướng quân” này có đến mức nào.

Chuyển sang lĩnh vực ngoại thương: “Trước đây vua sắc sai Đào Trí Phú gửi mua hàng hoá phương Tây; đến đây [cuối năm 1848] tàu buôn người Tây phương tên là E Đoa chở hàng hoá sang đậu ở cửa biển Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam sai Hộ bộ tả tham tri Tôn Thất Thường đến nơi khoản tiếp; E Đoa chở sang những vật hạng gửi mua trị giá bạc 166267 thuần tiền Hà Lan, mỗi thuần hơn 1 tiền linh 7 biện sĩ [1 shilling 7 pennies]”. Dường như hơn 280 ngàn tiền linh tức là hơn 14 ngàn bảng của năm 1848, theo Office for National Statistics thì chỉ số giá tổng hợp tăng gần 12 ngàn phần trăm, tức là phải hơn 160 triệu bảng thời nay.

Vậy mà 1 loạt các đại thần “cùng dâng sớ can, lời rất khẩn thiết”, nào là ngọc lụa của 4 phương thì chỉ có cống nạp chứ không cần mua bán [!?!], nào là tàu Tây dương đang có tội với ta, nào là dân đang lụi lụi đói khổ không nên xa xỉ..., nhưng không nói rõ kết cục xử lý thế nào. Cũng chưa tìm thấy tung tích của tàu buôn E Đoa [Edouard?] này.

251 – USS Plymouth và 2 điểm đến của nó.

Đầu năm 1850 có chuyện, “sứ nước Ma Ly Căn ở Tây dương là Ba Ly Chì chở 1 chiếc thuyền đến cửa biển Đà Nẵng, mang thư của nước ấy đến tạ lỗi xin thông thương, trong thư nói 4 năm trước thuyền nước ấy đến nước ta lên bờ giết người, vua nước ấy đã đem trưởng thuyền làm tội rồi, nay mong bỏ hết oán cũ đi cho được thông thương hoà hảo, tỉnh thần Quảng Nam là bọn án sát Ngô Bá Hy đem việc ấy tâu lên; vua sai Tôn Thất Bật là hậu quân đô thống lĩnh tổng đốc Quảng Nam khi ấy hiện khuyết, chọn 1 người thị vệ 1 người thông ngôn có tính cẩn tin đến đồn cửa biển tùy tiện làm việc; khi ấy Bật bàn với bọn Ngô Bá Hy sai thông ngôn là Hoàng Văn Nghi trả lời rằng, thuyền nước ấy từ trước đến nay không có việc trái phép giết người nào cả, nhân dân nước ta chuyên nghề làm ruộng trồng dâu, không thích chơi của lạ, nếu có lại buôn cũng không lợi gì, thư này không dám đề đạt lên; Ba Ly Chì nói, nếu không đề đạt lên thì thuyền nước ấy không dám trở về; Tôn Thất Bật bèn xin tạm nhận thư kia, tùy cơ biện bác bắt bẻ; vua không cho, Ba Ly Chì xin đi chơi núi Ngũ Hành rồi chở thuyền đi”.

Không chừng, có thể là như đã từng không biết Phú Lãng Sa và Phạt Lan Tây chỉ là 1, vua quan triều đình cũng không biết Hoa-cân và Ma Ly Căn chỉ là 1; hoặc không chừng, có thể là họ đã hoàn toàn quên mất rồi vụ việc năm 1845 “thuyền Man của nước Hoa-cân”, tức tàu USS Constitution của Hoa Kỳ, cùng với tàu Alcmène của Pháp tới Đà Nẵng để can thiệp cứu Giám mục Lefèbvre Ngãi, chỉ nhớ tàu Pháp thôi.



Hình 10: USS Constitution và USS Plymouth

Ba Ly Chì tên đầy đủ là Joseph Balestier, 1788-1858, lãnh sự đầu tiên của Hoa Kỳ tại Singapore, người trong bối cảnh nạn hải tặc Xiêm hoành hành, đang rất mong muốn tìm 1 bến đậu an toàn cho tàu của Hải quân Hoa Kỳ nên rất quan tâm đến nước Việt, muốn tiếp tục sứ mệnh còn dang dở từ năm 1831 của Edmund Roberts tức Nghĩa Đức Môn La Bách Đại và Ủy Đức Giai Tâm Gia George Thompson [xem lại ĐLSC số 223].

Những thông tin dưới đây được đọc lại từ sách “the UNITED STATES and VIETNAM 1787-1941” của Robert Hopkins Miller, 1917-2017, National Defense University Press ấn hành năm 1990.

Thực ra thì cho tới tận bây giờ, những gì mà thuyền trưởng John Percival và tàu USS Constitution thực sự đã gây ra ở Đà Nẵng năm 1845 vẫn còn khá mù mờ. ĐNTL thì chỉ ghi nhận “viên ngoại lang Nguyễn Long cùng thuộc viên ở tỉnh là kinh lịch Nguyễn Dụng Giai..., bị người Man dọa nạt mang xuống thuyền” mà thôi. Long và Giai sau đó còn bị nhà vua phạt vì tội “không biết cự lại”. Vậy nhưng bằng vào nguồn tin từ “a year ago some mandarins of the King of Cochinchina who came here as usual”, những quan chức Việt hồi năm trước như thông lệ được cử đến Singapore để mua bán, ngày 06/04/1847 từ Singapore [sao không phải là sớm hơn?], Balestier đã viết 1 báo cáo cho Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ rằng ngoài việc có người bị bắt giam giữ như trên, những quan chức kia còn kể:

- “on a certain day they saw many boats leaving the ship full of armed men but as they or the people of the town apprehended no danger a crowd was gathered to see them land; after affecting which the strangers were formed in a line and fired on the crowd and as it fled towards the town they ran after them; 17 persons, men, women, and children were killed. In the mean time the "Constitution" had taken a position near the Port, which it soon destroyed and fired on the Rice Junks in the River which caused many to be killed and wounded by the shots and others to drown in the Junks as they sunk”,

[vào 1 ngày họ thấy nhiều thuyền rời tàu với đầy những người có vũ khí, nhưng họ và dân trong trấn cho rằng không nguy hiểm nên 1 đám đông đã tụ lại để xem những người đó lên bờ; sau khi cập bến những người lạ đã dàn 1 hàng và bắn thẳng vào đám đông, khi đám đông chạy vào trấn thì chúng đuổi theo họ; 17 người cả đàn ông phụ nữ và trẻ em bị thiệt mạng. Trong lúc đó thì tàu USS Constitution chiếm 1 vị trí gần cảng, từ đó nhanh chóng phá hủy và bắn chìm thuyền chở lúa xuống sông làm nhiều người chết và bị thương vì bị bắn, nhiều người khác bị chìm cùng thuyền].

Có thể có các khả năng như sau:

1. ĐNTL coi rẻ những mạng người thường dân bị chết và bị thương này cho nên không hề đề cập tới,
2. Thuyền trưởng Percival và binh lính đã che dấu 1 tội ác của mình,
3. Các quan chức Việt khi được cử đi Singapore mua bán đã vui miệng mà thêu dệt ra hẳn 1 câu chuyện, có thể có cả những tình tiết lẫn lộn mà các quan nghe được đầu đó từ vụ nổ súng năm 1847 của 2 tàu Gloire và Victorieuse [câu chuyện mới hơn, nóng hổi hơn]. Khả năng 1 và 2 là rất nhỏ. Percival đã có báo cáo trong đó thừa nhận việc bắt 3 con tin và đã phải chịu sự khiển trách của Bộ Hải quân từ năm 1845: “The Department disapproves the conduct of Capt. Percival as not warranted either by the demand of the Bishop or the laws of nations”, Bộ không chấp thuận hành vi của thuyền trưởng Percival vì không được bảo đảm bởi yêu cầu của Giám mục hoặc luật pháp của các quốc gia. Theo đó khả năng 3 này là lớn nhất, và
4. Balestier đã kết hợp sử dụng 1 câu chuyện thêu dệt cả năm trước, để tìm kiếm lý do cho sứ mệnh ngoại giao của mình, dù ông có nói thêm rằng, “I wish not to constitute myself

the accuser of Capt. Percival, or to bring to the notice of the Government any thing that had not already appeared in the newspapers of India and Europe”, tôi không muốn tự cho mình là người tố cáo thuyền trưởng Pervival, hoặc thông báo cho chính phủ bất kỳ điều gì chưa xuất hiện trên báo chí của Ấn Độ và Châu Âu...

Ba Ly Chì rốt cục đã có được cái sứ mệnh mà ông mong muốn, và ĐNTL đã nói đúng sự thực khi kể “mang thư của nước ấy đến tạ lỗi xin thông thương”. Mặc dù chưa thấy cụ thể cái quốc thư đó nhưng trong chỉ thị của mình cho Balestier, ngoại trưởng Hoa Kỳ hồi đó John Clayton đã ghi rất rõ ràng:

- “I transmit, herewith, a letter from the President to the King of Anam (Cochin China)... Its object is to disavow in a formal manner an alleged outrage, reported to have been perpetrated, in His Majesty's dominions, and upon his Majesty's subjects, by Captain John Percival, whilst in command of the United States Frigate Constitution, in the year 1845, the circumstances of which have been communicated to this Government by yourself, and which, for that reason, it would be superfluous for me to repeat in these instructions”.

Tôi gửi kèm đây 1 lá thư của Tổng thống gửi cho Vua An Nam (Cochin China) Mục tiêu của nó là từ bỏ 1 cách chính thức 1 sự xúc phạm đáng phẫn nộ, được báo cáo là đã được gây ra trong chủ quyền và trên các thần dân của Hoàng đế, bởi thuyền trưởng John Percival, trong khi chỉ huy chiến hạm Hoa Kỳ Constitution vào năm 1845, các tình huống đã được thông báo với chính phủ bởi chính ngài, và vì lý do đó sẽ là thừa đối với tôi nếu lặp lại trong các hướng dẫn này.

Lưu ý rằng thời điểm này ở Hoa Kỳ nội chiến còn chưa diễn ra, Hoa Kỳ còn lâu mới là 1 cường quốc. Tuy nhiên, bản chỉ thị của John Clayton cho Joseph Balestier cũng có nhiều điểm đáng để đọc lại ở đây:

- If you should find it impossible to overcome the well known repugnance of the Sovereign to grant a personal interview, and audience, you will then pursue such a course, with the officers of his Court, whom he may appoint to confer with you, as will, in your opinion, be best calculated not only to effect the principal object of your mission; but also, to promote another very important object, which the President anxiously desires, viz., the negotiation and conclusion of a Treaty of Friendship and Commerce, by virtue of which the lives and property of our citizens may be protected in Cochin China: and our merchant vessels be admitted to trade, in the different ports of the Empire, on terms regulated by a fixed, fair and liberal tariff. And in any negotiations into which you may enter, with these objects, you will take special care to point out, and to explain, the very liberal course of policy pursued by your own Government which, under Treaties of reciprocity with foreign nations, freely admit their ships, into all our ports on the same footing with those of our own flag. A letter of credence, and a full power are herewith transmitted.

“Nếu ngài thấy không thể vượt qua được mối ác cảm thường thấy của Chúa tể để được bệ kiến và lắng nghe, thì ngài hãy theo đuổi 1 buổi làm việc với các viên chức của Triều đình của ông ta, người mà ông ta có thể chỉ định để trao đổi với ngài, người mà theo ngài, sẽ là tốt nhất không chỉ để thực hiện mục tiêu chính của sứ mệnh của ngài; mà còn, để thúc đẩy 1 mục tiêu rất quan trọng khác, mà Tổng thống vô cùng mong muốn, đó là việc đàm phán và ký kết Hiệp ước Hữu nghị và Thương mại, nhờ đó tính mạng và tài sản của công dân chúng ta có thể được bảo vệ ở An Nam: và các tàu buôn của chúng ta được phép vào buôn bán tại các cảng khác nhau của Đế quốc, theo các điều khoản được quy định bởi 1 biểu thuế cố định, công bằng và tự do. Và trong bất kỳ cuộc đàm phán nào mà ngài có thể tham gia với những đối tượng này, ngài sẽ đặc biệt chú ý chỉ ra và giải thích, đường lối rất tự do của chính sách mà Chính phủ của ngài theo đuổi, theo Hiệp ước có đi có lại với nước ngoài, tự do thừa nhận tàu của họ vào tất cả các cảng của chúng ta trên cùng 1 phương thức với các cảng có cờ của chúng ta. Thư tín nhiệm với toàn bộ quyền lực được chuyển kèm”.

- You will make known to the King, or to his Ministers, that the Government and people of the United States are devoted to peaceful occupations, rather than to war - that they have no colonies or forts abroad, like the English, Dutch, French, Spanish and Portuguese nations - that when their merchants go from the United States, to trade, they carry with them gold, silver and merchandise of various kinds to pay for the articles they purchase - and, that they are at peace with all the world: You will endeavor to make them comprehend the vast extent, and growing importance and power of our country - referring to maps of the world, and of the United States: acquainting them with the number of our war, steam, and merchant ships: and demonstrating the incalculable advantages, and benefits, likely to flow to them, from such a Treaty, with so great a nation, from which, when bound to it by international ties, they need have no fear of invasion. You will also endeavor to induce the Cochin Chinese Government to receive a Consul, or Commercial Agent, at one or more of their principal ports.

“Ngài sẽ làm cho Nhà vua hoặc cho Bộ trưởng của ông ta biết rằng, Chính phủ và nhân dân Hợp chúng Quốc đang cống hiến cho các sứ mệnh hòa bình thay vì chiến tranh - rằng họ không có thuộc địa hoặc pháo đài ở nước ngoài như các nước Anh, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha – rằng khi các tàu buôn của họ ra đi từ Hoa Kỳ để buôn bán, họ mang theo vàng, bạc và hàng hóa các loại để thanh toán cho các mặt hàng họ mua - và rằng họ hòa bình với tất cả thế giới: Ngài sẽ cố gắng làm cho họ hiểu được phạm vi rộng lớn cũng như tầm quan trọng và sức mạnh ngày càng tăng của đất nước chúng ta - tham khảo bản đồ của thế giới và của Hoa Kỳ: cho họ biết về số lượng tàu chiến, hơi nước và tàu buôn của chúng ta: và thể hiện những lợi thế và lợi ích khôn lường có thể sẽ đến với họ, từ 1 Hiệp ước như vậy với 1 quốc gia vĩ đại, mà từ đó, khi bị ràng buộc bởi các mối quan hệ quốc tế, họ không cần phải sợ bị xâm lược. Ngài cũng sẽ nỗ lực để khiến Chính phủ An Nam chấp nhận 1 Lãnh sự hoặc Đại lý Thương mại, tại 1 hoặc nhiều cảng chính của họ”.

Balestier khởi hành từ Hong Kong ngày 21/02/1850, cùng với William Dean, 1 linh mục đi theo làm thư ký kiêm phiên dịch. Nội dung chuyến viếng thăm có vẻ phù hợp với những gì đã được ĐNTL mô tả:

- Balestier's encounter with the Cochinchinese was remarkably similar to that of Edmund Roberts. The USS Plymouth, carrying Balestier and his secretary Dean, anchored in DaNang Bay on 25 February 1850. The ship was promptly visited by two Cochinchinese officials "of inferior rank," who inquired regarding the reason for the visit. Balestier gave them a letter describing the mission's friendly motives which the officials read but declined to accept. They agreed, however, to communicate its contents to their superiors.

Cuộc gặp gỡ của Balestier với người An Nam rất giống với cuộc gặp gỡ của Edmund Roberts. Tàu USS Plymouth, chở Balestier và thư ký Dean của ông, thả neo ở vịnh Đà Nẵng ngày 25/02/1850, được 2 quan chức "có cấp bậc thấp kém" đến thăm và hỏi lý do chuyến thăm. Balestier đưa cho họ 1 lá thư mô tả động cơ thân thiện của sứ mệnh mà các quan chức đã đọc nhưng từ chối chấp nhận. Tuy nhiên, họ đồng ý thông báo nội dung của nó cho cấp trên của họ.

Bây giờ thì dễ thấy rằng 1 cơ hội cạnh tranh cho nước Việt đã bị bỏ qua bởi sự tối tăm có nguồn gốc Nho giáo của vua Tự Đức và triều đình. Nhưng cũng có thể cơ hội đó đã bị bỏ lỡ bởi chính thành kiến của Joseph Balestier, người dứt khoát cho rằng Percival đã giết người và sứ mệnh chính của ông ta là đến xin lỗi:

- On 13 March, word was sent to Balestier that the Governor of Kwangnam (Quang Nam) Province invited him on shore for a meeting. The meeting took place, and the Governor informed Balestier that the letter could not be received because it referred to the killing of Cochinchinese by the crew of an American warship, and this could not be substantiated by the records of the country. Balestier accused the Cochinchinese of seeking a pretext to deny the event so as to remain free to commit hostile acts on Americans. He charged that refusal of the President's letter would be highly offensive to the President. The Governor of Quang Nam was unmoved, terminated the discussion after three hours, and departed.

Ngày 13/03, Balestier được tin tổng đốc Quảng Nam [Tôn Thất Bật] mời ông lên bờ họp. Cuộc họp diễn ra, tổng đốc thông báo với Balestier rằng không thể nhận được bức thư vì nó ám chỉ việc thủy thủ đoàn của 1 tàu chiến Mỹ đã giết người An Nam, và điều này không thể chứng minh được bằng hồ sơ của nước này. Balestier cáo buộc người An Nam tìm cách từ chối sự kiện này để có thể tiếp tục thực hiện các hành vi thù địch với người Mỹ [!]. Ông buộc tội rằng việc từ chối lá thư của Tổng thống sẽ gây khó chịu cho Tổng thống. Tổng đốc Quảng Nam không hề lay chuyển, chấm dứt cuộc thảo luận sau 3 giờ và bỏ đi.



Hình 11: 1 trong 4 chiến hạm của Hoa Kỳ thả neo ở Edo năm 1853 trong mô tả của người Nhật Bản

USS Plymouth đã không thành công với sứ mệnh của Joseph Balestier năm 1850 ở vịnh Đà Nẵng nhưng nó sẽ thành công với sứ mệnh của Matthew Calbraith Perry năm 1853 ở vịnh Edo, Nhật Bản, [trong sứ mệnh này, USS Plymouth chỉ là 1 trong 2 tàu buồm, cùng với 2 tàu hơi nước nữa, trong đó USS Susquehanna là kỳ hạm] mở ra 1 thời kỳ mà về sau ở Nhật Bản sẽ được gọi là 明治維新, Meiji Restoration, Minh Trị Duy Tân.

252 – Những câu chuyện tình

Ảnh hưởng của Napoléon đối với lịch sử thế giới và chuyện tình say đắm Napoléon – Joséphine là những điều đã tốn quá nhiều giấy mực. Tuy nhiên, vẫn còn những khía cạnh khác của cặp tình nhân nổi tiếng này có ảnh hưởng đến lịch sử thế giới mà có thể là còn chưa tốn đủ giấy mực cho lắm, theo tầm mức quan trọng của nó.

Trước khi lấy Napoléon, Joséphine đã có 1 đời chồng thuộc dòng họ Beauharnais, được 1 trai tên là Eugène và 1 gái tên là Hortense. Trai Eugène này, cũng nhuộm màu hoàng tử vì được coi là con nuôi của Napoléon, lấy công chúa Augusta của xứ Bavaria và sinh ra 7 người con trong đó cô con gái đầu lòng lấy thái tử Oscar người về sau trở thành vua Oscar I, còn cô thì trở thành hoàng hậu của Thụy Điển và Na Uy, 1 hoàng hậu được đánh giá cao về nhiều mặt trong những biến động của năm 1848, đặc biệt là cho sự cởi mở tôn giáo – xã hội và bình đẳng giới của Bắc Âu từ đó về sau này. Gái Hortense thì lại lấy em trai của Napoléon là Louis Bonaparte người được anh đặt lên làm vua Hà Lan, như là cháu lấy chú dù rằng không phải huyết thống. Người con út của cặp đôi này, đứng về phía cha thì coi Napoléon I là bác ruột nhưng đứng về phía mẹ thì coi Napoléon I là ông ngoại nuôi, năm 1852 sẽ trở thành Napoléon III, tuy không thành công lắm cho vị thế của nước Pháp nhưng sẽ làm thay đổi hoàn toàn lịch sử nước Việt.

[Napoléon II là con ruột của Napoléon I với công chúa Áo Marie-Louise, được vua cha nhường ngôi cho những 2 lần, mỗi lần vài ngày sau khi vua cha thất trận, chỉ có điều là không được bên thắng trận thừa nhận. Sự thừa nhận duy nhất có ý nghĩa mà Napoléon II nhận được là từ người anh họ của mình, người đã tự nhận mình là Napoléon III].

Lớn tuổi hơn và hay được so sánh với Napoléon I ở nước Việt là Quang Trung Nguyễn Huệ, cũng có 1 câu chuyện được dệt lên thành chuyện tình say đắm là câu chuyện với công chúa Ngọc Hân, trong khi lai lịch của những chính cung hoàng hậu khác, những người gắn bó với Nguyễn Huệ từ thuở hàn vi, thì rất mơ hồ lẫn lộn. Nào là cảnh đào từ Thăng Long [kịch tác gia Trúc Đường Nguyễn Mạnh Phác quả là 1 tội đồ lớn của bộ môn lịch sử khi sáng tạo ra cho khối đông đảo quần chúng nhẹ dạ (1) cái tên huyền ảo Vân Nga cho Dương hậu và (2) cái tích ngon lành cảnh đào hoàng đế Quang Trung gửi cho Bắc cung hoàng hậu], nào là “ai tư văn” 1 bài thơ được gán cho là của Ngọc Hân nhưng ngôn từ ý tứ lại rất đối “đàn ông” để cho mọi nghi ngờ đều hướng về phía Phan Huy Ích như là tác giả đích thực. [Ngoài ra, trong dân gian cũng còn lưu truyền những vần thơ tục tĩu, xuất phát từ tâm thế khó chịu của “sĩ phu Bắc Hà” trước môi lương duyên mà họ coi như “chiêu quân cống hồ” bên China hoặc Huyền Trân công chúa của nhà Trần].

Napoléon có thể yêu say đắm và kết hôn với 1 phụ nữ hơn mình 6 tuổi như Joséphine de Beauharnais khi còn là 1 sĩ quan. Nhưng rồi ngai vàng và kỷ cương Kitô giáo đã buộc ông phải ly dị người mình yêu để có thể cưới Marie Louise nữ đại công tước Áo, 1 cuộc hôn nhân không còn là tình yêu nữa mà chỉ là vấn đề người thừa kế. Chàng thanh niên Tám Huệ của miền Tây Sơn thượng đạo cũng vậy với những tình yêu ban đầu cùng Bùi thị hay / và Phạm thị [có thể là 1

mà cũng có thể là 2, có thể cùng mẹ khác cha trong 1 bối cảnh rõ ràng là còn đậm nét mẫu hệ. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác trong tác phẩm “Sông Côn mùa lũ” còn tặng cho Tám Huệ 1 mối tình tuyệt đẹp, không thành, với An, ái nữ của thầy giáo Trương Văn Hiến]. Những lá thư thừa sai trong thời kỳ đó đã chứng nhận nỗi đau khổ mất mát của vị hoàng đế khi chính cung hoàng hậu của ông qua đời. Kỷ cương Nho giáo cho phép 1 người đàn ông phương Đông được phép có không hạn chế số thê thiếp, cho nên rất khó để có thể tin rằng những mối lương duyên được sắp đặt về sau là có tình yêu trong đó.

Dù sao chăng nữa thì câu chuyện của công chúa Ngọc Hân có kết cục buồn hơn câu chuyện của Joséphine de Beauharnais rất nhiều. ĐNTL kể, tháng Bảy 1 năm 1842, “tỉnh Bắc Ninh có dân xã Phù Ninh ngầm thờ nguy quỷ, việc bị phát giác, vua sai huỷ bỏ đền thờ; nguyên người xã ấy là Nguyễn Thị Huyền làm cung nhân của vua Lê Hiến Tông, có người con gái là Ngọc Hân, sau gả cho nguy Huệ sinh được 1 trai 1 gái; Ngọc Hân chết, trai gái cũng chết non cả; khoảng năm đầu Gia Long, nguy đô đốc tên là Hải ngầm đem hài cốt mẹ con Ngọc Hân từ Phú Xuân về táng trộm ở địa phận xã Phù Ninh, thị Huyền ngầm xây mộ dựng đền khắc bia giả dối, đổi lại họ tên để làm mất dấu tích; tới đây việc ấy bị phát giác, vua sai huỷ đền thờ, đào bỏ hài cốt kẻ nguy đi”. Rõ ràng là cách hành xử đậm mùi Nho giáo của đô đốc Hải và của mẹ nàng, với ý định tốt, nhưng rốt cục chỉ gây thêm phiền hà cho sự yên nghỉ của 3 mẹ con nàng.

Trở lại với phương Tây, cũng được thêu dệt lên thành chuyện tình say đắm là những câu chuyện tình khá phức tạp của cặp đôi tự kỷ Karl và Fred [không phải là với nhau mà là với những phụ nữ khác nhau].

Trước hết là câu chuyện của Karl, người chính thức có gia đình. Bằng nỗ lực bản thân, Karl lấy được tình yêu say đắm lớn hơn 4 tuổi của đời mình, và họ có những người con như sau:

- Jenny Caroline (1844-1883), 39 tuổi
- Jenny Laura (1845-1911), 66 tuổi
- Charles Louis Henri Edgar (1847-1855), 8 tuổi
- Heinrich Edward Guy (1849-1850), 1 tuổi
- Jenny Eveline Francis (1851-1852), 1 tuổi
- Jenny Julia Eleanor (1855-1898), 43 tuổi
- Chưa kịp đặt tên (1857–1857)

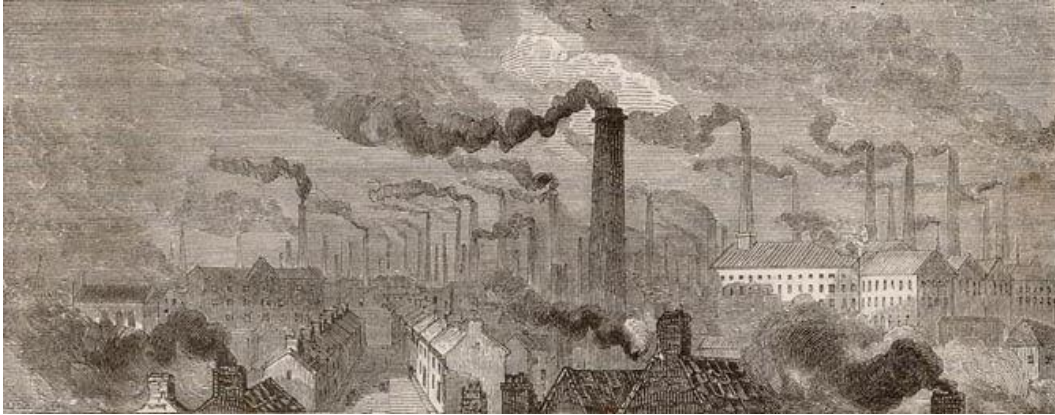
Chen vào giữa cái tình yêu say đắm đó, muộn hơn Jenny Eveline Francis chỉ vỏn vẹn 3 tháng là Henry Frederick Demuth (1851-1929), người suốt cuộc đời mình đành phải mang họ của mẹ. Nàng Helena Demuth (1820-1890), vốn là người hầu gái của tiểu thư Johanna Bertha Julie Jenny Edle von Westphalen, thường gọi Jenny von Westphalen, từ khi nàng còn nhỏ, theo nàng về nhà chồng và theo cả gia đình của nàng đi lưu vong. Những người nhiệt thành muốn bảo vệ thanh danh cho Karl thì cho rằng "this [claim] is not well founded on the documentary materials available", điều này [coi Henry Frederick Demuth là con ruột của Karl] là không chắc chắn dựa vào những tư liệu có sẵn. Đúng là chẳng có 1 tư liệu có sẵn nào cả, và người ta lạnh lùng đem

Henry đi cho 1 gia đình lao động, gia đình Devalek nào đó ở Brussels. [Có thể sẽ có thêm 1 nghi án nữa ở đây, bởi vì dường như chính cái gia đình Devalek này đã nuôi nấng cậu bé Charles Louis Henri Edgar, người thứ 3 trong danh sách bên trên và là trưởng nam của Karl, cũng ngay từ khi được sinh ra và chỉ được vẹn vẹn có được 8 năm, từ 1847 đến 1855]. Cả 3 người con gái sống đến tuổi trưởng thành đều là những thành viên nhiệt thành theo cái tư tưởng và phong trào của cha mình, và cả 3 chàng rể cũng vậy, nhưng nói theo kiểu Đức, *betätigten sich als sozialistische Agitatoren*, họ khá là quá khích. Theo 1 số tài liệu của chính cái phong trào đó thì các con gái của Karl, thoát đầu coi Henry là sản phẩm của “người đồng chí suốt đời”, *lifelong comrade* của cha mình, tức là của Fred, điều này có lẽ là rất phù hợp và có thể tin được, vì nàng Helena sau khi các chủ nhân ban đầu của mình, vợ chồng Karl, lần lượt qua đời thì tiếp tục làm hầu gái cho Fred cho đến khi Fred an táng nàng vào luôn cùng với Karl, và thêm vào đó, Henry khi trưởng thành có kiểu râu tóc mượt mà rất đặc trưng của Fred, khác với sự xồm xoàm của Karl, không lộn đi đâu được. Cũng có những tài liệu không thể kiểm chứng được, cho rằng để cứu vãn cuộc hôn nhân cho bạn, Fred đã thật hoặc giả thừa nhận với vợ của bạn trách nhiệm về phần mình. Thế nhưng bằng cách nào đó, lời trắng trối của Fred, không có bằng chứng, và khoản tiền thừa kế mà Fred đã để lại chỉ cho các con gái của Karl thôi chứ không có cho Henry, đã làm các cô con gái thay đổi quan điểm và quay sang thừa nhận Henry là “cùng cha khác mẹ” với mình. Sau đó dường như, 1 lần nữa lại không có bằng chứng, các cô có tự động chia sẻ phần tài sản được thừa hưởng từ Fred cho Henry. Người làm công ăn lương Henry về sau quả thật có 1 đời sống khá dư giả, số tiền còn lại khi anh ta qua đời năm 1929 là 1971 bảng 12 tiên linh 4 biệnsĩ nói theo ngôn từ của ĐNTL, bằng khoảng 125 ngàn bảng của năm 2020 này.

Tiếp theo là câu chuyện của Fred, người được coi là không lập gia đình và do đó cũng không có hậu duệ chính thức. Trong khi câu chuyện về người hầu gái chung của 2 người “đồng chí trọn đời” còn đầy uẩn khúc thì Fred đã thâm nhập khá sâu để tìm hiểu về thực tế cuộc sống của “giai cấp vô sản”, cách dùng từ của họ để chỉ những người làm công ăn lương, bằng mối quan hệ với cô thợ dệt người gốc Irish tên là Mary Burns, 1823-1863. Fred gặp Mary Burns rất sớm, khi mới 23 tuổi. Nàng lúc đó cũng mới 21 tuổi nhưng những “tài liệu của phong trào”, khi không thể giả vờ là không có nàng, thì coi nàng như là 1 “người cấp tiến” và đã đưa chàng trai trẻ con nhà giàu thâm nhập vào cuộc sống bản cùng của những người làm công ăn lương ở Manchester. Tiểu thư Jenny von Westphalen là 1 người kín tiếng, ngoài những bức thư tình say đắm tiền hôn nhân, dường như nàng không để lại điều tiếng gì trong suốt cuộc đời khổ ải còn lại. Ấy vậy mà những tài liệu của phong trào cũng tiết lộ rằng, có 1 lần duy nhất cặp đôi tự kỷ đánh phải hơi nặng lời với nhau, đó là khi nàng tiểu thư gốc Đức từ chối tiếp chuyện ngang hàng với cô thợ dệt gốc Irish.

Có thể nói là “tình đồng chí suốt đời” đã làm cho cặp đôi tự kỷ giống nhau đến kỳ lạ: Nếu Karl có người hầu gái Helena thì Fred cũng có 1 người hầu gái chính là em gái của Mary, tên là Lidia Burns, 1827-1878, thường gọi là Lizzy. Khi người chị qua đời, người em Lizzy kế tục vị trí người tình của Fred. [Cũng còn có những người tình khác nữa chứ không phải chỉ có vậy, nhưng chuyện tình đó không có sự liên kết nên không đưa vào đọc ở đây]. Là 1 phụ nữ ngoan đạo,

Lizzy đã buộc được Fred phải làm lễ kết hôn với mình chỉ vài giờ trước khi nàng qua đời, năm 1878. Ngôi vị chính thất của nàng sau đó đã được khắc ghi hẳn hoi trên bia mộ ở nghĩa trang St Mary, London. [Cũng có thể sẽ có thêm, 1 lần nữa, 1 câu chuyện nữa tiếp theo, bởi vì khi Lidia Burns tiếp bước chị trở thành người tình thì, 1 cô cháu gái Mary Ellen nào đó của chính 2 chị em nhà Burns này, tiếp bước vào làm người hầu gái].



Hình 12: Manchester của Mary Burns, địa ngục công nghiệp những năm 1870s

Bund der Kommunisten cái tổ chức đặt hàng cho cặp đôi tự kỷ viết cái bản văn vớ vẩn đã biết, 1 phần vì những mâu thuẫn nội bộ, 1 phần vì bị kết tội “im Laufe zu Köln ein Komplott gestiftet zu haben, dessen Zweck war, die Staatsverfassung umzustürzen und die Bürger und Einwohner gegen die königliche Gewalt und gegeneinander zur Erregung eines Bürgerkrieges zu bewaffnen”, âm mưu xóa bỏ hiến pháp, vũ trang chống lại hoàng gia và kích động nội chiến, đã chính thức bị giải tán tháng 11/1852.

253 – Từ Dụ chứ không phải Từ Dũ

Dưới thời Tự Đức, 1 số vấn đề thanh trừng từ thời Minh Mạng đã được khôi phục:

Năm 1850 “phong Cẩm Hoá hầu Tôn Thất Lê Chung làm Cẩm Hoá quận công để thừa tự Anh duệ Hoàng thái tử theo lời xin của Vũ Xuân Cẩn”. Đến năm 1854, “vua cho là Anh Duệ Thái tử vốn có công lao thì việc tế lễ nên phải theo mức hậu; vì 2 kỳ tế Xuân, Thu và ngày giỗ, đều chuẩn cho lấy của công sửa biện”.

Đến tháng Sáu âm năm 1872, ĐNTL nói chi tiết hơn: “Bộ Lễ tuân theo sắc chỉ xét sự trạng của Cẩm Hoá đình hầu Lê Chung tâu lên; nguyên ngày tháng 4 đã sắc sai bộ Lễ xét Cẩm Hoá đình hầu là dòng dõi của Anh Duệ hoàng thái tử, nguyên uỷ làm thế nào mà phải giáng, hiện nay đền thờ thái tử ai coi giữ, việc tế tự thế nào, đình thần ấy năm nay bao nhiêu tuổi, đã già hay còn trẻ, tính hạnh thế nào, có thể giữ việc thờ cúng được không, có bao nhiêu con cháu, đã trưởng thành chưa; bộ phước tâu rằng, con của Anh Duệ hoàng thái tử là Ứng Hoà công tên là Mỹ Đường, sinh được con trai trưởng tên là Lê Chung; Minh Mạng năm thứ 5 Mỹ Đường có tội bị phế, Lê Chung được phong làm Cẩm Hoá hầu để chủ trương thờ cúng Anh Duệ hoàng thái tử, [đến năm] Tự Đức năm thứ 2 được phong làm Cẩm Hoá quận công, [đến năm Tự Đức] năm thứ 18 vì can tội trộm hút thuốc phiện, phải giáng làm Cẩm Hoá đình hầu để tiện coi giữ đền thờ; đình hầu ấy từ trước đến nay coi giữ từ đường, phạm các tiết lễ cúng tế vẫn được cấp tiền công giao cho làm lễ; hiện nay 52 tuổi, tính hạnh hình như cũng hơi thuần, còn việc trộm hút thuốc phiện, từ khi phải giáng, biết sợ biết hối đã dần dần bỏ hẳn; sinh được 6 con trai là Anh Gia, Anh Vịnh, Anh Dĩ, Anh Nhu, Anh Linh, Anh Nghi và 2 con gái, đều đã trưởng thành”.

Không rõ tại làm sao mà ĐNTL lại chép chữ “Anh” cho 6 người con trai của Lê Chung như trên, vì theo qui định đặt tên cho phiên hệ thì chữ lót của dòng này là “Mỹ Lê Tăng Cường Tráng”, con của người mang chữ “Lê” phải là người mang chữ “Tăng”. Tăng Nhu, chắc là Anh Nhu trong danh sách trên, chính là cha của kỳ ngoại hầu Cường Để. Trước khi xuất ngoại, Cường Để đã có 2 người con trai là Tráng Liệt và Tráng Cử, chưa rõ tung tích. Dòng này nếu còn sẽ được tiếp tục bởi “Liên Huy Phát Bội Hương Lệnh Nghi Hàm Tồn Thuận Vỹ Vọng Biếu Khôn Quang”...

Năm 1868, “vua bảo các quan đình thần rằng, trẫm xem các truyện chép ở chính biên, thấy lũ Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường thì công rất lớn, sở dĩ có tội là vì ít học không có lễ phép mà thôi, người bày tôi ở các địa vị có công mà biết lễ thì đâu có đến thế; nay phép nước lâu ngày đã che tội, trẫm kính theo chí tiên hoàng, nghĩ lại công trước để tỏ ý ghét người xấu thì ít mà yêu người tốt thì nhiều, nhân sai tra xét công tội thân tự quyết định, chuẩn cho Nguyễn Văn Thành được phục chức ‘vọng các công thần chương trung quân Bình Tây đại tướng quân quận công’, Lê Văn Duyệt truy phục chức ‘vọng các công thần chương tả quân Bình Tây đại tướng quân quận công’, đều được thờ ở miếu Trung hưng công thần; lại cho truy phục Đặng Trần Thường làm tham tri bộ Lại, Lê Văn Quân là Bình Tây đô đốc, chương quân Lê Chất là tả đồn đô thống chế”.

Ngược chiều lại với việc khôi phục những vụ thanh trừng cũ là chuyện thanh trừng mới:

Mới mùa Xuân tháng Giêng năm 1854, “An Phong công Hồng Bảo mưu khởi nghịch, rồi tự thắt cổ ở nơi giam; con trai con gái Hồng Bảo và người dự mưu là viên đã chết Tôn Thất Bật đều bị tước bỏ tên trong sổ Tôn nhân, viên bị cách chức Đào Trí Phú phải tội lăng trì xử tử, các phạm nhân đều bị tịch thu gia sản và bắt cả thân thuộc; trước đây Hồng Bảo vì không được lập lên làm vua nên để lòng mưu phản, toan thông ngầm với người Tây dương, việc bị phát giác nhưng vua vẫn ưu đãi khoan dung cho Hồng Bảo; đến năm ngoái Hồng Bảo lại ngầm sai thuộc hạ ở phủ là Trần Tuấn Đức thông ước với nước Cao Miên nổi loạn, kinh lược đại sứ Nguyễn Tri Phương bắt được Đức giải về kinh tra xét quả là sự thực, Hồng Bảo tự tử ở nơi giam; vua ra lệnh bắt đổi Bảo là họ Đinh và Bật đổi là họ Phan, đều là theo họ của mẹ”.

Kể ra thì thể chế quân chủ mà phế trưởng lập thứ, không khởi nghịch mới là sự lạ. Câu chuyện Hồng Bảo tất nhiên sẽ làm dấy lên nhiều đồn đoán, đặc biệt là về vai trò của quyền thần Trương Đăng Quế và như thường lệ, các thuyết âm mưu lại tìm cách đổ sang cho Kitô giáo và phương Tây. Chính vì vậy mà Tôn Thất Bật, người vừa mới đổi đáp với Ba Ly Chì Balestier xong [ĐLSC số 251], và Đào Trí Phú người thường đi mua tàu máy chạy hơi nước và mới đây đổi phó không thành với các tàu Pháp Gloire và Victorieuse [ĐLSC số 248], tức là những người có ít nhiều liên hệ với phương Tây, bị lôi vào cuộc tới mức lăng trì xử tử. Sau đây là những gì Hồng Bảo xuất hiện trong ĐNTL, theo trình tự thời gian:

Tháng Tư 1840, vua Minh Mạng “làm sách phong cho hoàng tôn là Hồng Bảo làm Yên Phong đình hầu”, Hồng Bảo là trưởng nam của hoàng trưởng tử Miên Tông lúc đó mới 15 tuổi. Việc sách phong này đã định rõ danh phận của “hoàng trưởng tôn”. [Sự việc còn được đẩy xa hơn nữa 1 cách tích cực khi vào năm 1845, Hồng Bảo lúc này 18 tuổi có con trai đầu lòng cũng được ĐNTL ghi lại 1 cách trọng thị, nhân dịp “lễ tiến tôn” mà “ngũ đại đồng đường”, từ bà nội Thuận Thiên thái hậu xuống tới cháu nội Ứng Phước của vua Thiệu Trị].

Thế nhưng mới đầu năm 1842 khi chuẩn bị ra Bắc nhận sắc phong, vua Thiệu Trị “sai hoàng tử An Phong đình hầu Hồng Bảo lưu tại Kinh, đồng lý việc quân việc nước”, cũng là việc bình thường đúng với danh phận của người nay đã là “hoàng trưởng tử”, thì ĐNTL đã làm 1 cú đảo ngược thời gian ngoạn mục: “Ngày Tân Mùi, xa giá từ kinh sư ra đi, cho hoàng tử thứ 2 đi theo; trước đây...”. Đang kể xuôi êm ả bỗng “trước đây” báo hiệu 1 điều bất thường.

“Trước đây vua bảo đại học sĩ Trương Đăng Quế, kinh sư là chỗ căn bản trong thiên hạ, trách nhiệm coi việc nước không phải là nhẹ, Hồng Bảo tuổi tuy đã lớn nhưng không có học, kiến văn hẹp hòi e khó làm xong công việc, hoàng tử thứ 2 vốn sẵn thông minh, trầm muốn giao cho việc lưu kinh được không; Đăng Quế tâu rằng, biết con thì không ai bằng cha, việc này chỉ tự bề trên quyết định, thần không dám biết; vua nhân vào châu Tây cung, đem việc ấy tâu bày; thái hoàng thái hậu dụ trước mặt rằng, hoàng trưởng tử lưu kinh vốn là việc cũ, Hồng Bảo tuy ít học nhưng tuổi đã trưởng thành, để lại 1 vài đại thần giúp việc, có gì là không nên, hà tất phải thay đổi việc cũ; vua sợ trái ý thái hoàng thái hậu, bèn sai Hồng Bảo lưu Kinh mà cho hoàng tử thứ 2 theo vua

ra Bắc”. Tức là theo ĐNTL thì việc phế truất lập thứ là bắt nguồn từ chính vua cha Thiệu Trị, với lý do là Hồng Bảo “không có học”. Mặc dù chưa chính thức nói tới chuyện phế lập nhưng từ đây trở đi, ĐNTL sẽ có nhiều chỗ được biên tập lại theo 1 thứ tự không thông thường:

Đầu năm 1843 sắc phong cho các hoàng tử, nhưng việc sau chép lên trước và việc trước được đưa xuống sau như sau: “Ngày Canh Ngọ, phong hoàng tử thứ hai làm Phước Tuy công”, bài sách văn phong tước được thuật lại dài dòng; tiếp theo mới có đoạn “hôm ấy, tấn phong hoàng tử An Phong đình hầu Hồng Bảo làm An Phong công”. Cả 2 anh em đều được phong tước “công” như nhau cả nhưng kể về em trước kể về anh sau. Có thể tin rằng thực tế ngày hôm đó mọi việc vẫn diễn ra theo thứ tự thông thường, anh trước em sau, chỉ là dưới ngòi bút được biên tập của sử quan mọi việc mới thành ra như vậy.

Đoạn sau đây có vẻ như không được / bị biên tập: tháng Tư năm 1843 “đến ngày làm lễ [mừng thọ vua], vua ngự điện Cần Chính, các quan mặc triều phục hầu tiệc yến, hoàng tử công hoàng thân công và văn võ đại thần lần lượt chúc thọ; lần thứ nhất hoàng tử thứ 2 Phước Tuy công bưng chén đựng rượu, hoàng tử thứ 4 Hồng Y bưng nậm đựng rượu, An Phong công Hồng Bảo chúc thọ; lần thứ 2 Ninh Thuận công Miên Nghi bưng chén, Tương An công Miên Bảo bưng nậm rượu, Thọ Xuân công Miên Định chúc thọ”. Bưng chén bưng nậm chỉ là phụ, người chúc thọ mới là chính.

Đoạn sau đây thì lại rõ ràng là bị đảo thứ tự: “Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa hạ tháng Năm, ngày Ất Mão mừng Một, sai hoàng nhị tử Phước Tuy công, hoàng thứ trưởng tử An Phong công Hồng Bảo, hoàng tam tử Thái Quốc công Hồng Phó, hoàng tứ tử Kiến Thụy công Hồng Y, hoàng lục tử Hoảng Trị quận công Hồng Tổ, hoàng thất tử Hồng Phi, hoàng bát tử Gia Hưng công Hồng Hưu, hoàng cử tử Hồng Cung, hoàng thập nhị tử Hồng Truyền, chia nhau đến đàn Nam Giao, các miếu, tẩm điện, đàn Xã Tắc, cáo lễ khánh tiết”. Không những đảo thứ tự mà cả tên húy là Hồng Nhậm của hoàng nhị tử Phước Tuy công cũng được ẩn đi, vị trí “hoàng trưởng tử” của Hồng Bảo bị xuyên tạc thành ra là “hoàng thứ trưởng tử” chẳng theo lẽ lối nào cả.

Lễ mừng thọ vua năm 1846 thứ tự cũng giống như năm 1843: “hoàng trưởng tử An Phong công Hồng Bảo sung vào chúc thọ lần thứ nhất, hoàng nhị tử Phước Tuy công thì bưng chén, Gia Hưng công Hồng Hưu thì bưng nậm; hoàng đệ Thọ Xuân công Miên Định sung vào chúc thọ lần thứ 2, Ninh Thuận công Miên Nghi thì bưng chén, Phú Bình công Miên An thì bưng nậm”, ẩn đi tên húy Hồng Nhậm. Rồi khi cày tịch điền, Hồng Bảo còn được đi theo. Rồi khi thái hoàng thái hậu bệnh tướng đã qua khỏi, chia nhau “vua đến lễ tạ ở điện Phụng Tiên, lại sai hoàng tử An Phong công Hồng Bảo đến lễ tạ ở điện Hiếu Tư”.

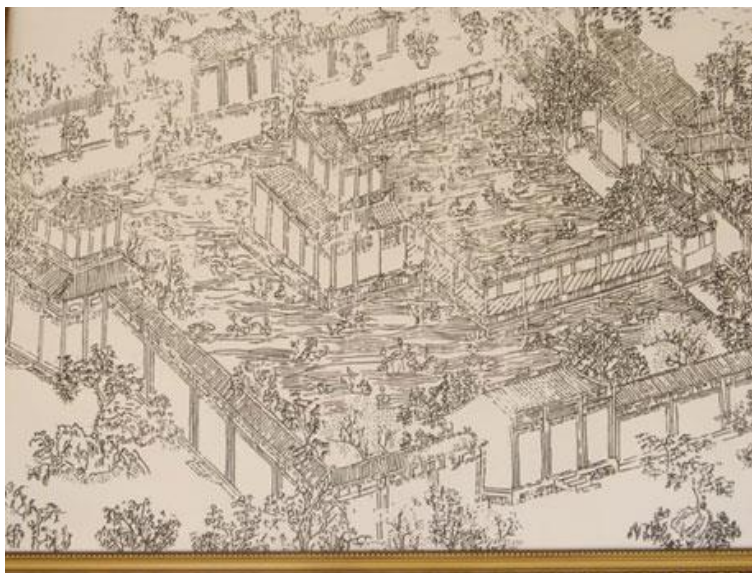
Có lẽ cũng nằm trong “chiến dịch biên tập lại” những điều về Hồng Bảo mà những tội lỗi nhỏ thời xa xưa cũng được dựng lại đưa vào ĐNTL quyển 6:

Năm 1841, “hoàng thứ trưởng tử [đã tự nhiên sinh ra chữ thứ đứng trước chữ trưởng từ quyển 6 này] là Hồng Bảo có tội bị tước cả mũ áo, cấm 3 tháng không được dự châu hầu; thuộc binh ở phủ của Hồng Bảo có tên Hứa Văn Tài làm mạo bằng trát, cùng với bọn 4 tên côn đồ lần lút đến

Quảng Trị phao tiếng là đi mua ngựa rồi ức hiếp cướp lấy của dân”. Thuộc binh làm mạo chứ có phải hoàng tử chủ mưu đâu.

Nhiều suy diễn về sau có gán chuyện phế lập này cho Trương Đăng Quế quyền thần, nhưng có lẽ không có cơ sở hay động cơ nào cả. ĐNTL cũng quyển 6 về vua Thiệu Trị kể chi tiết:

“Rồi nhân nhọc mệt, bệnh tình chuyển thành trầm trọng; đến ngày Quý Tỵ, tuyên triệu cố mệnh lương thần Trương Đăng Quế, đại thần Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiệp vào hầu; vua đợi vắng 2 bên, bảo rằng, ta nối nghiệp lớn đến nay 7 năm, sớm tối chăm lo không dám nhàn rỗi; gần đây bị bệnh nay mệt lắm rồi, nghĩ đến nghiệp lớn của tổ tông giao phó vào mình, ta không thể không nghĩ sẵn chí kế của xã tắc; các con ta, Hồng Bảo tuy lớn nhưng là con vợ thứ, mà lại ngu độn ít học, chỉ ham vui chơi không thể để cho kế thừa nghiệp lớn được; hoàng tử thứ hai là Phước Tuy công [ĐNTL chú, dưới 3 chữ này nguyên thư xoá đen đi là do kiêng tên Hồng Nhậm] thông minh nhanh nhẹn, chăm học giống như ta, có thể nối ngôi hoàng đế; trước đây ta đã tay phê vào di chiếu để trong cái ống rỗng, nay giao cho các người kính cẩn phong kín, vạn nhất ta có mệnh hệ nào thì tuyên bố ngay để cho thần dân trong ngoài đều biết ta sở dĩ cẩn thận chọn người nguyên lương là cái ý lo sâu nghĩ xa”.



Hình 13: Tranh cổ vườn Cui Hạ, (Wikipedia)

Nếu những điều “vua bảo rằng” trên đây là đúng sự thực [đoạn tiếp theo của ĐNTL có ghi lại nguyên văn bản di chiếu lấy từ ống rỗng ra nhưng trong đó lại không có đề cập tới nguyên nhân phế lập như đoạn này], thì có lẽ vấn đề không phải là nằm ở quyền thần Trương Đăng Quế hay là cố mệnh lương thần nào, mà chính là nằm ở mối quan hệ còn bị chìm khuất giữa “nhị giai thành phi” Phạm Thị Hằng [1810-1902, người đứng đầu hậu cung của vua Thiệu Trị mà khi được tấn phong, bà 33 tuổi còn con trai Hồng Nhậm của bà 14 tuổi], với “tam giai quý tần” Đinh Thị Hạnh [1807-1838, có con trai Hồng Bảo lớn hơn nhưng bà chẳng được tấn phong gì cả, đã vậy lại còn mất sớm năm 1838, khi mới có 31 tuổi và con trai Hồng Bảo của bà mới có 13 tuổi].

Đinh Thị Hạnh thì dễ dàng đi vào quên lãng còn Phạm Thị Hằng chính là đức Từ Dụ Nghi Thiên thái hoàng thái hậu lừng danh.

Chẳng có liên hệ gì, nhưng cùng thời bên China thì có đức Từ Hi Hiếu Khâm thái hoàng thái hậu, 1833-1908, còn lừng danh hơn nữa.

Cũng chẳng có liên hệ gì nhưng mà từ hồi tháng Ba âm năm 1846, ĐNTL quyển 6, vua Thiệu Trị “đi chơi vườn Cơ Hạ [ngay trong kinh thành] triệu quân túc vệ diễn tập hàng ngũ, các hoàng đệ là Miên Định Miên Thẩm Miên Trinh Miên Tống Miên Thanh bổng vào hầu; vua giận, nói rằng đây không phải là nơi thường châu hầu, không tuyên triệu thì không được vào, nếu đường đột thì phải tội, và không biết ngăn lại cũng phải tội, đem ngay quân vệ là bọn Nguyễn Huyền Nguyễn Tuấn phạt trượng, các hoàng đệ và biên binh giữ cửa đều bị giao cho bộ Hình hội đồng với viện Đô sát nghị xử; các công đều phải phạt bổng 5 năm, 3 người canh cửa phải tội giam giam hậu; các quan khoa đạo là bọn Vũ Duy Ninh Nguyễn Hữu Độ 10 người cho là xử tội rất nặng tâu xin xét lại; vua quở rằng, tự tiện vào chỗ vua ngự thì phải tội thất cổ, quan canh cửa cố ý cho vào cũng phải tội như thế, có điều luật rõ ràng, không biết bọn khoa đạo có ý kiến gì dám bác lời bàn của nhiều người mà bênh vực kẻ canh cửa; bèn sai bộ Lại đòi tất cả đến ngoài cửa Đại Cung xét hỏi, bọn Duy Ninh đều cúi đầu nhận tội”. Có thể là khi trong tâm trí đang mưu tính việc phế lập thì trong thực tế nhìn đâu cũng lo lắng, toàn thấy nguy cơ phế lập.

254 – Sứ mệnh Montigny

Mặc dù được “khôi phục” về sau, kỳ án Hồng Bảo có lẽ đã được xóa kỹ càng trong chính sử, và đức Từ Dụ thái hoàng thái hậu là hiện thân của đức cao vọng trọng vinh hoa phú quý trải qua 7 triều vua nhà Nguyễn. Lưu ý rằng Hồng Bảo chỉ được “khôi phục” sau khi đức Từ Dụ qua đời. Số phận bi thảm của Hồng Bảo đã kéo theo 2 nhân vật không tầm thường và rất nhiều kinh nghiệm giao tiếp với phương Tây là Tôn Thất Bật, người cùng dòng dõi hoàng gia, và Đào Trí Phú, người đem về cho nhà vua các tàu thủy máy hơi nước. Điều đó dường như đã củng cố cho, hoặc cũng có thể là hậu quả của, quan điểm rằng Hồng Bảo có tìm kiếm sự hỗ trợ từ phương Tây, và Kitô giáo, cho mưu đồ khởi nghịch.

Hơn 2 năm sau kỳ án Hồng Bảo sẽ là “sứ mệnh của Montigny”, la mission de Montigny, 1 sự kiện được coi là quan trọng mà vẫn trong cuốn Vie de Mgr Puginier, Louis-Engène Louvet cung cấp 1 góc nhìn, có thể coi là đại diện của MEP, Hội Thừa sai Paris như sau:

Avec son fils Tu- Duc, la persécution allait reprendre comme aux beaux jours de Minh-Mang. Au Tong-king, le 1er mai 1851 la tête de M. Schoeffler tombait sous le glaive; le 1er mai 1852, c'était au tour de l'angélique Bonnard. La France, occupée en ce moment à raffermir chez elle l'ordre social, violemment ébranlé par la révolution de 1848, ne se hâta pas de relever ce double défi porté à son honneur. Ce fut seulement en 1856 que Napoléon III, au lendemain de la guerre de Crimée, envoya M. de Montigny à Siam, au Cambodge et en Cochinchine, pour essayer de conclure avec ces trois Etats des traités de commerce. Incidemment, il était autorisé à s'occuper de la question religieuse. Il devait réclamer pour nos nationaux le droit de vivre en Annam et d'y prêcher la religion, sans être exposés à se voir traqués comme des bêtes fauves. Evidemment il n'y avait rien d'exorbitant dans de pareilles demande?, et tout pays civilisé en eût fait autant.

[“Với con trai của ông [ý nói Thiệu Trị] là Tự Đức, cuộc đàn áp [Kitô giáo] sẽ tiếp tục như vào thời hoàng kim của Minh Mạng. Tại Bắc Kỳ, ngày 1 tháng 5 năm 1851, đầu của M. Schoeffler [tức là Augustin Schoeffler Đông] bị rơi dưới lưỡi gươm; ngày 1 tháng 5 năm 1852, đến lượt thánh Bonnard [tức là Jean-Louis Bonnard Hương]. Nước Pháp, đang bận rộn vào thời điểm này trong việc củng cố trật tự xã hội ở quê nhà, bị rung chuyển dữ dội bởi cuộc cách mạng năm 1848, đã không vội vàng chấp nhận thách thức kép này đối với danh dự của nó. Chỉ đến năm 1856, Napoléon III, sau chiến tranh Krym, đã cử ngài de Montigny đến Xiêm, Cao Miên và Nam Kỳ, để cố gắng ký kết các hiệp ước thương mại với 3 quốc gia này. Tình cờ, ông được ủy quyền giải quyết vấn đề tôn giáo. Ông phải đòi cho người dân chúng ta quyền sống ở An Nam và truyền đạo ở đó, mà không bị săn lùng gắt gao như thú dữ. Rõ ràng là không có gì thái quá trong 1 yêu cầu như vậy?, và bất kỳ quốc gia văn minh nào cũng sẽ làm như vậy].

Tháng Sáu âm năm 1848, tức là ngay từ Tự Đức năm đầu, ĐNTL kẻ Nguyễn Đăng Giai, Tôn Thất Bật, Nguyễn Văn Chấn bày tâu 13 việc, trong đó việc thứ 12 là “về điều cấm đạo Gia tô, xin từ nay phạm những đạo trưởng ở Tây dương lên đến nước ta thì cho quân dân mọi người ai có thể bắt được giải nộp quan, thưởng cho 300 lạng bạc [con số quá lớn], còn người đạo trưởng Tây

dương ấy do quan sở tại xét hỏi rõ ràng lai lịch, lập tức đem việc dâng tâu, cho đem đích thân tên phạm ấy ném bỏ xuống sông biển [việc xét hỏi trở nên không còn cần thiết nữa]; còn như những đạo trưởng và bọn theo đạo người nước nhà, xin do các nha xét việc hình 2 - 3 lần mở cho biết tội, nếu họ biết hối cải bỏ đạo bước qua cây giá chữ thập thì thả ra ngay; người nào không chịu nhảy qua cây giá chữ thập, thì người đạo trưởng cũng xin xử tử, các con chiên theo đạo thì hãy tạm thích chữ vào mặt đuổi về vào sổ dân”.

Đến tháng Chạp âm tức đầu năm 1854, “đốc thần Bình-Phú Vương Hữu Quang tâu bày 6 điều xử trị đạo Gia tô, cấm [dân thường] việc mưu lợi riêng để giúp nước ngoài, cấm [người bên đạo] bỏ cửa ra để dễ dành dân nghèo, [quan lại các cấp] đề phòng chúng ngầm chứa người Tây dương và ngầm thông tin việc cơ mật, [quan lại các cấp] đề phòng chúng làm thông gia, ngoại quyền và kết giao bè lũ với nhau, cấm chúng [người bên đạo] thông thương với dân Man ở miền núi, [triều đình] làm thành các giáo điều, đặt bọn hương thân, tức các cử, tú, văn sĩ trong làng, để dạy bảo, lấy số người bỏ đạo ấy nhiều hay ít, chia ra thưởng phạt”. Cái gọi là “thông tin việc cơ mật” ở đây đơn thuần chỉ là việc vây bắt hay giam giữ các đạo trưởng.

Có thể là tổng hợp của những tâu bày bày tâu đó, đến tháng Tám âm năm 1854, vua Tự Đức “định rõ lại điều cấm về theo đạo Gia tô, 1 khoản người nào trốn đã theo đạo Gia tô, đều cho cứ thực đến thú tội và đổi lại thì được miễn tội, nếu không tự thú có người giác ra, là quan lại sẽ phải cách chức, dịch về số đinh ở làng chịu sai dịch, là quân dân cũng phải trị tội theo điều luật đáng bị tội; 1 khoản bắt được tên đạo trưởng người Tây dương thì xử tội chém đầu đem bêu rồi quăng xác xuống sông, bọn con chiên người Tây và đạo trưởng người bản quốc thì xử trảm ngay, còn bọn con chiên người bản quốc thì phát vãng đi đầy ở đồn bảo ven biên giới mà không phải là vùng biển; 1 khoản người nào tố cáo bắt được tên đạo trưởng người Tây dương thì thưởng cho 300 lạng bạc, đạo trưởng người bản quốc thì thưởng 100 lạng; 1 khoản người nào chứa giấu đạo trưởng và con chiên người Tây dương thì tổng lý sẽ xử về điều luật ‘chứa giấu người có tội’, phủ huyện xử tội phạt trượng và cách chức, bổ án đốc phủ thì sẽ phân biệt mà giáng cấp lưu nhiệm...”.

Thực ra thì những điều tương tự như vậy trong ĐNTL còn nhiều nữa. Quả thật là, theo cách nói của Louvet, bất kỳ quốc gia văn minh nào cũng không thể làm như vậy. Không thể có con số chính xác các nạn nhân, nhưng số nạn nhân được phong thánh trong thế kỷ XIX thì ở Triều Tiên là 103, ở China là 120 và ở Việt là 117, so với Triều Tiên thì là tương đương nhưng so với China thì rõ là quá nhiều.

Về trường hợp của Thánh Augustin Schoeffler Đông [1822-1851, 29 tuổi], ĐNTL kể vào khoảng tháng Hai âm năm 1851, “bắt được đạo trưởng người Tây dương là Áo Tư Định ở xã Mai Đình tỉnh Sơn Tây, giết đi; thưởng cho quân cơ là Lê Quy kỷ lục 2 thứ vì dò thám được việc, người bắt được là Hoàng Đức Định 300 lạng bạc; từ đây về sau, lệ thưởng bắt được đạo trưởng người Tây dương chuẩn cho theo như thế”. Hồ sơ phong thánh thì kể: năm 1851 được công bố là năm thánh, nên cha Schoeffler Đông sang xứ Yên Tập để mở năm thánh cho giáo dân tại đây, 1 người ngoại đạo tên là Khanh đi tố cáo với quan là có cố đạo ở làng Bầu Nọ; quan cho lính về mai

phục, bắt được cha Phụng và 2 học trò đi trước, cha Schoeffler Đông và 1 thầy giáo đi sau; về sau cha Phụng và các thầy trò nhờ nộp tiền nên được thả, cha Schoeffler Đông bị xử trảm.

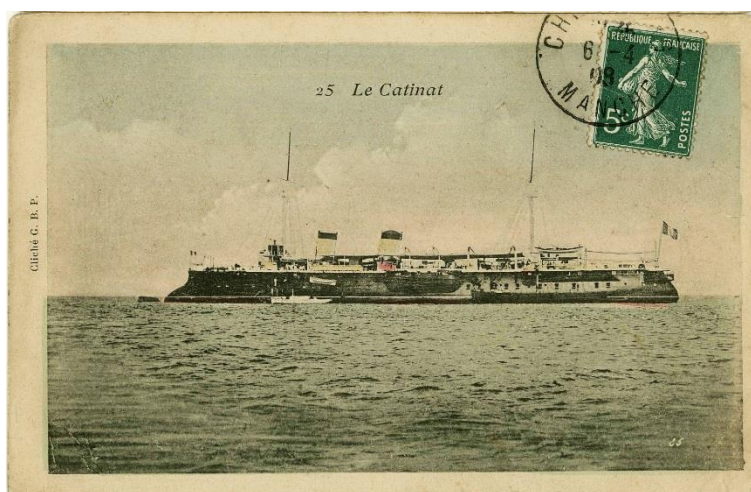
Trường hợp của Thánh Jean-Louis Bonnard Hương [1824-1852, 28 tuổi] dường như không, hay chưa, thấy ĐNTL đề cập. Hồ sơ phong thánh thì kể, sau khi giảng đạo xong ở xứ Kẻ Báng, nay là Xuân Bảng Vụ Bản Nam Định, thì cha Bonnard Hương được mời qua giáo họ Bối Xuyên ở cạnh đó cùng huyện. Tại đây, có người nào đó đi báo quan, cha Bonnard Hương bị lính vây bắt được và bị xử trảm.

Về sứ mệnh của Charles de Montigny [1805-1868] đến Xiêm, Cao Miên và Nam Kỳ, câu chuyện khá dài dòng trên thực tế, và rất rải rác rời rạc trong ĐNTL như sau:

Tháng Bảy âm năm 1856, “thuyền của người Tây dương sinh sự ở vịnh Trà Sơn cửa biển Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam; khi ấy có 1 chiếc thuyền đến vịnh ấy, cho hỏi thì họ nói rằng chỉ đến đưa quốc thư yêu cầu xin thông thương mà thôi, rồi lại chờ đến cửa Thuận An phủ Thừa Thiên đưa 1 phong thư cho sở đồn biển; viên tãn thủ không chịu nhận, đem thư ném vào cái xuống ván nhỏ của tàu ấy; người Tây dương lại lấy phong thư ném ở trên bờ cát mà đi, ngày hôm sau lại đến Đà Nẵng nói rằng việc đưa thư đã xong, đến đây đợi 7 - 8 ngày nữa thì chánh phó sứ sẽ đến bàn việc, nếu không hoà thì trở về chiêu tập nước Hồng Mao cùng đến, sẽ có sự không tốt; việc tàu lên, giao xuống bộ Binh bàn và sai bộ tư sức cho tỉnh ấy phái nhiều binh ngày đêm tuần phòng, nếu thấy thuyền Tây dương hoặc có lên vào bờ biển thì lập tức xét hỏi để cho họ biết có phòng bị; sau số của tỉnh lại tàu đến, thì thuyền của Tây dương đã bắn phá các đài bảo ở vịnh biển ấy rồi”. Nếu tính vụ 2 tàu Gloire và Victorieuse “bọn Tây dương tự nhiên nổ súng ầm ỹ” đánh chìm 5 chiếc thuyền đồng vào năm 1847 là lần 1 thì đây là lần 2, sách phương Tây gọi là deuxième bombardement de Tourane. Trang Wikipedia thống kê 66 khẩu thần công bị phá hủy, thuốc đạn bị vứt xuống biển, 40 lính bị bắt.

Chỉ 2 tháng sau, tháng Chín âm cùng năm ĐNTL kể tiếp: “trước đây thuyền máy chạy bằng hơi nước của Tây dương đến đưa thư đến ngoài đồn cửa biển Thuận An; viên cơ mật đã tàu, chuẩn cho đem nguyên phong giao cho viên tãn thủ đồn Đà Nẵng giao trả cho thuyền ấy và hiểu bảo cho họ biết làm như thế là vô lễ nên không nhận thư; rồi sau thuyền ấy sinh sự, liền lại đưa thư cho viên tãn thủ, người thuyền trưởng dịch tên là Lê Liệu [William Le Lieur, tức bá tước de Ville-sur-Arce, 1797-1861, và con tàu được coi là tàu Catinat] xin nhờ đệ hộ lá thư về việc giao hiếu và thông thương; quân thứ Trấn Dương uỷ người đến vặn hỏi thì chủ thuyền ấy xin nhận lỗi [về việc bắn phá các đài bảo ở Trà Sơn], cứ người ấy nói y là thuyền trưởng đi đến đưa thư trước, còn về thông hiếu đính ước các điều kiện, quốc trưởng nước ấy sẽ sai chánh phó sứ đến sau hội bàn [ý nói sứ bộ Montigny], còn như việc đã làm không phải, đợi đến khi bàn việc hoà hiếu xong các pháo đài và đồn bảo xin làm đền; đến đây lại có 1 chiếc thuyền 3 cột buồm nhiều dây lèo chèo đến cùng với thuyền trước bỏ neo đỗ lại; sai hỏi thì thuyền trưởng xưng tên là Cô-li-e [Jean Jules Collier, 1810-1858, còn chiếc thuyền 3 cột buồm là tàu hộ tống Capricieuse], hẵn cùng với chánh phó sứ cùng ở nước Xiêm, khi ấy thuyền của hãn đi trước, chánh phó sứ chẳng bao lâu nữa cũng

đến, nhưng hoặc vì nước gió ngăn trở, nên phải chờ đợi chưa đến, xin cấp giấy cho đi đến Ma Cao để tìm”.



Hình 14: Tuần dương hạm Catinat, 1896-1911 (Wikipedia)

Có 1 điều bất hợp lý ở đây, là nói chung tất cả các sách sử đều thừa nhận chiếc “thuyền máy chạy bằng hơi nước” mà William Le Lieur làm thuyền trưởng, đã bắn phá Đà Nẵng, là tàu Catinat, trong khi thế hệ tàu Catinat, classe Catinat, gồm 2 chiếc là Catinat và Protet, trang bị 4 pháo 164mm, 10 pháo 100mm, 10 pháo 47mm, 4 pháo 37mm và 2 ống phóng lôi 250mm, chỉ được Hải quân Pháp đưa vào sử dụng từ năm 1898 ở Hạm đội Phương Bắc. Mãi tới năm 1905 nó mới chuyển sang hoạt động ở Thái Bình Dương nhưng chỉ đến năm 1911 là giải nghệ. Không tìm thấy tài liệu hay hình ảnh gì của Catinat trước đó, năm 1856, mặc dù cái tên Catinat đã được đặt cho 1 đường phố chính ở Sài Gòn và đi vào cả văn học về sau này. [Dường như cần xem lại nguồn sử liệu hay dụng ý của M. l’abbé Louvet, la Cochinchine religieuse – Paris 1885, và M. l’abbé Launay, Histoire générale de la Société des Missions étrangères – Paris 1894 (??)].

ĐNTL kể tiếp: “Vua cho rằng người Tây dương tính hay giáo dờ, chuẩn cho phái thêm lính vệ Tuyền phong 50 tên đi đến đồn Cu Đê, 100 tên đi đến ải Hải Vân, hiệp cùng với quân phái trước đóng giữ để thêm mạnh thanh thế; sau vài ngày thuyền máy chạy bằng hơi nước ấy [Catinat] ra khơi theo hướng Đông mà đi”. Được hiểu là quân địch đã tháo chạy, quân ta đã toàn thắng.

Tiếp tục, tháng Giêng âm năm 1857, “khâm phái Trấn Dương quân vụ là bọn Đào Trí tâu nói, thuyền của sứ thần Tây dương đến xin phái viên quan đến hội bàn việc hoà hiếu, tự xưng là viên quan nhất phẩm của Tây dương chỉ xin đến kinh thành cùng viên quan to nhất phẩm hội họp bàn định, xin nên chọn phái viên quan to cùng đến hội bàn; vua bảo rằng, lời xin [của Đào Trí] có phần câu nệ cố chấp, bộ tư ngay cho viên ấy [tức Đào Trí] hết lòng trù tính kế hoạch, cốt sao cho đúng thời cơ để xứng với uỷ nhiệm, hà tất phải mượn người khác làm gì”. Tài liệu phương Tây ghi nhận đó là tàu Marceau, ngày 23/01/1857 chở phái bộ Montigny vào vịnh Đà Nẵng.

Đào Trí là 1 nhân vật hình như không rõ ràng lắm, 1798-?. Có tài liệu còn lẫn lộn Đào Trí với Đào Trí Phú của vụ nổ súng Đà Nẵng lần 1, người chả hiểu tại làm sao lại bị cách chức rồi đến nỗi bị lăng trì vì dính dáng đến âm mưu khởi nghịch của An Phong công Hồng Bảo. Theo như ĐNTL nói trên thì rõ ràng lời tâu của Đào Trí là rất phù hợp, “xin nên chọn phái viên quan to cùng đến hội bàn”, chỉ có vua Tự Đức mới là người câu nệ cố chấp khi cho rằng Đào Trí là “câu nệ cố chấp”, “hà tất phải mượn người khác làm gì”.

Còn Charles de Montigny là lãnh sự Pháp đầu tiên tại Thượng Hải từ năm 1848. Mặc dù đã về lại Pháp nhưng do những kinh nghiệm ở China, Montigny được cử quay trở lại vùng Đông Á này với những sứ mệnh mới, ông đã ký kết thành công với Xiêm 1 hiệp định, *le traité d'amitié et de commerce entre le Siam et la France*, trong đó có những điều khoản thúc đẩy thương mại, tự do tôn giáo và cho phép tàu chiến Pháp được ghé cảng Bangkok. Tuy nhiên, như đã thấy, ông đã thất bại với những sứ mệnh tương tự ở Cao Miên và ở Việt.

255 – Sứ mệnh Montigny (tiếp theo)

Về sứ mệnh của Montigny, có 1 tài liệu của Henri Cordier [1849-1925], tên là “La France et la Cochinchine, 1852-1858: La mission du Catinat à Tourane (1856)”. Thực ra thì Henri Cordier là 1 nhà Đông phương học người Pháp, và gần gũi với China hơn là với Việt. Ông cho rằng có nhiều sử liệu về quan hệ Pháp – Việt thời kỳ Phục Hoàng, tức thời Quân chủ thánh Bấy, tương đương với thời Minh Mạng và Thiệu Trị, nhưng lại thiếu sử liệu về thời gian từ khi vua Tự Đức lên ngôi, tương đương với thời Napoléon III, [mà không đề cập đến lý do], và ông “đề xuất đưa ra ánh sáng những điều làm sáng tỏ 1 trong những chương thú vị nhất của lịch sử thuộc địa của chúng ta thời Đế chế thứ 2”, [nous nous proposons aujourd'hui de mettre au jour les pièces qui éclairent un des chapitres les plus intéressants de notre histoire coloniale sous le second Empire]. Tuy nhiên, nên biết trước rằng “ánh sáng” đó, như trong chính tài liệu của Henri đã thể hiện, là đến từ cuốn “Souvenirs”, Kỷ niệm, [1 cuốn sách “sont imprimés mais n'ont pas été mis dans le commerce”, đã được in nhưng chưa được bán trên thị trường mà không rõ bằng cách nào Henri có được, và sau này nó có được bán trên thị trường hay không], của Marie-René Roussel hầu tước de Courcy [1827-1908], 1 nhà ngoại giao Pháp đương nhiệm tại Macao.

Tìm được cuốn “L’empire Du Milieu, description géographique, précis historique, institutions sociales, religieuses, politiques, notions sur les sciences, les arts, l’industrie et le commerce”, của le marquis de Courcy, ancien chargé d'affaires de France en Chine, Didier et Co, Libraires éditeurs, 1867, nhưng chưa thấy sự tương đồng nào với ‘Souvenir’.

Trước hết là sơ lược về bối cảnh trong khu vực, theo như báo cáo đề ngày 30/06/1856 của de Courcy, không hiểu tại làm sao bị Henri hạ xuống làm bá tước, gửi cho bộ trưởng ngoại giao Pháp bá tước Alexandre Colonna-Walewski:

- Vua Xiêm Rama III, người Pháp gọi là Phra-Chào-Prasat-Thong, qua đời, và “bắt chấp những nỗ lực của các con trai của ông, ngôi vua đã về tay người em trai Somdet-Phra-Paramander-Maha-Mongkut”, nguyên văn “et malgré les efforts de ses fils”. Con số đầy đủ là Rama III có những 51 hoàng tử nhưng thực tế theo những góc nhìn khác, có lẽ mọi việc đã diễn ra trong yên bình theo những tập quán của người Xiêm, khác với suy đoán của Henri hay de Courcy.
- Người Anh, mà đại diện là sir John Bowring, đã ký kết được với Xiêm năm 1855 1 hiệp ước hữu nghị và thương mại gồm 12 điều khoản; rồi người Mỹ, đại diện là Townsend Harris năm 1856 cũng đã làm được điều tương tự [calqué pour la plus grande partie sur le traité anglais de 1855]. De Courcy nói thêm: Đây là 1 cuộc thi đua truyền thống. Các cuộc đàm phán diễn ra dễ dàng, các chính phủ châu Á không có thói quen từ chối 1 quốc gia nước ngoài những gì họ đã cấp cho quốc gia khác [C'était la une emulation traditionnelle. La negociation fut aisee, les gouvernements asiatiques n'ayant pas coutume de refuser a une nation etrangere ce qu'ils ont accorde a une autre].

Henri Cordier cũng cho biết thêm rằng:

M. de Courcy avait espéré que le mission au Siam lui serait confiée à lui-même; M. de Montigny, alors rentré en France, réussit à supplanter son jeune rival, et fut chargé de se rendre à Bangkok. La France, avec ses grands intérêts dans l'Extrême Orient, ne pouvait rester spectatrice indifférente. Le Comte de Courcy ressentit d'ailleurs amèrement le procédé de Montigny et il s'en explique d'une façon fort intéressante dans les pages de ses Souvenirs que je cite.

[Ngài de Courcy đã hy vọng rằng sứ mệnh ở Xiêm sẽ được giao phó cho mình; [nhưng] ngài de Montigny sau đó đã quay về Pháp, thành công trong việc thay thế đối thủ trẻ của mình [de Montigny sinh năm 1805 còn de Courcy sinh năm 1827], và được chỉ đạo đi Bangkok. Nước Pháp với mối quan tâm lớn đến Viễn Đông, không thể tiếp tục là 1 khán giả thờ ơ. Bá tước de Courcy cảm thấy cay đắng với sứ mệnh của Montigny và ông giải thích điều đó theo 1 cách rất thú vị trong các trang Kỷ niệm mà tôi trích dẫn].

“Souvenir” của de Courcy cần được trích dẫn, khá dài, như sau:

Pendant que l'Angleterre et les Etats-Unis s'occupaient activement de régler, officiellement et avantageusement, leurs relations avec le Japon et le Siam, le gouvernement de l'Empereur, profitant de leur exemple et ne voulant pas rester en arriere, organisait une mission diplomatique dont la direction devait m'être confiée et qui serait munie de pleins pouvoirs en vue de négocier, avec le cour de Bangkok.

[Trong khi Anh và Mỹ đang tích cực tham gia dàn xếp 1 cách chính thức và thuận lợi các mối quan hệ của họ với Nhật Bản và Xiêm La, chính phủ của Hoàng đế [tức nước Pháp], noi theo tấm gương của họ và không muốn bị bỏ lại phía sau, đã tổ chức 1 sứ bộ ngoại giao giao cho tôi quản lý và sẽ được cung cấp đầy đủ quyền hạn để đàm phán với triều đình Bangkok].

On m'en avait annoncé l'envoi; je les attendais tous les jours et je me faisais gloire, à l'avance, d'attacher mon nom au succès d'une négociation qui ne pouvait manquer d'être heureuse. Mes amis du ministère m'avaient écrit de me tenir prêt et je songeais sérieusement à mon prochain départ.

[Tôi đã được thông báo về công văn; tôi mong đợi chúng mỗi ngày và tôi tự hào trước rằng mình đã gắn tên của mình vào với sự thành công của 1 cuộc đàm phán mà không thể không vui mừng. Bạn bè của tôi từ Bộ đã viết thư cho tôi để động viên và tôi đang cân nhắc nghiêm túc về việc khởi hành của mình].

Thế nhưng điều mà de Courcy không ngờ tới là de Montigny, lãnh sự Pháp tại Thượng Hải nhưng lúc đó đang về Pháp, đã tìm cách tác động để cuối cùng được nhận lãnh sứ mệnh đó: Mais je comptais sans les protections influentes dont disposait auprès de l'Empereur, notre consul à Changhai, M. de Montigny, qui résidait alors en France. Une longue lettre qu'il m'adresse et que je trouvai, à tort peut-être, un peu impertinente, me fit connaître la préférence dont il venait d'être l'objet.

“Ne m'en veuillez pas trop”, m'écrivait-il, du Caire, le 31 mai, “si j'ai insisté pour obtenir les missions que je remplis en ce moment, et rappelez-vous, mon jeune vieil ami, que je termine ma carrière et que vous commencez la votre; que j'étais, d'ailleurs, le plus ancien des agents de France dans ces régions où l'on ne pouvait, sans manquer à l'équité, me mettre de côté dans cette circonstance”.

[“Đừng quá tức giận với tôi”, ông ta [de Montigny] đã viết thư cho tôi [de Courcy] từ Cairo vào ngày 31/05, “nếu tôi khẳng khái muốn hoàn thành các nhiệm vụ mà tôi đang hoàn thành, và hãy nhớ, người bạn trẻ già dặn của tôi, rằng tôi đang kết thúc sự nghiệp của mình còn bạn mới bắt đầu cho bạn; hơn nữa, tôi là người lớn tuổi nhất trong số các đặc vụ của Pháp ở vùng này và người ta không thể, nếu không vi phạm sự công bằng, gạt tôi sang 1 bên trong hoàn cảnh này”].

Vậy là đã có những mâu thuẫn nhất định trong nội bộ nước Pháp giữa người đề xuất kế hoạch còn trẻ và việc thực hiện kế hoạch được giao cho người lớn tuổi hơn.

Tiếp theo còn dài dòng hơn nữa, vì có cả tâm trạng cay đắng lẫn cách viết rất thú vị như Henri Cordier đã báo trước, nhưng có thể tóm tắt lại là theo de Courcy thì, Montigny đã không thành công cho lắm ở Xiêm: “Il en fut, paraît-il, extrêmement blessé, et ne daigna même pas faire parvenir à la Légation de France une copie du traité qu'il conclut, en septembre, avec le gouvernement Siamois”, dường như ông ta, Montigny, vô cùng đau đớn, và thậm chí đã không cam tâm gửi cho Công sứ Pháp 1 bản sao của cái hiệp ước mà ông đã ký vào tháng 9 với chính phủ Xiêm, mặc dù thời gian lưu lại Bangkok là nhiều hơn so với dự kiến. Rồi, những gì mà Montigny tự đánh giá về thành công ở Cao Miên, theo de Courcy thì cần phải cắt giảm đi ít nhất 3 phần 4, pour mesurer exactement l'importance de la démonstration sympathique du roi de Cambodge, it eut fallu rabattre au moins les trois quarts, bởi vì “chúng ta đã biết từ lâu rằng trí tưởng tượng bay bổng và phong phú của Montigny đã có thói quen vô thức sinh ra những điều kỳ diệu mà ông rất tin tưởng”, on sait, depuis longtemps, que l'imagination impétueuse et fertile de Montigny avait coutume d'enfanter inconsciemment des prodiges auxquels il croyait de très bonne foi.

Rồi đến chuyện tàu Marceau đã buộc phải neo lại ở Singapore vì 1 cơn bão nào đó, trong khi đô đốc Guérin, [Nicolas François Guérin, thực ra là chuẩn đô đốc, le contre-amiral, tư lệnh lực lượng Hải quân phương Đông của Pháp, người tiền nhiệm của Charles Rigault de Genouilly sau này], đã huy động thêm 2 con tàu Capricieuse và Catinat để đảm bảo sức mạnh cần thiết trước “lập trường thù địch của chính quyền An Nam”, les dispositions hostiles des autorités Annamites. Tuy nhiên, vẫn còn nguyên vẹn ở đó nghi vấn về con tàu có tên là Catinat.

Trong khi đó thì tháng Mười năm 1856, ĐNTL kể chuyện “thái bộc tự khanh Hồ Đình Hy [chức quan đứng đầu việc chăn nuôi ngựa trên toàn quốc] ngầm theo đạo Gia tô, bị quan viện Đô sát nêu ra tham hặc; chuẩn cho cách chức bắt xích lại giao xét, sau án thành dâng lên, rốt cuộc Hy phải tội theo tà giáo mưu phản quốc, xử chém ngay”. Đây là trường hợp của thánh Micae Hồ Đình Hy, 1808-1857. Dường như việc quan thái bộc tự khanh này theo đạo Kitô bị lộ ra là do

con trai ông, Hồ Đình Thành được cử đi học tại Đại Chung viện Penang. [Hồ Đình Thành dường như về sau có dính líu tới Cao Bá Quát và bị truy nã, chưa rõ kết cục thế nào. Tuy nhiên, chữ “muru phản quốc” hẳn là đã cố tình được gắn vào đây cho Hồ Đình Hy bởi sử quan sau này].
Đằng sau câu chuyện của Micae Hồ Đình Hy là 1 câu chuyện lớn khác, về mặt tôn giáo, mà triều đình và ĐNTL đã không biết được.

Đặt chân tới nước Việt, cụ thể là đất Bình Định vào cuối năm 1848 thì 1 năm sau, năm 1849 thừa sai François Marie Henri-Agathon Pellerin tên Việt là Phan, 1813-1862, được tấn phong Giám mục phó với quyền kế vị và tấn phong, chuẩn bị cho việc chia tách giáo phận. Năm 1850 Hạt đại diện Tông tòa Bắc Đàng Trong, bao gồm Quảng Bình Quảng Trị và Thừa Thiên được tách ra từ Tông tòa Đông Đàng Trong, do Giám mục Pellerin Phan hiệu tòa Hierapolis cai quản. Micae Hồ Đình Hy chính là người trợ tá rất đắc lực cho Giám mục Pellerin Phan trong suốt thời gian này, cho đến khi bị lộ bị bắt bị xử trảm.

Theo những nguồn thông tin rộng rãi trên Internet thì những thư từ mà Giám mục Pellerin Phan để lại có khẳng định việc Hồng Bảo “muốn lôi cuốn” các Kitô hữu bằng cách “hứa hẹn 1 vương quốc Kitô giáo”... Theo ngôn từ trong những lá thư đó thì thứ nhất, không có sự gặp gỡ nào giữa Giám mục và vị hoàng tử bị phế truất, thứ 2, Giám mục không coi trọng, hoặc không tin tưởng vào những hứa hẹn kiểu đó, và thứ 3, ông cấm các giáo dân của ông “xen vào những việc chính trị”. Trong 1 chừng mực nào đó thì tường thuật và thái độ của Giám mục Pellerin Phan là hợp lý, nhưng cũng còn nhiều thư từ thừa sai khác đưa Hồng Bảo đi quá xa, khi thì gặp các thừa sai Tây Ban Nha, khi thì trốn đi Singapore để cầu viện người Anh, thậm chí tìm đến cả các xứ Cao Miên và Xiêm La..., thì hơi khiên cưỡng.

Cũng nên đọc lại phản ứng của vua Tự Đức trước các sự biến nói trên: Sau khi Đà Nẵng bị tàu Catinat bắn phá, “vua quở rằng, quan tỉnh ấy chẳng biết phòng bị trước khi có việc, xem những tình hình trong sở chừng như đã cách trở ít người yếu ớt nên gặp đến việc không lấy gì mà ứng phó ngay được; xét ra thuyền của Tây dương ở bên dưới, mà trong 1 chiếc thuyền chứa được bao nhiêu súng đạn, thế cũng bắn từ từ làm gì có cái thế đạn bay như mưa, hưởng chi quân ta ở cao bắn xa, đã có thành lũy đủ cậy, nó sao hay đánh phá ngăn chặn được hết mọi chỗ mà không có thể bắn được ư; hẳn là các viên biên đều không có bụng cùng nhau thù tức đối địch với quân giặc, cho nên làm kế sợ hãi để giữ mình đây thôi”, nhà vua cũng rất biết phân biệt sự khác nhau giữa “trung quân” và “ái quốc”.

Tiếp theo là 1 loạt những điều động: lĩnh tổng đốc Quảng Nam Trần Tri, quản vệ nhất vệ Tuyền phong Hoàng Thành, thự phó vệ uý tiền vệ Tôn Thất Ân, cai đội đội ngũ hữu vệ Bùi Ngân, phó vệ uý tiền vệ dinh Long võ Lê Nghị, quyền chương hữu dục dinh Vũ lâm Đào Trí, quyền chương dinh Long võ Trần Hoàng, bố chính Nguyễn Huy Lịch, hồng lô tự khanh Nguyễn Duy, quản đạo Phú Yên Trần Đình Túc v.v.

B - Tình hình nước Pháp

256 – Câu chuyện của Le Lieur

Vẫn theo Henri Cordier, tức là theo tài liệu không phát hành của hầu tước de Courcy, thì Le Lieur đã có 1 báo cáo chi tiết cho cấp trên của mình, chính là thuyền trưởng chiếc tàu 3 cột buồm đến sau, Jean Jule Collier thuyền trưởng tàu Capricieuse. Báo cáo dẫn lại trong “Souvenir” của de Courcy và được đăng lại trong “La mission du Catinat à Tourane (1856)” của Henri [lưu ý, các thuyền trưởng thì viết Touranne với 2 chữ n, còn những người ngồi trên bờ thì viết Tourane với 1 chữ n thôi], như sau:

Nhưng trước hết là việc, trên 2 con tàu khác nhau cùng đi vào kênh đào Suez hướng về phía Đông, Le Lieur gặp Montigny và khi đến Ceylan ngày 04/05/1856, Le Lieur đã báo cáo cuộc gặp này với bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa, có lẽ là Alphonse Ferninand Hamelin, “Souvenir” cũng có nguyên văn mà đây là đoạn cuối:

“La mall de Suez vient d’arriver; j’ai trouve a bord M. de Montigny allant a Siam, qui m’a appris que la paix etait faite et qu’arrive a Singapour, il pourrait peut-etre pour la mission dont il est charge avoir besoin du concours de mon batiment. Comme la je trouverai tres probablement des instructions de l’Amiral, je saurai alors ce que j’aurai a faire”. Vừa mới đến Suez; tôi thấy ngài de Montigny trên boong tàu đang đi Xiêm, ông đã thông báo với tôi rằng hòa bình đang được thực hiện và khi đến Singapore, có lẽ sứ mệnh mà ông đang chịu trách nhiệm thực hiện sẽ cần đến sự giúp đỡ của tàu tôi. Đường như tôi sẽ tìm thấy chỉ dẫn từ Đô đốc, sau đó tôi sẽ biết phải làm gì. [Cũng phải lấy làm lạ cho 1 báo cáo kiểu này, khi 1 viên thuyền trưởng báo cáo thẳng lên cho bộ trưởng những nội dung khá là mơ hồ].

Đính chính: Kênh đào Suez chỉ được khởi công vào năm 1859 và sẽ hoàn tất vào năm 1869. Ở đoạn trước của bức thư, Le Lieur cho biết ông ta vừa rời St. Denis, đảo Réunion thuộc Pháp, vào ngày 16/04/1856, tức là ông ta đã phải đi theo đường mũi Hảo Vọng cực Nam châu Phi. Vậy “la mall de Suez” có lẽ là 1 hình thức chuyển tiếp trên bộ từ Địa Trung Hải qua Biển Đỏ mà phái bộ Montigny đã sử dụng.

Tiếp theo, “voici le rapport tres interessant qu’il adressa sur ces evenements a son superieur, le Capitaine de Vaisseau Collier, commandant la Capricieuse”, đây là bản báo cáo rất thú vị mà ông ấy [Le Lieur] đã gửi về những sự kiện này cho cấp trên của mình, thuyền trưởng Collier, chỉ huy tàu Capricious, sau đây ĐLSC sẽ trích từng đoạn mà không trích nguyên văn:

“Le 16 sept a 6h30 je mouillai a Touranne en dedans de l’ilot de l’Observatoire. Au jour je reconnus que les environs du mouillage avaient ete considerablement fortifies depuis l’Amiral Lapierre”. Ngày 16/09 lúc 6h30 sáng tôi thả neo ở Touranne phía trong đảo nhỏ Observatoire [đảo Quan sát, tên do người Pháp đặt cho 1 hòn nhỏ, hòn Cô, mà nay đã liền vào với bán đảo Sơn Trà]. Ban ngày tôi nhận ra rằng xung quanh khu neo đậu đã được củng cố đáng kể kể từ thời Đô đốc Lapierre. [Đây là đề cập tới thuyền trưởng tàu Gloire và vụ nổ súng năm 1847, hiển nhiên là đã có củng cố đáng kể như ĐNTL đã từng đề cập, chỉ không hiểu là chẳng lẽ Le Lieur có thể so sánh như chính ông ta đã từng có mặt hồi đó?].

“Le meme jour des mandarins subalterns vinrent a bord me demander si je ne saluerais pas; je leur repondis: ‘J’ai mis mon pavillon; vous n’avez pas hisse le votre, c’est deja une insulte’”. Cùng ngày, các viên quan cấp thấp lên tàu hạch hỏi việc tôi không chào; tôi trả lời họ: “Tôi đã dương cờ của tôi; còn các ông thì không, đó đã là một sự xúc phạm”. [Đại khái là có lệ, tàu đến thì bắn súng chào, trên bờ thì bắn súng đáp..., nhưng chắc chắn là 2 bên sẽ bắt đồng ngôn ngữ và thủ tục. Đây là viên thuyền trưởng tự coi là mình đúng].

“Je leur ai fait connaitre que nous etions porteur d’une letter de l’Envoye de France adressee a leur Roi por traiter de la paix. Cela a paru peu plaire, car tout le monde dans le pays semble desirer la paix. Ils m’ont dit que provisoirement jusqu’a ce que le prefet de la Province fut avise, je devais demeurer comme en quarantaine et qu’il fallait quatre jour savant d’en avoir une reponse, le chef-lieu etant a deux journees et les chemins mauvais. Deja commençait leur systeme de mensonge et de lenteur pour gagner du temps, systeme qu’ils continuent de rester, car il faut six heures pour aller a la Prefecture. En attendant, defense aux gens du pays de communiquer avec nous et de nous vendre la moindre chose”. Tôi cho họ biết rằng chúng tôi đang mang 1 bức thư từ Sứ bộ Pháp quốc gửi cho Quốc vương của họ để giải quyết hòa bình. Điều này đáng để hài lòng, vì cả thế giới dường như đều muốn hòa bình. Họ nói với tôi rằng tạm thời cho đến khi tỉnh trưởng được thông báo, tôi phải ở trong tình trạng cách ly và phải mất 4 ngày để biết câu trả lời, kinh đô là 2 ngày nữa và đường thì xấu. Hệ thống dối trá và chậm chạp của họ đã bắt đầu câu giờ, 1 hệ thống mà họ vẫn tiếp tục duy trì, bởi vì chỉ 6 giờ để đến Tỉnh [chắc ý nói đường biển, đi bằng tàu từ Đà Nẵng tới Huế?]. Trong khi chờ đợi, người dân bị cấm liên lạc và bán bất cứ thứ gì cho chúng tôi. [Vậy là tàu sẽ không có thêm nước ngọt hay gì khác, hàm ý rằng tàu sẽ phải rời đi khi sứ bộ Montigny còn chưa đến].

“Jusqu’au jour de mon depart pour Hue, j’ai cherche a me metre le mieux possible avec les petits mandarins; ils ont meme fait la remarque que nous les recevions avec beaucoup plus de cordialite que ne l’avaient fait les gens du batiment a vapeur Anglais qui etait venu dans le meme but que nous”. Cho đến ngày rời đi Huế, tôi đã cố gắng hòa thuận nhất có thể với các quan lại cấp thấp; họ thậm chí còn đưa ra nhận xét rằng chúng tôi đã đón tiếp họ với sự thân tình hơn nhiều so với những người trên tàu hơi nước Anh, những người đã đến cùng mục đích với chúng tôi. [Đem người Anh ra để mà so sánh, đoạn văn này rõ ràng là đã được viết ra bởi 1 người Pháp, và chỉ người Pháp mà thôi].

“Le 19 au matin, voyant le temps tres-beau, je fis route pour la riviere de Hue, je mouillais devant son entrée a 3h30 de l’apres-midi”. Sáng ngày 19, thấy thời tiết rất đẹp, tôi lên đường ra sông Huế, đến 3 giờ 30 phút chiều tôi thả neo trước lối vào. [Có thể hiểu là Le Lieur không muốn chờ đợi 4+2 ngày ở vịnh Đà Nẵng cho nên đã tự ý đi ra biển Thuận An].

“Comme de mon mouillage, je ne pouvais proteger le canot qui portait a terre M. l’abbé Fontaine et ses depeches, je jugeai convenable pour inapirer la confiance et ne donner motif a aucune collosion d’envoyer le canot sans armes. Le canot accosta dans la riviere pres du fort, toute la population etait en grand emoi; on se precipita vers le canot pour l’empêcher d’accoster”. Vì từ

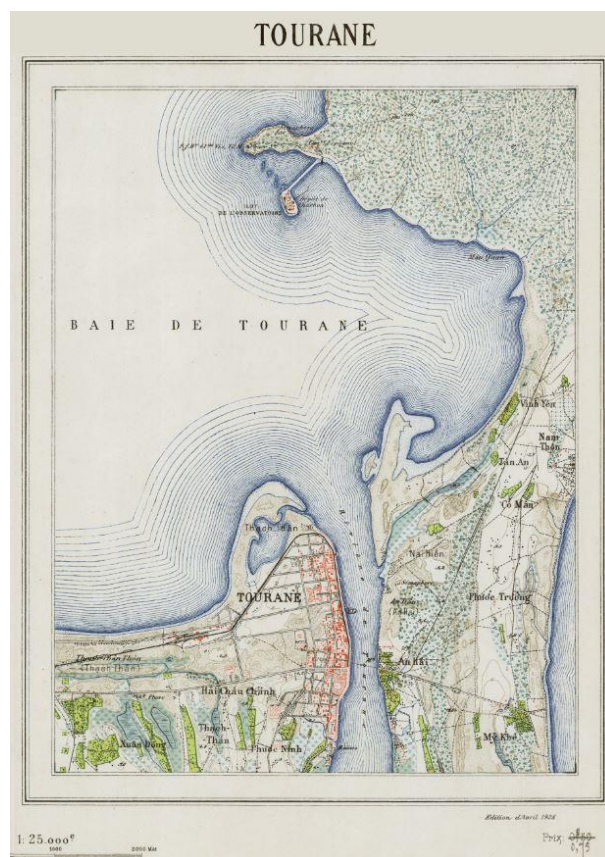
nơi neo đậu của tôi, tôi không thể bảo vệ chiếc ca nô chở thừa sai Fontaine và những phái viên của ông vào bờ, tôi cho rằng điều đó là phù hợp khi thiếu lòng tin và không tạo lý do cho bất kỳ sự thông đồng nào với con thuyền không có vũ khí. Ca nô cập bến sông gần đồn, mọi người dân rất phấn khích; họ lao vào để ngăn thuyền cập bến. [Những người dân ở đây không có thiện cảm với tàu Pháp].

“M. l’abbé ayant fait connaitre qu’il n’entendait nullement s’expliquer du bord, mais bien dans un lieu convenable, on le laisse descendre et on finit par le conduire dans une salle decente. Ne voyant pas d’armes dans l’embarcation, ils se retirèrent un peu confus. M. Fontaine, ayant pleinement explique sa mission et donne connaissance du contenu de la letter du Plenipotentiaire de France fut bien accueilli, car la bas encore chacun est pour la paix”. Vị thừa sai nói rằng cần 1 nơi thích hợp để trình bày chứ không thể làm điều đó khi đang ở trên tàu, ông bị đưa ra ngoài và cuối cùng họ dẫn ông đến 1 căn phòng tử tế. Không tìm thấy vũ khí trong thuyền, họ lui lại với 1 chút bối rối. Cha Fontaine giải thích đầy đủ về sứ mệnh của mình và bức thư của Đặc mệnh toàn quyền Pháp đã được đón nhận nồng nhiệt, vì ở đó mọi người đều mong muốn hòa bình. [Đoạn này lạc quan hơi thái quá, có lẽ là do cha Fontaine kể lại cho nên rồi sẽ mâu thuẫn với những diễn biến về sau].

“On expedia un courier a Hue, on nous donna quelques provisions et comme le courier devait etre de retour avant le jour, dans l’espoir d’une reponse favorable on nous engages a attendre jusqu’au lendemain. Comme le temps etait tres beau, la mer tres belle, je consentis a rester pour etre plutot fixe. Le lendemain, la face des choses etait bien change, l’ordre etait venu de nous rendre les lettres qui en definitive resterent sur la plage. Je revins a Touranne le meme jour et le soir meme les mandarins arriverent a bord pour savoir si nous avions ete reçu a Hue: je leur repondis que les lettres y avaient ete laissees”. Họ cho 1 người đưa tin về Huế, cung cấp cho chúng tôi một số thứ [chắc là nước ngọt và thực phẩm], và vì người đưa tin sẽ đến trước bình minh, với hy vọng sẽ có phản hồi thuận lợi, chúng tôi được yêu cầu đợi đến ngày hôm sau. Vì thời tiết rất tốt, biển rất đẹp nên tôi đồng ý ở lại cho chắc ăn. Ngày hôm sau, cục diện của mọi thứ đã thay đổi, mệnh lệnh đã được ban ra để trả lại cho chúng tôi những bức thư rớt cục nằm lại trên bãi biển. Tôi trở lại Touranne cùng ngày và đến tối, các viên quan lại lên tàu muốn biết liệu chúng tôi có được đón nhận ở Huế: tôi trả lời họ rằng các bức thư đã bị bỏ lại ở đó. [Đối chiếu với những điều mà ĐNTL đã viết: ...“chờ đến cửa Thuận An phủ Thừa Thiên đưa 1 phong thư cho sở đồn biên; viên tấn thủ không chịu nhận, đem thư ném vào cái xuồng ván nhỏ của tàu ấy; người Tây dương lại lấy phong thư ném ở trên bờ cát mà đi, ngày hôm sau lại đến Đà Nẵng nói rằng việc đưa thư đã xong”. Vậy “viên tấn thủ không chịu nhận” hay viên tấn thủ “cho người đưa tin đến Huế” và hy vọng sẽ có phản hồi thuận lợi”? Giả thuyết sau có vẻ đáng tin cậy hơn].

“Le 21, les petits mandarins revinrent au nombre de 4, je les reçus assez rudiment en leur rappelant que leur conduit mensongere avait deja, a Touranne, ete cause de grands malheurs pour eux et qu’ils me paraissaient vouloir suivre encore le meme voie, ce qui les exposait a me voir detruire leurs forts”. Vào ngày 21, các viên quan nhỏ 4 người quay trở lại, tôi đón tiếp họ khá thô lỗ bằng cách nhắc nhở họ rằng hành vi gian dối của họ, ở Touranne, là nguyên nhân gây ra bất

hạnh lớn cho họ và dường như họ muốn đi theo con đường cũ 1 lần nữa, muốn thấy tôi phá hủy pháo đài của họ. [Có lẽ không còn nghi ngờ gì nữa, Le Lieur vào năm 1847 còn ở 1 cấp bậc thấp nhưng đã có mặt ở đây và đã chứng kiến hoặc tham gia vào những gì mà thuyền trưởng Lapierre và tàu Gloire đã làm vào lúc đó. Việc để cho 1 viên thuyền trưởng vô biên, lại thêm những kinh nghiệm hành xử thô lỗ như Le Lieur đi tiên trạm, tách rời hẳn với sứ bộ chính của Montigny, thậm chí tách rời với cả cấp trên trực tiếp là Jean Jule Collier thuyền trưởng tàu Capricieuse, quả là 1 lỗi lầm việc đáng thất vọng của bộ máy ngoại giao Pháp đương thời].



Hình 15: Vịnh Đà Nẵng, nơi Le Lieur đưa tàu vào về sau có con đường nối ra hòn Cỏ, đến nay là cảng Tiên Sa

“Le 24, M. Fontaine alla a Touranne et la, ils voulurent lui rendre nos lettres qui avaient ete renvoyees de Hue, et dont une, celle qu j’avais ecrite au premier Ministre avait ete ouverte. J’y demandais a etre traite en ami, jusqu’a l’arrivee du Plenipotentiaire, de plus qu’on me donnât l’assurance que l’on eait dispose a traiter avec la France et la certitude d’avoir un pilote pour le petit vapeur qui conduirait l’envoye de France a Hue”. Vào ngày 24, cha Fontaine đến Touranne [từ Huế, bằng đường bộ] và ở đó, họ [các viên quan ở Đà Nẵng] muốn gửi lại cho cha những bức thư của chúng tôi đã được gửi lại từ Huế, và 1 trong số đó, bức tôi đã viết cho Thủ tướng [triều đình nhà Nguyễn không có chức vụ này] đã được/bị mở ra. Tôi yêu cầu được đối xử như 1 người bạn cho đến khi quan Đặc mệnh Toàn quyền đến, hơn nữa tôi muốn đảm bảo rằng họ được chuẩn bị sẵn sàng để đối xử với nước Pháp và chắc chắn có 1 hoa tiêu cho 1 chiếc tàu hơi nước

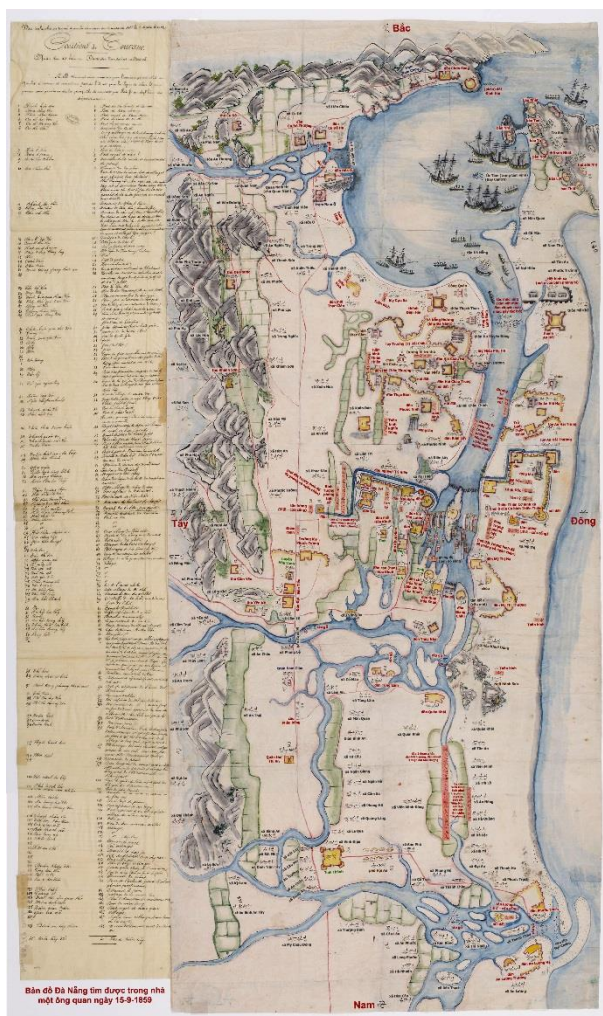
nhỏ sẽ đưa phái bộ Pháp đến Huế [có lẽ đây là những yêu cầu mà Le Lieur viết trong lá thư gửi cho “premier Ministre”].

“Quand je sus que les lettres avaient ete renvoyees sans avoir ete lues, je leur fis connaitre que devant une insulte pareille faite a un representant de l’Empereur des Français, je devais me considerer comme en guerre. En outre j’etais encore a attendre la reponse du Prefet de la Province, et il ne m’etait pas possible de rester mouille deux mois sous autant de canons dans un pays ou tout m’etait hostile, je n’etais pas assez fort pour me permettre cela”. Khi tôi biết rằng những bức thư đã được trả lại mà chưa được đọc, tôi cho họ biết rằng trước sự xúc phạm như vậy đối với đại diện của Hoàng đế Pháp, tôi nên coi mình đang ở trong tình trạng chiến tranh. [Viên thuyền trưởng này đã không nghĩ đến việc, cần 1 người có đủ thẩm quyền để trao bức thư cho 1 người nhận cũng có đủ thẩm quyền để bức thư có thể được mở ra đọc]. Ngoài ra, tôi còn đang chờ phản hồi của Tỉnh trưởng, ông ta không thể để tôi trong 2 tháng ở dưới tầm của quá nhiều đại bác ở 1 đất nước mà mọi thứ đều thù địch với tôi, tôi không đủ sức cho phép tôi điều đó. [Ngoài ra, viên thuyền trưởng đã tự mâu thuẫn, khi vừa muốn tuyên bố tình trạng chiến tranh, lại vừa muốn được đối xử như 1 người khách đang chờ đợi].

“Le 25, je me halai entre l’ilot et la presqu’ile, l’arriere le premier at assez pres de la jetee pour decouvrir le portail de la port du forte de l’ilot. Embosse ainsi je battais le fort de l’ilot qui ne pouvait m’opposer que deux pieces de ce cote, de l’autre bord, je battais une batterie de cote de 5 pieces et par l’arriere je pouvais tirer sur le grand fort de la prequ’ile. Cette position enlevait a l’ennemi la faculte de se server de ses canons et me permettait d’enlever tous les forts avec la compagnie de débarquement en la secondant de mon artillerie pour nettoyer le terrain. Le meme soir, je crus remarquer une augmentation de personnes dans l’ilot et la presence de deux personnages plus eleves que celui qui le commandait les jours precedents”. Vào ngày 25, tôi tự đi chuyển vào giữa hòn đảo và bán đảo, đủ gần với mặt sau của đảo để khám phá cái cổng đồn trên đảo. Neo cố định tàu lại để tôi có thể đánh bại cái đồn có 2 đại bác trên đảo ở phía bên này [hòn Cô], đánh bại 1 trận địa 5 đại bác ở phía bên kia [bán đảo Sơn Trà] và từ phía sau bắn phá pháo đài lớn ở mặt trước [trong đất liền, tàu hướng mũi ra khơi; tận dụng ưu thế hỏa lực trên tàu và coi thường các loại súng thần công của triều đình nhà Nguyễn, Le Lieur tự cho tàu đi vào giữa để có thể thoải mái tấn công tất cả các hướng]. Vị trí này đã tước đi khả năng sử dụng đại bác của địch [có lẽ vì đủ xa bờ và đủ xa bán đảo Sơn Trà], và cho phép ta triệt hạ tất cả các đồn bằng quân đổ bộ sau khi pháo binh dọn bãi. Cũng vào buổi tối hôm đó, tôi nghĩ rằng tôi nhận thấy số người trên đảo tăng lên và sự hiện diện của 2 nhân vật cấp cao hơn người phụ trách những ngày trước. [Những sự điều động này là hiển nhiên và hợp lý, chắc là của các quan tại chỗ, còn những sự điều động của vua Tự Đức chỉ diễn ra sau khi đã bị bắn phá, chưa rõ “deux personnages plus élevés” này là ai].

257 – Câu chuyện của Le Lieur (tiếp theo)

“Le lendemain, je constatai un plus grand mouvement de passage à l’embouchure de le rivière; je conclus qu’il était arrivé des troupes et que si je tardais, je pourrais bien trouver les forts armés de manière à me donner plus de besogne, et peut-être même à les voir prendre l’initiative, je n’hésitai plus, je fis diner plus tôt; à midi la compagnie de débarquement (53 hommes) se rendait à terre”. Ngày hôm sau, tôi nhận thấy 1 chuyển động lớn hơn ở đường đi tới cửa sông; tôi cho rằng quân lính đã đến và nếu tôi chậm trễ, tôi sẽ phải vất vả thêm với những vũ khí mạnh hơn, và có lẽ vì đã thấy họ chủ động, tôi không chần chừ thêm nữa, tôi đã làm bữa tối sớm hơn; đến trưa đại đội lính đánh bộ (53 người) lên bờ. [Điều “nhận thấy” này, điều mà Le Lieur coi như nền tảng cho tính chính đáng của hành động của ông ta, về sau đã được chính ông ta xác nhận là không có thật, “mais heureusement il n’en a rien été”].



Hình 16: Bản đồ Đà Nẵng của vụ nổ súng lần 3 năm 1859, với ghi chú bổ sung bằng tiếng Việt (Wikipedia)

Đoạn tiếp theo của báo cáo thì khá dài dòng với kiểu ngôn ngữ bóng bẩy quý tộc Pháp, không giống 1 báo cáo cho lắm, nói về các mệnh lệnh được đưa ra, các toán quân đi thực hiện các mệnh

lệnh đó, tên các sĩ quan thuộc quyền bao gồm những M. Bouet, M. Artiguenave, M. Passemard, M. Berard..., mục đích bảo chữa là dễ thấy, nhưng những đoạn sau đây thực sự là đáng chú ý:

“La batterie de côté de 5 pièces fut enlevée sans la moindre résistance, les hommes voyant arriver les nôtres prirent la fuite”. Khẩu đội 5 súng bên hông bị phá hủy mà không có chút kháng cự nào, những người lính nhìn thấy chúng tôi đến đều bỏ chạy. [Điều này, trái ngược với những giả định về “tinh thần yêu nước và truyền thống chống ngoại xâm”, chắc chắn là hoàn toàn chính xác 1 cách chân thực. Nhớ lại khi đề cập đến vụ này, ĐNTL đã kể rõ vua Tự Đức quả rằng “các viên biên đều không có bụng cùng nhau thù tức đối địch với quân giặc, cho nên làm kẻ sợ hãi để giữ mình đây thôi”. Tận mắt nhìn thấy tàu thuyền và súng ống của Pháp, những người lính sẽ tự tìm thấy cách hành xử hợp lý nhất cho mình].

“Au premier coup de canon sur le grand fort (citadelle) 300 hommes environ armés de fusils, deux drapeaux en tête et un énorme tam-tam de guerre partirent de Touranne se dirigeant au pas de course sur la presqu’île, ils accouraient sans doute pour armer la batterie de côté, car ils arrivaient par les hauteurs et le chemin qui dominant cette batterie. Un boulet et quelques paquets de grosse mitraille firent disparaître hommes et drapeaux”. Ngay phát đại bác đầu tiên bắn vào đồn lớn (trong thành), khoảng 300 người trang bị súng trường, 2 lá cờ trên đầu và 1 thuyền chiến khổng lồ rời khỏi Touranne chạy hết tốc lực ra bán đảo, không nghi ngờ gì nữa họ đến để tăng cường cho khẩu đội bên hông, bởi vì họ đến từ trên cao và theo con đường dẫn đến khẩu đội này. Một phát đại bác và vài loạt đạn ghém bắn ra khiến người và cờ biến mất. [Không biết chính xác con số “disparaître” này là bao nhiêu người, cộng thêm vào với “lãnh binh Nguyễn Đức Chung, hiệp quân Lý Điển, biên binh chết hơn 40 người, còn 104 người không biết trôi giạt đi đâu” của năm 1847, làm thành danh sách những liệt sĩ đầu tiên trong trận chiến hơn 100 năm chống Pháp].

“La citadelle contenait 30 pièces de canon, 2 mortiers et 2 obusiers et une énorme quantité de poudre. S’ils n’ont pas cherché à défendre le grand fort, c’est qu’ils avaient reconnu son inutilité lors de l’affaire du Commandant Lapierre et en outre toute le reste étant pris, ils se seraient trouvés bloqués dans le presqu’île et c’est une position que ces gens paraissent redouter, puisqu’ils ont préféré se défendre dans les buissons que dans leurs forts”. Tòa thành có 30 súng thần công, 2 súng cối và 2 sơn pháo và 1 lượng rất lớn thuốc súng. Nếu họ không tìm cách bảo vệ pháo đài lớn, đó là bởi vì họ đã nhận ra sự vô dụng của nó trong vụ Tư lệnh Lapierre [vụ nổ súng năm 1847], và hơn nữa khi những chỗ còn lại bị chiếm, họ sẽ thấy mình bị chặn lại trên bán đảo và đó là 1 vị trí mà những người này có vẻ sợ hãi, vì họ thích tự vệ trong bụi rậm hơn là trong pháo đài của mình. [Tòa thành, citadelle được đề cập ở đây là thành An Hải, nằm ở phía Đông của sông Hàn, nhìn ra biển Đông và án ngữ con đường đi lên bán đảo Sơn Trà, khoảng phường An Hải Bắc bây giờ. Thành này được xây dựng từ thời vua Minh Mạng năm 1830, cũng vất vả mất 3 tháng, công dụng sau đó chủ yếu là bắn súng mừng các dịp lễ lớn hoặc tàu thuyền công vụ ra vào... Cuối năm 1830, có vụ “binh thuyền của nước Phú Lãng Sa... dùng đảng chưa đi, tự tiện lên núi Tam Thai để xem xét”, xem lại ĐLSC số 223, quan binh thành An Hải thời đó cũng đâu có ngăn cản gì được, đến nỗi bị vua cách chức. Lý thuyết quân sự cũng như kỹ thuật xây dựng thành trì đã thụt lùi đi quá nhiều so với thời kỳ thành Diên Khánh 60 năm trước].

“Si cette affaire ne m’a coûté personne, elle n’a pas non plus coûté bien cher aux Cochinchinois. A ma connaissance, ils ont perdu un mandarin sur l’île et un homme blessé que j’ai fait panser. Ils prétendent avoir eu plus de monde tué, c’est possible, mais je suis porté à croire qu’il y a exagération de leur part. Le résultat de cette affaire a été la perte pour eux de 60 pièces de canon, dont beaucoup d’un très gros calibre et environ la moitié en belles pièces de bronze, ainsi que de la poudre et des projectiles à profusion”. Nếu vụ này tôi không mất 1 người nào, thì nó cũng không đắt giá hơn với người Đảng Trong. Theo như tôi biết, họ mất 1 viên quan trên đảo và 1 người đàn ông bị thương mà tôi đã băng bó. Họ tuyên bố rằng có nhiều người bị giết hơn, đó là điều có thể, nhưng tôi có xu hướng tin rằng có sự cường điệu từ phía họ. Kết quả của sự cố này là họ mất đi 60 khẩu thần công, nhiều khẩu cỡ nòng rất lớn và khoảng 1 nửa số đó bằng đồng tốt, cũng như thuốc súng và đạn rất nhiều. [Le Lieur vừa nói, cách vài dòng bên trên, là “1 phát đại bác và vài loạt đạn ghém bắn ra khiến người và cờ biển mất, disparaître hommes et drapeaux, những người và những cờ, danh từ số nhiều. Có thể là không nhiều nhưng không thể chỉ “1 viên quan” được].

“Le mouvement considérable que je vis à l’entrée de la rivière me faisant supposer qu’ils pouvaient avoir l’intention de venir me surprendre la nuit avec leurs jonques, je fis allumer mes feux pour être prêt à tout événement; mais heureusement il n’en a rien été, car le lendemain de cette attaque des mandarins plus morts que vifs arrivaient à bord, me déclarant qu’ils étaient disposés à tout, et qu’on allait faire venir de Hué 4 grands mandarins pour traiter de la paix immédiatement et conformément à la demande de l’Envoyé de France. Malheureusement, j’étais dans la plus grande ignorance sur le traité à faire, je déclinai donc ma compétence et leur dis qu’il fallait forcément attendre Mr de Montigny qui s’il n’avait pas perdu de temps devait arriver d’un jour à l’autre”. Sự chuyển động đáng kể mà tôi nhìn thấy ở lối vào sông khiến tôi cho rằng họ có thể định gây bất ngờ cho tôi vào ban đêm từ những chiếc thuyền mảnh của họ, tôi đốt lửa để sẵn sàng cho bất kỳ sự kiện nào; nhưng cũng may là không phải, vì hôm sau cuộc tấn công này, các quan cấp cao hơn sống sót lên tàu, nói với tôi rằng họ đã sẵn sàng mọi việc, và họ sẽ đưa 4 quan lớn từ Huế vào để đàm phán hòa bình ngay lập tức và phù hợp với yêu cầu của Sứ bộ nước Pháp. Thật không may, tôi là người thiếu hiểu biết nhất về thỏa thuận sẽ bàn, vì vậy tôi từ chối và nói với họ rằng cần phải đợi Ngài de Montigny, người nếu không mất thời gian thì sẽ đến vào 1 ngày khác. [Khi nghi ngờ có “1 sự chuyển động đáng kể”, Le Lieur “đã làm bữa tối sớm hơn” và đốt lửa suốt đêm, những phản ứng hợp lý. Tuy nhiên, mặc dù đã qua 1 đêm và 1 buổi sáng tiếp theo yên ắng, viên thuyền trưởng này vẫn hết sức phi lý đổ quân lên bờ và nổ súng. Và 1 sự phi lý khác ở tầm mức quốc gia, là đã để cho 1 viên thuyền trưởng võ biển đến quá sớm và gây hấn, trong khi kẻ có trách nhiệm, đặc mệnh toàn quyền de Montigny thì lại đến quá muộn].

“L’initiative que les circonstances et l’honneur du pavillon m’ont mis dans la position de prendre ont donc eu pour premier résultat immédiate d’amener les mandarins à traiter de la paix, ce qu’ils n’auraient jamais fait sans cela et tant qu’ils auraient pu trouver des fins de non recevoir”. Sự chủ động mà hoàn cảnh và danh dự của lá cờ đã đặt tôi vào vị trí phải đảm nhận, do đó có kết quả tức thì là buộc các quan lại phải đàm phán hòa bình, điều mà họ sẽ không bao giờ làm khi không có

áp lực đó và miễn là họ có thể tìm thấy những kết thúc lảng tránh. [Hãy so sánh William Le Lieur bá tước de Ville-sur Arce với Matthew Calbraith Perry, 1794-1858, 1 tư lệnh hải quân của Hoa Kỳ. Khi Le Lieur chỉ huy tàu, tạm coi là, Catinat đến Đà Nẵng thì Perry đã về hưu và sắp qua đời. Trước đó 4 năm, Perry đã nhận được từ tổng thống Hoa Kỳ Millard Fillmore, 1800-1874, 1 sứ mệnh, tương tự với sứ mệnh của cả Montigny và Collier và Le Lieur cộng lại, ở Nhật Bản, bao gồm cả quyền sử dụng “gunboat diplomacy if necessary”, ngoại giao bằng pháo hạm nếu cần. Lời lẽ thì cũng cứng rắn nhưng Perry biết dựa trên sự nghiên cứu đầy đủ về văn hóa và lịch sử của Nhật Bản, kết hợp với những hành động quân sự và ngoại giao được cân nhắc khéo léo, ví dụ như bắn thi uy đồng loạt từ 73 khẩu đại bác loại Paixhans mạnh nhất đương thời nhưng không dùng đạn, gọi là blank shots, và tuyên bố rằng đó là để kỷ niệm Ngày Độc lập của Hoa Kỳ... Cứ cho là cần thiết phải gây áp lực lên những triều đình hủ bại cùng những viên quan dốt nát, Việt cũng như Nhật, Perry đã thành công 1 cách khá hòa bình để mở cửa Nhật Bản].

“Depuis, ils ont ouvert les lettres de l’Envoyé de France, et ont élevé, toujours pour gagner de temps, des discussions sur la valeur de certains mots qu’ils prétendent ne pas pouvoir se permettre de soumettre à leur Roi. Mais enfin, ils sont décidés à envoyer la lettre à Hué, avec garantie d’une réponse favorable pour conclure le traité, et ils paraissent au moins aussi désireux que nous de voir le Plénipotentiaire et nous sommes au 26 septembre et Mr de Montigny n’est pas encore arrivé (cette partie de phrase “nous sommes au 26 oct...” a été mis par inadvertance et était écrite avant l’arrivée de Capricieuse à Touranne le 26: il faudrait lire le 26 sept peut-être, note du Ct Collier, d’après les explications données par le Ct Le Lieur)”. Kể từ đó, họ [những viên quan nước Việt] đã mở những bức thư của Sứ bộ nước Pháp, và 1 lần nữa, để câu giờ, thảo luận về giá trị của 1 số từ ngữ mà họ cho rằng không đủ khả năng để trình lên nhà vua của mình. Nhưng cuối cùng, họ quyết định chuyển bức thư về Huế, với sự đảm bảo sẽ có 1 phản ứng thuận lợi để ký kết hiệp ước, và ít nhất họ cũng có vẻ háo hức như chúng tôi muốn gặp Đặc mệnh toàn quyền mà chúng tôi dự tính là vào ngày 26/09 còn Ngài de Montigny thì vẫn chưa đến (phần này của câu “chúng tôi dự tính là vào ngày 26/10 đã được viết 1 cách vô tình trước khi Capricieuse đến Touranne vào ngày 26: nên đọc là ngày 26/09, ghi chú từ thuyền trưởng Collier, theo lời giải thích được đưa ra bởi thuyền trưởng Le Lieur - chú thích của Henri Cordier). [Tức là trong nguyên bản, Le Lieur ghi là ngày 26/10, nhưng khi Collier đến vào ngày 26/09 thì đã sửa lại thành 26/09. Sự chậm trễ của Montigny, hay lỗi làm việc tùy tiện của nền ngoại giao Pháp, đã làm cho tất cả những súng đã nổ và máu đã đổ đều trở nên vô nghĩa. Sự có mặt, sớm hơn so với Montigny nhưng cũng là chậm trễ, của Collier, cấp trên của Le Lieur cũng chẳng có ý nghĩa gì].

“Je n’ai eu qu’a me louer de Mr. Fontaine, missionnaire attaché à la Légation qui connaît parfaitement le pays et en parle la langue. Il était plus convaincu que moi qu’il n’y avait qu’un acte de vigueur qui pût amener à un résultat avantageux. Notre Plénipotentiaire repoussé, il n’y avait pas de doute que les édits contre les Chrétiens seraient remis envigueur et plus tard, nous aurions peut-être été forcés d’intervenir d’une manière moins avategeuse”. Tôi không có gì để khen ngợi bản thân mình về ông Fontaine, một nhà truyền giáo gắn bó với Công sứ quán, người hiểu rõ đất nước và nói được ngôn ngữ của nó. Ông tin tưởng hơn tôi rằng chỉ có 1 hành động

mạnh mẽ mới có thể dẫn đến 1 kết quả có lợi. Nếu Đặc mệnh toàn quyền của chúng ta bị đẩy lùi, thì chắc chắn rằng các sắc lệnh chống lại Kitô hữu sẽ được phục hồi, và sau đó chúng ta có thể buộc phải can thiệp theo cách ít chủ động hơn. [Khía cạnh tôn giáo cho đến bây giờ mới được Le Lieur đề cập tới 1 cách chủ quan và sơ lược, rõ ràng là muộn màng và vót vát, chúng tỏ rằng nó không hề được bao hàm trong sứ mệnh này. Cha Fontaine giống như 1 hành khách đi nhờ tàu đến Huế và sau đó, theo đường bộ để quay vào Đà Nẵng gặp lại tàu, chưa rõ là có lên lại tàu hay không].

“Je me suis borné à un simple exposé des faits, je n’ai rien cherché à faire valoir, j’ai raconté la chose le plus simplement possible afin d’être bien compris. C’est à mes chefs à apprécier si, dans cette circonstance difficile j’ai fait mon devoir, leur approbation est tout ce que j’ambitionne et je serai heureux de voir mes officiers obtenir des récompenses méritées. Rade de Touranne 26/10/1856”. Tôi giới hạn bản thân trong 1 tuyên bố đơn giản về sự thật, tôi không tìm cách tranh luận, tôi kể câu chuyện càng đơn giản càng tốt để mọi người hiểu. Lãnh đạo của tôi đánh giá cao nếu trong hoàn cảnh khó khăn này mà tôi đã làm hết trách nhiệm của mình, sự tán thành của họ là tất cả những gì tôi phấn đấu và tôi sẽ rất vui khi thấy các sĩ quan của mình nhận được những phần thưởng xứng đáng. Cảng Đà Nẵng 26/10/1856. [Những lời có cánh để kết thúc 1 báo cáo khá dài, cho 1 hành động sẽ có những ảnh hưởng lâu dài và gây tranh cãi trong lịch sử].

258 – Câu chuyện của Matthew C. Perry ở Nhật Bản

Có lẽ sự khác biệt lớn giữa Perry và Le Lieur là ở chỗ, mặc dù cũng sinh trưởng trong 1 gia đình có truyền thống hải quân và làm chính khách, Perry không phải là 1 bá tước. Là 1 sĩ quan hải quân từng trải và cấp tiến, ngoài việc tham gia thành công nhiều sứ mệnh của hải quân, ông còn được ghi nhận với những đóng góp lớn cho việc đào tạo và đổi mới trang thiết bị. Sứ mệnh Nhật Bản dường như được giao cho Perry bởi đích thân tổng thống Hoa Kỳ Millard Fillmore từ tháng 03/1852, nhưng phải đến tháng 07/1853 Perry cùng với 4 tàu chiến mới có mặt ở vịnh Edo, nay gọi là vịnh Tokyo, sau khi đã nghiên cứu kỹ lưỡng truyền thống văn hóa và bối cảnh lịch sử của Nhật Bản. Giải pháp lựa chọn của Perry tuy rất đơn giản, chỉ là ngoại giao pháo hạm: superior naval forces were displayed with a resolute attitude, lực lượng hải quân vượt trội được phô diễn cùng với 1 thái độ kiên quyết, nhưng được công bố rộng rãi trên toàn thế giới, động tác ngoại giao này chắc chỉ có ý nghĩa giữa các cường quốc với nhau thôi chứ không có tác dụng gì với những vị vua vốn kín cổng cao tường ở phương Đông. Kích cỡ của “những con tàu đen”, cách người dân Nhật gọi hạm đội của Perry, và tiếng gầm thị uy của 73 khẩu đại bác kiểu Paixhans không cần bắn đạn thật đã giúp Perry hoàn thành được sứ mệnh. Ngay sau đây là nguyên văn bức thư của tổng thống Hoa Kỳ Millard Fillmore gửi cho triều đình Nhật Bản:



Hình 17: Kỳ hạm U.S.S. Susquehanna của Perry (tranh khắc gỗ Nhật Bản, từ Đại học Indiana)

“Millard Fillmore, President of the United States of America to his Imperial Majesty, The Emperor of Japan Great and Good Friend!”. [Millard Fillmore, Tổng thống Hợp chúng quốc Hoa Kỳ gửi tới Bệ hạ, Hoàng đế Nhật Bản Người bạn tốt và vĩ đại! Có thể tin rằng bức thư mà Ba Ly Chì Balesier chuyển từ tổng thống Hoa Kỳ Zachary Taylor cho vua An Nam năm 1850 cũng có những lời lẽ trọng thị không kém].

“I send you this public letter by Commodore Matthew C. Perry, an officer of the highest rank in the navy of the United States, and commander of the squadron now visiting your imperial majesty’s dominions”. [Tôi gửi cho ngài bức thư công khai này thông qua Tư lệnh Matthew C.

Perry, 1 sĩ quan có cấp bậc cao nhất trong hải quân Hoa Kỳ, và là chỉ huy của hải đội hiện đang đến thăm vùng thống trị của bộ hạ].

“I have directed Commodore Perry to assure your imperial majesty that I entertain the kindest feelings toward your majesty’s person and government, and that I have no other object in sending him to Japan but to propose to your imperial majesty that the United States and Japan should live in friendship and have commercial intercourse with each other”. [Tôi đã chỉ thị để Tư lệnh Perry đảm bảo với bộ hạ rằng tôi thể hiện tình cảm tốt đẹp nhất đối với con người và chính phủ của bộ hạ, và rằng tôi không có mục tiêu nào khác khi gửi ông ấy đến Nhật Bản ngoài việc đề xuất với bộ hạ rằng Hoa Kỳ và Nhật Bản nên sống trong tình hữu nghị và quan hệ thương mại với nhau].

“The Constitution and laws of the United States forbid all interference with the religious or political concerns of other nations. I have particularly charged Commodore Perry to abstain from every act which could possibly disturb the tranquility of your imperial majesty’s dominions”. [Hiến pháp và luật pháp của Hoa Kỳ cấm mọi can thiệp vào các mối quan tâm tôn giáo hoặc chính trị của các quốc gia khác. Tôi đã đặc biệt yêu cầu Tư lệnh Perry kiêng tránh mọi hành động có thể làm xáo trộn sự yên tĩnh ở vùng thống trị của bộ hạ].

“The United States of America reach from ocean to ocean, and our Territory of Oregon and State of California lie directly opposite to the dominions of your imperial majesty. Our steamships can go from California to Japan in eighteen days”. [Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nằm vươn từ đại dương này sang đại dương khác, và Lãnh thổ Oregon và Bang California của chúng tôi nằm ngay đối diện với vùng thống trị của bộ hạ. Tàu hơi nước của chúng tôi có thể đi từ California đến Nhật Bản sau 18 ngày].

“Our great State of California produces about sixty millions of dollars in gold every year, besides silver, quicksilver, precious stones, and many other valuable articles. Japan is also a rich and fertile country, and produces many very valuable articles. Your imperial majesty’s subjects are skilled in many of the arts. I am desirous that our two countries should trade with each other, for the benefit both of Japan and the United States”. [Bang California vĩ đại của chúng tôi sản xuất khoảng 60 triệu đô la vàng mỗi năm, bên cạnh bạc, thủy ngân, đá quý và nhiều sản phẩm có giá trị khác. Nhật Bản cũng là một đất nước giàu có, màu mỡ và cho ra đời nhiều sản phẩm rất có giá trị. Thần dân của bộ hạ thông thạo nhiều nghệ thuật. Tôi mong muốn rằng 2 nước chúng ta nên giao thương với nhau, vì lợi ích của cả Nhật Bản và Hoa Kỳ].

“We know that the ancient laws of your imperial majesty’s government do not allow of foreign trade, except with the Chinese and the Dutch; but as the state of the world changes and new governments are formed, it seems to be wise, from time to time, to make new laws. There was a time when the ancient laws of your imperial majesty’s government were first made”. [Chúng tôi biết rằng luật pháp cổ xưa của chính phủ bộ hạ không cho phép ngoại thương, ngoại trừ với người Trung Quốc và người Hà Lan; nhưng khi tình hình thế giới thay đổi và các chính phủ mới

được thành lập, dường như sẽ là thông thái hơn nếu theo thời gian dần dần đưa ra các luật mới. Đã từng có 1 thời gian khi các luật cổ xưa của chính phủ của bộ hạ lần đầu tiên được ban hành].

“About the same time America, which is sometimes called the New World, was first discovered and settled by the Europeans. For a long time there were but a few people, and they were poor. They have now become quite numerous; their commerce is very extensive; and they think that if your imperial majesty were so far to change the ancient laws as to allow a free trade between the two countries it would be extremely beneficial to both”. [Cùng thời gian đó châu Mỹ, nơi đôi khi được gọi là Tân Thế giới, được khám phá và định cư lần đầu tiên bởi người Châu Âu. Trong 1 thời gian dài chỉ có 1 ít người, và họ nghèo khổ. Bây giờ họ đã trở nên khá đông; thương mại của họ rất rộng mở; và họ nghĩ rằng nếu bộ hạ càng thay đổi các luật lệ cổ xưa để cho phép thương mại tự do giữa 2 quốc gia thì điều đó sẽ cực kỳ có lợi cho cả 2 bên].

“If your imperial majesty is not satisfied that it would be safe altogether to abrogate the ancient laws which forbid foreign trade, they might be suspended for five or ten years, so as to try the experiment. If it does not prove as beneficial as was hoped, the ancient laws can be restored. The United States often limit their treaties with foreign States to a few years, and then renew them or not, as they please”. [Nếu bộ hạ không hài lòng rằng sẽ hoàn toàn an toàn nếu bãi bỏ các luật cổ cấm ngoại thương, các luật đó có thể bị đình chỉ trong năm hoặc mười năm, để thử nghiệm.. Nếu nó không chứng minh được lợi ích như đã hy vọng, các luật cổ có thể được khôi phục. Hoa Kỳ thường giới hạn các hiệp ước của họ với các quốc gia nước ngoài trong 1 vài năm, sau đó gia hạn hoặc không, tùy ý].

“I have directed Commodore Perry to mention another thing to your imperial majesty. Many of our ships pass every year from California to China; and great numbers of our people pursue the whale fishery near the shores of Japan. It sometimes happens, in stormy weather, that one of our ships is wrecked on your imperial majesty’s shores. In all such cases we ask, and expect, that our unfortunate people should be treated with kindness, and that their property should be protected, till we can send a vessel and bring them away. We are very much in earnest in this”. [Tôi đã chỉ đạo Tư lệnh Perry đề cập đến 1 điều khác với bộ hạ. Nhiều tàu của chúng tôi hàng năm đi từ California đến Trung Quốc; và rất nhiều người dân của chúng tôi theo đuổi nghề đánh bắt cá voi gần bờ biển Nhật Bản. Đôi khi, trong thời tiết bão tố, 1 trong những con tàu của chúng tôi bị đắm trên bờ biển của bộ hạ. Trong tất cả những trường hợp như vậy, chúng tôi thỉnh cầu và mong đợi rằng những người bất hạnh của chúng tôi nên được đối xử tử tế, và tài sản của họ nên được bảo vệ, cho đến khi chúng tôi có thể gửi đến 1 chiếc tàu và đón họ đi. Chúng tôi rất sốt sắng trong việc này].

“Commodore Perry is also directed by me to represent to your imperial majesty that we understand there is a great abundance of coal and provisions in the Empire of Japan. Our steamships, in crossing the great ocean, burn a great deal of coal, and it is not convenient to bring it all the way from America. We wish that our steamships and other vessels should be allowed to stop in Japan and supply themselves with coal, provisions, and water. They will pay for them in

money, or anything else your imperial majesty's subjects may prefer; and we request your imperial majesty to appoint a convenient port, in the southern part of the Empire, where our vessels may stop for this purpose. We are very desirous of this". [Tur lệnh Perry cũng được hướng dẫn bởi tôi để trình bày cho bộ hạ rằng chúng tôi hiểu rằng có rất nhiều than và các nguồn cung cấp trong Đế quốc Nhật Bản. Những con tàu hơi nước của chúng ta khi băng qua đại dương đã đốt rất nhiều than, và thật không tiện khi mang theo tất cả những thứ đó từ nước Mỹ. Chúng tôi mong muốn rằng các tàu chúng tôi, hơi nước và các loại khác, nên được phép dừng lại ở Nhật Bản và được cung cấp than, đồ dự trữ và nước. Họ sẽ trả tiền cho những thứ đó, hoặc trả bằng bất cứ thứ gì khác mà thần dân của bộ hạ có thể quan tâm; và chúng tôi thỉnh cầu bộ hạ chỉ định 1 bến cảng thuận tiện, ở phía Nam của Đế quốc, nơi các tàu của chúng tôi có thể dừng lại cho mục đích này. Chúng tôi rất mong muốn điều này].

"These are the only objects for which I have sent Commodore Perry, with a powerful squadron, to pay a visit to your imperial majesty's renowned city of Yedo: friendship, commerce, a supply of coal and provisions, and protection for our shipwrecked people". [Đây là những mục đích duy nhất mà vì chúng tôi đã cử Tur lệnh Perry, cùng với 1 hải đội hùng mạnh, đến thăm thành phố Yedo nổi tiếng của bộ hạ: tình hữu nghị, thương mại, sự cung cấp than đá và đồ dự trữ, cũng như sự bảo vệ cho những người bị đắm tàu của chúng tôi].



Hình 18: Bàn giao quà của tổng thống Hoa Kỳ tặng vua Nhật Bản tại Yokohama (bảo tàng Nimitz, Annapolis)

"We have directed Commodore Perry to beg your imperial majesty's acceptance of a few presents. They are of no great value in themselves; but some of them may serve as specimens of the articles manufactured in the United States, and they are intended as tokens of our sincere and respectful friendship". [Chúng tôi đã chỉ đạo Tur lệnh Perry cầu xin bộ hạ chấp nhận 1 vài món quà. Bản thân chúng không có giá trị gì lớn lao; nhưng 1 số trong số chúng có thể đóng vai trò là mẫu vật của các sản phẩm được sản xuất tại Hoa Kỳ, và chúng được coi là dấu hiệu của tình hữu nghị chân thành và đáng tôn trọng của chúng ta].

“May the Almighty have your imperial majesty in His great and holy keeping!”. [Cầu mong Đấng toàn năng gìn giữ bộ hạ trong sự vĩ đại và thánh thiện của Ngài!].

“In witness whereof, I have caused the great seal of the United States to be hereunto affixed, and have subscribed the same with my name, at the city of Washington, in America, the seat of my government, on the thirteenth day of the month of November, in the year one thousand eight hundred and fifty-two. (Seal attached) Your good friend, Millard Fillmore (blank) Edward Everett, Ngoại trưởng. [Để làm chứng cho điều đó, tôi đã cho đóng con dấu cao quý của Hoa Kỳ vào đây, và viết phía dưới bằng tên của tôi, tại thành phố Washington, Hoa Kỳ, nơi đặt chính phủ của tôi, vào ngày 13/11/1852. (Đóng dấu) Người bạn tốt của ngài, Millard Fillmore, (khoảng trống) Edward Everett, Ngoại trưởng].

Có thể các bức thư kiểu này, từ Anh hay từ Pháp hay từ Mỹ, đã được gửi tới những triều đình phương Đông không ít lần. Triều đình nhà Nguyễn như chính ĐNTL kẻ, đã từng nhận được thư của nữ hoàng Anh, của vua Pháp, của nữ hoàng Bồ Đào Nha, của tổng thống Mỹ... Nhưng ở cái thời điểm then chốt những năm 50s của thế kỷ XIX này, so sánh 2 trường hợp đưa thư ở 2 vịnh Đà Nẵng và Tokyo, quả thật đáng thất vọng về người Pháp so với người Mỹ, cũng như đáng thất vọng về vua quan Việt so với vua quan Nhật.

Trang Britannica đánh giá 1 cách trọng thị rằng, những thành công của Perry đã đưa vị thế của Hoa Kỳ lên ngang hàng với những Anh, Pháp và Nga ở Đông Á, through his efforts the United States became an equal power with Britain, France, and Russia in the economic exploitation of East Asia.

259 – Câu chuyện của Collier

Các thuyền trưởng Pháp rõ ràng là may mắn hơn nhiều so với thuyền trưởng John Pervival và tàu USS Constitution của Hoa Kỳ, hầu như chưa làm gì cả thì đã bị “đàn hặc” và sau đó bị Bộ Hải quân khiển trách vì hành vi không phù hợp, Ngay sau vụ nổ súng ở bãi biển Đà Nẵng ngày 26/09/1856, Le Lieur đã có được sự ủng hộ của cấp trên trực tiếp, Jean Jule Colliere thuyền trưởng tàu Capricieuse, [vị cấp trên này xuất thân bình dân, sẽ mắc chứng kiết lị và qua đời sau đó không lâu ở Quảng Đông, China]. Sau đây là bức thư của Colliere, cũng vẫn theo tài liệu của Henri Cordier:



Hình 19: Tàu la Capricieuse

“Corvette la Capricieuse, Touranne, le 9 novembre 1856. Monssieur le Ministre. Ma dernière letter du 15 sept vous annonçait mon prochain départ de Siam. Le 21, M de Montigny et sa famille emberquaient sur le Marceau et nous mettions sous voiles. Le 26, je mouillais à Chantaboun, port siamois préférable à Bangkok, où des navires tirant cinq mètres d’eau, trouveraient un bon abri; j’en partais le 28, laissant le Marceau recueillir des notes et des échantillons des produits de la Province, le 3 octobre, j’arrivais à Kampot, remettait à Mgr. Miche, évêque de Cambodge, le modeste ameublement que lui envoyaient les Missionnaires de Siam. Le 5, le Marceau me rejoignait; l’Evêque m’annonçait le visite du Roi, qui avait le plus grand desir de visiter la corvette. Je n’ai pas cru devoir l’attendre; la saison pressait; le Catinat m’att’ndait depuis trop longtemps à Touranne; le 7, j’appareillais; le Marceau restait avec notre Plénipotentiaire accomplissant sa mission près du Roi du Cambodge et je l’engageais à ne pas perdre de temps, pour me rallier”. Tàu Capricieuse, Đà Nẵng, ngày 09/11/1856. Thừa ngài Bộ trưởng. Bức thư cuối cùng của tôi vào ngày 15/09 đã thông báo với ngài việc tôi sắp rời Xiêm. Ngày 21, Ngài de Montigny và gia đình đã lên tàu Marceau và chúng tôi bắt đầu hành trình. Ngày 26, tôi thả neo tại Chantaboun, 1 cảng của Xiêm thích hợp hơn Bangkok, nơi những con tàu có mực nước sâu 5 mét sẽ tìm được nơi trú ẩn tốt; tôi ra đi ngày 28, để Marceau lại thu thập

các ghi chép và mẫu sản phẩm của Tỉnh, ngày 03/10, tôi đến Kampot, bàn giao cho Đức Cha Miche, Giám mục Campuchia, những đồ đặc khiên tốn do các Nhà truyền giáo Xiêm gửi đến cho ông. Ngày 05, Marceau gia nhập cùng tôi; Đức Giám mục thông báo với tôi về chuyến thăm của nhà Vua, người có mong muốn lớn nhất là đến thăm tàu hộ tống. Tôi không nghĩ rằng tôi nên đợi ông ấy; tiết mùa thì bức xúc; tàu Catinat thì đã đợi tôi ở Touranne quá lâu; ngày 07, tôi ra khơi; Marceau vẫn ở lại với Đặc mệnh toàn quyền của chúng ta để hoàn thành sứ mệnh của ông bên cạnh Quốc vương Campuchia và tôi tin tưởng rằng anh ấy sẽ không lãng phí thời gian để tái hợp cùng tôi.

Tiếp theo là những đoạn tả cảnh, bao gồm cả việc hứng chịu 1 cơn bão gần cồn cát Tri Tôn Hoàng Sa, và không quên tranh thủ phàn nàn chút đỉnh về sự cũ kỹ của con tàu. Bỏ qua.

“La 24 octobre, je mouillais à Touranne, où le Comte du Catinat me rendait compte des événements dont le rapport ci-joint vous donnera connaissance; les instructions que je lui avais données étaient bien outrepassées; mais les circonstances et surtout le succès inespéré qu’il a obtenu, m’ont semblé justifier plainement ses actes; il a eu le talent de convaincre les Cochinchinois qu’ils avaient tous les torts; ils sont convenus avoir été très insolents à Hué, en renvoyant, sans daigner la lire et y répondre, la lettre d’un représentant de S.M. l’Empereur; ils sont aujourd’hui aussi prévenants, aussi disposés à traiter, qu’il l’étaient peu avant. – J’ai la conviction que sans la démonstration du Comte Le Lieur, les Cochinchinois nous opposant sans cesse cette force d’inertie qui les caractérise, eussent rendu tout traité impossible. C’était aussi l’opinion de M. de Montigny, mais à toutes ses sollicitations pour agir, j’opposais ces mots des instructions qu’il m’avait communiquées... “se rendre en Cochinchine pour y faire comprendre par un langage très ferme et digne, sans cependant employer la menace”. Ngày 24/10, tôi thả neo ở Touranne, nơi mà chỉ huy tàu Catinat đã báo cáo cho tôi những sự kiện mà báo cáo đính kèm [tức là báo cáo của Le Lieur mà ĐLSC các số 256 và 257 đã đề cập] sẽ cho ngài biết; những hướng dẫn tôi đưa cho anh ta đã bị vượt quá xa [bien outrepassées, 1 cách nói không hề nhẹ]; nhưng hoàn cảnh và đặc biệt là thành công ngoài mong đợi [sic!] mà anh ấy có được, đối với tôi, dường như là đủ để biện minh cho hành động của anh ấy; anh ấy có tài thuyết phục người Đảng Trong rằng tất cả họ đều sai; họ đồng ý là đã rất xác xược [insolents!?] ở Huế, họ trở về, không từ chối đọc nữa và sẽ trả lời bức thư của đại diện của Hoàng thượng; ngày nay họ rất chu đáo, sẵn sàng tiếp đãi, điều lẽ ra nên xảy ra sớm hơn. - Tôi tin rằng nếu không có cuộc trình diễn của tư lệnh Le Lieur, người Đảng Trong sẽ liên tục chống lại chúng ta với sức ỳ đặc trưng của họ, sẽ khiến bất kỳ cuộc giao thương nào trở nên bất khả thi. Đây cũng là ý kiến của Ngài de Montigny, nhưng trước mọi yêu cầu hành động của ông ấy, tôi phản đối những lời sau đây trong những chỉ dẫn mà ông ấy đã truyền đạt cho tôi... “hãy đến Nam Kỳ để làm cho mọi người ở đó hiểu được bằng một ngôn ngữ rất chắc chắn và trang nghiêm, nhưng không sử dụng mối đe dọa”. [Có lẽ đúng hơn phải là “không sử dụng vũ lực”, la force thay vì la menace. Không cần phải là 1 nhà ngoại giao xuất sắc gì cho lắm, Montigny cũng hiểu được cách thức mà Perry đã thành công ở Nhật Bản và định áp dụng ở Việt. Khó 1 nổi, có 2 kẻ được giao nhiệm vụ hỗ trợ ông thì cả 2, kẻ

cấp dưới người cấp trên kẻ trước người sau kẻ làm người tán đồng, đều không chấp hành hướng dẫn của ông trong khi về mặt địa lý đã bỏ ông lại phía sau 1 khoảng cách quá xa].

“Notre gouvernement ne voulait donc pas imposer ce traité et rien ne m’autorisait à venir, à l’insu de l’Amiral Guérin, faire une attaque sur Touranne, si elle n’était motivée par des raisons que nous ne pouvions prévoir de Bangkok; la conduit du Catinat est venue mettre un terme à ce petit différend; en présence de toutes ces considérations, je n’ai trouvé que des félicitations à donner au Comte Le Lieur, qui, l’affaire engagée, l’a conduit avec prudence et une grande modération. Si j’étais assez heureux pour voir mon opinion approuvée par V.E., je lui rappellerais que dans mes notes annuelles, j’ai proposé le Comte Le Lieur de Ville-sur-Arce, doyen des Capnes de Frégate pour le grade de capne de vaisseau et je saisis cette occasion de le recommander de nouveau à votre bienveillant intérêt”. Do chính phủ của chúng ta không muốn áp đặt hiệp ước này và không có gì tôi được phép làm mà Đô đốc Guérin không biết, để tiến hành 1 cuộc tấn công vào Touranne, nếu nó không được thúc đẩy bởi những lý do mà chúng tôi không thể lường trước được từ Bangkok; hành xử của Catinat đã chấm dứt sự khác biệt nhỏ này; đối mặt với tất cả những cân nhắc này, tôi không tìm thấy gì hơn ngoài lời chúc mừng dành cho chỉ huy Le Lieur, người đã tham gia, đã tiến hành nó một cách thận trọng và chừng mực. Nếu tôi đủ vui khi thấy ý kiến của mình được quý ngài chấp thuận, tôi sẽ nhắc lại rằng trong những ghi chép hàng năm của mình, tôi đã đề xuất cho chỉ huy Le Lieur de Ville-sur-Arce, từ cấp bậc thuyền trưởng của frégate lên cấp bậc thuyền trưởng của vaisseau [đại khái là từ cấp chỉ huy tàu nhỏ hơn lên cấp chỉ huy tàu lớn hơn, thuyền trưởng của vaisseau là cấp đương nhiệm của Colliere] và tôi sẽ nhân cơ hội này để giới thiệu ông ấy 1 lần nữa cho sự quan tâm nhân từ của ngài.

“Il est malheureux que l’absence de M. de Montigny nous ait mis dans l’impossibilité de profiter immédiatement de excellentes dispositions des Mandarins. Ma seule tâche, aujourd’hui, est de les tenir en haleine et les raisons dilatoires dont ils sont si prodiges pour gagner du temps, me viennent puissamment en aide”. Thật không may khi sự vắng mặt của Ngài de Montigny đã khiến chúng ta không thể thu lợi ngay lập tức từ những sự nhượng bộ tuyệt vời của các quan. Nhiệm vụ duy nhất của tôi, ngày hôm nay, là giữ cho họ trong tình trạng hồi hộp và những lý do khiến họ quá xa hoa để tiết kiệm thời gian, hãy đến trợ giúp tôi một cách mạnh mẽ. [Có lẽ phần chuyển ngữ này chưa đạt...].

“Le 25, quatre petits mandarins, dont un envoyé de Hué, sont venus me voir. Je les ai assurés de mes dispositions amicales, en leur significant que je ne supporterais les impertinences de quelque mandarin que ce fut: que je voulais une réponse de Hué; ... elle était arrivée le 28; les mêmes envoyés sont venus me l’annoncer, les Ministres admettaient comme base d’un traité le contenu de la lettre de M. de Montigny, quoique très exigeante; mais ils dissent qu’elle n’a pu être présentée au Roi, parce qu’elle donne à S.M. un signe inférieur à celui de l’Empereur et à celui qu’on donne habituellement au Roi dans son royaume. J’ai pris sur moi de modifier ce signe, en les prévenant que je n’en avais pas le droit, (ce qui leur a semblé indifférent pourvu que le signe fut changé) et qu’ils devaient y voir un éclatant témoignage de mon esprit de conciliation; le 30,

ils sont venus à bord faire ce changement et m'ont promis, avec mille protestations de sincérité, auxquelles je n'ajoute aucune foi, que dans dix jours j'aurais la réponse de S.M". Ngày 25, 4 viên quan nhỏ, trong đó có 1 sứ thần từ Huế, đến gặp tôi. Tôi đảm bảo với họ về tính cách thân thiện của tôi, nói với họ rằng tôi không thể chịu đựng được những điều bất nhất của bất kỳ quan chức nào: rằng tôi muốn 1 phản hồi từ Huế; ... phản hồi đã đến vào ngày 28; chính các phái viên đã đến thông báo điều đó cho tôi, các Đại thần đã chấp nhận nội dung bức thư của Ngài de Montigny như là cơ sở của 1 hiệp ước, mặc dù rất khắt khe; nhưng họ nói rằng nó không thể được trình lên nhà vua, vì nó mang lại cho hoàng thượng của họ 1 dấu hiệu kém hơn so với Hoàng đế và kém hơn so với dấu hiệu thường được trao cho nhà vua trong vương quốc của người. Tôi đã tự mình sửa đổi dấu hiệu này, cảnh báo họ rằng tôi không có quyền làm như vậy, (điều này đối với họ dường như thờ ơ miễn là dấu hiệu đã được thay đổi) và họ nên xem nó như một bằng chứng sáng giá về tinh thần hòa giải của tôi; ngày 30, họ đã lên tàu để thực hiện thay đổi này và hứa với tôi, với hàng ngàn biểu thị chân thành, mà tôi không thể tin tưởng, rằng trong 10 ngày nữa tôi sẽ có câu trả lời từ hoàng thượng của họ.

Tiếp theo, viên thuyền trưởng cũng muốn tự nâng mình lên tầm 1 chiến lược gia: “Depuis l'attaque du Catinat, les forts et presque toute la presqu'île de Tien-Tcha sont abandonnés: Si j'en crois certains propos, ils nous laisseraient de même Touranne, si nous faisons la moindre démonstration; mais si la France voulait occuper un point sur le littoral de la Conchinchine, il y en a de bien préférables, dans le voisinage du Cap Varela, sur le chemin des navires qui suivent la côte intérieure pour aller en Chine, les ports de Oung-lan, Oung-chan dans la riche province de Phuyen, celui de Hou-cohé sont de ce nombre; l'occupation s'en ferait sans le moindre résistance sérieuse, la garde en serait facile: faire de ce port un point central pour les Chrétiens, déjà nombreux en Cochinchine: (les Jésuites avec leur habileté ordinaire en attireraient, en peu de tems, un nombre considérable, auxquels s'adjoindraient les mécontents, groupés et dirigés, ils pourraient se défendre eux-mêmes). Port franc, le Commerce y affluerait et ce nouveau coin de la France serait le point de départ de la civilisation de l'Occident, pour l'émancipation d'un peuple immense, soumis à un esclavage dont celui de nos colonies n'a jamais approché – la Province de Touranne est pauvre, la ville trop près de Hué, la Capitale”. Kể từ cuộc tấn công vào Catinat, các pháo đài và gần như toàn bộ bán đảo Tiên Sa đã bị bỏ hoang: Nếu tôi tin những lời nào đó, họ sẽ để chúng tôi lại với Touranne như cũ, nếu chúng tôi có biểu hiện nhỏ nhất; nhưng nếu Pháp muốn chiếm 1 cứ điểm trên bờ biển Đàng Trong, thì có nhiều điểm tốt hơn, ở vùng lân cận mũi Varela [hoặc Varella 2 chữ “l”, tên châu Âu của mũi Điện, Phú Yên ngày nay], trên đường cho các con tàu đi theo bờ biển nội địa để đến Trung Quốc, các cảng Oung- Lan, Oung-chan ở tỉnh Phú Yên giàu có, của Hou-cohe [hoặc Honc-Cohe, nay là vịnh Vân Phong] thuộc sở này; việc chiếm đóng sẽ được thực hiện mà không có sự phản kháng ít nghiêm trọng nhất, việc canh gác sẽ dễ dàng: biển cảng này trở thành điểm trung tâm cho những người theo đạo Thiên chúa, vốn đã đông đảo ở Đàng Trong: (Các tu sĩ Dòng Tên với kỹ năng bình thường của họ sẽ thu hút 1 số người, trong 1 thời gian ngắn 1 số lượng đáng kể, mà sẽ được thêm vào những người bất mãn, nhóm lại và chỉ đạo, họ có thể tự bảo vệ mình). Cảng tự do, Thương mại sẽ chảy đến đó và góc mới này của nước Pháp sẽ là điểm khởi đầu của nền văn minh phương Tây, cho sự giải

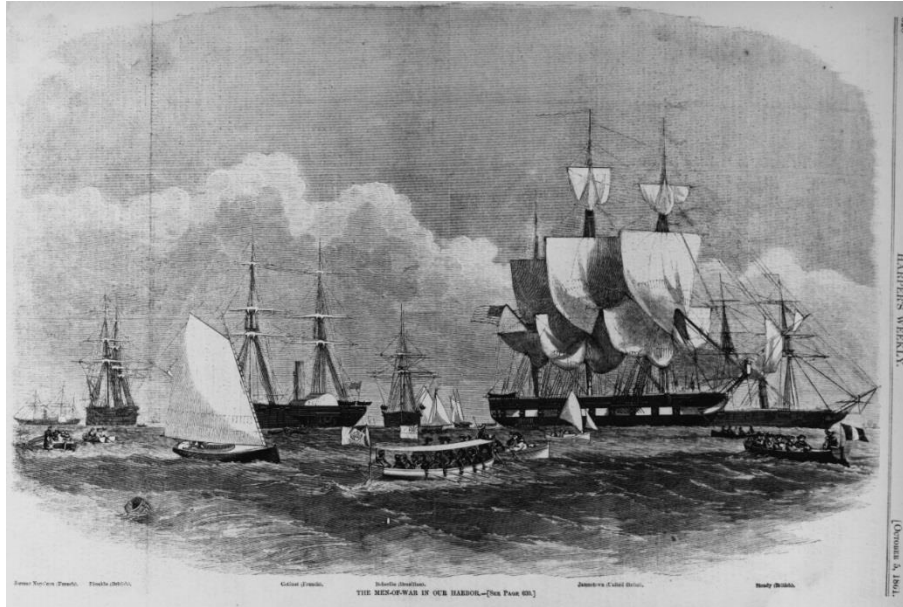
phóng của 1 dân tộc bao la, phải chịu 1 chế độ nô lệ mà các thuộc địa của chúng ta chưa bao giờ tiếp cận - Tỉnh Touranne nghèo, thành phố quá gần thủ đô Huế.

“Le 4 novembre, les Mandarins sont venus me porter des provisions et ont désiré prendre des arrangements pour la réception de la letter de S.M.. Je leur ai répondu qu’ils la porteraient à bord et que quand elle serait arrivée à Touranne, nous nous entendrions pour le Cérémonial. La population autorisée à nous vendre, à communiquer avec nous, se familiarise et se montre on ne peut plus bienveillante; ils sont surprise de l’exactitude avec laquelle on les a toujours payés, même lorsqu’on enclouait leurs canons. Le 5, j’ai reçu la réponse que le Gouverneur de la Province a été autorisé par Hué à nous faire: - çi jointes, la traduction de cette letter et ma réponse, avec une copie des instructions que j’avais données au Commandant du Catinat en l’envoyant à Touranne. J’ai cru devoir couserver les forts tels qu’ils sont. C’est la plus sûre garantie d’obtenir un traité. Le 10, le Catinat se rendra à Macao pour approvisionner de vivres la Capricieuse; approvisionnement urgent, car nous n’avons plus de vin, quoique je n’en fasse délivrer qu’un repas par jour; à Singapore, le Catinat n’a pu s’en procurer”. Vào ngày 4 tháng 11, các viên quan đến mang cho tôi các điều khoản và muốn thu xếp việc nhận thư cho hoàng thượng của họ, tôi nói với họ rằng họ sẽ đưa thư lên tàu và khi thư đến Touranne, chúng tôi sẽ lắng nghe về nghi lễ. Dân được phép bán hàng cho chúng tôi, giao tiếp với chúng tôi, trở nên quen thuộc và tỏ ra rất nhân từ; họ ngạc nhiên về độ chính xác mà họ luôn được trả, ngay cả khi súng của họ được giấu trong bọc [ý nói người bán lừa lọc]. Ngày 5, tôi nhận được thư trả lời mà Tỉnh trưởng được ủy quyền từ Huế: - kèm theo đây là bản dịch bức thư này và câu trả lời của tôi, kèm theo 1 bản chỉ thị mà tôi đã trao cho Tư lệnh Catinat bằng cách gửi nó đến Touranne. Tôi nghĩ rằng tôi phải sửa lại các đồn [bị Catinat phá hủy] như cũ. Đây là đảm bảo chắc chắn nhất để đạt được 1 hiệp ước. Ngày 10, Catinat sẽ đi Macao để lấy thực phẩm cho Capricieuse; lấy khẩn cấp, vì chúng tôi không còn rượu nữa, mặc dù tôi chỉ giao 1 bữa 1 ngày; ở Singapore, Catinat đã không thể lấy được.

“En quittant la barre de Siam, j’ai donné cinquante piastres ou 276 f. 80c. de gratification au gouverneur de Paknam, qui a eu les plus grands soins des blessés du Marceau et pendant tout le tems de notre séjour sur la barre, a approvisionné la Capricieuse d’eau douce et de fruits pour l’équipage; j’espère que V.E. voudra bien approuver cette dépense que je fais figurer sur les états de la Capricieuse. Je donne l’ordre au Catinat de me porter des fonds pour solder des sommes acquises à l’équipage qui n’a touché qu’un mois de solde cette année, aux officiers, aux tables qui sont dans un grand dénuement, et qui, à la fin de l’année, ne pourraient toucher l’arrière dû. L’équipage de la Capricieuse jouit d’une excellente santé; sa discipline s’améliore. Je suis... Le Capne de Veau Comt la Caprocieuse et la rade. Jules Collier”. Khi rời khỏi Siam, tôi đã đưa 50 piastres hay 276 f. 80c. để tri ân thống đốc Paknam, người đã chăm sóc tốt nhất những người bị thương tại Marceau và trong suốt thời gian chúng tôi hành trình, đã cung cấp nước ngọt và trái cây cho thủy thủ đoàn La Capricieuse; Tôi hy vọng quý ngài sẽ đủ tốt để phê duyệt khoản chi này mà tôi đưa vào bản kê khai của Capricious. Tôi ra lệnh cho Catinat mang tiền cho tôi để trả số tiền có được cho thủy thủ đoàn mới chỉ nhận được 1 tháng lương trong năm nay, cho các sĩ quan,

các bộ phận đang thiếu thốn nhiều, và những ai, đến cuối năm, không thể nhận lương đến hạn. Thủy thủ đoàn của Capricieuse có sức khỏe tuyệt vời; kỷ luật của họ đang được cải thiện. Tôi... thuyền trưởng cấp vaisseau chỉ huy tàu Caprocieuse và bến cảng. Jules Collier.

Không biết các tàu Hoa Kỳ có được cung cấp rượu vang hay trái cây đầy đủ như các tàu Pháp hay không, nhưng rõ ràng là nước Nhật đã may mắn hơn nước Việt rất nhiều khi được ghé thăm bởi tàu Hoa Kỳ chứ không phải tàu Pháp. Mà nước Việt cũng chỉ có thể tự trách mình thôi, khi mà đã từ chối tàu Hoa Kỳ từ trước đó rồi.



Hình 20: New York 10/1861, tàu Catinat ngay phía sau cánh buồm trắng nhỏ (trang NHHC của hải quân Hoa Kỳ)

Tìm hiểu về thống chế Nicolas de Catinat de La Fauconnerie, lãnh chúa de Saint-Gratien, 1637-1712, thì có nghe nói tên của ông đã được đặt cho 1 con tàu hộ tống thể hệ đầu tiên của hải quân Pháp từ năm 1842. Có lẽ đây mới là con tàu của Le Lieur ở Đà Nẵng năm 1856, hiện diện trong 1 bức hình duy nhất, không chi tiết lắm, của trang mạng về lịch sử của hải quân Hoa Kỳ, mô tả cảng New York tháng 10/1861, rất khác với Catinat thế hệ thứ 2 1896-1911.

260 – Câu chuyện của Collier (tiếp theo)

ĐNTL không có nói gì về việc tổng đốc Quảng Nam có thư từ qua lại với Collier, ở triều đình thì việc này thường sẽ bị coi là trọng tội, nhưng Collier lại báo cáo là có nhận được 1 bức thư từ tổng đốc Quảng Nam và bản tiếng Pháp được Henri Cordier đăng lại như sau:

“Sans date, reçue à bord le 5 novembre 1856, en rade de Touranne”. Không đề ngày, nhận được trên tàu ngày 05/11/1856, tại bến cảng Đà Nẵng.

“Le Gouverneur de la province de Kouang-nann du Grand Royaume d’Annam après avoir pris les orders supérieurs, expose ainsi les faits: pour conserver intactes et faire respecter les lois du pays, il rend la réponse suivante après une mûre reflexion”. Thống đốc tỉnh Quảng Nam của Đại vương quốc An Nam sau khi nhận lệnh cấp trên, bộc lộ rằng: để giữ nguyên vẹn và thực thi luật pháp của đất nước, ông phản hồi sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng. [Ngay câu đầu tiên đã thấy, đây hoàn toàn không giống như bản dịch từ 1 văn bản gốc nào đó, mà giống như tường thuật của bên thứ 3, có lẽ là phiên dịch, gần gũi về phía người Pháp].

“Monsieur Le Lieur Commandant d’un navire de guerre français est arrivé ici. Il a commencé par demander que les deux Royaumes s’unissent par un traité; il était porteur d’une letter officielle expliquant les intentions du Gouvernement français, demandant à traiter et menaçant de la guerre immédiate en cas de refus; il était dit aussi dans cette letter que les événements des dernières années avaient profondément irrité le Gouvernement français, événements dont il n’avait jamais compris le motif, et enfin on engageait le Gouvernement Annamite a réfléchir sérieusement”. Ông Le Lieur Chỉ huy 1 tàu chiến của Pháp đã đến đây. Ông ta bắt đầu bằng cách yêu cầu 2 Vương quốc được thống nhất trong 1 hiệp ước; ông ta mang theo 1 công văn giải thích ý định của Chính phủ Pháp, yêu cầu 1 thỏa thuận và đe dọa chiến tranh ngay lập tức nếu bị từ chối; người ta cũng nói trong lá thư này rằng những sự kiện trong vài năm qua đã khiến Chính phủ Pháp vô cùng khó chịu, những sự kiện mà nó [Chính phủ Pháp] chưa bao giờ hiểu được nguyên nhân, và cuối cùng người ta kêu gọi Chính phủ An Nam phải suy nghĩ nghiêm túc. [Trong điều kiện chưa nhìn thấy nội dung bức thư của Montigny, có thể giả định rằng có thực những lời lẽ “kêu gọi Chính phủ An Nam phải suy nghĩ nghiêm túc” về việc bức hại tôn giáo trong bức thư đó, nhưng cách tường thuật ở đây, “il était dit aussi”, khiến người ta tin rằng người phiên dịch / tường thuật là 1 Kitô hữu, cụ thể hơn sẽ là 1 thừa sai người Pháp].

“La navire de guerre français ne daignant pas attendre un jour, envoya une embarcation à la port Hiun-ngan (Huế). Le mandarin qui occupe ce poste craignant de compromettre sa position n’osa pas recevoir sa letter; elle fut dès lors déposée sur la plage et le navire partit pour Touranne. Le mandarin susnommé prit cette letter et la renvoya à Touranne. Alors le navire de guerre, sans explication aucune, attaqua les forts de Touranne, les détruisit et s’en empara. La garnison fut prise et emmenée a bord, on lui rendit ensuite la liberté”. Tàu chiến Pháp không đợi được 1 ngày, đã cho thuyền cập cảng Huế. Quan ngự sử sợ ảnh hưởng đến chức vụ nên không dám nhận thư của nó; do đó thư được để trên bãi biển và con tàu rời đi Touranne. Vị quan nói trên đã lấy lại

bức thư này và trả về Touranne. Sau đó, tàu chiến, không có bất kỳ lời giải thích nào, đã tấn công các pháo đài của Touranne, phá hủy và chiếm giữ chúng. Binh lính đồn trú đã bị bắt đưa lên tàu, sau đó được thả. [Tường thuật có thể coi là có tính khách quan và khá chính xác, do đó càng rõ ràng không thể nào là văn bản của 1 phía, -thư của tổng đốc-, được].

“Après ces évènements, le Commandant Le Lieur demanda à deux et trois reprises une réponse à la letter qu’il avait remise à Hué. Le Préfet de la Province décacheta alors cette dépêche officielle, - il fut frappé de l’esprit de justice qui y régnait; mais une chose blessait les convenances et les rites; on ne pouvait parler de traité qu’après correction. En conséquence des hommes furent envoyés au Commandant Collier qui avait suivi de près le Commandant Le Lieur. Ils étaient chargés de faire corriger la letter remise originellement et de promettre que l’on pouvait avoir confiance en eux; que les deux royaumes s’uniraient par un traité d’alliance: qu’à l’avenir il n’y aurait plus de sujet de plainte ou de rupture et que les navires n’auraient plus comme jadis de prétextes pour démanteler leurs forts ou couler leurs navires. Ils transmirent donc la letter corrigée: mais leurs forts avaient été pris et ruinés, ils ne peuvent donc être contents. Si les Français sont francs et loyaux, on demande qu’ils obéissent aux autorités constituées et que dans leurs allées et venues, ils respectent les usages du pays où ils sont. Pourquoi les violer? La paix est une chose importante et le Royaume d’Annam ne veut pas être seul en désaccord avec la France”. Sau những sự kiện này, Chỉ huy Le Lieur đã 2, 3 lần yêu cầu trả lời bức thư mà ông đã đưa tới Huế. Sau đó, Tổng đốc đã mở công văn này, - ông đã bị đánh động bởi tinh thần công lý ngự trị ở đó; nhưng có 1 điều đã làm tổn thương các chuẩn mực và các nghi lễ; người ta chỉ có thể nói về 1 hiệp ước sau khi sửa chữa nó. Do đó, nhiều người được phái đến gặp Chỉ huy Collier cấp trên trực tiếp của Chỉ huy Le Lieur. Họ chịu trách nhiệm sửa lại bức thư được gửi ban đầu và hứa rằng người ta có thể có được sự đồng thuận trong đó; rằng 2 vương quốc sẽ thống nhất bằng 1 hiệp ước liên minh: rằng trong tương lai sẽ không còn phải phân nân hoặc chia cắt và các con tàu sẽ không còn bất kỳ bối cảnh nào để bắn phá pháo đài hoặc đánh chìm tàu của họ như trước nữa. Vì vậy, họ chuyển đi bức thư đã được sửa chữa: nhưng pháo đài của họ đã bị đánh chiếm và đổ nát, vì vậy họ không thể bằng lòng. Nếu người Pháp thẳng thắn và trung thành, yêu cầu họ tuân các qui định và trong quá trình đi và đến của họ, họ phải tôn trọng phong tục của đất nước mà họ đã đến. Tại sao lại áp bức họ? Hòa bình là 1 điều quan trọng và Vương quốc An Nam không muốn một mình đối đầu với Pháp. [Rõ ràng đây là diễn giải của 1 người Pháp đứng giữa cuộc tranh luận giữa viên truyền trưởng Pháp và viên tổng đốc Việt, với ít nhiều sự cảm thông dành cho người Việt].

“Ces explications ne sont données que sous forme privée, car il nous paraît convenable d’attendre l’Ambassadeur pour discuter le traité avec lui et cela ira vite alors. Si l’ambassadeur tardait à venir que ce ne soit pas une cause de difficultés entre nous. Que les navires français aient confiance dans notre loyauté et dans le traité à intervenir entre les deux nations: qu’ils aient assez de confiance en nous pour nous restituer les forts qu’ils nous ont pris et que nous regrettons”. Những giải thích này chỉ được đưa ra dưới hình thức riêng tư, vì chúng tôi có vẻ thích hợp để chờ Đại sứ để thảo luận về hiệp ước với ông ấy và mọi việc sẽ nhanh chóng sau đó.

Nếu đại sứ đến muộn, đừng để gây khó dễ giữa chúng ta. Mong tàu Pháp tin tưởng vào lòng trung thành của chúng tôi và vào hiệp ước giữa 2 quốc gia: mong họ có đủ tin tưởng vào chúng tôi để trả lại cho chúng tôi những pháo đài mà họ đã lấy đi của chúng tôi và chúng tôi rất tiếc. [Có thể tin được rằng có thực thái độ mềm mỏng có phần thái quá, nói đúng hơn là đã bị khuất phục, của viên tổng đốc, có lẽ là lĩnh tổng đốc Trần Tri, bị mắc kẹt giữa 1 bên là tàu Pháp với hỏa lực mạnh và bên kia là nhà vua và triều đình luôn sẵn sàng trừng phạt những ai liên hệ hoặc nhượng bộ bọn Tây di man trá].

“Enfin que l’Ambassadeur à son arrivée ait la même confiance et qu’il soit assuré d’établir un traité fondé sur nos lois. Que les Commandants des navires de guerre français Collier et Le Lieur comprennent et aient confiance. (Suivent divers cachets rouges des autorités de Touranne)”. Cuối cùng, mong Đại sứ khi đến cũng tự tin và chắc chắn rằng ông ấy sẽ thiết lập 1 hiệp ước dựa trên luật pháp của chúng tôi. Mong Chỉ huy các tàu chiến Pháp Collier và Le Lieur hiểu và tin tưởng. (Theo các con tem đỏ khác nhau của chính quyền Touranne). [Người tường thuật đã thuyết phục được các quan Việt đóng các loại ấn triện của mình lên để bảo đảm cho giá trị của văn bản].



Hình 21: La Capricieuse với thuyền trưởng Belvèze năm 1855, thành công nối lại quan hệ với Canada

Thư hồi đáp của Collier cho tổng đốc Quảng Nam đề ngày 09/11/1956 cũng rất dài dòng, đại lược như sau:

- Nhận thấy thư của tổng đốc Quảng Nam là có tính “hòa giải”, conciliante, cảm ơn viên thống đốc.
- Nói thêm về việc thuyền cập bờ (chờ cha Fontaine) là thuyền không vũ trang, và việc từ chối nhận thư (nói vống lên là thư của hoàng đế Pháp) là có tính xúc phạm.
- Nói thêm về việc tàu Catinat bị phong tỏa và “1 chuyển động bất thường”, un mouvement extraordinaire, khiến Catinat phải hành động nhưng đã hành động “rất chừng mực”, une grande moderation, các pháo đài không bị chiếm đóng, cờ Pháp đã không được cấm lên ở đó.

- Nếu có hành động đáng trách nào khác về phía Pháp mà phía Việt chỉ ra được, Collier “sẽ trừng phạt nghiêm khắc kẻ có lỗi”, il en punirait sévèrement les auteurs.
- Đảm bảo về “tính cách thân thiện”, assurés de ses dispositions amicales; sửa lại bức thư theo yêu cầu cho dù không đúng thẩm quyền; sẵn sàng sửa chữa các pháo đài bị hư hỏng nhưng phải sau khi có được hiệp ước.
- Đề nghị dỡ bỏ các phong tỏa, không di chuyển quân đội hay vũ khí...
- Và quan trọng nhất là cả 2 bên cùng chờ đợi Montigny.

Có thể tạm cho là sóng gió đã yên, cơn sóng gió kéo dài gần 2 tháng kể từ ngày 16/09/1856. Thế nhưng bài viết của Henri Cordier đã kết thúc tại đây, bằng 1 nhận xét ngậm ngùi, chắc là của hầu tước de Courcy:

“Malheureusement M. de Montigny n’arriva à Touranne que le 23 janvier 1857, le fruit de l’action energique des officiers français allait etre perdu”. Thật không may, Ngài de Montigny đã không đến Đà Nẵng trước ngày 23/01/1857, thành quả của hành động hăng hái của các sĩ quan Pháp đã bị thất lạc.

261 – Câu chuyện của Montigny

Câu chuyện của Montigny sẽ được lấy từ trong trích đoạn của luận án cao học Sorbonne của 1 nghiên cứu sinh tên là Franchini dưới sự hướng dẫn của giáo sư Charles-André Julien [1891-1991, 1 giáo sư danh tiếng có tinh thần “chống thực dân”], “La genèse de l'affaire de Cochinchine” [nguồn cơn của vụ Đảng Trong], đăng trong Revue d'histoire des colonies [nhìn lại lịch sử các thuộc địa], tập 38, số 136, quý Tư năm 1951, các trang từ 427-459, với chú thích rằng tác giả được sử dụng trực tiếp các nguồn tài liệu từ bộ Hải quân, bộ Ngoại giao và hội Thừa sai. Lưu ý thêm: Souvernirs của de Courcy, mà Henri Cordier đã sử dụng, cũng được tác giả này đề cập tới 2 lần, nhưng chỉ là nhận xét về “sự nhiệt thành bảo vệ Kitô giáo” của Montigny và về “sự thiếu quan tâm tới vùng Viễn Đông” của ngoại trưởng Walewski.

Theo luận án này thì Hội Thừa sai Paris lần đầu tiên chính thức lên tiếng kêu gọi sự can thiệp của chính phủ Pháp là vào ngày 08/11/1855, bằng lá thư của François-Antoine Albrand, 1804-1867, cha bề trên của Hội, gửi cho bộ trưởng Nội vụ Pháp:

“Le 8 novembre 1855, le Père Albrand, supérieur du Séminaire de la rue du Bac, écrivit au ministre des Affaires pour lui dire que les missions seraient heureuses de voir dans le traité avec le royaume de Siam un article concernant la liberté et l'existence légale de la religion catholique dans ce pays ; et qu'elles verraient aussi avec satisfaction que la position des missionnaires de Cochinchine fût adoucie par l'échange de quelques notes avec le gouvernement de ce pays”. Ngày 08/11/1855, Cha Albrand, Bề trên Chung viện phổ du Bac [tức là Hội Thừa sai Paris MEP, địa chỉ phổ du Bac], đã viết thư cho bộ trưởng Nội vụ để nói với ông rằng các thừa sai sẽ rất vui mừng khi thấy trong hiệp ước với vương quốc Xiêm có 1 điều khoản liên quan đến tự do và sự tồn tại hợp pháp của Kitô giáo ở đất nước này; và họ cũng sẽ hài lòng nếu thấy vị thế của các nhà truyền giáo Đảng Trong được dịu bớt đi bằng cách trao đổi 1 vài ghi chú với chính phủ của quốc gia đó. [Như vậy, khi được biết sẽ có 1 sứ bộ đi Xiêm và Đảng Trong, cha Albrand người đã có quá trình làm việc ở Mã Lai và Xiêm, giám đốc chung viện Penang, đã có những đề nghị khá khiêm nhường cho vấn đề Xiêm và nhân tiện, còn khiêm nhường hơn nữa cho vấn đề Đảng Trong. Lưu ý, ngoài 7 trường hợp ở Songkhon tận năm 1940 thì cho đến lúc đó người Thái không có thánh tử đạo nào cả].

“Il ajoutait, nous ne demandons pas au gouvernement de l'Empereur de faire un surcroit de dépenses pour cela, nous ne l'oserions pas; mais nous sommes convaincus que la moindre démarche de cet habile diplomate aurait un heureux résultat sans aucun inconvenient”. Cha Albrand nói thêm, chúng tôi không yêu cầu chính phủ của Hoàng đế chi thêm tiền cho việc này, chúng tôi không dám làm như vậy; nhưng chúng tôi tin rằng bước đi nhỏ nhất của nhà ngoại giao khéo léo này sẽ có kết quả hạnh phúc mà không có bất kỳ phiền toái nào. [Cha bề trên đã lạc quan quá hoặc đánh giá nền ngoại giao Pháp cao quá, trong khi nhà ngoại giao được coi là khéo léo này, thực tế còn chưa kịp đi được 1 bước nhỏ nhất nào thì các viên thuyền trưởng hỗ trợ ông ta đã đi trước quá nhiều bước luôn rồi].

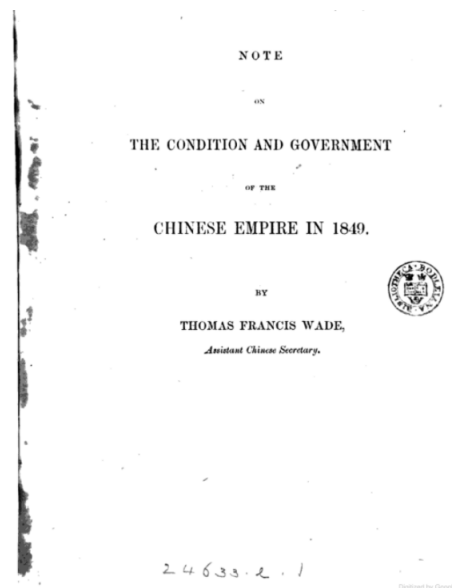
Luận án cũng đề cập tới 1 sự kiện từ trước: “L'intervention du Père Albrand avait été précédée de suggestions, de la part de la presse catholique: le 5 août 1855 l'Univers affirmait que l'apparition d'un navire de guerre français suffirait pour conjurer l'orage: Si aucun vaisseau ne se présente, le sang des prêtres coulera encore”. Sự can thiệp của Cha Albrand là đã được báo chí Kitô giáo gợi ý từ trước: ngày 05/08/1855, tờ l'Univers [1 tờ báo Kitô giáo nổi tiếng cực đoan với tổng biên tập Louis Veuillot, 1813-1883], tuyên bố rằng sự xuất hiện của 1 tàu chiến Pháp sẽ là đủ để xua đi cơn bão: Nếu tàu không xuất hiện, máu của các linh mục sẽ còn chảy. [Nhưng ở đây có lẽ, ngoài liên hệ về mốc thời gian, tháng 8 và tháng 11, thì không có liên hệ gì khác giữa cha Albrand và tờ báo mà có lẽ cha không có cảm tình; và việc đoạn văn này vợ đưa tờ l'Univers như đại diện cho “báo chí công giáo” là không hợp lý, vì l'Univers rất cực đoan và không hòa thuận lắm với cộng đồng Kitô giáo. Có 1 mối liên hệ có sức thuyết phục hơn là cái chỉ dụ mới của vua Tự Đức “định rõ lại điều cấm về theo đạo Gia tô” ban hành tháng Tám âm năm 1854 mà đoạn văn này, chắc lỗi đánh máy, lại ghi là ngày 18/09/1885 dương lịch].

Luận văn không hiểu sao đã không trích dẫn 1 cách thỏa đáng những chỉ thị mà Montigny nhận được cho sứ mệnh của mình: “Des instructions furent envoyées à Montigny le 21 novembre pour lui prescrire de se mettre en relation avec le gouvernement annamite et de lui faire savoir que le gouvernement de S. M. l'Empereur avait eu connaissance de l'édit de persécution qui venait d'être publié et 'qu'il en avait ressenti un vif déplaisir'. Aucune menace ne devrait être proférée par le consul qui ne montrerait que de la fermeté et de la moderation”. Các chỉ thị đã được gửi đến Montigny vào ngày 21/11[1855] hướng dẫn ông liên hệ với chính phủ An Nam và cho họ biết rằng chính phủ của Hoàng thượng đã được thông báo về sắc lệnh bức hại vừa được công bố và ‘điều đó khiến người [hoàng đế Pháp] cảm thấy rất không hài lòng’. Không 1 sự đe dọa nào nên được đưa ra bởi lãnh sự, người mà sẽ chỉ thể hiện sự cứng rắn và sự chùng mực. [Mặc dù phù hợp với những gì Collier đã tường thuật về 1 chỉ thị “không đe dọa”, nhưng lỗi nói tóm lược của luận văn đã làm cho người đọc có cảm tưởng rằng sứ mệnh của Montigny chỉ là 1 sứ mệnh tôn giáo thuần túy, đến để liên hệ và thông báo về sự không hài lòng, trong khi dù sao đi chăng nữa thì đó vẫn phải là, và trước hết là, sứ mệnh về 1 hiệp ước thương mại. Tính chất tôn giáo trong sứ mệnh của Montigny còn được luận văn tô đậm thêm 1 chút nữa, bằng việc nhấn mạnh ông ta “được phép đi qua Roma để điều chỉnh các mối quan hệ của Lãnh sự quán ở Thượng Hải với các thừa sai và trên hết là để Đức Thánh Cha biết về bản chất và tầm quan trọng của các dịch vụ mà chính phủ của Hoàng thượng dành cho tôn giáo ở các nước Viễn Đông”, (fut autorisé à passer par Rome pour ‘régulariser les rapports du consulat de Shang-Haï avec les missions et surtout pour faire connaître au Saint-Père la nature et l'importance des services que le gouvernement de S. M. Impériale rendait à la religion dans les pays de l'Extrême-Orient’).

Về phần chính phủ Pháp, có lẽ họ cũng không hề có 1 chính sách rõ ràng và do đó, đang tự quay như chong chóng: “Quelques mois plus tard, alors que Montigny était en route, de nouvelles instructions datées du 24 mars 1856 transformaient la manifestation de désapprobation en tentative de négocier un traité de commerce”. Vài tháng sau, trong khi Montigny đang trên

đường đi, các chỉ thị mới ngày 24/03/1856 đã biến việc trình diễn sự phản đối thành nỗ lực đàm phán 1 hiệp ước thương mại.

Lý do làm cho chính phủ Pháp không muốn lún sâu vào vấn đề tôn giáo nữa mà phải quay trở lại với mục đích chính đàm phán 1 hiệp ước thương mại, cái xu hướng “thương mại hóa” sứ mệnh của Montigny chính là đã được thúc đẩy bởi hành động của người Anh trong khu vực: “Au début de septembre 1855 un agent britannique, Thomas Wade, essaya de prendre contact avec la Cour du Hué, mais il échoua”. Đầu tháng 9 năm 1855, 1 đại diện người Anh, Thomas Wade, đã cố gắng liên lạc với Triều đình Huế, nhưng không thành công. Hiện chưa có tài liệu nào chi tiết về cố gắng đó của Wade, mà có lẽ là nó đã không gây ra được 1 tiếng vang nào đối với triều đình Huế. Căn cứ vào mốc thời gian như trên thì chỉ có 1 trường hợp duy nhất đã được ghi lại trong ĐNTL như sau: tháng Bảy âm năm 1855, “1 chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước của nước Anh Cát Lợi đậu ở vịnh Trà Sơn, xem núi Ngũ Hành”, chỉ có vậy mà thôi, không có giao tiếp hay chi tiết nào khác.



Hình 22: Sir Thomas Francis Wade là 1 nhà ngoại giao và China học nổi tiếng

Tiếp tục trong luận văn: “A Singapore, Montigny fut renseigné sur le complet insuccès de Wade et, craignant la même réception, il demanda avec beaucoup d'insistance, le 13 juin 1856, à son département, ainsi qu'à l'amiral Guérin, commandant la Division navale de la Réunion, le concours de deux à trois bâtiments, nécessaires non seulement à l'obtention d'un résultat heureux, mais aussi “pour éviter d'être assassin”; depuis l'affaire Lapierre, les Français n'ayant plus remis le pied en Cochinchine, d'après Montigny, qui ignorait la visite de Rocquemaurel en 1851, on craignait un accueil hostile”. Tại Singapore, Montigny được thông báo về sự thất bại hoàn toàn của Wade và, lo sợ sự tiếp đón tương tự, ông đã hết sức kiên quyết yêu cầu, ngày 13/06/1856, với bộ phận của mình, cũng như với đô đốc Guérin, tư lệnh lực lượng hải quân Hợp nhất, sự hộ tống của 2 đến 3 tàu, cần thiết không chỉ để có 1 một kết quả tốt đẹp, mà còn “để tránh bị ám

sát"; kể từ vụ Lapierre [tàu Gloire năm 1847], người Pháp không còn đặt chân đến Đàng Trong nữa, theo Montigny, người không biết về chuyến thăm của Roquemaurel vào năm 1851, vì lo sợ về 1 cuộc tiếp đón thù địch.

Đoạn này cũng phù hợp với những gì Collier đã trình bày, nhưng lại xuất hiện thêm 1 trường hợp nữa cũng không có chi tiết là chuyến thăm của Roquemaurel năm 1851. Tương tự như Thomas Wade, căn cứ vào mốc thời gian thì chỉ có 1 trường hợp đã được ghi lại trong ĐNTL như sau: tháng Một âm [thường gọi tháng 11] năm 1851, “1 chiếc thuyền lớn của nước Phật Lan ở Tây dương từ phía Đông chạy đến đồn cửa biển Phước Thắng Biên Hoà, bỏ neo đậu lại; khi thì lên bờ mua thức ăn, khi thì đến dân thôn ven biển bắn chim, chốc lát lại về thuyền; có tặng cho suất đội ở đồn ấy là Vũ Chính và suất đội mới phái đến là Bàn Tiến mỗi người 1 con dao ngắn và 1 cái áo vải tây trắng, Chính và Tiến khước từ mãi không được, mới nhận lấy, quan tỉnh là Ngô Văn Địch đem việc ấy tâu lên; vua cho là Chính và Tiến là người có chức giữ, lại dám nhận của người Pháp đưa cho, tuy không có tình giao thông gì khác nhưng làm như thế là không hợp lẽ; chuẩn phạt mỗi người 80 trượng để làm răn”. Nếu đúng là Louis François Gaston Marie Auguste de Roquemaurel, 1804-1876, thì khi ghé cửa biển Phước Thắng Biên Hòa, ông đang là thuyền trưởng của chính con tàu Capricieuse.



Hình 23: Roquemaurel là 1 sĩ quan hải quân Pháp, có nhiều đóng góp cho bảo tàng Toulouse: vòng răng người

Cũng nên nói thêm luôn ở đây, trong ĐNTL ngay tiếp theo câu chuyện Chính và Tiến bên trên là chuyện tên gọi cho nước Pháp: “Xét sách Doanh hoàn chí lược nước Phật Lan Tây [chưa rõ là sách nào], 1 tên gọi là Phật Lan Tây 1 tên gọi là Phật Lăng Cơ, là 1 nước lớn ở châu Âu Ba La; khoảng năm Gia Long Minh Mệnh từng lại nước ta, đệ nhất kỷ đệ nhị kỷ đều chép là Phú Lăng Sa; khoảng năm Thiệu Trị sinh sự ở Đà Nẵng, đệ tam kỷ chép là Phật Lan Tây vì chữ Phật chữ pháp chữ phú 3 âm gần giống như nhau, chữ lang lan lăng, chữ tây cơ sa cũng vậy, cho nên tuy từng lúc dịch ra không giống nhau; đến đây đệ tứ kỷ này mới thấy cứ theo tin báo chép là Phật Lan cũng là nước ấy, Tây dương là chỉ chung về phương ấy; từ năm thứ 9 lại sinh sự ở Đà Nẵng mà sau đều chép là Dương, vì khi ấy nghị hoà ước chưa định, chưa có quốc thư có thể làm bằng được cũng đều chỉ theo chữ đã báo ở giấy tờ công mà chép thôi; đến năm thứ 15 nghị hoà, có

quốc thư dịch âm ra mới chép là Phú, tức là Phú Lãng Sa mà bớt chữ Lãng Sa đi; đến năm 36 lại theo bản dịch của China chép là Pháp, tức là Pháp Lan Tây mà bớt chữ Lan Tây đi”. Đoạn “xét sách” này chắc là được viết vào khoảng năm 1899, năm phát hành ĐNTL kỷ đệ tứ.

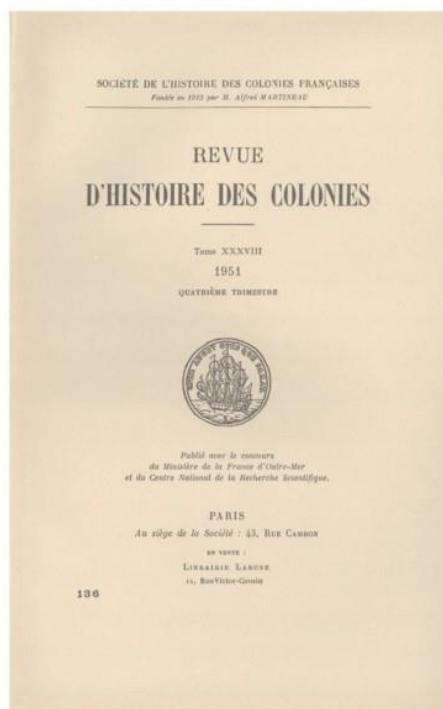
Tiếp tục trong luận văn: “Le consul surestimait la force des Annamites et il était si mal renseigné sur les affaires politiques de la péninsule qu'il ignorait totalement les mauvaises relations du Siam avec la Cochinchine ; il tint grief à Mgr Pallegoix, vicaire apostolique du Siam, de n'avoir pas obtenu que le souverain de ce royaume prévînt Hué de sa visite. Ensuite, il crut bon d'envoyer à Tourane le capitaine Lelieur de La Villesur-Arce, commandant la corvette le Catinat, accompagné du Père Fontaine comme interprète, porter à la Cour de Hué notification de sa mission : le but de celle-ci était de tenter au nom de l'Empire français une dernière démarche de paix et de conciliation et de renouer loyalement les anciens traités d'amitié qui unissaient sous Louis XVI les deux pays et qui avaient été si puissamment utiles à l'un des prédécesseurs du Roi Tu-Duc pour reconquérir ses Etats. Elle annonçait également l'arrivée prochaine d'un agent anglais”. Viên lãnh sự đã đánh giá quá cao sức mạnh của người An Nam và ông ta nắm tình hình 1 cách kém cỏi về các vấn đề chính trị của bán đảo này đến nỗi ông ta hoàn toàn không biết về mối quan hệ tòi tẽ của Xiêm với Đàng Trong; ông đau buồn cho Giám mục Pallegoix, đại diện tông tòa của Xiêm, vì đã không có được chủ quyền của vương quốc này để thông báo cho Huế về chuyến thăm của ông. Sau đó, ông thấy phù hợp để phái đi Đà Nẵng thuyền trưởng Lelieur de La Villesur-Arce [Lelieur chứ không phải Le Lieur nữa], chỉ huy tàu hộ tống Catinat, cùng với cha Fontaine làm thông dịch viên, để đưa đến triều đình Huế thông báo về nhiệm vụ của ông: mục đích của việc này là nhân danh Đế quốc Pháp cố gắng thực hiện bước cuối cùng của hòa bình và hòa giải, đồng thời trung thành gia hạn các hiệp ước hữu nghị cũ đã thống nhất 2 nước dưới thời Louis XVI và đã rất hữu ích cho 1 trong những người tiền nhiệm của Vua Tự Đức để tái chinh phục các miền đất của mình. Nó cũng thông báo sự xuất hiện sắp xảy ra của 1 đại diện Anh quốc [dùng người Anh để dọa người Việt].

Đến đây đột ngột xuất hiện 1 sự khác biệt có thể gây choáng, các câu chuyện của Le Lieur hay Collier chẳng nhẽ không nắm được nội dung hay sao mà hoàn toàn không đề cập đến điều này: thay vì bàn bạc 1 cách tử tế về 1 hiệp ước thương mại giữa 2 nước, thì Montigny, không rõ có xuất phát từ 1 chỉ thị hay hướng dẫn nào hay không, đã đề nghị gia hạn 1 cái hiệp ước chưa từng có giá trị thực tế từ 70 năm trước, le petit traité de Versailles de 1787, ký kết giữa Bá Đa Lộc và bá tước de Montmorin.

Lưu ý, theo lịch sử sự di chuyển của nó, Cochinchine trong giai đoạn này cần được dịch là Đàng Trong để phân biệt với Tonkin Đàng Ngoài (sau này là Bắc Kỳ), trước khi tên gọi này theo chân người Pháp vào Nam Kỳ và mang nghĩa Nam Kỳ, để Trung Kỳ lại với tên Annam.

262 – Câu chuyện của Montigny (sự thiện cận)

Montigny rốt cục đã đến Đà Nẵng vào ngày 23/01/1857, sau Collier [24/10/1856] đúng 3 tháng và Le Lieur [16/09/1856] hơn 4 tháng; lời bào biện về thời tiết xấu, les intempéries étaient seules responsables de son retard, là hoàn toàn vô nghĩa đối với 1 sứ mệnh có tầm cỡ như vậy.



Hình 24: Revue d'histoire des colonies, tập 38, số 136, quý Tư năm 1951

Quá trình đàm phán được mô tả vắn tắt như sau: “Le négociateur annamite ne cessait de répéter: ‘Si vous voulez arranger les affaires et faire la paix, nous sommes prêts à le faire; si vous voulez la guerre, nous nous battons’. A quoi Montigny répondait: ‘Je sais que vous comprenez parfaitement que vous ne pouvez plus lutter contre la puissance de mon grand Souverain. Soyez donc raisonnable et acceptez le traité que sa bienveillante bonté vous offre aujourd'hui et qu'il imposera demain, si votre mauvaise conduite l'y contraint’. Mais aucun des interlocuteurs ne comprenait l'autre et la négociation échoua rapidement sur le refus catégorique des Annamites d'accorder l'ouverture d'autres ports que Tourane”. Nhà đàm phán người An Nam liên tục lặp lại: ‘Nếu ngài muốn giải quyết ổn thỏa và hòa bình, chúng tôi sẵn sàng làm điều đó; nếu ngài muốn chiến tranh, chúng tôi sẽ chiến đấu’. Montigny trả lời: ‘Tôi biết rằng ngài hoàn toàn hiểu ngài không thể chiến đấu chống lại sức mạnh của Chủ quyền vĩ đại của tôi. Vì vậy hãy biết điều và chấp nhận hiệp ước mà lòng tốt nhân từ của nó dành cho ngài hôm nay, và ngày mai nó sẽ áp đặt, nếu hành vi xấu của ngài buộc nó phải làm như vậy’. Nhưng không ai trong số những người đối thoại hiểu được đôi phương [kể cả Montigny] và cuộc đàm phán nhanh chóng đổ vỡ do việc người An Nam từ chối cấp phép mở các cảng khác ngoài cảng Đà Nẵng.

Montigny đã có thể viết trong báo cáo của mình rằng, “le mandarin déclara qu'il ne pouvait ouvrir au commerce français que le seul port de Tourane et que les marchands ne pourraient s'y établir que le temps nécessaire pour vendre et acheter, c'est-à-dire 4 à 5 mois; que cette année il ne pouvait faire plus mais que, si les Français se conduisaient bien, plus tard on pourrait leur accorder davantage”, viên quan tuyên bố rằng ông ta chỉ có thể mở cho người Pháp thương mại cảng Đà Nẵng duy nhất và rằng các thương điểm không thể được thành lập ở đó ngoại trừ khoảng thời gian cần thiết để mua bán, tức là 4 đến 5 tháng; rằng năm nay ông ta không thể làm nhiều hơn nhưng rằng, nếu người Pháp cư xử tốt, sau này họ có thể được cung cấp nhiều hơn. Tức là cũng không đến nỗi quá tệ, thế nhưng sau 15 ngày, le consul dut se résigner à quitter Tourane, viên lãnh sự phải bỏ cuộc để rời Đà Nẵng. Có lẽ ông ta có thể bỏ ra rất nhiều ngày cho 1 sứ mệnh thành công, hoặc không thành công lắm, với những nghi lễ rình rang đón tiếp đình đám tiệc tùng như ở Xiêm và Cao Miên, nhưng nhanh chóng nản lòng trước 1 kết quả không như mong muốn như ở đây.

Luận văn được cho là đã bám theo báo cáo của Montigny để đưa ra các luận điểm sau đây: “Les relations entre les deux négociateurs ont été très cordiales et le mandarin a paru au Français tout à fait désireux de traiter; la population de Tourane s'est montrée également très hospitalière. Pourquoi donc n'a-t-on pu aboutir à rien?”. Quan hệ giữa 2 nhà đàm phán là rất thân tình và dường như viên quan khá là mong muốn giao dịch với người Pháp; dân cư ở Đà Nẵng cũng rất hiếu khách. Tại sao sau đó chúng ta không thể đạt được bất cứ điều gì? Lời giải đáp có 2 ý như sau:

- “D'abord les instructions étaient insuffisantes et ne donnaient pas au plénipotentiaire les mains entièrement libres”. Thứ nhất, các hướng dẫn là không đầy đủ và không cho phép viên đặc mệnh toàn quyền được rảnh tay hoàn toàn.
- “Les moyens d'action étaient trop limités et la Marine n'a pu donner au diplomate qu'une aide intermittente, sans compter l'action inconsidérée du commandant Lelieur”. Các phương tiện hành động quá hạn chế và Hải quân chỉ có thể cung cấp cho nhà ngoại giao sự trợ giúp gián đoạn, chưa kể đến hành động thiếu cân nhắc [trước đó] của chỉ huy Le Lieur.

Hành động tiếp theo của Montigny là để lại 1 lời đe dọa: “en partant, le consul avait laissé une note aux mandarins (le 6 février 1857) spécifiant qu'en attendant le retour d'un envoyé de l'Empereur de France pourvu des moyens d'obtenir un traité honorable, le gouvernement de Hué devrait faire cesser la persécution religieuse, sinon le gouvernement impérial se verrait dans l'obligation de prendre des mesures énergiques”. Khi rời đi, viên lãnh sự đã để lại một bức thư cho các quan (ngày 06/02/1857) ghi rõ rằng, trong khi chờ đợi sự quay lại của 1 sứ bộ của Hoàng đế Pháp có đầy đủ phương tiện để đạt được 1 hiệp ước danh dự [ý là với 1 lực lượng hùng hậu hơn], triều đình Huế nên chấm dứt đàn áp tôn giáo, nếu không chính phủ đế quốc sẽ có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp mạnh mẽ. [Nếu Catinat và Le Lieur vẫn còn ở đây thì có lẽ Montigny sẽ không cần đe dọa kiểu trẻ con “tao về tao gọi anh tao ra” như thế này nữa, và câu chuyện sẽ khác đi...].

Phải thêm 2 trang nữa, sau khi đã bám theo Montigny về tới Pháp, luận văn mới quay trở lại thời điểm Montigny soạn thảo cái lời đe dọa nói trên và tiết lộ: “Il avait auprès de lui sur le Marceau, en rade de Tourane, quelques missionnaires parmi lesquels deux évêques, Mgr Miche et Mgr Pellerin; lorsque ceux-ci sentirent la probabilité de l'échec de négociations, ils demandèrent au consul de supprimer tous les articles relatifs à la religion afin de ne pas compromettre les missionnaires européens et les chrétiens indigènes après le départ des navires français: le précédent de 1847 avait servi de leçon. Mais Montigny refusa de rayer le mot ‘religion’ du projet de traité soumis aux mandarins et remplaça seulement ‘les missionnaires’ par ‘les habitants du grand Empire de France’”. Cùng với ông ta [Montigny] trên tàu Marceau, trong cảng Đà Nẵng, có vài thừa sai trong đó có 2 giám mục, cha Miche và cha Pellerin; khi những người này nhận thấy khả năng thất bại của cuộc đàm phán, họ yêu cầu viên lãnh sự xóa bỏ tất cả các điều khoản liên quan đến tôn giáo để không làm ảnh hưởng đến các thừa sai châu Âu và những Kitô hữu bản xứ sau khi tàu Pháp rời đi: tiền lệ năm 1847 được coi như 1 bài học. Nhưng Montigny từ chối loại bỏ từ “tôn giáo” trong bản dự thảo hiệp ước được đệ trình lên các quan lại và chỉ thay thế “những thừa sai” bằng “những người dân của Đế quốc Pháp vĩ đại”.

Tài liệu của giáo hội cho biết, đi theo tàu Marceau là cha Miche đại diện tông tòa Cao Miên, [1 người quen biết cũ, từng bị bắt ở Phú Yên năm 1842, sau đó được giải cứu bởi thuyền trưởng Levêque và tàu Heroïne năm 1843], và 1 thừa sai tên Roy, 1 thừa sai khác là Fontaine thì đã đến từ trước cùng tàu Catinat rồi, còn cha Pellerin thì đã là giám quản tông tòa Bắc Đàng Trong đóng ở Huế từ năm 1850, được mời lên tàu làm thông dịch viên. Chính cha Pellerin là người, mặc dù không đồng ý với giọng điệu của Montigny, đã truyền đạt với các quan Việt ở Đà Nẵng rằng, Montigny sẽ tự mình ra Huế bằng tàu Marceau nếu triều đình Huế chậm trễ trong việc trả lời. [Chẳng hiểu tại sao, đã đe dọa vậy rồi nhưng sau 10 ngày chờ đợi thì Montigny lại không ra Huế như đã đe dọa mà lại chạy về thẳng tuốt tới Thượng Hải? Có lẽ ông ta lo ngại rằng tàu Marceau và tàu Capricieuse không đủ sức mạnh răn đe vào thời điểm đó?]. Và trong 1 bữa trưa nào đó trên tàu Marceau, lúc vẫn còn đang thả neo ở vịnh Đà Nẵng, cha Pellerin mới được biết đến bản dự thảo hiệp ước của Montigny, và, “đoán trước sự thất bại của sứ mệnh và những hậu quả của nó đối với các thừa sai và các giáo dân”, vị giám mục “xin vị đặc mệnh toàn quyền hủy bỏ những điều khoản từ 3 đến 7”. Không có chi tiết của những điều khoản này, và Montigny có báo cáo với bộ trưởng ngoại giao về những thảo luận với vị giám mục trong thư ngày 19/03/1857, ông ta không hủy bỏ các điều khoản đó. “Về lời hăm dọa tàn sát các thừa sai và các tín hữu [của triều đình, mà cha Pellerin đã cảnh báo]”, Montigny chỉ nói 1 cách đơn giản: “tôi thì nghĩ ngược lại”. Đối với cha Pellerin người đã có kinh nghiệm sống gần 10 năm trên đất Việt thì việc này cũng không cần phải là nhìn xa trông rộng gì cho lắm, sự việc nó hiển nhiên phải như thế, nhưng như vậy sự thiên cận cố chấp của Montigny mới lại càng nổi bật.

Có thể tham khảo thêm đoạn văn sau đây của Louis-Eugène Louvet trong sách “Vie de Mgr Puginier”: “Quant aux missionnaires, ils n'avaient pas demandé à être secourus par leur gouvernement. J'insiste sur ce point, et j'ai mes raisons pour cela. Jusqu'en 1858, aucun des missionnaires de l'Annam ne paraît avoir eu même la pensée de réclamer la protection de la

France. Il y avait deux cents ans que nous travaillions en Annam et en Chine; nous avons été persécutés bien des fois, et toujours nous avons triomphé de la persécution par la patience et par la mort. Nous n'avons pas besoin de l'appui des gouvernements européens pour porter l'Evangile aux infidèles; je dirai plus, nous ne le désirions pas, nous le redoutions plutôt, à cause des suspicions et des haines qui devaient en résulter pour nos chrétiens. Pourquoi donc, après l'échec de la mission Montigny, avons-nous changé de manière d'agir? Pourquoi Mgr Pellerin est-il venu, en 1858, faire appel à la France? C'est que la situation était complètement changée, et qu'on nous avait gratuitement compromis, nous et nos chrétiens, par des démonstrations aussi généreuses qu'imprudentes, en nous laissant, comme l'écrivait à cette époque Mgr Retord, “dans les grilles du tigre, après l'avoir excité contre nous”.

Về phần các thừa sai, họ đã không yêu cầu được chính phủ của họ giúp đỡ. Tôi nhấn mạnh vào điểm này, và tôi có lý do của mình. Cho đến năm 1858, dường như không 1 thừa sai nào của An Nam thậm chí nghĩ đến việc yêu cầu sự bảo hộ của Pháp. Đã 200 năm chúng tôi làm việc ở An Nam và China; chúng tôi đã bị bức hại nhiều lần, và luôn luôn chiến thắng sự bức hại bằng sự nhẫn nại và cái chết. Chúng tôi đã không cần sự hỗ trợ của các chính phủ châu Âu để mang Tin Mừng đến cho người ngoại đạo; tôi sẽ nói thêm, chúng tôi không muốn điều đó, đúng hơn là chúng tôi lo sợ điều đó, vì những nghi ngờ và thù hận mà nó gây ra cho các Kitô hữu của chúng tôi. Tại sao sau thất bại của sứ mệnh Montigny, chúng tôi lại thay đổi cách hành động của mình? Tại sao Giám mục Pellerin lại thỉnh nguyện với Pháp vào năm 1858? Điều này là do tình hình đã hoàn toàn thay đổi, và người ta đã bỏ mặc chúng tôi, chúng tôi và những Kitô hữu của chúng tôi, bằng những cuộc trình diễn vừa vô tư vừa liều lĩnh, đúng như Giám mục Retord đã viết vào thời điểm đó, “[bỏ mặc chúng tôi] trong chuồng hổ sau khi đã kích động nó chống lại chúng tôi”.

Cha Pellerin đang từ dưới đất lên tàu, ngay lập tức sau khi biết về những điều này đã không dám quay trở lại đất nữa, theo ý kiến đồng thuận của các đồng sự cha ở lại luôn trên tàu cho đến khi tới Hong Kong. Cha về tới Pháp ngày 20/05/1857, điều trần với chính phủ Pháp, sau đó với mong muốn sớm được quay lại đất Việt, cha rời Paris ngày 07/03/1858, đến Hong Kong ngày 22/04/1858, nhưng phải lòng vòng Philippine Singapore Malaysia... vì không thể vào được nước Việt, ngày 13/09/1862, cha Pellerin qua đời tại đại chủng viện Penang. Dưới đất, 1 cuộc bách hại tôn giáo mới đã bắt đầu rồi, bằng chính người từng là trợ lý đắc lực của cha Pellerin, quan thái bộc tự khanh Micae Hồ Đình Hy, ngày 22/05/1857 [xem ĐLSC số 255]. Thực ra triều đình nhà Nguyễn đâu biết gì về mối liên hệ giữa Micae Hồ Đình Hy và đức giám mục Pellerin, chẳng qua Micae Hồ Đình Hy là 1 con mồi đã nằm sẵn sau song sắt vào lúc đó. Cuộc bách hại này được coi là khốc liệt nhất, với 43 thánh tử đạo tính từ 05/1857 đến 06/1862.

263 – Câu chuyện của Montigny (sự thiếu hiểu biết)

Vẫn tiếp tục với luận án cao học Sorbonne của Franchini.

Luận văn đề cập tới báo cáo ngày 19/03/1857 của Montigny gửi bộ trưởng ngoại giao Walewski: “C'était une menace de revenir et Montigny qui voulait réparer son échec proposait à Walewski de faire aboutir heureusement la négociation, cette fois dans de meilleures conditions”. Đó là 1 lời đe dọa sẽ quay trở lại và Montigny, người muốn sửa chữa thất bại của mình, đã đề xuất với Walewski để đưa các cuộc đàm phán đi đến kết thúc thành công, lần này trong điều kiện tốt hơn. [Đây đúng hơn chỉ là sự cay cú của viên đại sứ].

“Il soumettait un projet dans ce but; selon lui, les Annamites se souvenaient parfaitement de l'accord signé en 1787 par l'évêque d'Adran et qui avait reçu ‘de notre côté seul’ un commencement d'exécution; le roi de Cochinchine avait dû sa restauration ‘aux secours du gouverneur de la compagnie des Indes françaises et à ceux de la France’. 250.000 livres lui avaient été prêtées, des armes et des munitions fournies en abondance, des navires de guerre et des officiers envoyés. La France possédait donc des droits résultant de ce traité, c'est pourquoi il avait pris sur lui d'ajouter un article additionnel aux clauses du projet soumis au négociateur cochinchinois: cet article réservait à l'Empereur des Français le droit d'exiger l'exécution du traité de 1787 dans le cas où celui qui était entrain de se négocier ne serait pas fidèlement et scrupuleusement exécuté par S. M. Tu-Duc”.

Ông ta đệ trình 1 dự án cho mục đích này; theo ông, người An Nam nhớ rất rõ [chẳng lẽ là Đào Trí, hồi đó còn chưa được sinh ra, vui câu chuyện bên lề cuộc đàm phán?] thỏa thuận được ký vào năm 1787 bởi giám mục Adran và thỏa thuận đã bắt đầu được thực thi ‘chỉ về phía chúng ta’; vua Đàng Trong đã mắc nợ sự phục hồi của mình ‘từ sự trợ giúp của thống đốc công ty Ấn thuộc Pháp và do đó là của Pháp’. 250 ngàn livres đã được cho vua Đàng Trong vay, vũ khí và đạn dược được cung cấp dồi dào, tàu chiến và sĩ quan được cử đi. Do đó, nước Pháp có các quyền từ hiệp ước này, đó là lý do tại sao ông tự ý thêm 1 điều khoản bổ sung vào các điều khoản của dự thảo được đệ trình lên nhà đàm phán Đàng Trong: điều khoản này dành cho Hoàng đế của Pháp quyền yêu cầu việc thi hành hiệp ước năm 1787 trong trường hợp quá trình đàm phán không được Tự Đức bề hạ thực hiện 1 cách trung thực và cẩn trọng.

Đến ngày 19/04, tức là đúng 1 tháng sau, chắc là sốt ruột lắm, từ ngữ của Montigny trở nên tha thiết và lãng mạn hơn hẳn:

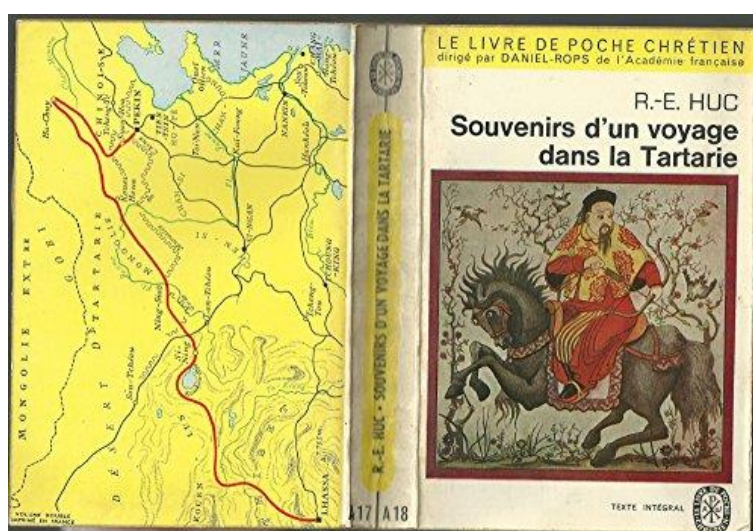
"La prise de possession, je ne dirai pas conquête, parce que le peuple nous recevrait à bras ouverts, d'une des grandes divisions de l'Empire, la Basse Cochinchine, vaudrait peut être mieux que le traité". Chiếm hữu, tôi sẽ không nói là chinh phục, bởi vì người dân sẽ chào đón chúng ta với vòng tay rộng mở, ở 1 trong những bộ phận lớn của Đế quốc, vùng Hạ Đàng Trong [ý nói đồng bằng Mekong], có thể đáng giá hơn hiệp ước.

“Il exposait les avantages de cette province aux rades et aux ports magnifiques, à la position géographique admirable: ‘on dominerait aisément le reste de l’Empire, on posséderait de grands fleuves navigables, qui remontent jusqu’en Chine et au Thibet’”. Ông giải thích những lợi thế của tỉnh này với những vùng nước và bến cảng tráng lệ, cùng với vị trí địa lý đáng ngưỡng mộ: ‘chúng ta có thể dễ dàng thống trị phần còn lại của Đế chế, chúng ta sẽ có những con sông lớn có thể điều hướng được, chảy ngược lên tận China và Tây Tạng’.

“Oh pourrait en restituant au roi du Cambodge la petite province limitrophe de ses Etats actuels, province que les Annamites viennent de lui enlever, lui rendre ses fleuves et son commerce moyennant un tribut qu’il serait heureux de payer pour la régénération de son royaume. On pourrait envisager un protectorat sur le Siam puisque le roi de ce pays le désire. Maîtresse de la basse Cochinchine, la France ‘séparerait à tout jamais les possessions anglaises de la Chine, acquerrait de nombreux et riches marchés locaux... et se créerait d’immenses débouchés pour ses produits manufacturés’”.

Ồ, có thể bằng cách khôi phục lại cho vua Cao Miên cái tỉnh nhỏ giáp với các Miền Đất hiện tại của ông ta, 1 tỉnh mà người An Nam vừa chiếm đoạt của ông ta, trả lại cho ông ta những con sông và sự đánh đổi của ông ta để lấy 1 cống vật mà ông ta sẽ vui lòng trả để tái tạo vương quốc. Chúng ta có thể coi là 1 quốc gia bảo hộ đối với Xiêm vì vua của đất nước này rất mong muốn. Là chủ của vùng Hạ Đàng Trong, nước Pháp ‘sẽ mãi mãi cô lập vùng nhượng địa China của người Anh, thôn tóm nhiều thị trường địa phương phong phú ... và tạo ra các thị trường lớn cho các sản phẩm sản xuất của mình’”.

Luận văn đã có 1 câu kết luận rằng, “cette fois-ci il ne comprit pas exactement la portée de son action”, lần này ông ta không hiểu đúng phạm vi hành động của mình.



Hình 25: Những tác phẩm nổi tiếng của Huc

Kể ra thì kết luận về Montigny như vậy là nhẹ nhàng và lịch sự, nhưng bên cạnh, hoặc trước cả Montigny còn 1 xuất hiện khuôn mặt lạ hoắc khác nữa: Évariste Régis Huc, 1813-1860, 1 thừa

sai thuộc dòng Lazarus nhưng chỉ nổi tiếng về những chuyến phiêu lưu đến Tartary [xứ Mông Cổ], Tây Tạng và China.

“Avant même que Montigny ait quitté Tourane, le père Huc, ancien missionnaire en Chine et très connu dans les milieux diplomatiques, politiques et littéraires, remit une note au gouvernement impérial dans le but d'attirer l'attention sur l'intérêt qu'aurait la France à faire valoir des droits sur la Cochinchine. Il livrait à l'étude des ministères trois problèmes: en premier lieu, l'Asie devait être bientôt le théâtre de grands événements et il appartenait à la volonté de l'Empereur de décider s'il devait y jouer un rôle important et glorieux”.

Ngay cả trước khi Montigny rời Đà Nẵng, cha Huc, cựu thừa sai ở China và nổi tiếng trong giới ngoại giao, chính trị và văn học [1 tóm tắt khá hợp lý: cựu thừa sai, nổi tiếng trong những lĩnh vực khác hơn là chuyên môn của mình], đã đưa ra 1 lưu ý cho chính phủ để quốc nhằm thu hút sự chú ý đến lợi ích mà nước Pháp sẽ có trong việc khẳng định quyền đối với Nam Kỳ. Ông đã để lại cho việc nghiên cứu của các bộ 3 vấn đề: ngay từ đầu, châu Á đã sớm là nơi diễn ra các sự kiện trọng đại và tùy thuộc vào ý muốn của Hoàng đế việc quyết định xem có nên đóng 1 vai trò quan trọng và vinh quang ở đó hay không.

“En effet, et c'était le second point, un traité avait été signé en 1787 entre la France et le roi Nguyen Anh et, selon le père Huc, les secours promis par Louis XVI avaient été fournis en partie: l'évêque d'Adran avait amené de France des officiers grâce auxquels le roi de Cochinchine avait pu reconquérir ses États, avec l'aide des chrétiens indigènes”. Thật vậy, và đây là điểm thứ 2, 1 hiệp ước đã được ký kết vào năm 1787 giữa Pháp và vua Nguyễn Ánh và, theo lời cha Huc, sự cứu trợ mà Louis XVI hứa đã được cung cấp 1 phần: giám mục Adran [tức Bá Đa Lộc] đã đưa các sĩ quan từ Pháp sang nhờ đó mà vua Nam Kỳ đã có thể tái chinh phục các Miền Đất của mình, với sự giúp đỡ của các Kitô hữu bản xứ.

“La note prétendait que la Restauration avait tenté avec maladresse de réclamer les droits découlant du traité et oubliés par la Révolution, de sorte que ces tentatives avaient abouti à l'exclusion des Français et à la persécution contre les catholiques”. Ghi chú [của Huc] cho rằng thời kỳ Phục hoàng [tức là nước Pháp thời kỳ Bourbon Phục hoàng từ Louis XVIII đến Charles X, 1814-1830] đã cố gắng 1 cách vụng về để đòi các quyền theo hiệp ước bị Cách mạng lãng quên, vì vậy những nỗ lực này đã dẫn đến việc loại trừ người Pháp và đàn áp người Công giáo. [Chưa rõ liệu Huc có chỉ ra ở đâu những gì được coi là “tenté avec maladresse” này hay không. ĐNTL thì có ghi nhận năm 1817, tàu Pháp tới nói là “vua nước ấy lấy lại được nước” nhưng không được vua Gia Long tiếp, xem ĐLSC số 193].

“En troisième lieu, la France pouvait revendiquer ces droits sur Tourane et Pulo-Condor, positions admirables au point de vue géographique et économique, d'autant mieux que la population, gémissant sous une tyrannie abominable accueillerait les Français en libérateurs”. Thứ 3, Pháp có thể yêu cầu các quyền này đối với Đà Nẵng và Côn Đảo, những vị trí đáng

ngưỡng mộ từ quan điểm địa lý và kinh tế, càng tốt hơn khi dân chúng, đang rên rỉ dưới chế độ chuyên chế ghê tởm, sẽ chào đón người Pháp như những người giải phóng [!].

“Enfin, le père Huc attirait l'attention sur le fait que les Anglais avaient les yeux tournés vers Tourane et qu'il ne faudrait pas se laisser devancer”. Cuối cùng, cha Huc chú ý đến việc người Anh đang hướng mắt về phía Đà Nẵng và rằng chúng ta không nên bị bỏ lại phía sau.

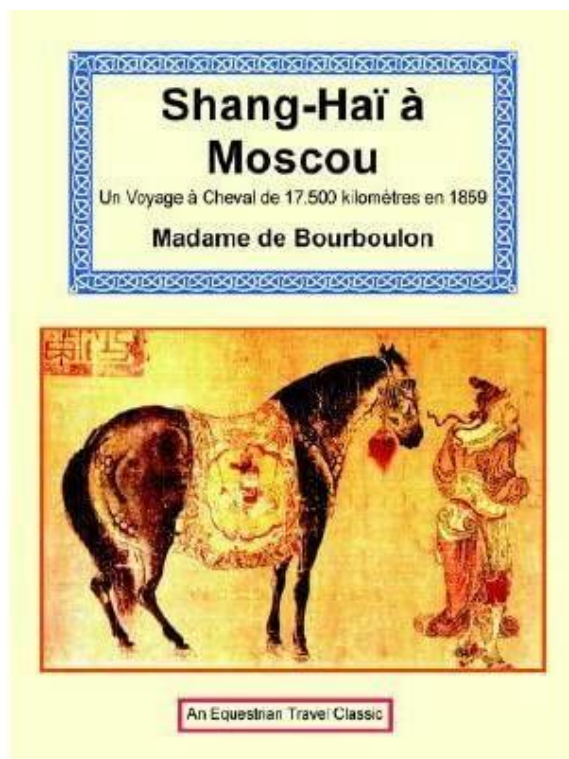
Như vậy là Huc thực đã đưa ra những 4 vấn đề chứ không phải chỉ là 3, vì 3 cộng với “cuối cùng”. Có lẽ sắp xếp thứ tự 4 vấn đề này lại 1 chút sẽ dễ hiểu hơn về động cơ của Huc: (1) là châu Á quan trọng, (2) là người Anh đang đi trước người Pháp ở châu Á, (3) là Đà Nẵng và Côn Đảo là những vị trí tuyệt vời, và (4) là trong khi tìm kiếm thông tin về những vị trí tuyệt vời đó thì Huc tìm được hiệp ước 1787. Ngoài ra thì không thể tin được là Huc có thể có những hiểu biết gì khác về nước Việt.

Cũng thật khó để biết, thực ra thì Huc ảnh hưởng lên Montigny hay Montigny ảnh hưởng lên Huc, hay “những tư tưởng lớn gặp nhau” như người Pháp hay nói les grand idées se rencontrent, dù rằng phương án 1 nghe có vẻ hợp lý hơn, Montigny vớ được những điều Huc nói ở đâu đó. Cả 2 tay này cùng ở China trong cùng khoảng thời gian và cùng chỉ có kinh nghiệm ở China mà thôi, và bằng cách nào đó đã có 1 sự tương tượng giống nhau về cái gọi là hiệp ước năm 1787 trên đất Việt.

Lược văn trong khi lần theo các văn bản của bộ Ngoại giao đã ghi nhận rằng: “Cette note, absolument inexacte au sujet du traité de 1787, fut l'objet d'un examen très défavorable au département des Affaires étrangères qui fit rédiger un mémoire daté du 20 mars 1857: l'auteur de ce mémoire, d'un esprit hostile aux expéditions lointaines et à l'établissement de colonies nouvelles, détruisait les assertions du père Huc en ce qui concerne l'exécution du traité de 1787 et faisait la distinction entre l'action personnelle de l'évêque d'Adran et l'aide officielle que la France n'avait pas fournie”. Lưu ý này [của Huc], là hoàn toàn không chính xác về hiệp ước 1787, là đối tượng của cuộc kiểm tra rất bất lợi của bộ Ngoại giao mà bản ghi nhớ ngày 20/03/1857 đã viết: tác giả của bản ghi nhớ này, với tinh thần thù địch với những cuộc thám hiểm xa xôi và việc thành lập các thuộc địa mới, đã bác bỏ những khẳng định của cha Huc liên quan đến việc thực hiện hiệp ước năm 1787 và phân biệt giữa hành động cá nhân của giám mục Adran và viện trợ chính thức mà Pháp đã không cung cấp.

Chưa rõ người mà lược văn gọi là “tác giả của bản ghi nhớ” này là ai, cũng như chưa thấy nguyên văn của cái bản ghi nhớ đó, nhưng lược văn lại có 1 câu nửa úp nửa mở: “On peut remarquer que ce mémoire si sévère pour les suggestions du père Huc est fortement marqué par la tendance générale à cette époque dans la diplomatie française, à ne considérer que les problèmes de la politique européenne. C'est ainsi que M. de Bourboulon et le comte de Courcy purent tous deux constater l'ignorance de Walewski, au sujet des affaires de Chine”. Chúng ta có thể nhận thấy rằng bản ghi nhớ này, rất nghiêm khắc đối với những đề nghị của cha Huc, là in dấu ấn mạnh mẽ bởi khuynh hướng chung của nền ngoại giao Pháp lúc bấy giờ là chỉ xem xét

các vấn đề của chính trị châu Âu. Chính vì vậy Ngài de Bourboulon và bá tước de Courcy đều có thể nhận thấy sự thiếu hiểu biết của Walewski về các vấn đề China, [có lẽ đúng hơn thì phải nói là “các vấn đề phương Đông”. Alphonse de Bourboulon, 1809-1877, lại 1 nhà ngoại giao Pháp nữa có nhiều kinh nghiệm du lịch ở China].



Hình 26: Bà de Bourboulon nổi tiếng hơn chồng sau chuyến phiêu lưu

Bộ trưởng ngoại giao Pháp khi bác bỏ những hoang tưởng của Montigny và Huc thì lại bị coi là “thiếu hiểu biết về các vấn đề phương Đông”?

Có 2 điều đáng để thắc mắc:

- Ảnh hưởng kỳ dị của Huc đối với Napoléon III,
- Mỗi quan tâm kỳ dị của Huc đối với nước Việt.

Cả 2 điều này về sau đã được giải thích bởi Georges Taboulet [1888-1979, 1 học giả Pháp rất gắn bó với Đông Dương, bài viết “Les origines immédiates de l'intervention de la France en Indochine (1857-1858)”, đăng lại trong Revue d'histoire des colonies tập 41, số 144-145, quý 3 và quý 4 năm 1954, trang từ 279 đến 302] rằng:

- Có 1 thứ kiểu như “tổ tư vắn” cho Napoléon III từ trước rồi mà Huc bằng cách nào đó là 1 thành viên. Trước khi xảy ra chiến tranh Krym, tổ tư vắn này đã đưa ra “l'objet devait être la prise de possession et la mise en valeur de la Corée, de Tourane et de Madagascar”, mục tiêu chiếm lấy Triều Tiên, Đà Nẵng và Madagascar. Như vậy, thực ra Napoléon III chẳng cần gì tới sự cầu cứu của các thừa sai, cũng chẳng cần gì đường lối ngoại giao tuy pháo hạm nhưng ít nhiều có chừng mực mà Anh và Hoa Kỳ đang áp dụng. Điều giải thích này khá hợp lý.
- “On ne peut s'empêcher de trouver un peu singulière cette initiative du père Huc. En effet, ce Lazariste n'a jamais vécu en Cochinchine; du pays, il ne connaît que ce qu'il a pu en apprendre, en revenant de Macao à Singapour, à bord du Cassini, pendant de brèves escales, en janvier 1852, escales de quelques heures seulement, au cours desquelles, faute d'interprète, l'état-major du Cassini ne put voir que quelques pêcheurs. Ajoutons que la congrégation de Saint Lazare n'était même pas représentée en Cochinchine. Pour comprendre l'attitude du père Huc, il faut admettre que ce religieux a été inspiré et renseigné par des personnalités mieux au fait des réalités cochinchinoises qu'il ne pouvait l'être lui-même. Les documents que nous avons dépouillés nous permettent de conjecturer que, en cette occurrence, le Lazariste Huc fut surtout le porte-parole du Père Libois, procureur des Missions Étrangères à Hong-Kong, que le père Huc avait longuement fréquenté à Macao et à Hong-Kong et dont il partageait les idées en matière d'évangélisation. Le Père Libois, lui non plus, n'avait jamais vécu en Cochinchine, mais, de par ses fonctions, il était en relations constantes avec ses confrères et tenu par eux constamment au courant de tout ce qui se passait dans les états de Tu-Duc”. Người ta không thể không thấy sáng kiến này của cha Húc hơi kỳ dị. Thật vậy, người Lazarist này chưa bao giờ sống ở Đàng Trong; về đất nước, ông ta chỉ biết những gì ông ta có thể học được, trên chuyến trở về từ Macao đến Singapore, trên tàu Cassini, trong những chặng dừng ngắn vào 01/1852, chỉ dừng lại vài giờ, trong đó, vì thiếu thông dịch viên, các nhân viên của Cassini chỉ có thể nhìn thấy 1 vài ngư dân. Có thể nói thêm rằng giáo đoàn Saint Lazare thậm chí không được đại diện ở Đàng Trong. Để hiểu được thái độ của cha Húc, phải thừa nhận rằng người tu sĩ này được truyền cảm hứng và thông báo bởi những nhân vật quen thuộc với thực tế Đàng Trong hơn là chính ông ta. Các tài liệu mà chúng tôi đã

kiểm tra cho phép chúng tôi phỏng đoán rằng, trong sự việc này, trên hết, Lazarist Huc là người phát ngôn của Cha Libois, phán quan của hội Thừa sai Hải ngoại tại Hồng Kông, nơi mà cha Húc đã thường xuyên lui tới trong một thời gian dài ở Macao và Hong -Kong và những ý tưởng mà ông ấy đã chia sẻ trong các vấn đề truyền giáo. Cha Libois cũng vậy, chưa bao giờ sống ở Nam Kỳ, nhưng theo chức năng của mình, cha thường xuyên liên lạc với các đồng nghiệp của mình và liên tục được họ thông báo về mọi việc đang xảy ra ở các miền đất của Tự Đức. Điều giải thích này khá dài dòng nhưng cũng không hoàn toàn có tính thuyết phục. Đáng tin hơn sẽ là, tiếp theo điều 1, trong khi đi tìm những tài liệu có liên quan đến mục tiêu Đà Nẵng, Huc tìm thấy hiệp ước 1787 trong đó đề cập không những Đà Nẵng mà cả Côn Đảo.



Hình 27: Chiến tranh Krym, 1853-1856, làm bối cảnh cho cuộc viễn chinh xứ Đàng Trong của Napoleon III

Do vậy, mặc dù không phải là 1 chức sắc lớn và bản lưu ý của Huc [note, có thể là note từ 1 cuộc họp nào đó của “tổ tư vấn” trong khoảng tháng 01/1857, trước cả Montigny lẫn Pellerin nhiều tháng], bản lưu ý của Huc đã bị bộ trưởng Ngoại giao Walewski lên án và bác bỏ, Huc vẫn gặp được Napoléon III sau đó và thành công trong việc yêu cầu hoàng đế thành lập hẳn 1 hội đồng cho vấn đề Đàng Trong, la Commission de la Cochinchine, bao gồm những nhân vật sau đây:

- Martin Fourichon, 1 chuẩn đô đốc, được bổ nhiệm bởi hoàng đế, đây chính là người đã đưa Huc từ Singapore trở về Pháp năm 1852,
- Jean Louis Charles Jaurès, 1 thuyền trưởng, được bổ nhiệm bởi bộ trưởng Hải quân,
- Émile Félix Fleury, 1 bá tước, được bổ nhiệm bởi bộ trưởng Nông Thương Chính nhưng thực ra vốn là 1 phụ tá đặc lực của Napoléon III, có lẽ cũng là thành viên “tổ tư vấn” hoặc tương tự,

- Pierre Cintrât, 1 quan chức ngoại giao được bổ nhiệm bởi Walewski,
- Chủ tịch hội đồng là nam tước Brenier, tức Anatole Alexandre François Henri Baron Brenier de Renaudière, từng là bộ trưởng Ngoại giao năm 1851 tức là tiền nhiệm nhiều đời của Walewski, về danh nghĩa cũng là được bổ nhiệm bởi Walewski nhưng có lẽ nên hiểu rằng đây cũng là 1 thành viên của “tổ tư vấn” hoặc tương tự, có khi còn chính là “tổ trưởng tổ tư vấn” chưa biết chừng.

Có thể thấy rõ qua thành phần của hội đồng, phe “điều hâu” của Huc và Napoléon III hoàn toàn áp đảo, phe “bồ câu” của bộ trưởng Ngoại giao Walewski chỉ có duy nhất 1 đại diện bình dân là Cintrât. Qua tổng cộng 7 phiên họp, được tổ chức từ ngày 28/04 đến 18/05/1857 tại trụ sở của bộ Ngoại giao, “la commission examina longuement et sous toutes ses faces la question de Cochinchine”, hội đồng đã xem xét toàn bộ mọi phương diện các vấn đề Đàng Trong. Kết luận của hội đồng cũng khiên cưỡng và kỳ dị như chính sự hình thành của nó:

“La commission ne retint pas la valeur conventionnelle du traité de 1787, mais elle estima que l'aide fournie par les officiers français à Gia-Long pouvait être considérée comme un commencement d'exécution du traité et que ce fait, joint aux sévices exercés depuis vingt ans contre les missionnaires français en Cochinchine, justifiait une intervention militaire de la France”.

Hội đồng không giữ nguyên giá trị thường lệ của hiệp ước năm 1787 [bác bỏ hiệp ước], nhưng cho rằng sự trợ giúp được cung cấp bởi các sĩ quan Pháp cho Gia Long có thể được coi là sự khởi đầu của việc thực thi hiệp ước [kỳ dị] và sự kiện này, cùng với những hành vi ngược đãi trong 20 năm chống lại các thừa sai Pháp ở Đàng Trong; đã biện minh cho sự can thiệp quân sự của Pháp [khiên cưỡng].

“Elle conclut unanimement qu'il était de l'intérêt de la France, au triple point de vue moral, politique et commercial, de procéder le plus promptement possible, les préparatifs étant poussés dans le secret, à l'occupation des trois principales villes du royaume de Cochinchine. Pour conclure, la commission présenta un plan d'opérations, dressé par Fourichon et Jaurès, tendant à la prise de possession de Tourane, de Saigon et de Késo [Hanoi] par une expédition partant directement de France et agissant indépendamment de l'escadre française de Chine. La commission repoussa l'idée de la création d'une nouvelle campagne des Indes et se prononça contre une annexion, en faveur du maintien de la dynastie cochinchinoise sous le protectorat de la France”.

Hội đồng nhất trí kết luận rằng lợi ích của Pháp, từ cả 3 quan điểm, đạo đức chính trị thương mại, tiến hành càng nhanh càng tốt, việc chuẩn bị được xúc tiến bí mật, cho việc chiếm đóng 3 thành phố chính của Vương quốc Đàng Trong. Để kết thúc, hội đồng đã trình bày 1 kế hoạch hành động, do Fourichon và Jaurès vạch ra, có xu hướng chiếm giữ Đà Nẵng, Sài Gòn và Kẻ Sở [Hà Nội] bằng 1 lực lượng viễn chinh được điều động trực tiếp từ Pháp và hoạt động độc lập với

lực lượng Pháp ở China. Hội đồng đã bác bỏ ý tưởng thành lập 1 công ty Ấn Độ mới và tuyên bố phản đối việc thôn tính, ủng hộ việc duy trì vương triều Đàng Trong dưới sự bảo hộ của Pháp.

Lưu ý rằng, mặc dù chưa thấy nguyên văn cái hiệp ước 1787 đó ở đâu như thế nào, các quan điểm đều thống nhất cho rằng vua Louis XVI, có thể chỉ quấy quá cho xong, muốn đẩy việc thực hiện hiệp ước đó cho các lực lượng hiện có của Pháp tại Ấn Độ, cụ thể là bá tước Thomas Conway thống đốc vùng Pondicherry và Công ty Đông Ấn thuộc Pháp, nay hội đồng trong khi “không giữ nguyên giá trị thường lệ” hiệp ước, cũng bác bỏ luôn khả năng thực hiện hiệp ước theo cái hướng cũ đó... Thêm 1 lưu ý nữa, là rõ ràng rằng, khi bổ nhiệm Fourichon và Jaurès, Napoléon III và bộ Hải quân Pháp thực sự không còn quan tâm liệu hội đồng sẽ đưa ra kết luận như thế nào nữa, mà chỉ là để tập trung vào trình bày 1 kế hoạch hành động do 2 người này đã chuẩn bị sẵn rồi mà thôi.

Có 1 chi tiết đáng chú ý của Taboulet về hành trình từ đất lên tàu của giám mục Pellerin:

“En septembre 1856, quand il apprit que le Catinat, mouillé dans la baie de Tourane, demandait un le prélat, qui résidait à 100 km du port, se mit en devoir de rejoindre le bâtiment. Sa barque ayant été jetée à la côte par un typhon, l'Evêque se cacha dans les montagnes, où son compagnon d'infortune, le Père Pasquier, mourut entre ses bras, de fièvre, de faim et de misère, le 18 octobre. Après deux mois et demi de tribulations, Mgr Pellerin, “exténué et à demi nu”, put, au début de novembre, toucher La Capricieuse, qui avait relayé le Catinat”.

Vào tháng 09/1856, khi biết rằng tàu Catinat đang neo đậu ở vịnh Đà Nẵng, ngài đã yêu cầu 1 vị giám quốc sống cách cảng 100 km lên đường tham gia cùng con tàu. Thuyền của ngài bị bão cuốn vào bờ biển, Đức Cha ẩn náu trên núi, nơi người bạn đồng hành trong bất hạnh của ngài, Cha Pasquier, đã chết trong vòng tay của ngài, vì sốt, đói và khổ sở, vào ngày 18/10. Sau 2 tháng rưỡi khổ nạn, Giám mục Pellerin, "kiệt sức và rách rưới", vào đầu tháng 11, đã có thể chạm vào La Capricieuse, là chiếc tàu đã thay thế cho tàu Catinat. Vất vả như vậy mới lên được tàu thì rõ ràng là không thể quay trở lại đất. Và cũng thấy là thiếu hẳn sự liên hệ giữa các thừa sai và các tàu chiến.

Quay trở lại với luận văn của Franchini, có khá nhiều chi tiết về các cuộc họp của hội đồng Đàng Trong:

- Những ân oán xa xưa, mà có lẽ triều đình nhà Nguyễn với cung cách nho giáo không thể hiểu nổi, như là chuyện thuyền trưởng Kergariou mà nhà Nguyễn coi là “đến dâng sản vật”, chuyện lãnh sự Eugène Chaigneau mà chỉ là đưa cháu mờ nhạt phía sau “thuộc nội chương cơ Nguyễn Văn Thắng” [xem ĐLSC số 203]..., được lôi dậy để hâm nóng tình cảnh của sứ mệnh Montigny.
- Vụ việc năm 1847 của tàu Gloire và thuyền trưởng Lapierre, “tên tiểu biền Vũ Văn Điềm” mang mật thư bị quân Pháp bắt đã được nâng lên thành 1 Kitô hữu đi cảnh báo cho quân Pháp về 1 cuộc phục kích của quân triều đình [!].

- Các đánh giá về thị trường: “Une prise de possession de la Cochinchine aiderait-elle le marché français? A cette question Fourichon et Jaurès furent unanimes pour constater les avantages réels qui en résulteraient sinon sur la plan de la consommation du moins sur celui de la production. Il semblait en effet que ce pays présentait un marché plus avantageux pour la fourniture des matières premières que pour la consommation des produits manufacturés français”. Việc chiếm hữu Đàng Trong có giúp ích cho thị trường Pháp không? Đối với câu hỏi này, Fourichon và Jaurès đã nhất trí quan sát những lợi thế thực sự sẽ dẫn đến, nếu không phải về mặt tiêu thụ, ít nhất là về mặt sản xuất. Trên thực tế, dường như đất nước này cho thấy 1 thị trường cung cấp nguyên liệu thô thuận lợi hơn là tiêu thụ các sản phẩm sản xuất của Pháp. Hóa ra Hải quân mới là những chuyên gia đi đánh giá thị trường?
- “En fin de compte l'intérêt économique parut généralement certain à la Commission mais, d'après l'opinion de Fleury lui-même les raisons politiques d'une expédition étaient les principales: c'était sur elle que le père Huc avait particulièrement insisté dans sa note”. Cuối cùng lợi ích kinh tế nhìn chung có vẻ chắc chắn đối với Hội đồng, nhưng theo ý kiến riêng của Fleury [đây mới là người của bộ Nông Thương Chính], lý do chính trị cho cuộc viễn chinh là chính: đó là điều mà cha Huc đã đặc biệt nhấn mạnh trong ghi chú của ông ta.
- Về phương diện quốc tế, “Montigny se trompait en croyant à la bonne foi et au désintéressement du gouvernement britannique. En conséquence, il fut décidé d'agir isolément et secrètement pour éviter les objections de celui-ci, c'est-à-dire pratiquer au point de vue international la politique du fait accompli”. Montigny đã sai lầm khi tin vào thiện chí và sự vô tư của chính phủ Anh [trong hành trình Xiêm Cao Miên Đà Nẵng vừa rồi, Montigny rất cởi mở với người Anh]. Do đó, vụ Đàng Trong đã được quyết định sẽ hành động 1 cách cô lập và bí mật để tránh sự phản đối của đồng minh theo quan điểm quốc tế.
- “Le baron Brenier déclara: ‘l'Europe, c'est-à-dire la civilisation, est en marche contre l'Asie qui représente la Barbarie; elle frappe de tous côtés sur ces vieilles nations ensevelies sous le despotisme le plus avilissant’”. Nam tước Brenier tuyên bố: “Châu Âu là văn minh, đang hành quân chống lại Châu Á đại diện cho man rợ; nó tấn công từ mọi phía vào các đất nước xưa bị vùi lấp dưới chế độ chuyên quyền hèn hạ nhất”. Từ đó hội đồng trông chờ rằng “nous serions reçus en libérateurs”, chúng ta sẽ được đón chào như những người giải phóng”. Hơn nữa, ở đó còn có 600 ngàn Kitô hữu.
- “Il est vrai que Mgr Pellerin faisait état du vœu de toute la population en faveur d'une “délivrance” et il n'était pas le seul à le dire mais il ajoutait une appréciation digne d'attirer l'attention: il croyait à la nécessité de ménager le sentiment national annamite, et d'éviter pour cette raison une occupation absolue et la déposition du Roi: ‘La conservation du Roi et les bienfaits qui résulteraient immédiatement de l'équité, de la probité de l'administration dirigée par la France feraient bénir son nom et accepter avec joie son protectorat par la nation tout entière’”. Đúng là Giám mục Pellerin đã bày tỏ

mong muốn của toàn thể dân chúng ủng hộ 1 "sự giải cứu" và ngài không phải là người duy nhất nói như vậy, nhưng ngài đã nói thêm 1 sự đánh giá đáng thu hút sự chú ý: ngài tin tưởng vào sự cần thiết phải gìn giữ tình cảm dân tộc An Nam, và vì lý do này tránh chiếm đóng tuyệt đối và phế truất nhà Vua: “duy trì nhà Vua và những lợi ích thu được ngay lập tức từ sự công bằng và tính xác thực của chính quyền do Pháp chỉ đạo sẽ làm cho tên tuổi ông ấy được chúc tụng và việc bảo hộ ông ấy được cả nước vui mừng chấp nhận”.

- “Unanime, elle estima nécessaire des forces imposantes pour appuyer le négociateur, l'exemple de Montigny servait d'enseignement; en effet, l'emploi de la force paraissant justifié, les officiers de marine Fourichon et Jaurès présentèrent un ‘plan complet militaire naval et financier d'expédition de 2.600 hommes’, dont 2.000 d'infanterie; le matériel d'artillerie comprendrait 15 canons obusiers rayés. Pour les hommes, il faudrait armer 4 transports mixtes de 1.200 tonnes, et un transport mixte de même tonnage recevrait un chargement de matériel. La traversée était prévue pour une durée de 90 à 100 jours sans relâcher, à moins d'accident de mer. Il faut noter cette phrase: ‘Ne devant éprouver aucune résistance au débarquement, il ne faut employer que les navires nécessaires au transport des troupes’, les 6 canonnières jugées utiles pour pénétrer dans les fleuves seraient envoyées séparément pour ne pas retarder la traversée”. Nhất trí cho rằng cần có những lực lượng áp đặt để hỗ trợ nhà đàm phán, ví dụ của Montigny đã được lấy làm bài học; trên thực tế, việc sử dụng vũ lực có vẻ hợp lý, các sĩ quan hải quân Fourichon và Jaurès đã trình bày 1 “kế hoạch quân sự, hải quân và tài chính hoàn chỉnh cho cuộc viễn chinh của 2.600 lính”, trong đó có 2.000 bộ binh; thiết bị pháo binh sẽ bao gồm 15 khẩu lựu pháo nòng có rãnh xoắn. Đối với người, cần trang bị 4 phương tiện vận tải hỗn hợp 1.200 tấn, và 1 vận chuyển hỗn hợp có cùng trọng tải cho đồ quân dụng. Cuộc vượt biển được lên kế hoạch trong khoảng thời gian từ 90 đến 100 ngày không dừng lại, trừ khi có tai nạn hàng hải. Câu này cần lưu ý: “Sẽ không phải gặp bất cứ sự chống trả nào đối với cuộc đổ bộ, chỉ nên sử dụng những con tàu cần thiết cho việc vận chuyển quân đội”, 6 pháo hạm được cho là hữu ích khi đi vào các con sông sẽ được gửi riêng để không làm trì hoãn việc vượt biển.
- Chi phí được dự kiến với 1 con số chính xác là 2.861.212 francs, đánh chiếm Huế, Hà Nội, Sài Gòn, và cảng Đà Nẵng. Phú Yên cũng được đề cập nhưng rồi bỏ qua.

Cũng còn lảng tránh 1 lần nữa ở cấp Conseil d'État, tuy nhiên “Le Conseil des Ministres s'inclina devant l'autorité du souverain”, Hội đồng Bộ trưởng đã cúi đầu trước thẩm quyền tối cao.

C - Các tình hình khác

265 – Xiêm La và Cao Miên

Trong 1 chừng mực nào đó thì sứ mệnh của Montigny ở Đàng Trong có vẻ như đã được chuẩn bị kỹ lưỡng với những Huc và Brenier và Pellerin v.v. Tuy nhiên, trong những chừng mực khác thì các điểm đến Xiêm La và Cao Miên có khi còn quan trọng hơn chứ không chỉ đơn thuần là đứng trước về mặt địa lý trong hành trình.

Giáo phận Xiêm ghi trong lịch sử của mình rằng nó chính được tách ra từ giáo phận Đàng Trong vào năm 1662 dưới thời giám mục Pierre Lambert de La Motte, 1621-1679, chỉ 3 năm sau khi giáo phận Đàng Trong, cùng với Đàng Ngoài, được tách ra từ giáo phận Macao năm 1659. Như đã được lưu ý tại ĐLSC số 261, điều thua kém của giáo phận Xiêm so với các giáo phận Việt là ở chỗ cho đến tận năm 1940, giáo phận Xiêm chẳng có lấy 1 thánh tử đạo nào cả. [Và từ khi hình thành đến nay giáo phận Xiêm nhỏ dần lại: từ giáo phận Xiêm năm 1662 thành giáo phận Đông Xiêm năm 1841, do phải tách phần phía Tây thành giáo phận Malaysia, rồi chỉ còn là giáo phận Bangkok từ năm 1924 cho đến tận bây giờ, với gần 400 ngàn giáo dân, chiếm 0.6% dân số]. Vào thời điểm của sứ mệnh Montigny, vị đại diện Tông tòa Đông Xiêm, giám mục Jean-Baptiste Pallegoix, 1805-1862, được coi là người bạn rất thân thiết của vua Rama IV Mongkut. Vua Mongkut thông thạo tiếng Anh cho nên cũng không lạ rằng thời kỳ trị vì này là thời kỳ tấp nập của các quan hệ Xiêm – phương Tây.

Như ĐLSC số 255 đã đề cập, người Anh vào năm 1855 thông qua đặc sứ John Bowring đã ký kết được với Xiêm La 1 hiệp ước hữu nghị và thương mại gồm 12 điều khoản, chỉ 1 năm sau năm 1856 người Mỹ thông qua đặc sứ Townsend Harris cũng làm điều tương tự. Có thể điểm qua đại khái 12 điều khoản của hiệp ước Anh – Xiêm mà John Bowring đạt được như sau:

1. Hòa bình vĩnh viễn, thần dân nước này được bảo vệ và hỗ trợ ở nước kia,
2. Thiết lập quan hệ lãnh sự giữa 2 bên,
3. Dẫn độ,
4. Tự do buôn bán và các điều kiện sở hữu bất động sản và cư trú,
5. Giấy thông hành và quyền tự do đi lại,
6. Tự do tôn giáo và sử dụng lao động bản địa, lao động nhập cư,
7. Điều kiện đối với tàu chiến Anh,
8. Buôn bán và thuế, bao gồm cả việc buôn bán thuốc phiện,
9. Khiếu nại và hình phạt,
10. Anh sẽ được tham gia các đặc quyền như Xiêm đã hoặc sẽ dành cho các nước khác,
11. Hiệu lực 10 năm và gia hạn,
12. Bình đẳng ngôn ngữ và phiên bản.

Bộ Ngoại giao Pháp đã chuẩn bị sẵn cho sứ mệnh Montigny ở Xiêm 1 dự thảo hiệp ước bao gồm những 22 điều khoản. Có lẽ dự thảo này cũng có thể được áp dụng cho các điểm đến tiếp theo là Cao Miên và Đàng Trong. Cũng đại khái điểm qua 22 điều khoản đó như sau:

1. Hòa bình bền vững và tình hữu nghị vĩnh viễn,

2. Thiết lập quan hệ lãnh sự giữa 2 bên,
3. Tự do tôn giáo và thờ phượng của công dân Pháp trên đất Xiêm,
4. Quyền cư trú của người Pháp tại Xiêm và người Xiêm tại Pháp,
5. Tự do buôn bán và các điều kiện sở hữu bất động sản,
6. Người Pháp sử dụng lao động Xiêm,
7. Giấy thông hành và quyền tự do đi lại,
8. Lãnh sự Pháp làm đầu mối giải quyết mâu thuẫn giữa người Pháp và người Xiêm,
9. Người Pháp chịu sự điều chỉnh của luật pháp Pháp, người Xiêm của luật pháp Xiêm,
10. Dẫn độ,
11. Người Pháp phá sản tại Xiêm,
12. Người Xiêm trốn nợ đối với người Pháp,
13. Thừa kế của người Pháp ở Xiêm hay của người Xiêm ở Pháp,
14. Điều kiện đối với tàu chiến Pháp,
15. Tàu Pháp gặp nạn vào cảng Xiêm,
16. Thanh toán thuế nhập khẩu hàng hóa Pháp vào Xiêm và ưu đãi,
17. Chi tiết về thuế nhập khẩu,
18. Thuế nhập khẩu vào Pháp từ Xiêm và ưu đãi
19. Xuất nhập khẩu liên quan đến nước thứ 3,
20. Tuân thủ và chế tài,
21. Hiệu lực 12 năm và gia hạn,
22. Phê chuẩn.

Hiệp ước Pháp – Xiêm rốt cục được ký kết ngày 15/08/1856 với những 24 điều khoản. Những điều khoản được thêm vào so với sự chuẩn bị ban đầu là điều 10 – Trường hợp tàu Pháp bị hải tặc, và điều 23 – Bình đẳng ngôn ngữ và phiên bản.

Khía cạnh thường bị soi của những hiệp ước kiểu này, là việc nó bình đẳng hay bất bình đẳng tới mức nào giữa bên này và bên kia. Nhưng thực ra có 1 điều quan trọng hơn mà người ta ít quan tâm hoặc thậm chí không nhận ra, là ngôn từ của nó tác động như thế nào tới tâm trí, cả tình cảm và cả nhận thức, của con người từ vua chúa trở xuống ở những nước phương Đông. Ngôn từ của những hiệp ước này dù là tiếng Anh hay tiếng Pháp, rồi được chuyển ngữ qua tiếng Xiêm hay tiếng Miên hay tiếng Việt [mà là chữ nho], sẽ cho người đọc hay người nghe hình dung thấy về những kiểu quan hệ ngoại giao hoàn toàn khác, quan hệ bình đẳng theo chiều ngang chứ không phải là quan hệ thiên triều – thuộc quốc theo chiều dọc. Dù là được viết bằng tiếng Anh “There shall henceforward be perpetual peace and friendship between...” hay bằng tiếng Pháp “Il y aura paix constante et amitié perpétuelle entre...” thì cũng là đang bàn về hòa bình và tình hữu nghị với những đất nước đang bị coi là man di mọi rợ, “Hồng Mao gian xảo trí trá” hoặc “Tây dương vốn tham lam không chán”...

Tiếp đến chuyện Cao Miên, ĐLSC số 247 đã đề cập chuyện thừa sai Mịch, tức Jean-Claude Miche, 1805-1873, bị bắt ở Phú Yên năm 1842 khi đang tìm cách lên truyền đạo trên Cao nguyên miền Trung. Sau khi được giải cứu đưa về Singapore năm 1843 bởi thuyền trưởng

Levêque và tàu Heroïne, thì ông lại lên quay trở lại Lái Thiêu ngay trong năm 1844. Đến năm 1847 khi hạt tông tòa Tây Đàng Trong được tách ra cho giám mục Lefèbvre thì thừa sai Miche được phong Giám mục hiệu tòa Dausara phụ trách Cao Miên. [Cho đến nay với chừng 20 ngàn người tức 0.15% dân số theo Kitô giáo, Campuchia vẫn chưa hình thành giáo phận riêng, chỉ có 1 hạt Đại diện Tông tòa, Apostolic Vicariate, và 2 hạt Phủ doãn Tông tòa, Apostolic Prefecture, mà thôi].

Bằng 1 cách nào đó, giám mục hiệu tòa Dausara cũng trở nên khá gần gũi với vua Nặc Ong Giun của Cao Miên, dẫn đến những lời lẽ khoa trương của Montigny khi nói về sứ mệnh Cao Miên: “Ma mission au Cambodge a parfaitement reussi et, desormais, les interet français et ceux de la religion catholique seront honorablement sauvegardes dans ce royaume. Le roi de Cambodge, ayant ete empeche de venir jusqu'a la cote, avait fait reparer 40 lieues de route, 20 ponts et m'avait envoye les cinq premiers dignitaires du royaume et 200 elephants pour que je pusse me rendre, en grande pompe, jusqu'a la capitale. Mais ce voyage devant entrainer un retard d'un mois ua moins, j'ai du le refuser, avec regret, je l'avoue...”. [Nhiệm vụ của tôi tại Campuchia đã hoàn toàn thành công và do đó, lợi ích của nước Pháp và những người theo đạo Công giáo sẽ được bảo vệ một cách danh dự tại vương quốc này. Quốc vương Campuchia, đã bị ngăn cản không đi ra bờ biển được [theo lời Montigny thì là vì bị nổi mụn nhọt đau đớn, il avait été atteint d'une éruption de furoncles si douloureuse, qu'elle lui rendait le voyage impossible], đã sửa chữa 40 tuyến đường, 20 cây cầu và đã cử cho tôi 5 vị quan hàng đầu của vương quốc và 200 con voi để tôi có thể đi đến thủ đô 1 cách thoải mái nhất. Nhưng chuyến đi này sẽ dẫn đến việc bị chậm trễ 1 tháng hoặc ít hơn, tôi đã phải từ chối nó, với sự hối tiếc, tôi thừa nhận].

Lúc rời Bangkok đi Cao Miên, không hiểu trong bối cảnh nào mà Montigny có đem theo 9 người Cao Miên hồi hương, 1 trong số đó khi đến nơi đã bị phát hiện là gián điệp được vua Xiêm cử đi để theo dõi diễn biến của mối quan hệ Cao Miên với Pháp. Người này lánh đi sau đó nhưng rồi lại xuất hiện công khai bên cạnh vua Cao Miên khi sứ bộ Pháp đã đi khỏi. Sự kiện này, cũng như những diễn biến tiếp theo dưới đây, chỉ được Montigny kể lại 1 cách muợn màng trong 1 lá thư viết nửa năm sau, mãi ngày 08/05/1857, khi đang ở trên con tàu Lammermoor trên đường về Pháp. Đó chính là những đoạn văn của Montigny mà hầu tước de Courcy cho rằng cần cắt giảm đi 3 phần tư vì “trí tưởng tượng bay bổng”.

Không biết việc những 5 vị quan hàng đầu cộng với những 200 con voi là thực tới tới mức nào, cắt giảm đi 3 phần tư thì vẫn còn lại những 5 chục con là vẫn quá nhiều, thực tế là đã không có cuộc gặp gỡ nào cả giữa vua Cao Miên Nặc Ong Giun và đại diện đặc mệnh toàn quyền của vua Pháp. Giám mục Miche ngay lúc đó cũng lên tàu Marceau để cùng Montigny đi Đà Nẵng, chắc là do đã quen thuộc với Đàng Trong, để sứ mệnh Cao Miên lại cho 1 thừa sai cấp thấp tên là Hestrest, cùng với 1 bức thư Montigny gửi vua Cao Miên và 1 bản “Quy ước thương mại và tôn giáo”, Convention Commerciale et Religieuse gồm 14 điều đã được Montigny ký sẵn để vua Cao Miên chỉ việc ký theo. Thật không hiểu tại sao đó lại chỉ là 1 convention và sẽ được ký kết trên căn bản ngoại giao nào, 14 điều đại khái như sau:

1. Người Pháp được ưu đãi đặc quyền ở Cao Miên,
2. Người Pháp được tự do đi lại, cư trú, thực hành tôn giáo, thương mại và công nghiệp,
3. Người Pháp được tự do mua bán ngoại trừ thuốc phiện,
4. Thuế hải quan duy nhất 3% cho hàng hóa xuất nhập bằng tàu Pháp,
5. Tàu chiến và tàu buôn Pháp ra vào tất cả các cảng, được đối xử như tàu Cao Miên,
6. Quyền bổ nhiệm lãnh sự của hoàng đế Pháp tại Cao Miên,
7. Người Pháp đi du lịch với tư cách nhà khoa học được quan tâm hỗ trợ đặc biệt,
8. Trách nhiệm của chính quyền Cao Miên trong trường hợp hải tặc hoặc cướp phá,
9. Thừa kế tài sản của người Pháp,
10. Quyền đi lại và rao giảng của thừa sai Pháp,
11. Tư cách nhà nước của Kitô giáo,
12. Quyền khai thác gỗ quý của Pháp với chỉ 10% thuế,
13. Ngôn ngữ của quy ước,
14. Hiệu lực của quy ước do hoàng đế Pháp phê chuẩn.

Bất chấp cái nội dung của quy ước rất bất bình đẳng như vậy, thì giữa sứ bộ Pháp và triều đình Cao Miên đã bất ngờ diễn ra thêm 1 câu chuyện hoàn toàn khác:

Những “vị quan hàng đầu” mà vua Cao Miên cử tới đón tiếp Montigny đã gợi ý với Montigny về dự án nhượng đảo Koh-doot của vua Cao Miên cho hoàng đế Napoléon III, “un projet de cession de l'Ile Koh-doot, par le roi du Cambodge à S. M. l'Empereur Napoléon III”. Họ ca ngợi hòn đảo hết mức và cũng không dấu giếm rằng nó thuộc về Cao Miên, đã bị chiếm bởi người Đảng Trong, và chỉ có 1 số ngư dân Việt đang sinh sống ở đó, “qu'elle appartenait au Cambodge, avait été prise par les Cochinchinois, et n'était habitée que par quelques pêcheurs de cette nation”.

Người Cao Miên đã có mong muốn từ rất sớm mượn tay người Pháp để đòi lại đảo Phú Quốc, Koh-doot hoặc Koh Dud theo cách gọi của họ. Mà không phải chỉ có Phú Quốc mà thôi, Montigny viết tiếp: “Nhà vua không công khai ám chỉ dự án này [Phú Quốc], nhưng ông còn đi xa hơn, ông đã chứng tỏ với tôi nhiều lần, ông hy vọng thấy Pháp chiếm được 1 số tỉnh Đảng Trong, rằng ông sẽ rất vui khi có được người Pháp làm hàng xóm v.v.”. [Le Roi ne fit pas ouvertement allusion à ce projet, mais il alla beaucoup plus loin, il me témoigna à plusieurs reprises, son espoir de voir la France prendre possession de quelques provinces de la Cochinchine, qu'il serait bien heureux d'avoir les Français pour voisins, etc.].

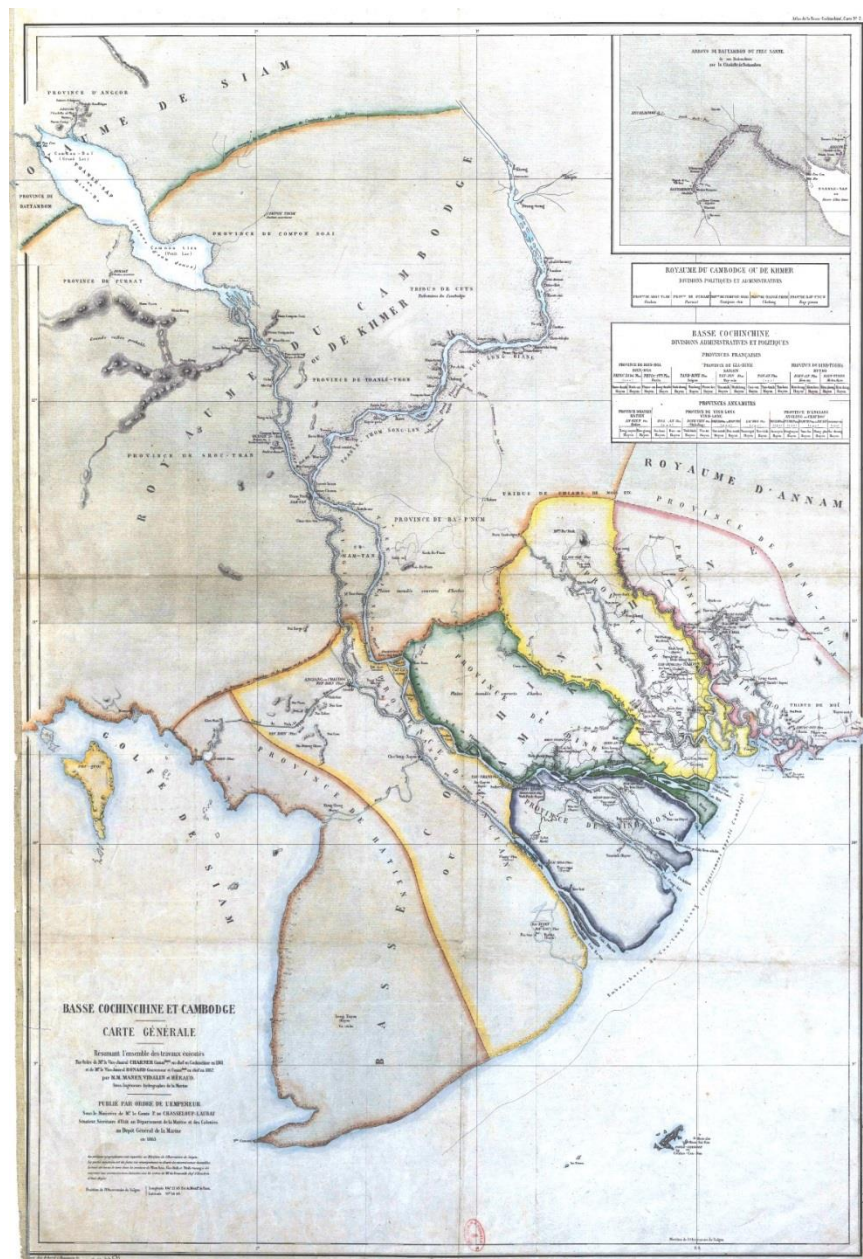
Trong 1 bức thư được mô tả là trên giấy khổ lớn, une grande feuille, song ngữ 1 dòng tiếng Miên 1 dòng tiếng Pháp, mà vua Cao Miên gửi cho vua Pháp, đề “13e jour de la décroissance de la lune, mois Cordoc, de l'ère Cambodgienne 1218”, ngày 13 tuần trăng khuyết, tháng Cordoc lịch Miên năm 1218, tức 25/11/1856, nhưng Montigny chỉ nhận được ngày 27/03/1857 tại Singapore, lời lẽ của Nặc Ong Giun khá thông thiết, đoạn trích sau đây khá dài:

“...De plus veuillez bien Votre Majesté savoir qu'autrefois le royaume du Cambodge était grand et étendu; mais les perfides Annamites après avoir fait amitié avec le Cambodge ont envahi les

provinces du royaume par des morcellements successifs. Lorsque le roi Gialong fut en querelle avec son concurrent, il alla implorer le secours de Siam. Là il rencontra mon père, fit alliance avec lui, revint de Siam et du Cambodge emmenant une armée cambodgienne avec la-quele il vainquit son ennemi et devint seul roi de la Cochinchine. Il demanda ensuite à mon père d'exempter de tribut et de corvée la province de Trépang envers laquelle il avait contracté une dette de reconnaissance. Mon père comprenant ce langage de paix consentit à décharger cette province cambodgienne: quelques années ensuite le roi Gialong s'en empara. Plus tard, lorsque mon frère alla implorer le secours de Gialong et que je me retirai à Siam, Minh-mang fils et successeur de ce roi, fit creuser un canal qui divisa le Cambodge depuis Hâtien jusqu'à Mo't chruc, et plaça dans les provinces enlevées une administration et des sujets annamites. Mon frère étant mort sans laisser d'enfant mâle, Minh-mang relégua les filles et la mère de ce prince dans sa province de Saigon et fit périr une de ces filles: pour les Cambodgiens de ces contrées, il les dispersa peuple et mandarins dans diverses îles, ainsi que dans les provinces septentrionales contigües à la Chine. Les Cambodgiens, ne pouvant supporter la perfidie du roi annamite, et ayant de plus fait un grand nombre de victims parmi les Cochinchinois, me demandèrent au roi de Siam pour les gouverner. Somdach pra-nang Klau alors sur le trône de Siam envoya le Budin avec une armée de plus de 5000 hommes, et fit des dépenses considérables pour aider les Cambodgiens contre les Annamites qui n'avaient pas encore occupé définitivement toutes les provinces. Après huit années de guerre, le roi de Cochinchine demanda la paix et promit de ramener ma mère et les filles de mon frère, de faire également revenir les mandarins et les sujets cambodgiens disséminés çà et là, de me regarder comme roi du Cambodge et de me livrer les sceaux annamites comme marque de souveraineté. Il fit ensuite cette promesse: les provinces cambodgiennes enlevées par les Annamites seront toutes restituées. Là dessus, le Budin me dit: 'Cela suffit pour la paix'".

Ngoài ra, xin Bộ hạ biết rằng trước đây vương quốc Cao Miên rất rộng lớn; nhưng những người An Nam nham hiểm sau khi có quan hệ hữu nghị với Cao Miên đã xâm chiếm các tỉnh của vương quốc bằng cách liên tiếp chia cắt. Khi vua Gia Long đối đầu với đối thủ cạnh tranh của mình, ông đã đến cầu xin sự giúp đỡ của Xiêm. Ở đó, ông đã gặp cha tôi, liên minh với ông, trở về từ Xiêm và Cao Miên, mang theo 1 đội quân Cao Miên mà với đội quân đó ông đã đánh bại kẻ thù của mình và trở thành vị vua duy nhất của Đàng Trong. Sau đó ông ta yêu cầu cha tôi miễn cống nạp và lao dịch cho tỉnh Trà Vinh mà ông ta đã ký 1 món nợ ân tình. Cha tôi, hiểu được ngôn ngữ hòa bình này, đã đồng ý gỡ bỏ [cống nạp và lao dịch] cho tỉnh Cao Miên này: vài năm sau, vua Gia Long chiếm giữ nó. Sau đó, khi anh trai tôi đến cầu xin sự giúp đỡ của Gia Long và tôi rút lui về Xiêm, Minh Mạng, con trai và là người kế vị của vị vua này, đã đào 1 con kênh chia cắt Cao Miên từ Hà Tiên đến Mo't chruc [còn gọi Meath Chruk, tên Khmer của Châu Đốc, đây vua Cao Miên đang nói về kênh Vĩnh Tế], và đặt ở các tỉnh bị xóa bỏ 1 cơ quan hành chính và các thần dân An Nam. Anh trai tôi chết mà không để lại 1 đứa con trai nào, Minh Mạng an trí 2 người con gái và mẹ của vị vua này về tỉnh Sài Gòn của ông ta và giết 1 trong những người con gái này: đối với người Cao Miên ở đây, ông đã phân tán dân chúng và quan lại vào các hòn đảo khác nhau, cũng như ở các tỉnh phía bắc tiếp giáp với China. Người Cao Miên,

không thể chịu đựng nổi thói nham hiểm của vua An Nam, và hơn nữa đã trở thành 1 số lớn nạn nhân của người Đàng Trong, đã yêu cầu vua Xiêm để tôi cai quản họ. Khi đó Somdach pra-nang Klau khi lên ngôi của Xiêm La đã phái Budin với 1 đội quân hơn 5 ngàn người và chi phí đáng kể để giúp người Cao Miên chống lại người An Nam vẫn chưa chiếm hết các tỉnh. Sau 8 năm chiến tranh, vua Đàng Trong đã xin hòa bình và hứa sẽ mang mẹ tôi và các con gái của anh tôi trở lại, đồng thời hồi hương các quan lại và thần dân Cao Miên rải rác đây đó, coi tôi là vua Cao Miên và giao cho tôi những con dấu An Nam như 1 dấu hiệu của chủ quyền. Sau đó, ông hứa: tất cả các tỉnh Cao Miên bị người An Nam xóa bỏ sẽ được trả lại. Theo đó, Budin nói với tôi: ‘Thế là đủ cho hòa bình’.



Hình 28: Bản đồ Cao Miên và Hạ Đàng Trong năm 1863

“Elle fut donc conclue, mais l'an 1208 (ère Cambodge) c'est-à-dire depuis 1846, le roi de Cochinchine déclara que les provinces enlevées au Cambodge ne devaient plus suivre mes ordres ni me payer tribut; de plus il interdit au Cambodge tout commerce dans son royaume ainsi que dans les ports: tel est l'état du Royaume du Cambodge. Je prie Votre Majesté de connaître le nom des provinces ravies; ce sont celles de Bong-nay, enlevée depuis plus de 200 ans; mais beaucoup plus récemment, celles de Saigon, de Long-hô, Psar dèc, Mithô, Pra-trépang, Ougmô'c, Cremui'n sa, Tû'c Khmâu, Péém ou Hatien, les îles de Co Trol et de Trelach. Si par hasard les Annamites venaient à offrir à Votre Majesté quelque-une de ces contrées, je la prie de ne pas les recevoir parce qu'elles appartiennent au Cambodge. Je prie Votre Majesté d'avoir compassion de moi et de mon peuple, afin que nous voyons un terme à nos pertes, et ne soyons pas comme étouffés dans cet étroit royaume. Si nous obtenons cet avantage, nous aurons une plus haute idée de votre réputation qui sera alors vérifiée ici. Les Français et les Cambodgiens s'aimeront mutuellement et entretiendront à l'avenir un commerce suivi”.

Vấn đề đã được kết luận, nhưng vào năm 1208 (lịch Miên), tức là kể từ năm 1846, vua Đàng Trong tuyên bố rằng các tỉnh tách khỏi Cao Miên không được theo lệnh của tôi nữa và cũng không phải cống nạp cho tôi; hơn nữa, ông ấy cấm mọi hoạt động buôn bán ở Cao Miên trong vương quốc cũng như tại các hải cảng: tình trạng của Vương quốc Cao Miên là vậy. Tôi vui mừng cho Bộ hạ biết tên của các tỉnh; đó là Dong-nay [Đồng Nai], bị chiếm đoạt hơn 200 năm; nhưng gần đây hơn nhiều là Sài Gòn, Long-hô [Long Hồ], Psar dèc [Sa Đéc], Mithô [Mé Sô, Mĩ Tho], Pra-trépang [Trà Vinh], Ougmô'c [chưa rõ là địa danh nào hiện thời], Cremui'n sa [Krâmuôn Sô, Rạch Giá], Tû'c Khmâu [Cà Mau], Péém hay Hatien [Hà Tiên], các đảo Cô Trol [Koh Tral, 1 tên gọi khác của Koh Doot hoặc Koh Dud, Phú Quốc] và Trelach [Koh Trâlach, Côn Đảo]. Nếu tình cờ người An Nam dâng tặng Bộ hạ bất kỳ vùng nào trong số này, tôi cầu xin đừng nhận chúng vì chúng thuộc về Cao Miên. Tôi cầu xin Bộ hạ hãy thương xót tôi và người dân của tôi, để chúng tôi có thể chấm dứt những mất mát của mình và không bị ngột ngạt như trong vương quốc chật hẹp này. Nếu chúng tôi nhận được lợi ích này, chúng tôi sẽ có ý tưởng cao hơn về danh tiếng của ngài, điều này sau đó sẽ được xác minh tại đây. Người Pháp và người Cao Miên sẽ yêu thương nhau và sẽ duy trì giao thương liên tục trong tương lai.

266 – Hội Thừa sai Paris và chính trường Pháp

Vẫn cần thiết phải lùi lại xa hơn nữa để có thể hiểu thêm về lịch sử, tại sao chúng lại xảy ra như thế. Hãy quay lại với Alexandre de Rhodes hồi đầu thế kỷ XVII. Trước khi đến và gắn bó với miền đất, con người và ngôn ngữ Việt, ông đã trải qua nhiều năm ở Nhật Bản và China. Sau này có thể thấy ông gắn bó nhiều hơn với Việt nhưng dù sao, ông vẫn gộp tất cả những Nhật Bản China Việt đó lại dưới 1 cái tên chung là “phương Đông” mà ông muốn chinh phục toàn bộ để “đưa về qui phục Chúa Kitô”, la conquest de tout l’Orient pour l’assujettir à Jésus-Christ. Những người Việt ác cảm với ông thì gán cho ông cái tội muốn chiếm nước Việt cho người Pháp. May cho ông là ông đã không gắn bó với China hay Nhật Bản hay Triều Tiên cùng mức như vậy, bỏ mặc họ cho tới giờ ngôn ngữ vẫn không được latin hóa, bớt đi được cho ông nhiều kẻ thù cuồng tín. Thực ra công trạng lớn nhất của ông trong sứ mệnh rao giảng Tin Mừng là đã nhận ra được sự cần thiết phải phát triển hàng giáo phẩm bản địa, dẫn đến sự ra đời Hội Thừa sai Paris như thành quả sự vận động của ông cho đến tận cuối đời. Sứ mệnh của Hội Thừa sai Paris thoát đầu là chính cái “l’Orient” đó theo đúng ý nguyện của Alexandre de Rhodes, về sau mới phát triển có thêm Bắc Mỹ.

Ở 1 bối cảnh khác, sớm hơn nữa, do chuyến hải hành lần đầu tiên đi vòng quanh thế giới của Fernão de Magalhães mà đất nước Philippines theo Kitô giáo từ rất sớm, từ năm 1520 [ĐLSC số 112]. Nhận lời mời của Hội Thừa sai Paris, chắc là do lúc đó nguồn lực còn hạn chế, và lại sứ mệnh rao giao Tin Mừng cũng khác với việc các đế quốc phân chia lãnh thổ, các thừa sai Tây Ban Nha thuộc dòng Đa Minh [dòng của những người thuyết giáo, ordo praedicatorum hoặc OP, còn được gọi là Orden Dominicana, 1 dòng hành khất do Domingo de Guzmán thành lập từ thế kỷ XIII] đã từ Philippines sang đất Việt từ rất sớm, chủ yếu hoạt động ở Đàng Ngoài. Các thừa sai Tây Ban Nha này là những người rơi đầu sớm nhất, xem ĐLSC số 231, bao gồm các thánh tử đạo Mattheus Alonso Leciniana Đậu và Françoise Gil de Federich Tế năm 1745, Henricus (Jacintô) Castaneda Gia năm 1773. Cho đến trước năm 1850, thực ra là đến năm 1838, đã có những 11 thừa sai ngoại quốc, bao gồm 4 linh mục 2 giám mục người Tây Ban Nha dòng Đa Minh và 4 linh mục 1 giám mục người Pháp thuộc Hội Thừa sai Paris, trở thành thánh tử đạo, nhưng sự quan ngại của Hội Thừa sai Paris chỉ dấy lên kể từ sự việc liên quan đến giám mục Dominique Lefèbvre Ngãi, 1 giáo phẩm cấp cao bị bắt 2 lần vào năm 1844 và 1846. Và trong bối cảnh sự quan ngại dâng cao đó, giọt nước tràn ly là việc đầu của các linh mục Augustin Schoeffler Đông và Jean-Louis Bonnard Hương lần lượt rơi xuống liên tiếp tháng 05/1851 và tháng 05/1852.

Chưa rõ có 1 cơ cấu thứ bậc nào đó giữa các thừa sai ở Viễn Đông hay không, kiểu như các thừa sai ở Việt phải báo cáo về cho các thừa sai ở Nhật Bản [chắc là không], hay là theo 1 quan điểm có thể tạm gọi là “Thừa sai Paris ở tất cả các nước hãy đoàn kết lại”, [hay “Kitô hữu ở tất cả các nước hãy đoàn kết lại”, thành thật mà nói thì quan điểm này có lý hơn nhiều so với “vô sản toàn thế giới đoàn kết lại” của cặp đôi tự kỷ người Đức], chỉ 2 tháng sau vụ sát hại Bonnard Hương, tháng 07/1852 giám mục Théodore-Augustin Forcade (1816-1885), đại diện tông tòa Nhật Bản,

đã gửi 1 bức thư tới vua Napoléon III với những lời lẽ mạnh mẽ “pour lui demander d'arrêter les persécutions”, để nhà vua yêu cầu dừng các vụ đàn áp. Thư viết: “NOTE relative au protectorat des Missions de la Chine, remise par l'Evêque Vicaire Apostolique du Japon, au nom de sept autres évêques de Chine ou pays adjacents. Malgré la protection accordée par la France aux missions de la Chine, la persécution recommence dans cet empire, y arrête les progrès de nos missionnaires, et menace de détruire tous les fruits de leurs travaux”. [LƯU Ý liên quan đến quyền bảo hộ của các phái bộ ở China, do giám mục đại diện tông tòa Nhật Bản, thay mặt cho 7 giám mục khác từ China hoặc các nước lân cận đệ trình. Bất chấp sự bảo vệ của Pháp đối với các phái bộ ở China, cuộc đàn áp lại bắt đầu ở đế quốc này, ngăn cản bước tiến của các nhà truyền giáo của chúng tôi ở đó, và đe dọa phá hủy tất cả thành quả lao động của họ].



Hình 29: Gông khổng lồ đeo cho giám mục Pierre Dumoulin-Borie Cao, được trưng bày ở Paris từ 03/08/1843

Cũng nên biết rằng, Kitô hữu ở Nhật Bản cũng từng bị đàn áp từ thời thế kỷ XVI trước khi có Hội Thừa sai Paris, với tổng số 26 thánh tử đạo trong cùng 1 ngày 05/02/1597. Sau đó là hơn 2 thế kỷ ảm đạm cho đến khi khởi sắc trở lại. Không rõ khi giám mục Forcade viết rằng, “...on y parviendra sans aucun doute par une démonstration de force, puisque ce n'est qu'une fausse idée de notre faiblesse qui a enhardi les persécutions”, [yêu cầu ngưng đàn áp chắc chắn sẽ đạt được bằng cách phô trương vũ lực, vì đó chỉ là 1 ý tưởng sai lầm của những kẻ cai trị bản địa về sự yếu kém của chúng ta đã thúc đẩy các cuộc đàn áp đó], thì ông dựa trên những kinh nghiệm nào nhưng có thể coi ông là thuộc trường phái điều hâu và rõ ràng lập trường đó đã có ích cho sự thành công của sứ bộ Matthew Perry Hoa Kỳ ở vịnh Tokyo vào năm sau 1853 [ĐLSC số 258].

Trong bức thư nói trên, giám mục Forcade không có 1 từ ngữ nào cụ thể đề cập đến nước Việt. Khi đề cập tới China, giám mục Forcade đang đại diện cho Viễn Đông nói chung mà trong đó, 1 cách tự nhiên lấy China làm trung tâm. Thực tế đất nước China rộng lớn cũng chỉ có 2 thánh tử đạo thuộc Hội Thừa sai Paris là giám mục Gabriel-Taurin Dufresse từ hồi năm 1815 và linh mục Augustus Chapdelaine sẽ xảy ra vào năm 1856, không có trường hợp nào nằm trong khung thời gian liên quan đến bức thư. Lo lắng cho thành quả lao động của các thừa sai, giám mục Forcade thậm chí còn đề xuất 1 giải pháp với tên người thực hiện cụ thể: “le capitaine de vaisseau Rigault de Genouilly, qui a déjà commandé plusieurs années dans les mers de Chine, réunit ces qualités à un degré peu commun; les missionnaires seraient heureux de le voir placé à la tête de l'escadre”, thuyền trưởng Rigault de Genouilly, người đã chỉ huy 1 số tàu vốn ở vùng biển China là người kết hợp những phẩm chất này ở 1 mức độ khác thường; các thừa sai sẽ rất vui lòng khi thấy anh ta được đặt ở vị trí đứng đầu hải đội. Đề xuất này 6 năm sau sẽ thành hiện thực, nhưng có lẽ không phải do lời đề xuất mà là do thực tế nguồn nhân lực của hải quân Pháp.

Như vậy, trong khi các thừa sai trên đất Việt vẫn còn lấy “sự nhẫn nại và cái chết” để đương đầu với sự bức hại thì Kitô hữu trong khu vực đã hiệp thông lên tiếng cho họ từ sớm. Chỉ có điều những lên tiếng này phải nằm im nhiều năm trong 1 ngăn kéo nào đó, vì nước Pháp còn bận rộn với chiến tranh Krym và chiến tranh nha phiến.

Xét 1 góc nhìn khác, trong số 263 ĐLSC đã đề cập tới 1 nhân vật là Alphonse de Bourboulon, đại sứ Pháp đương thời tại China nhưng chưa biết tới sự sốt sắng và vai trò thực sự của người này. Hóa ra là, cũng sớm như giám mục Forcade, trong bối cảnh nội các Pháp đang có nhiều biến động nhưng vì bức xúc cho số phận của các thừa sai, Bourboulon đã gửi thư liên tiếp về cho các bộ trưởng ngoại giao: ngày 21/08/1852 gửi cho Édouard Drouyn de Lhuys, rồi ngày 23/09 cùng năm, tức là chỉ 1 tháng sau, lại gửi cho Louis Félix Étienne hầu tước Turgot, có lẽ vì thời gian tại nhiệm của những người này thay đổi nhanh quá còn thông tin thư từ giữa Paris và Macao thì lại chậm quá (Lhuys tại nhiệm 12/1848-06/1849 rồi 2 tuần 01/1851, đến lượt de Turgot tại nhiệm 10/1851-07/1852, sau đó lại là Lhuys 07/1852-05/1855).

Quan điểm của Bourboulon là, “je sais qu'ils le font à leurs risques et périls, que la France ne s'est pas engagée à les protéger dans leur aventureuse carrière; ils ne le demandent même pas; mais ils n'en sont pas moins français et, au point de vue de l'humanité, la France porte en fait, la responsabilité de ces attentats commis contre ses sujets”, tôi biết họ [các thừa sai] làm điều đó với rủi ro của riêng mình, rằng Pháp đã không cam kết bảo vệ họ trong sự nghiệp mạo hiểm của họ; họ thậm chí không yêu cầu nó; nhưng họ dù sao cũng là người Pháp và theo quan điểm của nhân loại, trên thực tế, nước Pháp phải chịu trách nhiệm về những cuộc tấn công nhằm vào thân dân của mình. Bourboulon cũng đồng thời quan ngại rằng, những gì đang xảy ra ở Việt, và tương tự là Triều Tiên, sẽ ảnh hưởng tới thái độ của China với Pháp.

Khổ 1 nổi, chính sách ngoại giao của Pháp thời kỳ này cực kỳ rối, bị chông chéo giữa bộ ngoại giao và bộ hải quân, đôi lúc lại đang mang 1 cái tên kết hợp là “bộ hải quân và thuộc địa”, ministère de la marine et des colonies. Bộ trưởng ngoại giao Alexandre Florian Joseph bá tước

Colonna-Walewski khi trao đổi với bộ trưởng hải quân đô đốc Ferdinand Alphonse Hamelin còn bối rối chưa biết ai sẽ là người thực thi cái sứ mệnh ngoại giao với Xiêm, 1 đại sứ hay 1 đô đốc: Je vous serais obligé de me faire savoir s'il est vrai, comme me le mande M. de Bourboulon qui tiendrait cette information de M. l'Amiral Laguerre lui-même, que cet officier-général ait reçu des pleins pouvoirs de S.M. pour négocier avec Siam. Si ce fait, dont mon Département n'a pas eu connaissance, était exact, il constituerait un malentendu regrettable, car S.M., sur la proposition de mon prédécesseur, avait, dès le 22 février 1854, signé les pleins pouvoirs qui autorisent M. de Bourboulon à suivre cette même négociation avec le royaume de Siam. “Tôi rất biết ơn nếu bạn cho tôi biết điều đó là sự thật, như ngài de Bourboulon người nhận được thông tin này từ chính đô đốc Laguerre nói với tôi, rằng viên tướng lãnh này đã nhận được toàn quyền từ hoàng thượng để đàm phán với Xiêm. Nếu sự thật này, mà Bộ của tôi không biết, là chính xác, thì nó sẽ tạo thành một sự hiểu lầm đáng tiếc, vì hoàng thượng, theo đề nghị của người tiền nhiệm của tôi, ngay từ ngày 22/02/1854, đã ký ủy quyền cho ngài de Bourboulon trong cùng cuộc đàm phán này với vương quốc Xiêm”.

Thực ra vấn đề là ở chỗ, dưới triều Napoléon III, các bộ bị thay bộ trưởng liên tục. Napoléon III chỉ duy nhất có mỗi cái tên là làm thỏa mãn vọng tâm cho người Pháp đương thời. Có thể dẫn chứng thêm về hội chứng Napoléon trong chính trường Pháp lúc đó: Mẹ đẻ của bộ trưởng ngoại giao Walewski, nữ bá tước Marie Walewski loan tin rằng ông chính là con hoang của Napoléon I mà dường như về sau kết quả ADN có xác nhận; 1 bộ trưởng trước đó tên là Louis Napoléon Lannes từng làm bộ trưởng hải quân; 1 bộ trưởng khác về sau chỉ tại nhiệm được có 3 tháng tên là Napoléon Daru, là con của 1 người con đỡ đầu của Napoléon I; 1 bộ trưởng hải quân khác là Napoléon-Jérôme Bonaparte, em họ của Napoléon III; rồi được kế nhiệm bởi 1 người sẽ quen thuộc với Sài Gòn sau này là Justin Napoléon Samuel Prosper hầu tước de Chasseloup-Laubat...

Tệ hơn nữa, ngoại giao của Pháp lại có vẻ như phần lớn là theo sự dẫn dụ của người Anh, ví dụ như lá thư, thời đó được coi là thư mật, đề ngày 04/08/1855, kèm theo là bản sao cái hiệp ước Anh – Xiêm mà John Bowring vừa mới đạt được, của bộ trưởng ngoại giao Anh George William Frederick Villiers bá tước Clarendon, thông qua đại sứ Anh tại Paris Henry Richard Charles Wellesley bá tước Cowley gửi cho bộ trưởng ngoại giao Pháp Walewski để thông báo rằng, “sir John Bowring understood from the Siamese Authorities that they were quite prepared to grant to France the same privileges as those conceded by the new Treaty to England”, ngài John Bowring đã hiểu từ các Nhà chức trách Xiêm rằng họ đã chuẩn bị sẵn sàng để trao cho Pháp những đặc quyền giống như những đặc quyền mà Hiệp ước mới đã dành cho Anh. Chiến tranh nha phiến cũng vậy, nước Anh đánh nhau với nhà Thanh trước, rồi sau đó Pháp mới tham gia theo.

Trong bối cảnh chông chéo, chắp vá và theo đuôi đó, cái sứ mệnh mà người đứng đầu có thể là Laguerre hoặc Bourboulon hoặc Courcy nhưng rốt cục là Montigny, được chuẩn bị hết sức tạm bợ, mục tiêu không rõ ràng. Thứ tự hành trình từ Xiêm đến Miên đến Việt không chỉ là 1 thứ tự về mặt địa lý mà còn là 1 thứ tự về tầm quan trọng. Đối với Montigny thì Đà Nẵng hay Huế chỉ là 1 “nhân tiện” trên 1 hành trình dài, cho dù để phát triển quan hệ ngoại giao hay để can thiệp để

bảo trợ tự do tôn giáo. Hội đồng về vấn đề Đàng Trong, la commission de la Cochinchine được lập ra về sau, là bằng chứng và cũng là kết quả của tình trạng đó.

Sẽ đóng vai trò đưa nước Việt tiếp cận với phương Tây, nhưng nước Pháp là nước kém tư cách nhất và sẽ thực hiện vai trò này theo 1 cách hết sức tồi tệ.

267 – Sứ mệnh Montigny qua góc nhìn Cao Miên

Góc nhìn Việt đã cho thấy, ĐLSC số 266, trong hành trình Xiêm – Miên – Việt của sứ bộ Montigny, điểm đến Việt đứng chót không chỉ về mặt địa lý mà cả về tầm quan trọng và mức độ chuẩn bị cho nó. Bây giờ sẽ đến 1 góc nhìn Miên, thông qua 1 tài liệu tên là “Les prémices des relations politiques entre le Cambodge et la France vers le milieu du XIXe siècle”, Sự khởi đầu của quan hệ chính trị giữa Cao Miên và Pháp khoảng giữa thế kỷ XIX, 1 khảo cứu của 1 học giả người Pháp tên là Pierre Lamant, 1926-2007.

Theo Pierre Lamant thì không kể những thông tin riêng của việc truyền giáo, 1 cách chính thống phải đến tận năm 1849 ở Pháp mới xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên về Cao Miên “như 1 lợi ích chính trị có liên quan”, nói 1 cách khác đến tận lúc đó Pháp mới biết đến Cao Miên. Dấu hiệu đầu tiên này chính là bức thư của giám mục Jean-Claude Miche gửi cho lãnh sự Pháp ở Singapore. Trước đó thì những con tàu Cao Miên mà người Pháp nhìn thấy ở Singapore thường bị lẫn lộn với những con tàu của Đàng Trong. Trái ngược với kiểu quan hệ Tây – Đông thông thường, trong khi Pháp còn chưa biết đến sự hiện diện của Cao Miên thì vua Cao Miên đã muốn kêu gọi sự giúp đỡ của phương Tây rồi:

Un extrait de la missive de l'évêque apporte des précisions: rapportant les circonstances de son arrivée au Cambodge, il décrit sa réception par le roi Ang Duong, la simplicité et la cordialité de ce dernier. Le souverain désire attirer des commerçants français et envoyer des Cambodgiens étudier en France. Il a demandé au prélat d'écrire pour lui au roi de France, mais Mgr Miche se dérobe, n'étant pas un personnage officiel, et lui suggère d'écrire lui-même, s'engageant à traduire ses propos. Intrigué par cet accueil et ces ouvertures, le missionnaire finit par comprendre, quand la reine mère lui déclare: "La présence des Européens ici fera peur aux Annamites", [1 đoạn trích từ bức thư của vị giám mục cung cấp thêm chi tiết: liên quan đến hoàn cảnh khi ông đến Cao Miên, nó mô tả sự tiếp đón ông bởi vua Nặc Ong Giun, sự giản dị và thân tình của vua sau này. Quốc vương muốn thu hút các thương nhân Pháp và gửi người Cao Miên sang Pháp học. Quốc vương yêu cầu giám mục viết cho mình để gửi cho vua Pháp, nhưng giám mục Miche từ chối, không phải là 1 nhân vật chính thức, và đề nghị quốc vương tự viết, cam kết dịch lời của quốc vương. Bị hấp dẫn bởi sự chào đón này và những thay đổi này, cuối cùng nhà truyền giáo đã hiểu ra, khi thái hậu nói với ông: "Sự hiện diện của người châu Âu ở đây sẽ khiến người An Nam sợ hãi"]].

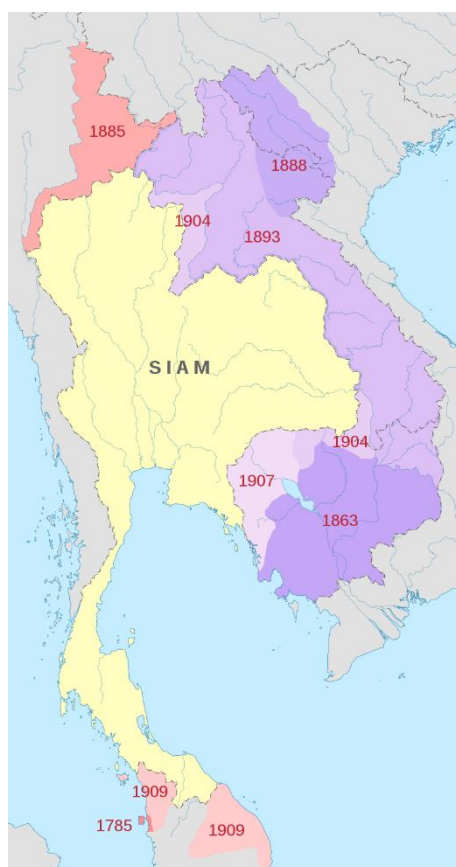
Về vua Cao Miên Nặc Ong Giun, Pierre Lamant mô tả như sau:

Placé sur le trône grâce au concours d'une armée siamoise, envoyée par Bangkok à la suite d'une requête d'un groupe de dignitaires soutenus par le peuple, il était, depuis le traité de 1845, qui confirmait son pouvoir, vassal à la fois du Siam et du Việt Nam. C'était la condition pour mettre fin aux empiétements des uns et des autres et surtout pour arrêter le processus de vietnamisation, prélude à l'annexion pure et simple de ce qu'il restait encore de ce royaume, autrefois si puissant. Souverain sous surveillance, notamment de la part du Siam, Ang Duong ne se faisait aucune

illusion quant à l'avenir. L'accord de 1845 n'était qu'une mise en sommeil provisoire des appétits des deux redoutables voisins et durerait, dans le meilleur des cas, jusqu'à sa mort. Pour faire obstacle au démantèlement de son royaume et retrouver son indépendance, il pensait à intéresser à son pays et à ses problèmes une puissance européenne. Nul doute qu'il fut un temps intéressé par l'Angleterre, mais la présence à ses côtés de Mgr Miche, avec lequel il entretenait des relations cordiales, l'a probablement fait pencher en faveur de la France. [Lên ngôi nhờ sự trợ giúp của 1 đội quân Xiêm được gửi đến từ Bangkok theo yêu cầu của 1 nhóm chức sắc được người dân ủng hộ, kể từ hiệp ước năm 1845 ông đã được khẳng định quyền lực của mình, là chủ hầu của cả Xiêm và Việt Nam. Đó là điều kiện để chấm dứt sự xâm lấn của người này với người khác và nhất là chấm dứt quá trình Việt Nam hóa, mở đầu cho sự thôn tính thuần túy và đơn giản những gì còn sót lại của vương quốc từng hùng mạnh này. Cai trị dưới sự giám sát, đặc biệt là từ Xiêm, Nặc Ong Giun không hề ảo tưởng về tương lai. Thỏa thuận năm 1845 chỉ là 1 giấc ngủ tạm thời đối với sự thèm muốn của 2 người hàng xóm ghê gớm và sẽ kéo dài, trong trường hợp tốt nhất, cho đến khi ông qua đời. Để ngăn chặn sự tan rã của vương quốc của mình và giành lại độc lập cho nó, ông đã nghĩ đến việc mang lại cho đất nước và các vấn đề của mình 1 cường quốc châu Âu. Không nghi ngờ gì nữa, ông đã có lúc quan tâm đến nước Anh, nhưng sự hiện diện bên cạnh ông của Đức Cha Miche, người mà ông có mối quan hệ thân tình, có lẽ đã khiến ông nghiêng về Pháp].

Những lời kêu gọi của Cao Miên với Pháp dường như bị rơi vào khoảng không mất vài năm do lỗi làm việc của bộ ngoại giao Pháp, mà Pierre Lamant mô tả 1 cách hóm hỉnh là “prisonnier d'un admirable formalisme”, tù nhân của 1 chủ nghĩa hình thức đáng ngưỡng mộ: thư từ bị thất lạc, quà cáp bị chậm trễ... Nhưng cũng có thể sự chậm trễ này là đến từ thái độ chùng mịch của giám mục Miche: De plus le général commandant les troupes siamoises stationnées dans le royaume surenchérit en souhaitant nettement une attaque d'une escadre française en Cochinchine, proposant même de faire intervenir ses contingents laotiens. Mais Mgr Miche conclut: "Je désire pour notre tranquillité et celle des néophytes que la France ne fasse aucune démonstration". Rescapé des geôles cochinchinoises, sachant la faiblesse du roi, l'éloignement et le manque d'intérêt de la mère patrie, il tient avant tout à conserver au Cambodge son caractère de refuge et de havre de paix. Il fut sans effort écouté par les responsables politiques qui avaient alors d'autres préoccupations. [Ngoài ra, vị tướng chỉ huy quân Xiêm đóng tại vương quốc này còn thêm vào bằng cách rõ ràng mong muốn 1 cuộc tấn công của 1 hải đội Pháp vào Đàng Trong, thậm chí còn đề xuất đưa quân đội Lào của ông ta vào. Nhưng giám mục Miche kết luận: "Tôi mong muốn cho hòa bình của chúng ta và của những giáo dân tân tòng rằng Pháp sẽ không thực hiện bất kỳ 1 cuộc biểu dương lực lượng nào". Sống sót khỏi các nhà tù Đàng Trong (giám mục Miche từng bị bắt năm 1842 ở Phú Yên và được tàu Heroïne giải cứu năm 1843), hiểu rõ sự yếu kém của nhà vua (ý nói vua Thiệu Trị), sự xa xôi và thiếu quan tâm của nước mẹ (ý nói nước Pháp), trên tất cả, vị giám mục lo lắng giữ gìn tính cách tị nạn của mình và thiên đường hòa bình ở Cao Miên. Ông thuyết phục 1 cách dễ dàng các chính trị gia sau đó có những mối quan tâm khác].

Quả thật sẽ chẳng hay ho gì nếu vua Pháp nghe lời vua Miên để cùng vua Xiêm kéo nhau đi đánh vua Việt, mà Napoléon III thì có thể sẽ nhẹ dạ như vậy lắm..., vị giám mục rõ ràng đã lường trước được những hậu quả. Hơn nữa, có lẽ khi đã gặp và nhìn thấy ở Montigny những biểu hiện ấu trĩ ngoại giao nào đó, giám mục Miche đã phải lựa chọn, tiếp tục “sứ mệnh gìn giữ hòa bình Việt-Miên” của mình bằng cách đi theo sứ bộ Montigny, mặc dù vai trò hiển nhiên của ông là đang ở Cao Miên. Đoạn kết của sứ bộ Montigny có chuyện giám mục Pellerin đang ở dưới đất Việt lên tàu Pháp rồi không xuống được nữa, đành phải theo tàu về Pháp, nhưng không thấy tài liệu nào đề cập lúc đó giám mục Miche đi hay ở. Chắc là cũng phải đi nhưng bằng cách nào đó ông đã quay lại được Cao Miên nơi luôn chào đón ông. Câu chuyện của giám mục Miche còn hấp dẫn về sau này, cho đến khi ông qua đời năm 1873 tại Sài Gòn, cũng được an táng bên cạnh Bì Nhu quận công Bá Đa Lộc ở Lăng Cha Cả.



Hình 30: Xiêm nhượng lãnh thổ cho Anh và Pháp theo từng năm, Wikipedia

[Có 1 điều lạ, không hiểu tại sao về sau này sử sách lại cho rằng, “in 1856, at the instigation of French diplomat Louis-Charles de Montigny, Father Miche tried unsuccessfully to get the Cambodian king, Duong, to accept French help in ridding Cambodia of Siamese domination”, vào năm 1856, dưới sự xúi giục của nhà ngoại giao Pháp Louis-Charles de Montigny, Cha Miche đã cố gắng không thành công để khiến vua Cao Miên, Giun, chấp nhận sự giúp đỡ của Pháp

trong việc gỡ Cao Miên khỏi ách thống trị của Xiêm, xem Britannica mục từ Jean-Claude Miche. Điều này hoàn toàn trái ngược với thực tế].

ĐLSC số 265 đã nói về 1 bức thư song ngữ Miên-Pháp viết ngày 25/11/1856, nhưng dường như trước đó, ngày 14/06/1853, giám mục Miche đã giúp phiên dịch 1 bức thư khác, gửi cho lãnh sự Pháp ở Singapore Frédéric Gautier. Bức thư này hiện bị thất lạc cho nên chỉ có toàn là những phỏng đoán về nó. Pierre Lamant 1 mặt chê bai lẽ lối làm việc của ngoại giao Pháp, mặt khác đã có những phỏng đoán tinh tế: *Étant donné la situation du roi, surveillé par ses suzerains, contrôlé de près, dans son palais même, par des mandarins siamois, il ne pouvait que s'abandonner à des banalités, parler d'admiration, de sympathie, de son désir d'entretenir des relations officiellement commerciales. Encore ces banalités étaient-elles dangereuses, puisqu'il fallut bien des ruses pour les faire parvenir à destination.* [Trước tình hình của nhà vua, bị các chúa tể của ông ta theo dõi, kiểm soát chặt chẽ, trong chính cung điện của ông ta, bởi các quan lại Xiêm, ông ta chỉ có thể tận hưởng những điều tầm thường, nói lên sự ngưỡng mộ, sự cảm thông và ước muốn của mình duy trì quan hệ thương mại chính thức. Tuy nhiên, những điều tầm thường này thật nguy hiểm, vì phải mất rất nhiều thủ thuật để đưa họ đến đích]. Có lẽ phần nào, chỉ phần nào thôi, mỗi ác cảm với người Việt cũng là từ đó mà ra, bởi vì nhà vua không thể bày tỏ lộ liễu mỗi ác cảm với người Xiêm được.

Không khó khăn gì lắm, khảo cứu của Pierre Lamant nhận ra rằng người Xiêm luôn thể hiện ra với sứ bộ Montigny, coi mình là chủ của Cao Miên: “une lettre du 22 octobre, écrite à Kampot, parle des productions du Cambodge et de son commerce présenté comme dépendant du Siam, l'auteur précise ‘le roi de Siam et du Laos est suzerain du Cambodge’, 1 bức thư đề ngày 22/10 [1856, không rõ của ai nhưng gửi cho sứ bộ], được viết bằng tiếng Kampot, nói về các sản phẩm của Cao Miên và nền thương mại của nó được trình bày là phụ thuộc vào Xiêm, tác giả [của bức thư] nhấn mạnh ‘vua của Xiêm và Lào là chúa của Cao Miên’ [Xiêm và Lào còn được gộp chung lại coi như là 1 nước]. Điều này giải thích tại sao Montigny cảm thấy không cần bàn bạc gì với vua Cao Miên về hiệp ước chính trị hay thương mại gì hết, mà coi là đủ rồi chỉ gửi cho vua Cao Miên 1 bản “quy ước” mà thôi, lưu ý rằng Montigny còn ký sẵn 1 bên cái “quy ước” này và yêu cầu vua Cao Miên ký bên kia như những đối tác ngang hàng, [chủ nghĩa hình thức của ngoại giao lại trốn đầu mắt trong trường hợp này!?!]. Việc vua Xiêm cử gián điệp đi theo Montigny sang Cao Miên cũng vậy, “ses rapports révèlent que dès le début des conversations il a compris que le roi Mongkut et ses ministres savaient, avant son arrivée, qu'il devait faire un arrêt au Cambodge, qu'ils s'inquiétaient beaucoup de son motif et imaginaient derrière les justifications officielles — embarquement de Mgr Miche, règlement d'affaires sans importance, problème des présents de l'empereur — des intentions cachées et jugées menaçantes pour la suzeraineté siamoise”, các báo cáo của ông [của Montigny] tiết lộ rằng ngay từ khi bắt đầu các cuộc trò chuyện, ông đã hiểu rằng vua Mongkut và các thượng thư của ông đã biết, trước khi ông đến, rằng ông phải dừng lại ở Cao Miên, rằng họ rất lo lắng về động cơ của ông và hình dung đằng sau những lời biện minh chính thức - bắt tay của Đức cha Miche, giải quyết công việc kinh

doanh không liên quan, vấn đề quà tặng của hoàng đế - những ý định ẩn giấu và được coi là mối đe dọa đối với quyền thống trị của Xiêm [đối với Cao Miên].

Sau này sử sách, từ góc nhìn Xiêm, đánh giá rất cao vua Mongkut trong việc quân bình ảnh hưởng của Anh và Pháp, giữ được độc lập cho Xiêm, thậm chí vẫn duy trì được ảnh hưởng trên Cao Miên bất chấp thực tế quyền bảo hộ của Pháp đối với vương quốc này. Theo Pierre Lamant thì “connaissant mal leur psychologie et trompé par l'apparente sympathie que Mongkut et ses ministres manifestaient à son égard et à celui de sa famille, eut-il tort de solliciter leur aide et de demander une lettre de recommandation du roi auprès de Ang Duong”, biết rất ít về tâm lý của họ và bị lừa dối bởi sự đồng cảm rõ ràng mà Mongkut và các quan đại thần của ông ta thể hiện đối với bản thân và gia đình, Montigny đã sai khi tìm kiếm sự giúp đỡ của họ và yêu cầu 1 lá thư giới thiệu từ vua Xiêm tới Nặc Ong Giun. [Lamant cũng không quên lưu ý, sứ bộ của Montigny khá kỳ quặc, “accompagné par son épouse, ses deux filles, sa belle-mère et sa belle-sœur”, bao gồm cả người phối ngẫu, 2 cô con gái, mẹ vợ và chị vợ của ông ta, rong rã từ Pháp qua China rồi về Pháp rồi bây giờ đi Xiêm, chuyến từ China về Pháp còn bao gồm “une ménagerie, collection d'animaux rassemblée en Chine”, 1 trại chăn nuôi, bộ sưu tập những động vật gom góp được ở China. Hãy hình dung cái đội hình phong phú này ngồi đợi ngài đại sứ trên tàu Marceau trong vịnh Đà Nẵng].

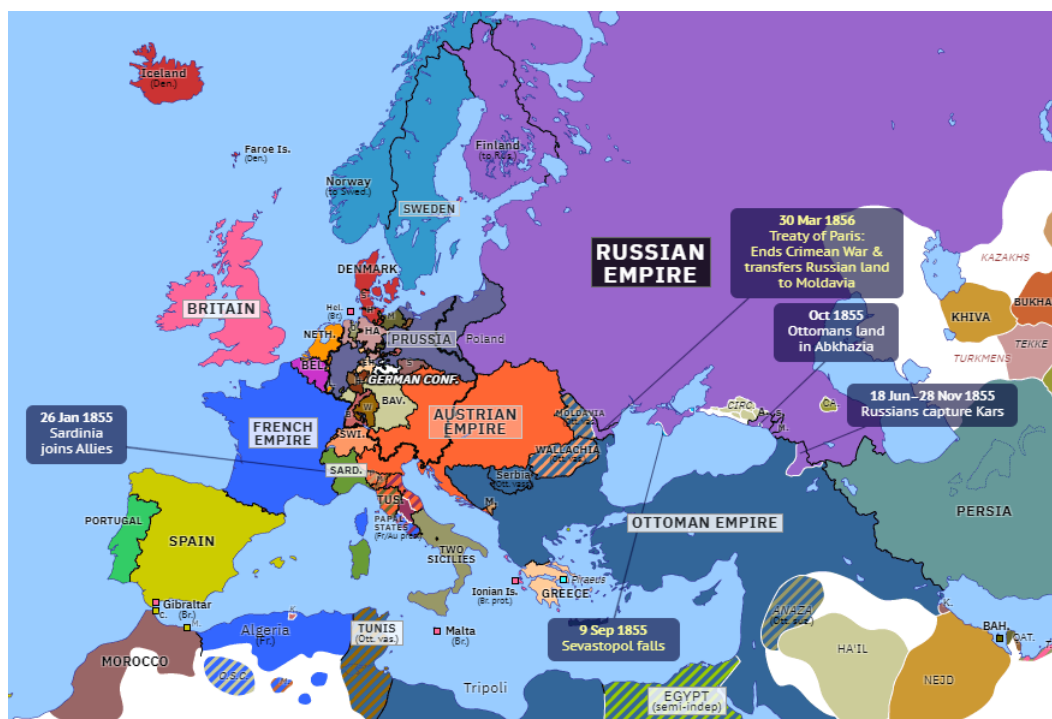
Liên quan đến việc xúi Pháp giành đảo và đất của Việt cho Miên, Pierre Lamant cho rằng điều này khởi nguồn chính là từ người Xiêm chứ không phải vua Nặc Ong Giun: “Les Siamois, tout en prenant leurs précautions pour s'assurer l'obéissance du vassal khmer, songèrent apparemment à profiter des circonstances pour utiliser la France à la fois comme rempart contre le Viêt Nam et comme contrepoids à l'influence anglaise, précieuse certes, mais probablement mal supportée certains jours. Car comment interpréter autrement l'insistance du Kalahom (Premier ministre et ministre de la Guerre) ou du Phra Khlang (ministre des Affaires étrangères) pour persuader le consul de prendre possession de l'île de Koh-doot, au large de Kampot, excellente position stratégique, un moment convoitée par l'Angleterre, mais présentement arrachée au Cambodge par les Vietnamiens”. Người Xiêm, trong khi đề phòng để đảm bảo sự tuân phục của chư hầu Khmer, dường như đã nghĩ đến việc lợi dụng hoàn cảnh để sử dụng Pháp vừa như 1 bức tường thành chống lại Việt Nam, vừa làm đối trọng với ảnh hưởng của Anh, có thể không phải mọi nơi mọi lúc nhưng chắc chắn là quý giá. Bởi vì còn cách nào khác để diễn giải sự khăng khăng của Kalahom (Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Chiến tranh) hay Phra Khlang (Bộ trưởng Bộ Ngoại giao), [tiếng Pháp hiện đại cho các chức vụ trong triều đình Xiêm] thuyết phục viên lãnh sự chiếm đảo Phú Quốc, ngoài khơi Kampot, vị trí chiến lược tuyệt vời, 1 thời điểm mà Anh thêm muốn, nhưng hiện đang bị tách ra khỏi Cao Miên bởi người Việt.

So với triều đình Xiêm và triều đình Miên, 1 coi như ngang hàng và 1 chỉ ở chiều dưới, triều đình Việt quả thật là échec ngôi đấng giềng.

268 – Chiến tranh Krym và chiến tranh thuộc phiên

Chiến tranh Krym:

Có thể là sau khi Hi Lạp giành được độc lập từ Thổ Nhĩ Kỳ, mà việc này có phần nào sự đóng góp của Nga trong đó [trận hải chiến Navarino ngày 20/10/1827, liên quân Anh-Pháp-Nga đánh bại liên quân Thổ Nhĩ Kỳ-Ai Cập], sau đó nữa lại đến thời kỳ đầy biến động năm 1848 ở châu Âu, Nga hoàng Nikolai I cho rằng đã đến lúc nước Nga cần đóng vai cường quốc. Để khuếch trương thanh thế và lấy hậu thuẫn trong cộng đồng Chính thống giáo Đông phương, Eastern Orthodox, ở bán đảo Balkan, lấy lý do các Kitô hữu đang bị bách hại trong đế quốc Hồi giáo Ottoman, Nga tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kỳ tháng 10 năm 1853.



Hình 31: Châu Âu năm 1856

Cùng là Kitô hữu nhưng nhánh Orthodox của Nga lại khác với Roman Catholic của Pháp và Anglicanism của Anh. Cả 2 nước này đều không hài lòng với thế lực đang lên của Nga, cho nên thế trận liên minh của 26 năm về trước đã bị thay đổi: sau 1 vài nỗ lực hòa giải bất thành, Anh và Pháp đứng về phía Thổ Nhĩ Kỳ để tuyên chiến với Nga.

Về mặt kỹ thuật, chiến tranh Krym được sử sách coi là cuộc chiến tranh “hiện đại” đầu tiên: khả năng sát thương tăng mạnh nhờ vào việc sử dụng phổ biến đạn nổ có vỏ [shell gun, 1 phát minh của Paixhans từ năm 1823], khả năng cơ động tăng cao nhờ vào việc vận chuyển binh lính và hậu cần bằng đường sắt với đầu máy hơi nước [steam power railways, 1 phát minh của Stephenson được áp dụng từ năm 1830], thông tin liên lạc được thực hiện thông qua hệ thống điện tín [telegraphs, 1 phát minh của Morse vào năm 1844].

Chiến tranh Krym kết thúc sẽ để lại những ảnh hưởng sâu sắc nhất cho 2 nước tham chiến là Nga và Pháp: Là bên thua cuộc, nước Nga sẽ chịu nhiều khủng hoảng và xáo trộn, vỡ mộng giữa thực tế lạc hậu và tham vọng cường quốc, giới tinh hoa Nga bối rối và trăn trở, 1 mặt sẽ sản sinh ra những Tolstoy và Tchaikovsky với những tác phẩm nổi tiếng về sự trăn trở, mặt khác bị kích động, sẽ trở thành miếng đất tốt cho những tư tưởng độc hại sớm nảy mầm về sau này. Là bên thắng cuộc nhưng nước Pháp cũng vỡ mộng khi nhận ra những thua thiệt và yếu kém của mình, dẫn đến tình trạng Napoléon bản sao, Napoléon cháu sẽ cố gắng để tự phình to mình ra cho giống với ông bác của mình, Napoléon bản chính.

Chiến tranh thuốc phiện:

Tuy đắm chìm trong lạc hậu và hỗn loạn nhưng đất China rộng lớn lại sản xuất ra rất nhiều các mặt hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của thế giới, giữa thế kỷ XIX đã vậy và bây giờ cũng vẫn vậy. Để duy trì tình trạng thương mại đó thì các thương nhân phải có 1 mặt hàng gì đó, có giá trị và có khối lượng lớn, để chuyển ngược về China. Hiện chưa rõ lắm vì lý do gì và phát triển như thế nào mà trong bối cảnh giữa thế kỷ XIX, cái mặt hàng nổi lên, cần thiết để cân bằng thương mại với China lại chính là thuốc phiện. Ngẫu nhiên Ấn Độ lúc đó đang thuộc Anh lại là thiên đường trồng cây thuốc phiện, cho nên nghiêm nhiên các thương nhân người Anh trở thành người hưởng lợi nhiều nhất trong việc buôn bán thuốc phiện với China. Đúng sau, và có lẽ cũng không cách xa nhau lắm với các thương nhân người Anh tất nhiên là các thương nhân China, vì họ khổng chế mạng lưới phân phối.



Hình 32: Minh họa 1 "ổ thuốc phiện" ở Pháp

Được con người biết đến từ hàng ngàn năm trước, công bằng mà nói thì thuốc phiện từng đóng 1 vai trò tích cực về mặt y học và giải trí, từ cổ chí kim từ Đông sang Tây. Tất nhiên là con người cũng rất sớm biết đến mặt trái của nó và có nhiều những nỗ lực để hạn chế tác hại đó, thông qua các ước thúc của xã hội, của tôn giáo, và thậm chí cả của hệ thống chính trị và luật pháp.

Chưa rõ việc sử dụng thuốc phiện ở China tăng đột biến như thế nào, chỉ biết rằng đương thời, dường như là mọi tầng lớp xã hội đều sử dụng thuốc phiện, kể cả “người anh hùng chống thuốc phiện” của triều đình nhà Thanh khâm sai đại thần Lâm Tắc Từ, người mà vua Minh Mạng biết rõ “cái dọc tẩu hút thuốc phiện của Lâm Tắc Từ nạm toàn bằng vàng” [xem ĐLSC số 238]. Thực tế sử dụng thuốc phiện trên phạm vi toàn thế giới sau đó cũng, bằng 1 cách nào đó, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thực tế di cư của người Hoa, từ các nước lân cận như Xiêm như Miến như Việt cho đến những nước xa xôi như Anh hay Hoa Kỳ, tạo ra 1 thuật ngữ mới trên toàn thế giới là “ô thuốc phiện”, the opium den, nơi không những bán thuốc phiện mà còn có cả dịch vụ chăm sóc việc hút tại chỗ, luôn luôn do người gốc China quản lý và vận hành. [Tình trạng này sang thế kỷ XX đã đi vào thoái trào khi mà công nghệ chế biến và cách thức tiêu dùng thuốc phiện hoàn toàn thay đổi, từ hút chuyển sang chích hoặc ăn nhai và trở thành bất hợp pháp].

Thoạt đầu thì nhà Thanh có hưởng lợi từ việc buôn bán thuốc phiện như là thương mại phát triển, nhưng sau đó thì nạn chảy máu bạc, việc thất thu thuế và đặc biệt là nạn buôn lậu câu kết với sự tham nhũng của đám quan lại địa phương đã khiến triều đình nhà Thanh lo lắng. So với nhiều đại thần đương thời đề nghị hợp pháp hóa để tăng thu thuế thuốc phiện, không biết Lâm Tắc Từ đã trình bày những gì và như thế nào để mà được vua Đạo Quang lựa chọn cho cương vị khâm sai đại thần tiết độ thủy sư đặc trách thi hành lệnh cấm thuốc viện, chỉ thấy đồn đãi rằng trước đó, người vốn hút thuốc phiện bằng ống điếu bằng vàng ròng này, “7 ngày ra vào cung cấm 8 lần”, cũng có tài liệu nói là những 19 lần, để bàn bạc kế sách với nhà vua. Britannica viết về chiến tranh thuốc phiện như sau:

“Yet when Lin, one of the most experienced and best-informed men of his day, went to Canton, he had no idea that his success in stopping the opium trade would only open up his country to the humiliating and ruinous penetration by foreign interests that was to hasten its downfall. He simply drew on the precedents of generations of officials whose policy against the Central Asian tribes had been to play them off against each other and to whom commercial considerations were somewhat petty matters; he did not comprehend the significance of the British demands for free trade and international equality, which were based on their concept of a commercial empire. This concept was a radical challenge to the Chinese world order, which knew only an empire and subject peoples”.

[Tuy nhiên khi Lâm, 1 trong những người có kinh nghiệm và thông tin tốt nhất trong thời đại của mình, đến Quảng Đông, ông không hề biết rằng thành công của mình trong việc ngăn chặn buôn bán thuốc phiện sẽ chỉ mở đất nước của ông ra trước sự xâm nhập nhục nhã và tàn phá của các lợi ích nước ngoài, là để đẩy nhanh sự sụp đổ của nó. Ông chỉ đơn giản là dựa trên tiền lệ của các thế hệ quan chức những người có chính sách chống lại các bộ lạc Trung Á là đấu tay đôi với họ

còn quan tâm thương mại với ai đó là chuyện vặt; ông không hiểu được tầm quan trọng của những yêu cầu của người Anh đối với thương mại tự do và bình đẳng quốc tế, vốn dựa trên khái niệm của họ về 1 đế chế thương mại. Khái niệm này là 1 thách thức triệt để đối với trật tự thế giới của China, vốn chỉ biết đến 1 đế chế và các chư hầu]. Các tài liệu phương Tây khác khi nói về cuộc chiến này cũng thường viện dẫn ngược đến kinh tế học của Adam Smith hay việc đặc sứ Anh William Pitt bá tước Amherst bị trục xuất năm 1816 vì từ chối quỳ lạy, như những ví dụ cho sự khác biệt giữa quan niệm về thương mại tự do của quốc tế và quan niệm về trật tự thế giới của China.

Nhận nhiệm sở đầu năm 1839, việc đầu tiên của Lâm Tắc Từ là đốt hủy 20 ngàn thùng, tương đương 1 ngàn tư tấn thuốc phiện tại kho của người Anh ở Quảng Đông. Cũng những nhằng cho đến giữa năm sau, bao gồm cả mâu thuẫn giữa các thương nhân Anh có buôn hay không buôn thuốc phiện và mâu thuẫn giữa các đảng phái tranh luận với nhau ở quốc hội Anh, tháng 6 năm 1840 tàu chiến Anh mới bắt đầu tấn công cảng Định Hải ở vịnh Hàng Châu. Thất bại rất chóng vánh, tháng 8 năm 1842 China buộc phải ký với Anh hiệp ước Nam Kinh, *treaty of Nanking*, với những nghi lễ long trọng, Hong Kong được nhượng vĩnh viễn cho Anh, China phải bồi thường chiến phí 21 triệu USD và trao cho Anh qui chế tối huệ quốc, *most favoured nation MFN*.

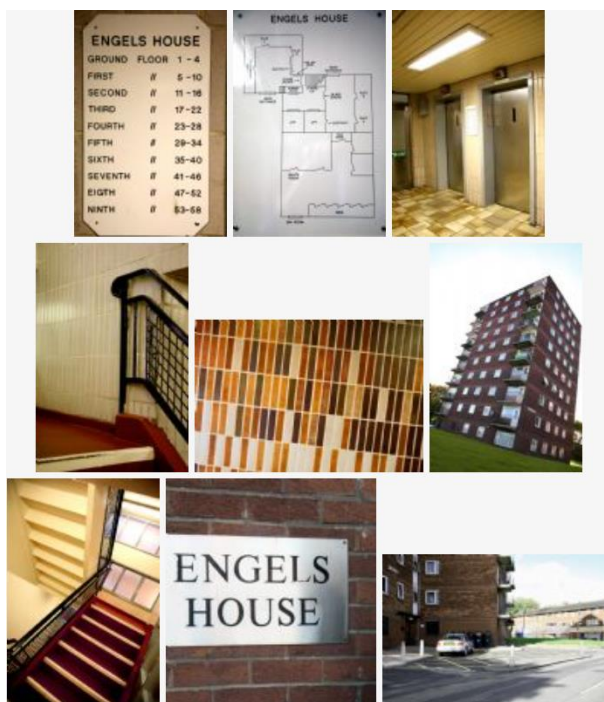
Tất nhiên là bên thua cuộc sẽ không hài lòng, nhưng ở đây trong trường hợp này cả bên thắng cuộc và các bên khác ngoài cuộc cũng vậy. Chiến cuộc không ngừng hằn mà lúc căng lúc chùng nơi này nơi khác, để rồi lại lên tới đỉnh cao vào khoảng năm 1856, khi mà Anh đang gặp 1 số khó khăn nội bộ, ngay từ trong quốc hội ra bên ngoài tới tận cuộc binh biến ở Ấn Độ. Dường như Anh muốn lôi kéo các đồng minh phương Tây nhưng dễ hiểu là họ chẳng đại dột gì, những gì người Anh nỗ lực để đạt được ở China thì các nước phương Tây khác cũng dễ dàng đòi hỏi điều tương tự. Tuy vậy, có thể thấy là Pháp khá sát cánh với Anh trong những diễn biến tiếp theo, điều này được lý giải bởi việc triều đình nhà Thanh vừa bách hại linh mục Auguste Chapdelaine thuộc Hội Thừa sai Paris, tháng 2 năm 1856.

So với năm 1840-1842 thì chiến cuộc lần này ác liệt hơn nhiều, năm 1858 Quảng Châu thất thủ, tổng đốc Diệp Danh Sâm bị bắt làm tù binh đầy tuốt sang Ấn Độ. Ở phía Bắc thì pháo đài Đại Cô ven biển Bột Hải, là cửa ngõ của Thiên Tân và Bắc Kinh, bị tấn công những 3 lần, đến năm 1860 thì Bắc Kinh thất thủ, vua Hàm Phong bỏ chạy, vượt qua cả vạn lý trường thành về tới tận đất Mãn Châu, em trai vua là Ái Tân Giác La phải thay mặt vua ký kết điều ước Bắc Kinh [*convention of Peking*, sở dĩ chỉ là điều ước thôi vì trước đó đã có hiệp ước Thiên Tân, *treaty of Tianjin* 1858, nhưng nhà Thanh không chịu phê chuẩn], chấp nhận hiệp ước Thiên Tân 1858, việc buôn bán thuốc phiện được hợp pháp hóa.

Đối với Pháp, nếu như chiến tranh Krym 1853 là sự thúc giục đối với nước Pháp vào cuộc chạy đua với các cường quốc, thì các cuộc chiến tranh nha phiến 1840-1860 thật tiện lợi cho Pháp để tùy tình hình thực tế, điều động lực lượng hoặc học hỏi kinh nghiệm từ chiến trường này sang cho chiến trường kia, từ China qua Đàng Trong và ngược lại.

269 – Đêm trước của la Siège de Tourane

ĐLSC số 249 đã đề cập tới Bund der Kommunisten và cái tuyên ngôn của đôi bạn tự kỷ. Trong bối cảnh nhiều biến động năm 1848 ở châu Âu, nếu gạt sang 1 bên những sự kiện ở thượng tầng, bao gồm cả những thay đổi về đường biên giới và sự ra đời của những quốc gia mới, thì hầu hết những gì có tính chất bạo loạn ở dưới đáy xã hội đều có thể truy nguyên về cái liên đoàn đầy tai tiếng đó. Những nhân vật nòng cốt của liên đoàn gồm 13 người đã bị chính phủ Phổ đưa ra xét xử tại Cologne năm 1852 với kết cục: 1 bỏ trốn khi đang chờ xét xử [Freiligrath], 1 chiêu hồi tố cáo các bạn khác [Haupt], 7 bị kết án có tội với các mức tù giam khác nhau [Becker, Bürgers, Lessner, Nothjung, Otto, Reiff, và Röser] và 4 được tuyên trắng án [Daniels, Klein, Ehrhard, và Jacobi], liên đoàn bị giải thể. Lưu ý rằng, mặc dù là tác giả của cái tuyên ngôn của liên đoàn, đôi bạn tự kỷ lại không nằm trong danh sách 13 người nòng cốt bị truy tố này. [Các tài liệu về sau tán thêm rằng, Marx in effect directed the defense from London, exposing the methods of the prosecution, Marx thực tế đã chỉ đạo việc biện hộ từ xa, từ tuốt London, bằng cách vạch trần các biện pháp truy tố?!].



Hình 33: Điều tra của Salford Star về bất động sản của công ty Ermen and Engels Victoria Mill ở Salford

Không còn tổ chức nào để mà tham gia, cuộc sống của đôi bạn tự kỷ này trở nên hơi kỳ quặc, 1 người thì loay hoay viết báo, không thành công lắm, và 1 người thì trở về với địa vị “giai cấp bóc lột” để có tiền chu cấp cho cả gia đình người kia. Điều tra của 1 tờ báo địa phương ở Manchester là Salford Star vào năm 2007 cho rằng Engels đã kịp tiêu hủy hơn 1 ngàn rưởi lá thư trong thời kỳ này để giấu kín những bí mật của riêng mình và cả của đôi bạn.

Có thể lấy trường hợp Napoléon III ra làm 1 ví dụ về việc đôi bạn này quan tâm tới số phận của châu Âu và thế giới như thế nào. Trong khoảng cuối năm 1851 đầu năm 1852, đôi bạn này cho ra đời 1 tác phẩm mà nội dung cũng rối rắm y như cái tiêu đề của nó: *Der 18^{te} Brumaire des Louis Napoleon*, Ngày 18 tháng Sương Mù của Louis Napoleon. Các phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp sau đó đã sửa Louis Napoleon thành Louis Bonaparte, để rạch ròi với Napoleon Bonaparte cho người đọc đỡ bối rối. Cặp đôi tác giả đã lấy “ngày 18 tháng Sương Mù”, tức ngày 09/11/1799 là ngày đảo chính của người bác, Napoleon Bonaparte, từ 1 trung tướng nhảy lên làm đệ nhất tổng tài, gắn vào với tên của người cháu, Louis Bonaparte, để hàm ý việc người này từ chỗ đang là tổng thống của nền cộng hòa đổi qua thành hoàng đế của đế nhị đế chế cũng là 1 cuộc đảo chính, 1 điều mà nói chung không ai phản đối hết cả. Rất khó phân biệt trong tác phẩm này đoạn nào là ý của người nào nhưng dường như người ta đã nhất trí rằng cái tên rối rắm có hàm ý so sánh đó là của Engels.

Mãi cho đến năm 1864, sau 1 con giáp đôi bạn không tham gia tổ chức nào cả, ngày 28/09/1864 những người làm-công-ăn-lương quốc tế theo 1 cách nào đó nhóm họp với nhau tại hội trường St Martin ở London, với người chủ trì là Beesly 1 giáo sư đại học ở London [thực tế cho thấy nếu chuyển ngữ workingmen thành “công nhân” hay “người lao động” rõ ràng là chưa hợp lý]. Các thành viên nòng cốt khác gồm có, người Anh: Odger, Ward, Lucraft..., người Pháp: Denoual, Lubez, Bosquet..., người Ý: Fontana..., tạo thành cái gọi là The International Workingmen’s Association, Hiệp hội những người Làm-công-ăn-lương Quốc tế.

Những diễn biến tiếp theo 1 phần thì mờ mờ 1 phần thì được chế biến kỹ lưỡng, làm cho không hiểu sao mà người Đức Marx đang đứng cuối danh sách bỗng vọt lên thành “người viết chương trình cho tổ chức”, to do the actual writing of the organisational programme, và sau đó là “người soạn thảo các tài liệu cơ bản của tổ chức mới”, he who ultimately drew up the fundamental documents of the new organisation. Ngày nay đôi bạn [còn chưa rõ Engels xuất hiện ở đây vào lúc nào] công nhiên được coi luôn là “lãnh đạo” của cái tổ chức này, lúc này đã mang danh xưng mới là Đệ Nhất Quốc tế, the First International.

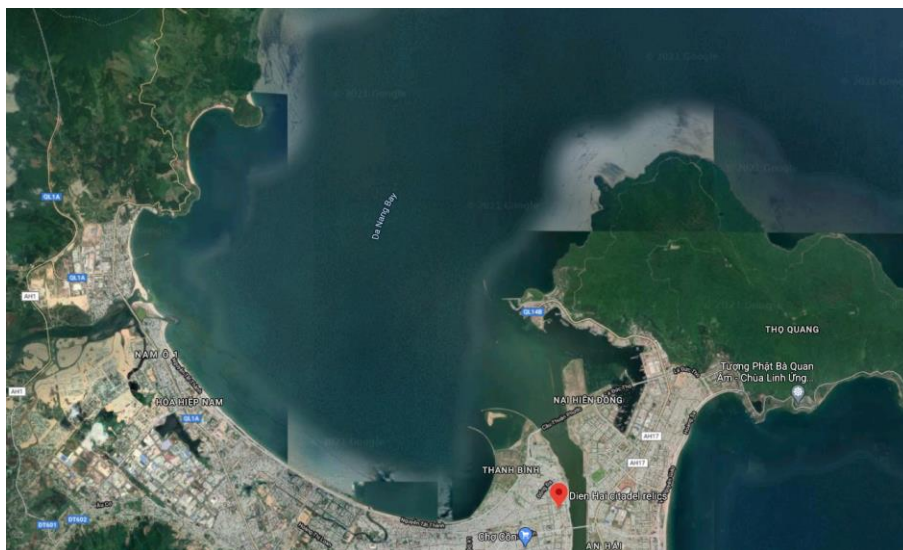
Quay trở lại với nước Việt và ĐNTL tập 7.

Đầu xuân tháng Giêng năm 1857, “nguyên có 2 chiếc thuyền của Tây dương đậu ở cửa biển Đà Nẵng trước ra ngoài khơi đi về hướng Đông”, sứ bộ Montigny đã phải bắt lực lên đường về nước. Tuy chẳng coi cái nguy cơ đến từ đám bọn Tây dương man mọi đó là thấm vào đâu, vua Tự Đức cũng cẩn thận, cử Đào Trí cùng các quan “thân đến các thành, pháo đài và đồn bảo, khám nghiệm kỹ càng, tính nghĩ từng điều, khoản làm bản tâu lên đợi chỉ thi hành”.

Đào Trí sau 1 vòng khảo sát về tâu lên như sau: “1 khoản xin đặt bảo Trấn Dương ở đỉnh núi, chia đặt 20 cỗ xe súng đại bác; 1 khoản xin từ thành An Hải đến chân núi Trà Sơn, từ thành Điện Hải đến cảng Thanh Khê, đắp lũy cát rồi trồng cây gai góc che lấp; 1 khoản xin triệt bớt 2 bảo đệ nhất và đệ nhị đi”. Súng đại bác đặt trên đỉnh núi thì dường như bắn toàn rơi đạn xuống biển, chống đỡ bộ mà chỉ bằng lũy cát trồng cây gai góc..., thì nghe sơ sài quá. Bảo đệ nhất nằm ngay

mỏm núi phía Bắc bán đảo Sơn Trà, bảo vệ nhĩ nằm trên hòn Cô mà Pháp gọi là l'îlot de l'Observatoire, hòn Quan Sát, bây giờ là cảng Tiên Sa, thì chắc là do gần mép nước quá đã bị tàu Pháp phá hủy mất rồi, không xây dựng lại được cho nên “xin triệt bớt”, thôi thì nghe cũng hợp lý.

Về sau, có “khâm sai là Tôn Thất Cáp tuân đem việc bàn tính nên làm ở đồn Đà Nẵng lập thành điều khoản tâu lên, cho rằng: cửa biển Đà Nẵng ở Quảng Nam là nơi bờ biển quan trọng, những bảo nhất nhĩ tam tứ đặt thêm, xin nên để như cũ (4 bảo ấy, gần đây Đào Trí, Trần Hoàng đã xin bỏ bớt, nhưng lập 1 bảo lớn ở trên đỉnh núi); lại nói, về phía bắc thành Điện Hải bên ngoài lũy cát, cát biển bồi ngằm gần đến giữa vụng, xin đắp 1 cái pháo đài ở chỗ ấy, để cho đến khi có bắn súng lớn, sức đạn đi mới được thừa thãi, mà đài với thành liền nhau, điều độ cũng dễ được việc; chuẩn giao cho 3 bộ Hộ, Binh, Công hợp bàn, [sau] xin theo lời tâu của Cáp, duy có việc xin lập pháo đài ở chỗ bãi cát mới bồi ngằm, công trình to lớn, lại bãi cát mới nổi chưa tiện khởi công, xin nên đợi sau sẽ làm; vua y cho, bảo rằng, việc ấy là việc rất cốt yếu, quan tỉnh ghi lấy đợi sau khám xét nghĩ làm, chớ nên quên nhãng”.



Hình 34: Thành Điện Hải ngày nay – Google Map

Việc phòng thủ thì chỉ quấy quá như vậy, mà có lẽ cũng chẳng có nguồn lực nào để làm kỹ lưỡng hơn trong khi nạn đói đang lan tràn, nhưng lại có việc khác được làm rất kỹ lưỡng: tháng Năm nhuận âm năm 1857, “tỉnh Nam Định bắt được tên đạo trưởng người Tây dương, chuẩn cho đem chém; người tố ra bắt được cùng quan tỉnh đều được thưởng chức hàm kỷ lục có thứ bậc khác nhau, những viên biên đi bắt được thưởng chung 300 lượng bạc; Vũ Văn Trung là chủ nhà chứa tên đạo trưởng ấy xử phát phối đi Cao Bằng”. Dường như ĐNTL không cần quan tâm đạo trưởng này là ai, đó chính là câu chuyện của thánh María Díaz Sanjuro tên Việt là An, giám mục dòng Đa Minh người Tây Ban Nha, 1818-1857, đại diện Hạt Tông tòa Trung Đàng Ngoài, từ đạo khi mới có 39 tuổi, người đã trả cho đội thi hành án 30 đồng tiền để xin 1 ân huệ: “xin đừng chém tôi 1 nhát, nhưng là 3 nhát; nhát thứ nhất tôi tạ ơn Chúa đã dựng nên tôi và đưa tôi đến đất Việt

giảng đạo, nhất thứ 2 để nhớ ơn cha mẹ sinh thành ra tôi, còn nhất thứ 3 như lời di chúc cho các môn đồ của tôi để họ bền chí chết cho đức tin, theo gương vị chủ chăn của mình, và như thế họ đáng lãnh phần hạnh phúc cùng các thánh trên trời”. Cái thông điệp mà những Le Lieu Collier Montigny đem tới xem ra hoàn toàn vô nghĩa.

Người kế nhiệm của giám mục Sanjuro An, giám mục về sau cũng thành thánh, là Melchor García Sampedro tên tiếng Việt là Xuyên, 1821-1858, có may mắn được ĐNTL quan tâm hơn cho nên có nhiều tình tiết li kì hơn:

ĐNTL kể, tháng Sáu âm năm 1858, “lũ tên Xuyên là đạo trưởng người Tây dương mưu làm giặc phải giết chết; trước kia, lũ giáo dân ở làng Quần Cống tỉnh Nam Định là lũ Phạm Viết Khâm làm nhà thờ, nhà ở của đạo, đồ dùng tiếm lẩn, lại làm nhiều đồ quân khí như giường gỗ sơn son thếp bạc, kiệu sơn son chạm hình con rồng, trống lớn, chiêng đồng, lọng vàng, cờ, gươm..., đón đạo trưởng người Tây dương là tên Xuyên và đạo trưởng người nước ta là tên Duyệt, tên Trí về ở, ngầm mưu làm phản; quan tỉnh sai bắt làm án; việc tâu lên, tên Xuyên người Y Pha Nho, chuẩn cho đem lạng tri xử tử, lấy đầu đem bêu, vớt xác xuống biển; lũ tông phạm là Nguyễn Văn Tiệp, Mai Hiến đem chém ngay”. Giường kiệu chiêng trống gươm lọng..., là những thứ mà sử quan nhấn mạnh vào để cho câu chuyện có vẻ có màu sắc “phản loạn”, chứ không thể chỉ đơn thuần là tội “giảng đạo” như trước nữa. Thời gian để ngồi viết ĐNTL cuốn này đã là những năm cuối cùng của thế kỷ XIX rồi.

Bổ sung: Phạm Viết Khâm đúng ra là thánh Đa Minh Phạm Trọng Khâm, 1780-1859. Từ đạo và được phong thánh cùng ngày với Đa Minh Phạm Trọng Khâm còn có người con trai là Luca Phạm Trọng Thìn, 1819-1859, và 1 người bà con là Giuse Phạm Trọng Tả, 1800-1859.

Tiếp theo, “bọn giặc làm phản là lũ Phạm Văn Vượng bị xử tử (Văn Vượng ngụ xưng là tiền quân; người theo đạo Gia tô là Bùi Văn Tổng ngụ xưng là chính thống quận công; Dương Văn Thuật ngụ xưng là cai đội); trước đây lũ giặc Vượng cùng với tên thủ xướng ngụ xưng đại tướng quân là tên Lý Thừa, ngụ xưng Quận công là tên Kịch hội nhau ngầm mưu làm điều trái phép, lấy danh nghĩa là giúp nhà Lê, chống cự quan quân ở 2 làng Thủ Pháp, Phú Cốc, lại toan đánh phá thành phủ Ninh Giang (để tiện ra biển đi thành Mã Cao [Ma Cao] mượn thuyền nước ngoài), bị quan quân bắn tan; đến nay bắt được, đều theo luật xử trị”. Cuộc nổi loạn của Lê Duy Cự và Cao Bá Quát đã kết thúc từ 2 năm trước rồi, những tên “bọn giặc” được liệt kê ở đây không rõ có phải là liên quan dư đảng gì không vì rất vô danh trong khi đương thời chẳng có dấu vết gì của cuộc nổi loạn đáng kể nào khác.

Đến mùa Thu tháng Bảy âm năm 1858, “bọn đầu sỏ giặc ở Nam Định là Đào Văn Xuân (ngụ quận công), Đào Đức Ứng (ngụ phó cơ), Nguyễn Thích (ngụ đốc chiến), Vũ Văn Lương (ngụ cai đội) đều chịu tội chết; 4 tên này đều là bọn lũ của cụ Xuyên và tú Yêm”. Tiếp theo, “tên đầu sỏ giặc ở Nam Định là Trần Văn Yêm (Yêm là tú tài, bị tên đạo trưởng người Tây dương là cụ Xuyên xui bảo rằng, tàu của Tây dương gần đến nơi, Yêm bèn ngụ xưng là thừa tướng mưu dấy quân làm loạn) phải chịu giết chết đem đầu bêu lên, ném xác xuống sông; vua thưởng cho những

người bắt được tên Yêm, ngân tiền có thứ bậc khác nhau”. Câu chuyện về bọn “cụ Xuyên” được kể làm nhiều đoạn, liên quan đến nhiều người như vậy đến đây, Trần Văn Yêm, mới chấm dứt. Ngoài cụ Xuyên được tuyên thánh, chưa tìm thấy tên của những người còn lại ở chỗ nào cả, kể cả danh sách những người được tuyên thánh cùng thời với cụ Xuyên. Không rõ bao nhiêu người trong số đó là Kitô hữu.

Trước đó trong những diễn biến riêng biệt là 1 vài những bắt bớ lật vạt khác mà không tìm thấy dấu vết gì ở bất kỳ tài liệu nào khác:

Tháng Một âm năm 1857, “quyền làm công việc huyện Quỳnh Côi là Phan Huy Đôn cùng bộ biên lĩnh phó quản cơ là Hồ Đăng Chất bắt được tên đầu sỏ của giặc nguy xưng là hậu quân, quân công Trần Thử, chánh tả cơ tên là Phó Ngũ, đạo trưởng Gia tô tên là cụ Tràng”...

Tháng Hai âm năm 1858, “thị lang nguyên quyền lĩnh tuần phủ Hưng Yên trước là Lưu Lượng thăng thự hữu tham tri bộ Lại; Lưu Lượng ở Hưng Yên về Kinh... đem tình hình lợi hại tâu lên:... đến như Hưng Yên năm ngoái toán giặc theo đạo Gia tô, tên can phạm bắt được đã đem chém rồi; còn như các tên nguy xưng làm đại tướng quân là Lý Thừa, nguy xưng làm phó tướng là Lang Thuộc, xưng làm điều vát trung quân là tên Lý Tiên, xưng làm quận công là tên Lang Bột, xưng làm đốc chiến là tên Vệ Hộ, xưng làm đốc quân là tên Lý Quỳnh cùng các tên quận Kỳ, quận Kịch, phó Chuyển, xã Diển và các tên đầu mục nhỏ ước hơn 10 tên, còn chưa bắt được tra xét...”.

Những trường hợp Kitô hữu được phong thánh sau đây, tử đạo trong khoảng từ năm 1853 đến năm 1859, cùng khoảng thời gian với 2 giám mục Sanjuro An và Sampedro Xuyên thì không thấy dấu vết gì trong ĐNTL, không biết có liên quan gì đến những “toán giặc” nói trên hay không: Philipphê Phan Văn Minh 07/1853, Giuse Nguyễn Văn Lựu 05/1854, Anrê Nguyễn Kim Thông (Thuông) 08/1855, Lôrensô Nguyễn Văn Hưởng 02/1856, Phaolô Lê Bảo Tịnh 04/1857, Phêrô Đoàn Văn Vân 05/1857, Phanxicô Trần Văn Trung 05/1858, Đa Minh Đinh Đức Mậu 11/1858.

D - Pháp xâm lược Việt

ĐNTL kể, tháng Bảy 1858, “chiến thuyền của Tây dương 12 chiếc vào cửa biển Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam, bắn phá các pháo đài các đồn bảo; việc ấy đến tai vua, vua sai tổng đốc Nam - Ngãi là Trần Hoàng gọi biên binh mần ban của tỉnh ấy, 2.070 người, để phòng sai phái; lại sai quyền chương dinh Hồ oai là Đào Trí đi nhanh đến cùng với án sát là Lê Văn Phổ để giữ thành [ý nói thành Vĩnh Điện], bố chính là Thân Văn Nhiếp hội đồng với Trần Hoàng đánh dẹp và chống giữ”. Các tài liệu phương Tây thống nhất rằng liên quân Pháp – Tây Ban Nha có 2 ngàn người, bao gồm 1 ngàn thủy quân lục chiến Pháp và 13 tàu [Némésis, Primauguet, Phlégeton, Alarme, Avalanche, Dragonne, Fusée, Mitraille, Dordogne, Durance, Gironde, Meurthe và Saône], 550 bộ binh Tây Ban Nha, 450 lính Philippines mang biệt danh “những thợ săn Tagal” và 1 tàu El Cano, cộng là 14 tàu, dường như có 2 tàu nào đó đến sau cho nên ĐNTL chỉ ghi có 12.

Tiếp theo, “quân của Tây dương đánh vây 2 thành An Hải, Điện Hải; vua sai thự hữu quân đô thống phủ chương phủ sự Thắng Công nam là Lê Đình Lý làm tổng thống, hữu tham tri bộ Hộ là Phan Khắc Thận làm tham tán, đem vệ uý là Lê Xuân, Nguyễn Nhân, Trương Linh, Tôn Thất Ân, Tôn Thất Chung, hiệp quản là Bùi Ân, Nguyễn Huy, Hồ Ba đem 2 ngàn quân cấm binh đi chống giữ”. Đoạn văn này là liền với đoạn văn bên trên nhưng ở đây được trích dẫn tách rời làm 2 lần theo 2 bước của trận đánh: bước 1 pháo kích từ tàu và bước 2 đổ bộ. Thực tế cả 2 bước này chỉ diễn ra vồn vện trong vòng 1 ngày, chứng tỏ hệ thống phòng thủ không có hiệu quả. Việc những Lê Đình Lý và Phan Khắc Thận được điều đi là diễn ra sau đó, thuộc bước 3, quân đổ bộ tuy không bị đánh nhưng không thể tiến xa thêm được nữa, và bị mắc kẹt lại ở trên bờ.

“Vua dụ bọn Đình Lý rằng, cửa biển ấy từ Hải Vân đến Câu Đê 1 dải đều là đường quan báo, phải phòng thủ nghiêm thêm để tiện thông hành; người quản đốc lính đạo trước đạo sau đến ngay đấy, tùy nghi đóng đồn liệu đất đặt chỗ canh phòng, cùng bọn Đào Trí cùng chống đỡ với nhau, chớ để cho quân của Tây dương lên bờ [mà quân Tây dương thì đã lên bờ rồi] để xứng đáng chức trách đã uỷ cho; Trần Hoàng Nguyễn Tài không biết phòng bị trước khi có việc, sau lại không biết đốc sức đánh giặc, chuẩn đều cách chức bắt đi trước quân gắng sức làm việc; bọn Văn Nhiếp Văn Phổ đều giáng 4 cấp lưu dụng”. Những điều động tiếp theo bao gồm cả 4 con voi, đắp vài chỗ thành đất, rồi quân nhu lương thực v.v.

Sang tháng Tám, “vua xem tờ tư của quân thứ Quảng Nam, báo bộ Binh rằng, từ tháng trước đã nghe quân của Tây dương bỏ thành An Hải, có sao đến bấy giờ mới báo, mà chưa từng thám được thực trạng; xét ra gián điệp là việc cần trong khi dụng binh, suất lược như thế, bằng cứ vào đâu mà trù tính được; bọn kia chức vụ ở đâu mà hững hờ như thế, đoàn đồng số bao nhiêu, chưa từng tâu báo; trăm ngày đêm bận lòng, tinh thần quân thứ như thế, bộ lại như thế, đến khi hỏi đến lơ mơ không biết gì cả, thì ngày thường ngồi trù tính những việc gì”. Ngày đêm bận lòng nhưng hóa ra là cả tháng không hề được cập nhật... Tuy vậy, “vua thương tướng sĩ ở quân thứ Quảng Nam mưa gió gian lao, sai thị vệ đem quế Thanh Nghệ, các thứ thuốc, thuốc viên ban cấp cho và thầy thuốc đến chữa bệnh”. Và, “vua cho là phu trạm từ Kinh đến quân thứ, lại từ quân thứ đến

tỉnh thành Quảng Nam, vì có việc quân, nên khó nhọc lắm, thường cho tiền gạo có thứ bậc khác nhau”.



Hình 35: Bổ sung các địa danh trong trận Đà Nẵng

Tiếp theo, nhà vua trở nên bần rận: “Quân thứ Quảng Nam từ sau khi 2 thành An Hải, Điện Hải không giữ được, Lê Đình Lý đến thống quản các quân, vua rất suốt ruột, đã dụ nhiều lần, hoặc sai chọn đất đóng đồn, hoặc sai xem cơ hội mà quyết chiến, hoặc sai đêm đến đánh úp, hoặc trách các tướng là lần lữa và chỉ bảo phương lược, có đến vài 4 lần [chứ vài 3 lần thì ít quá]; đến bấy giờ tin thắng trận còn chậm, vua cho đấy là bởi viên tổng thống điều độ sai phương pháp, tướng sĩ chưa hết sức đánh mới đến nổi thế; bèn sai trung quân là Đoàn Thọ, đem tờ dụ đến nơi

bảo rõ cái ý yên ủi khích lệ các tướng sĩ và phép đặt đồn lũy; lại xét kỹ hình thế đồn lũy, thế của địch tình của quân, có điều gì chưa đúng thì bàn bạc để chỉnh đốn lại; xét từ quân vệ trở xuống, các tình trạng giỏi giang hay hèn kém dũng cảm hay nhút nhát, tâu lên để thưởng phạt; lại truyền bảo cho tinh thần phải phòng giữ hết sức trấn tĩnh nhân dân, trừ tính vận tải lương cho quân để xứng đáng với uỷ nhiệm được thành công; lại xét lòng người, đốc việc phòng hộ, các công việc ấy làm xong, trong 3 hay 5 ngày về tâu lại; rồi thì Đinh Lý lại thừa hành chậm trễ và không đem ngay hiện tình mật tâu lên, vua lại cho là sợ hãi nhút nhát ẩn giấu che chở, quở trách rất ngặt”.

Thực tế, liên quân Pháp – Tây Ban Nha lúc này chỉ chiếm được chút ít cửa sông Hàn, tả ngạn có đồn Điện Hải nay vẫn còn dấu tích, hữu ngạn có đồn An Hải gồm luôn cả bán đảo Sơn Trà, gọi Điện Hải An Hải bằng “thành / citadel” là phóng đại quá đáng. Tỉnh thành Quảng Nam lúc đó là thành Vĩnh Điện gần Hội An, nay vẫn còn dấu tích. Vua vẫn không quên những việc như là “nêu thưởng 11 người tiết phụ” và “định thêm lệ về nêu thưởng sự trạng của các nghĩa phu hiếu tử thuận tôn”, và đặc biệt là tiết vận thọ vua tròn 30 tuổi. Trong khi đó thì chiến trận vẫn tiếp diễn, được mô tả lẻ tẻ:

“Quân của Tây dương vào xã Mỹ Thị, nhỏ rào sách gỗ phá đồn Thổ Sơn [có lẽ là đi bằng tàu, phá rào gỗ dưới sông để theo đường sông vào tới quãng Cồn Dầu bây giờ]; tổng thống là Lê Đình Lý đánh nhau với quân của Tây dương 1 trận to ở xã Cẩm Lệ, có đắp lũy đất bị đạn lạc trúng phải, biên binh sợ chạy tan cả”.

“Thuyền quân của Tây dương vào sông Hàn, sông Nại Hiên Quảng Nam; Đào Trí, Nguyễn Duy chia quân phục kích đánh được thắng”. Và, “thuyền binh của Tây dương 8 chiếc tiến vào sông Nại Hiên, Nguyễn Tri Phương phái Chu Phước Minh, Phan Khắc Thận (giáng làm tán lý), Nguyễn Duy đem quân chia phái đi đồn mới, bắn phá được thuyền của giặc, thuyền có cái bị gãy rách buồm, cái thì bị thùng vỡ, rỉ nước vào”. Sông Nại Hiên cũng chính là sông Hàn, không rõ chiến sự xảy ra ở đoạn nào, có lẽ cũng chỉ ngang chỗ đồn Điện Hải – An Hải.

“Thuyền Tây dương vào đỗ ở Dậu Sơn ngoài cửa biển Hải Dương [dường như là thuộc cửa Thuận An] dò xét đường sông”. Có lẽ vì bệ tắc ở vịnh Đà Nẵng, liên quân cử tàu ra dò xét cửa Thuận An, tìm cách tấn công Phú Xuân.

“Hiệp quân các đạo là bọn Nguyễn Song Thành, Phan Hữu Diên (lính 200 tên) bắn lui lính của Tây dương (300 tên) ở bờ biển Nam Thọ [ngay chân bán đảo Sơn Trà], bắt được 1 chiếc thuyền sam bản, bắn chết 7 tên giặc”. Thương vong trong 1 bối cảnh 300 chống 200 như thế này, phía liên quân khó lòng mà thừa nhận.

“Quân của Tây dương đột nhiên đến đánh phá 2 đồn Hoá Khuê, Nại Hiên; hiệp quân là Nguyễn Triều, Nguyễn Ân hết sức đánh bị chết trận; biên binh chết mất 30 tên, bị thương 65 tên; Chu Phước Minh, Đào Trí, Phan Khắc Thận, Nguyễn Duy chia quân đến cứu không kịp”. Và, “quân ở Tây dương chia toán ước 700 tên đột nhiên lại đến, Phan Khắc Thận, Nguyễn Duy đánh nhau với quân Tây dương 1 trận to ở quãng đồn Hoá Khuê; Thạch Giản, Nguyễn Duy xuất nữa bị giặc bắt được; Nguyễn Tri Phương khi ấy bận đi khám đồn Chân Sảng vắng; Đào Trí, Chu Phước

Minh cũng không kịp đến cứu viện”. Đây là chiến sự xảy ra trên bộ, nơi mà bây giờ là Thạc Gián Thanh Khê, liên quân từ trong đồn Điện Hải nổi ra. Nguyễn Tri Phương thì đang làm gì đó ở tuốt chân đèo Hải Vân.

“Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển đắp đồn Liên Trì; quân của Tây dương (200 tên) chia 2 đạo đến đánh ở quãng giữa Thạc Gián, Nại Hiên; phục binh nổi dậy, bắn bọn quân Tây dương phải lui”. Và, “quân của Tây dương (ước 400 tên) từ thành An Hải chia 3 đường đến; quân phục binh các đồn bắn ra chúng phải rút lui”. Có vẻ như thủy quân lục chiến Pháp từ cả 2 hướng Điện Hải và An Hải đã nổi ra gần tới Cồn Dầu rồi. Để đối phó, “Nguyễn Tri Phương đắp lũy dài từ bãi biển đến các xã Phước Ninh, Thạc Gián, bên ngoài lũy đào hố chữ phẩm (品) cắm chông, che cỏ, cát lên trên, chia quân đặt phục binh, sát đến thành Điện Hải; quân của Tây dương chia 3 toán đến đánh, phục binh trồi lên đánh, quân của Tây dương sa xuống hố, quan binh giữ lũy bắn ra, quân của Tây dương phải lui”.

Quan trọng hơn, mà không chừng là do sự quan về sau tô vẽ thêm vào, “vua nói, bờ biển Cần Giờ cũng là nơi quan yếu, không nên cho là Tây dương nó không đến mà sơ phòng”, trước khi Genouilly chuyển sang đánh Sài Gòn. Có thể vua chỉ nói vậy mà không làm gì, hoặc có muốn làm cũng không kịp. Tháng 02/1859, Genouilly dường như không gặp khó khăn gì ở Cần Giờ cả.

Tài liệu của Pháp về thời điểm này tất nhiên rất nhiều nhưng rất mâu thuẫn, những sĩ quan cấp thấp thì muốn phóng đại chút ít về những khó khăn và sự dũng cảm của bản thân, trong khi những sĩ quan cấp cao thì mô tả mọi việc khá dễ dàng. Gần nửa thế kỷ sau, với cương vị toàn quyền Đông Dương, Paul Doumer có thể tóm lược 1 cách đơn giản như sau:

“Malheureusement, on ne connaissait pas grand'chose du pays où l'on se rendait. La baie de Tourane était le seul point de la côte voisin de la ville de Hué, capitale de l'empire, où une flotte pût s'abriter et mettre à terre un corps de débarquement. On avait choisi Tourane sans autre information. La baie est placée dans un cirque de montagnes ; elle n'a que peu de population sur ses rives ; elle pouvait être occupée longtemps sans que la cour d'Annam en ressentît ni gêne, ni humiliation”. [Thật không may, chúng ta không biết nhiều về đất nước mà chúng ta sẽ đến. Vịnh Đà Nẵng là điểm duy nhất trên bờ biển gần thành phố Huế, kinh đô của đế chế, nơi 1 hạm đội có thể trú ẩn và đổ bộ 1 quân đoàn. Chúng ta đã chọn Đà Nẵng mà không có thông tin nào khác. Vịnh nằm trong 1 vành núi bao quanh; chỉ có 1 ít dân số trên bờ; nó có thể bị chiếm đóng trong 1 thời gian dài mà triều đình An Nam không cảm thấy xấu hổ hay nhục nhã]. Ý của Paul Doumer là, liên quân Pháp – Tây Ban Nha cứ việc chiếm cứ Đà Nẵng và bán đảo Sơn Trà mà chẳng ảnh hưởng gì đến triều đình của vua Tự Đức hết cả, thực tế đúng như vậy thật.

Thế nhưng trước và sau Paul Doumer, người Pháp có nhiều ý kiến khác nhau cho sự sa lầy thâm của liên quân này, vài ý kiến là có thể hiểu được trong khi 1 số khác thì lại có tính chất xuyên tạc nguy hiểm. Có 1 luận án “Expériences guerrières, Anthropologie historique de l'expédition franco-espagnole de Cochinchine orientale, 1858-1863” tháng 06/2017 tại Đại học

Paris I Panthéon-Sorbonne của nghiên cứu sinh Blandine Boltz, đã ghi nhận lại những ý kiến như sau:

“Dès l’automne 1858, 15000 des 40000 hommes que compte l’armée vietnamienne encerclent en effet la position franco-espagnole, en fortifiant notamment la rivière de Tourane, seule voie de pénétration dans l’arrière-pays. Cette résistance tranche profondément avec les prévisions faites par les missionnaires avant le début de la campagne. Ils avaient suggéré que la population chrétienne se soulèverait pour soutenir les conquérants, mais les habitants ont en réalité fui en masse. Le sous-lieutenant Benjamin Savin de Larclause, dans la correspondance qu’il entretient avec sa famille, conclut que les missionnaires ‘se sont moqués [d’eux] dans les renseignements qu’ils [leur] ont donnés sur Tourane!’ et les qualifie d’‘infâmes menteurs’. Rigault de Genouilly déplore également leur tromperie”. [Vào mùa thu năm 1858, 15 ngàn trong số 40 ngàn quân Việt Nam đã bao vây vị trí của quân Pháp-Tây Ban Nha, đặc biệt bằng cách củng cố sông Hàn, con đường duy nhất để xâm nhập nội địa. Sự kháng cự này trái ngược hẳn với những dự báo của các nhà truyền giáo trước khi bắt đầu chiến dịch. Họ đã gọi ý rằng dân số theo đạo Kitô sẽ tăng lên để ủng hộ những kẻ chinh phục, nhưng người dân địa phương đã thực sự chạy trốn. Thiếu úy Benjamin Savin de Larclause, trong thư từ trao đổi với gia đình, kết luận rằng những người truyền giáo ‘đã cười [họ] về thông tin họ cung cấp cho [họ] về Đà Nẵng!’ và gọi họ là ‘những kẻ nói dối khét tiếng’. Rigault de Genouilly cũng kể tội họ].

Nếu như cả cấp thấp và cấp cao, từ thiếu úy tới đô đốc, cùng kết tội “những người truyền giáo”, thì có lẽ đó là sự thật chăng? Nhưng vấn đề ở đây là, nhà truyền giáo nào đã, trước khi bắt đầu chiến dịch, gọi ý rằng dân số theo đạo Kitô sẽ tăng lên để ủng hộ những kẻ chinh phục? Giám mục hiệu tòa Hierapolis Pellerin tên tiếng Việt là Phan là người duy nhất từ Việt trở về Pháp để kêu gọi giúp đỡ, nhưng liệu việc kêu gọi giúp đỡ có gì giống với việc nói dối “1 cách khét tiếng” với đội quân viễn chinh rằng “dân số theo đạo Thiên Chúa sẽ tăng lên để ủng hộ quý vị” hay không? Và nếu vậy thì tại sao giám mục không mô tả luôn về địa hình giữa Đà Nẵng và Huế, nơi mà giám mục vừa mới lưu lạc khổ nạn những 2 tháng rưỡi trời và mất 1 người bạn đồng hành ở đó trước khi leo được lên tàu Marceau [ĐLSC số 264], để cánh quân sự có thể hoạch định 1 kế hoạch hành quân đúng đắn hơn?

Có lẽ điều đáng tin hơn sẽ là, để cho có tính chính đáng, người ta, tức là cái hội đồng Đảng Trong và nội các của Napoléon III, đã sáng tạo ra để thuyết phục đội quân viễn chinh, từ chỉ huy đến binh lính, rằng đây là 1 sứ mệnh “cứu khốn phò nguy”, và tất nhiên những nạn nhân đang rên xiết thể nào cũng sẽ đứng lên để ủng hộ những ân nhân của họ. Còn sở dĩ liên quân Pháp và Tây Ban Nha chọn tấn công vịnh Đà Nẵng, chẳng qua là vì Genouilly đã từng có chút ít kinh nghiệm ở đó, năm 1847 khi chỉ huy tàu hộ tống Victorieuse, mà thôi.

Mùng một Tết Nguyên Đán năm 1859, sẽ là năm đại khánh hoàng thái hậu Từ Dụ 50 tuổi, cho nên “vua đem hoàng thân các quan văn võ đến châu cung Gia Thọ”, rồi “cung tiến 50.000 quan tiền kèm lên cung Gia Thọ, năm thường dâng 10.000 quan, năm ấy gấp Ngũ tuần đại khánh tiết, cho nên tiến thêm tiền”. Trong khi đó, “thuyền quân của Tây dương vào bãi biển, bọn thị vệ là Hồ Oai, cai đội là Tôn Thất Thi, anh danh là Nguyễn Nghĩa bắn chìm được 3 chiếc thuyền; ngày hôm sau, quân của Tây dương chia nhau tiến vào 3 đồn ở bãi biển, Nguyễn Tri Phương phái Chu Phước Minh cứu 2 đồn Trung, Hạ, Nguyễn Duy chia quân mai phục để chặn đánh; lính Tây vây đồn Hạ, đánh vỡ đồn Hạ, hiệp quân là Nguyễn Tình Lương, Lê Văn Khiêm cố sức đánh bị chết trận, quân của Tây dương liền vây 3 đồn, Phước Minh chạy vào đại đồn Phước Ninh cố giữ; Nguyễn Duy đem bọn Phan Gia Vĩnh, phó quản cơ sung phó vệ úy, đến cứu, đánh giết quân của Tây dương phải lui, quan quân cũng nhiều người bị thương và chết”. Chiến sự ở Đà Nẵng nhưng không có địa danh cụ thể, có vẻ như quân Pháp dùng thuyền nhỏ vòng ra ngoài vịnh, đổ bộ lên bờ từ hướng Đông, kết hợp quân bộ đánh nóng ra, tấn công các lũy An Hải thượng trung hạ, là những lũy đất đắp sau, bên ngoài thành An Hải.

Tiếp theo, “vua ngự điện Văn Minh cho triệu đại thần vào cho ngồi, cho uống nước chè, đem thơ ngự chế cho xem; vua thông dong bảo rằng...”, thì “thuyền của Tây dương 14 chiếc đỗ ở Tử Đừ tỉnh Khánh Hòa, tỉnh thần là Tôn Thất Dương xin thêm quân; vua cho lấy 500 lính tiên phong trước đi thú ở miền Nam, lính ở Bình Định phái đi thú Gia Định được mần ban mà chia về, tiện đường đi đến Khánh Hòa để đóng giữ; rồi thì thuyền của Tây dương đi nơi khác, lại rút 500 quân ấy về Gia Định”. Để cho vua được thông dong, liên quân chỉ để lại 1 lực lượng nhỏ giữ các đồn đã chiếm, gồm thuyền trưởng Thoyon, 2 pháo hạm và 1 ít binh lính, còn lại kéo nhau lên đường đi mở mặt trận mới ở Gia Định, ghé Khánh Hòa có khi là muốn lấy nước ngọt. Lưu ý rằng báo cáo của tỉnh thần và phản ứng của vua trong những trường hợp như thế này phải mất ít nhất vài ngày, chẳng qua là sử quan về sau viết liền vào cùng với sự kiện mà thôi. Hơn nữa, số lượng tàu thuyền do ĐNTL đưa ra bắt đầu sai lệch so với thực tế.

“Quân của Tây dương, 20 chiếc thuyền, bắn phá pháo đài Phước Thắng (dưới đây đều thuộc tỉnh Biên Hòa); lãnh binh là Bùi Thỏ lui quân đến đóng ở Bảo Trâm; việc ấy đến tai vua, vua sai tỉnh thần là Nguyễn Đức Hoan phái lính đến giữ Gành Rái (tên chữ Thái Cơ), dàn quân hãm ở phạn rừng gần đây, phao lên là chuyên giữ đường bộ; Bùi Thỏ chuyên đi đến 2 đồn Phước Vĩnh, Danh Nghĩa (Gia Định) tùy tiện mà đóng quân ngăn giữ”. Không rõ ở đâu ra những 20 chiếc thuyền, kể chuyện dài dòng như vậy nhưng cũng chỉ thể hiện 1 nội dung duy nhất: chống đỡ không nổi nên cứ phải theo sông Soài Rạp mà lui quân dần về tới tận Gia Định. Ngoài ra, có vẻ như là vua đã học được phép nghi binh kiểu Trương Phi trong tam quốc diễn nghĩa, chẳng để làm gì.

“Quân của Tây dương bắn phá các堡 Lương Thiện (Biên Hòa), Phước Vĩnh, Danh Nghĩa (Gia Định) vào cửa biển Cần Giờ, giữ Phù Giang (Biên Hòa); Bùi Thỏ chạy về giữ bảo Tam Kỳ (Biên Hòa); tuần phủ Biên Hòa là Nguyễn Đức Hoan đem thêm quân đến giữ pháo đài Tả Định

(Biên Hòa); Rồi thì các đồn Tả Định, Tam Kỳ và Bình Khánh, Phú Mỹ, Hữu Bình (đều thuộc Gia Định) nối nhau, đều vây đánh; quân của Tây dương bèn tiến sát đến tỉnh thành Gia Định, hộ đốc là Vũ Duy Ninh khẩn tư các tỉnh hội quân đến cứu”. Cũng phải cố mà mô tả là “đều vây đánh”, nhưng quân Tây dương chẳng kể gì, cứ tà tà mà theo sông Soài Rạp, sông Sài Gòn rồi rạch Bến Nghé mà “tiến sát đến tỉnh thành Gia Định”, tức là thành Phụng.

“Quân của Tây dương vây đánh thành tỉnh Gia Định; khi ấy quân của Tây dương đã liền mấy ngày (từ ngày 11 đến ngày 14 [là 13-16/02/1859]) bắn phá các đồn ven sông, rồi thẳng đến bến sông tỉnh thành (ngày 15) hướng vào thành bắn súng; lại 1 toán lên bộ, quanh thành đánh sấn vào, quan quân tan chạy cả, thành bèn bị vỡ; quyền đề đốc là Trần Tri, bố chính là Vũ Thực, lãnh binh là Tôn Thất Năng chạy đến bảo Tây Thái huyện Bình Long, hộ đốc là Vũ Duy Ninh chạy ra huyện Phước Lộc, thất cổ chết ở thôn Phước Lý, án sát là Lê Từ rồi cũng tự tử”. Từ mũi Saint-Jacques, còn gọi là mũi Nghinh Phong của Vũng Tàu, theo đường sông Soài Rạp lên tới 2 đồn Hữu Bình và Tả Định, tức là 2 đồn Vàm Cỏ và Cá Trê thời chiến tranh Tây Sơn, quãng cầu Tân Thuận bây giờ, là chừng 100km, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tiến quân có vẻ thông thả, mất 5 ngày.



Hình 36: Tranh vẽ theo phác thảo của 1 thư ký của Genouilly. Có lẽ đây là cửa Đông Nam thành Phụng

Tập san Sabix của trường Bách Khoa Pháp, École polytechnique, nơi Rigault de Genouilly từng theo học từ năm 1825, số 35 năm 2004 có bài viết, tuy là bằng những lời có cánh nhưng sự kiện và suy luận là có thể tin cậy được, về cựu sinh viên của mình, nhan đề là “Un amiral-ministre polytechnicien, Rigault de Genouilly”, với những đoạn như sau:

“Le 1er septembre 1858 un bombardement réduisait les forts de Tourane au silence. Le débarquement des troupes s’opéra sans grande résistance et celles-ci commencèrent à s’installer en construisant des baraquements et des magasins mais l’amiral constata vite que ses moyens étaient très insuffisants et que Paris l’avait engagé imprudemment dans une opération sans en mesurer les risques et les conséquences”. [Vào ngày 01/09/1858, 1 cuộc pháo kích đã khiến các

pháo đài Đà Nẵng cầm bắt. Cuộc đổ bộ diễn ra mà không gặp nhiều kháng cự và binh lính bắt đầu ổn định bằng cách xây dựng doanh trại và kho tàng, nhưng vị đô đốc nhanh chóng nhận thấy rằng phương tiện của mình rất thiếu và Paris đã bắt cản giao cho ông ta 1 chiến dịch mà không lường trước được rủi ro và hậu quả]. Lẽ ra với tư cách tư lệnh của 1 chiến dịch viễn chinh, Genouilly không thể dễ dàng đổ tội cho cấp trên của mình như vậy được, chính Genouilly, dựa trên trải nghiệm của bản thân hồi năm 1847 trên tàu Victorieuse, đã hoan hỉ ủng hộ lựa chọn Đà Nẵng.

“Le 29 janvier 1859, il écrivait au ministre: ‘le Gouvernement a été trompé sur la nature de cette entreprise en Cochinchine, elle lui a été présentée comme très modeste, elle n’a point ce caractère. On lui a annoncé des ressources qui n’existent pas, des dispositions chez les habitants qui sont tout autres que celles prédites, un pouvoir énervé et affaibli chez les mandarins, ce pouvoir est fort et vigoureux, l’absence de troupes et d’armée, l’armée régulière est très nombreuse et la milice comprend tous les hommes valides de la population. On a vanté la salubrité du climat, le climat est insalubre’”. [Ngày 29/01/1859, ông viết thư cho bộ trưởng: ‘Chính phủ đã bị lừa về bản chất của sứ mệnh Đàng Trong, nó đã được trình bày rằng rất khiêm tốn, nhưng hóa ra không phải. Chúng ta được thông báo về các nguồn tài nguyên nhưng hóa ra không tồn tại, cách bố trí cư dân hoàn toàn khác với dự đoán, 1 giới quan lại bất mãn và suy yếu nhưng hóa ra là mạnh mẽ và cường tráng, sự vắng mặt của binh lính và quân đội nhưng hóa ra là quân đội chính quy rất nhiều và lực lượng dân quân bao gồm tất cả những người đàn ông khỏe mạnh trong dân số. Chúng ta được ca ngợi về sự lành mạnh của khí hậu nhưng hóa ra là khí hậu mất vệ sinh’]. Nếu đúng như Genouilly nói, chính phủ Pháp bị lừa, thì chỉ có thể là bị lừa bởi giám mục Pellerin, - linh mục Huc chẳng hạn, không có tư cách để nói về sứ mệnh Đàng Trong, - còn nếu không thì là chính chính phủ Pháp đã lừa Genouilly để đẩy ông ta và binh lính vào “1 chiến dịch mà không lường trước được rủi ro và hậu quả”. Khả năng thứ 2 là đáng tin cậy hơn, và 1 cách chủ quan Genouilly cũng đứng về cùng 1 phía với chính phủ.

“Bien qu’il se dise dans une lettre particulière, physiquement et moralement épuisé, Rigault de Genouilly n’était pas homme à céder au découragement. Placé par le manque de moyens dans l’impossibilité d’attaquer Hué, capitale de l’Empire, il décida d’opérer sur un autre terrain et hésita entre le Tonkin et la région de Saïgon, les deux greniers à riz de l’Empire. Finalement il opta pour Saïgon, d’un accès plus facile”. [Mặc dù thể hiện bản thân trong 1 bức thư riêng, kiệt sức về thể chất và tinh thần, Rigault de Genouilly không phải là 1 người chịu thua vì chán nản. Bị đặt trước tình trạng thiếu phương tiện không có khả năng tấn công Huế, kinh đô của Đế quốc, ông quyết định hoạt động trên 1 mặt trận khác và do dự giữa Bắc Kỳ và vùng Sài Gòn, 2 vựa lúa của Đế quốc. Cuối cùng ông đã chọn Sài Gòn, nơi dễ tiếp cận hơn]. Có những tài liệu đề cập sự do dự này như là sự đối lập ý kiến giữa quân nhân và tăng lữ, rằng tăng lữ thì khuyên nên đánh ra Bắc Kỳ còn quân nhân thì Nam Kỳ, điều này cũng là không đáng tin vì không chỉ ra được 1 nhân vật tăng lữ nào bên cạnh đoàn quân viễn chinh thời điểm đó. Chi đơn giản là Sài Gòn thì thuận tiện hơn và có nhiều thông tin hơn, trong khi Bắc Kỳ thì khuất nẻo trong vịnh Bắc Bộ.

“Le 4 février 1859, une division constituée de deux corvettes à vapeur, trois canonnières, un aviso espagnol et de trois transports quitta Tourane sous les ordres de l’amiral pour arriver le 7 au Cap Saint-Jacques qui fut occupé le lendemain sans résistance. Les Français ne disposaient bien entendu d’aucun renseignement sur l’hydrographie du delta et ne possédaient qu’une carte sommaire datant de 1791. Le 9 février, Rigault de Genouilly fit effectuer une reconnaissance par la canonnière la Dragonne et, le 10, décida d’entrer dans la rivière. Après avoir détruit au passage quelques batteries improvisées et quelques estacades de bambous, la petite flotte arriva devant Saïgon le 16, assaillie par les tirs des deux grands forts situés sur chaque rive, qui furent rapidement neutralisés”. [Ngày 04/02/1859, tức mùng 2 tháng Giêng âl, 1 đoàn quân bao gồm 2 tàu hộ tống hơi nước, 3 pháo hạm, 1 chiếc Aviso của Tây Ban Nha và 3 tàu vận tải rời Tourane theo lệnh của đô đốc để đến mũi Saint-Jacques vào ngày 07, nơi đã bị chiếm đóng vào ngày hôm sau mà không bị cản trở. Người Pháp tất nhiên không có bất kỳ thông tin nào về thủy văn vùng châu thổ và chỉ có một bản đồ tóm tắt có niên đại từ năm 1791. Ngày 09/02, Rigault de Genouilly tiến hành 1 cuộc trinh sát do pháo hạm Dragonne thực hiện và vào ngày 10, quyết định vào sông. Sau khi phá hủy 1 số khẩu đội và vài bụi tre ở dọc đường, hạm đội nhỏ đến trước Sài Gòn vào ngày 16, tức 14 tháng Giêng âl, bị tấn công bởi hỏa lực từ 2 pháo đài lớn nằm trên mỗi bờ, tức là 2 đồn Hữu Bình và Tả Định, chúng nhanh chóng bị vô hiệu hóa]. Các mốc thời gian ở đây là dương lịch, hoàn toàn khớp với mô tả của ĐNTL theo âm lịch.

Đoạn tiếp theo đây có ý nghĩa quan trọng: “Les Français ignoraient tout de l’état de la ville, de ses défenses et personne ne put ou ne voulut les renseigner, pas même les missionnaires qui semblaient d’ailleurs moins persécutés qu’on ne le prétendait car les ordres de l’Empereur n’étaient pas toujours exécutés avec rigueur. Le vicaire apostolique Monseigneur Lefèvre, ‘possédait, à deux pas de la ville, une très jolie habitation entourée d’une école de petits enfants chrétiens et d’un couvent de religieuses annamites”. [Người Pháp không biết gì về tình trạng của thành phố, khả năng phòng thủ của nó và không ai có thể hoặc muốn thông báo cho họ, ngay cả những nhà truyền giáo dường như ít bị bắt bớ hơn những gì đã được tuyên bố bởi vì lệnh của Hoàng đế không phải lúc nào cũng được thực hiện một cách nghiêm ngặt. Vị đại diện tông tòa, giám mục Lefèvre, đã ‘có 1 ngôi nhà rất đẹp được bao quanh bởi 1 trường học cho trẻ em Cơ đốc giáo và 1 tu viện của các nữ tu An Nam’]. Nói 1 cách khác là không có ai muốn hợp tác với liên quân Pháp – Tây Ban Nha cả, kể cả các nhà truyền giáo, “personne ne put ou ne voulut les renseigner, pas même les missionnaires”. Đứng đầu các nhà truyền giáo ở đây là giám mục Dominique Lefèbvre, viết đầy đủ phải có thêm chữ ‘b’, tên tiếng Việt là Ngải, là người đã từng được hải quân Pháp giải cứu những 2 lần khỏi án tử hình dưới triều vua Thiệu Trị, lần thứ nhất vào năm 1845 bởi tàu Alcmène, lần thứ 2 vào năm 1847 bởi tàu Victorieuse của chính Genouilly. Có lẽ là không bằng lòng với “thái độ vô ơn” của vị giám mục đối với người đã từng cứu mạng mình, bài viết này mới nhấn mạnh chi tiết về “ngôi nhà rất đẹp được bao quanh bởi 1 trường học và 1 nữ tu viện”... Thực ra, việc giám mục Lefèbvre ngỏ lời với mẹ bề trên Benjamin của dòng nữ tu Saint-Paul de Chartres ở Hồng Kông để gửi người qua giúp hình thành 1 nữ tu viện ở Sài Gòn là việc về sau này, bắt đầu từ tháng 04/1860.

“Les arrivants constatèrent que Saïgon était une place forte avec une magnifique citadelle bien armée de nombreux canons servis par une garnison bien approvisionnée. Rigault de Genouilly ne se laissa pas impressionner. Le 17 février, il déclenchait le bombardement par les canons de la flotte. Au bout d’une heure, la défense faiblit et les troupes mises à terre donnèrent l’assaut. A 10 heures du matin, la citadelle était neutralisée et on y trouvait 5 à 6000 fusils de fabrication française, une centaine de canons de bronze, des munitions et des vivres en abondance”. [Những người đến đây nhận thấy rằng Sài Gòn là 1 thành trì với 1 tòa thành tráng lệ được trang bị rất nhiều đại bác được phục vụ bởi 1 lực lượng đồn trú được cung cấp đầy đủ. Rigault de Genouilly không cho phép mình bị ấn tượng. Ngày 17/02, ông mở cuộc bắn phá bằng pháo của hạm đội. Sau khoảng 1 giờ, việc phòng thủ yếu đi và binh lính đổ bộ xông lên. Đến 10 giờ sáng, thành bị hạ, bên trong có từ 5 đến 6 ngàn súng trường do Pháp sản xuất, 100 đại bác bằng đồng, đạn dược và lương thực rất dồi dào]. Pháo kích từ sáng sớm và thành bị hạ lúc 10 giờ sang, vậy tổng cộng thành chỉ đứng vững được khoảng 5 giờ đồng hồ. Theo như văn phong của cả ĐNTL và Sabix thì dường như thương vong của cả 2 bên là không lớn lắm, có lẽ vì sự chênh lệch quá lớn về vũ khí và khả năng tác chiến, tướng soái triều đình nhiều người phải tự sát vì bất lực khi “quan quân tan chạy”. Về phía Pháp, nhiều tài liệu cho rằng tàu Avalanche “bị thương” trên rạch Thị Nghè khi đang áp sát thành Phụng từ hướng Đông Bắc hoặc Bắc, làm cho rạch Thị Nghè phải mang tên arroyo de l’Avalanche sau đó.

272 – Phản ứng sau khi thành Gia Định thất thủ

Điều đáng nói nhất về mặt lịch sử của thời kỳ này là, kể từ vụ pháo kích Đà Nẵng năm 1847 cho đến vụ pháo kích và đổ bộ Đà Nẵng năm 1858 rồi đánh chiếm thành Gia Định năm 1859, thời gian cả 1 con giáp, ngắn trong tiến trình lịch sử nhưng không hề ngắn cho 1 đời người, mà các triều đại Thiệu Trị Tự Đức không hề có 1 mây may thay đổi nhận thức về tình hình thế giới cùng các mối quan hệ ngoại giao, cũng như không hề có bất kỳ 1 động thái canh tân nào. Mặc dù thừa nhận ưu thế vượt trội của hải quân Pháp, phản ứng duy nhất của nhà vua trước những thất bại quân sự chỉ là trút giận lên đầu đám quan tướng trực tiếp trên chiến trường. Đôi khi hình phạt là không nhẹ, nhưng thường được kết thúc bằng việc tha ra hoặc lưu lại để “cố sức làm việc chuộc tội”. Các vua cũng thừa biết là nếu xử đến cùng thì các vua sẽ hết cả quan cận cả tướng.

Thời vua Thiệu Trị năm 1847, “hôm sau thuyền Tây dương giương buồm chạy đi, không có 1 người nào đuổi theo”, quá trình luận tội bắt đầu, nặng nhất cho cấp thấp và nhẹ dần lên cấp cao: “Vũ Văn Diễm phải chém bêu đầu; Lê Văn Pháp, Nguyễn Tri, Nguyễn Quyên, Nguyễn Hi, Lê Tấn đều phải trăm giam hậu; thự lãnh binh Nguyễn Đức Tập phải phát vãng đi nơi thành tấn để ra sức làm việc chuộc tội; phó vệ uý Tôn Thất Năng, thành thủ uý Vũ Lực, Nguyễn Liêu bị cách chức, phát về ty hộ vệ ra sức làm việc; Mai Công Ngôn giáng xuống chức chương vệ; Đào Trí Phú giáng xuống chức Lang trung; Lý Văn Phúc, Nguyễn Đình tân đều cách chức phát đi làm quân ở dinh Kỳ võ”. Vũ Văn Diễm chỉ là “1 tên tiểu biên” làm liên lạc viên cầm mật thư bị quân Pháp bắt được, về sau đôi khi, trong 1 vài tài liệu có hàm ý lộ liễu, được đôn lên thành 1 Kitô hữu làm gián điệp cho Pháp.

Đến lượt vua Tự Đức, tháng Hai 1859 sau khi thành Gia Định thất thủ, “truy tước quan hàm của tuần phủ quyền hộ tổng đốc Định - Biên là Vũ Duy Ninh; khi ấy nguyên quyền đề đốc là Trần Tri đem tình hình Vũ Duy Ninh tự tử tâu lên, bộ Binh là bọn Trương Đăng Quế đem việc Duy Ninh chết vì việc nước kêu xin; vua nói, Gia Định là hạt to ở Nam Kỳ, binh dân đông nhiều như thế, trước đây, thuyền của Tây dương đến nơi, đã dụ cho phòng bị, không giống như việc biến loạn trong nước, bất kỳ xảy ra mà khó đối phó ngay được, Vũ Duy Ninh có trách nhiệm giữ đất đai, đã không biết phòng bị trước, lại không hay cố giữ lấy thành để đợi quân cứu viện, trên để triều đình phải lo, dưới làm cho nhân dân lầm than, làm hỏng việc nước như thế chết cũng chưa che hết tội, bèn sai tước quan hàm của Duy Ninh...; rồi tin án sát là Lê Từ chết cũng báo đến, cũng chuẩn cho truy tước quan hàm; ...tước chức hàm của bọn tỉnh thần Gia Định là Trần Tri, Vũ Thực, Tôn Thất Năng, phát súng làm quân tiên khu ở quân thứ cố sức làm việc chuộc tội”. Tội nghiệp cho Vũ Duy Ninh, cũng chỉ mới được điều vào làm tổng đốc Gia Định – Biên Hòa ngay trước khi quân Pháp đánh, mà lại là được điều vào để thay thế cho Phạm Thế Hiển, chắc là người được đánh giá cao hơn, được điều ra Đà Nẵng làm tham tán đại thần ở Quảng Nam đánh Pháp. ĐNTL từng kể rằng vua Tự Đức cũng có quan tâm phòng thủ Cần Giờ Gia Định, nhưng có lẽ là do sự quan thêm thất về sau, hoặc là vua chỉ nói thể thôi mà không có hành động cụ thể nào cả.

Trong khi đó chiến sự vẫn diễn ra lẻ tẻ với những nỗ lực đánh lấy lại thành Gia Định, có vẻ khá là tự phát và chẳng có tác dụng gì:

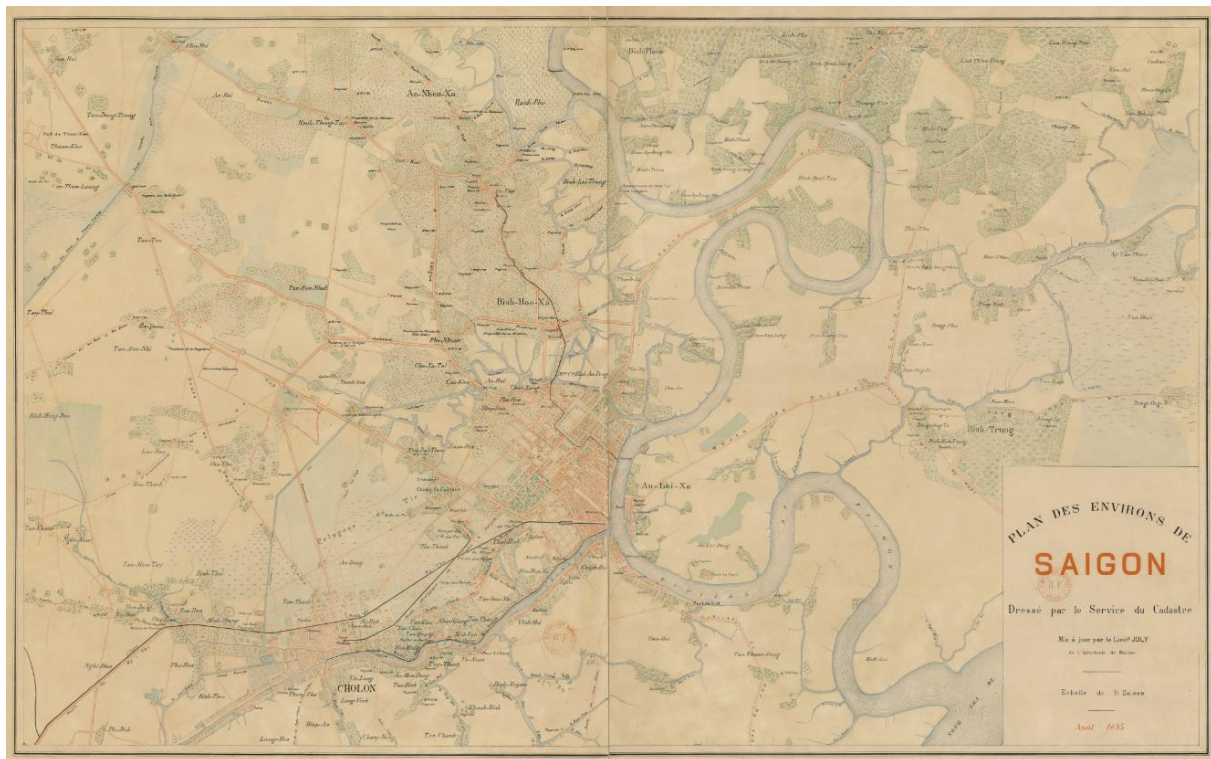
“Trương Văn Uyên [tổng đốc Long Tường] phái lính giữ cửa biển Tiểu ở Định Tường, tự đi Gia Định hội nhau đánh giặc, bị thua ở chùa Mai Sơn; tháng trước, thành Gia Định đã mất, Uyên lui về giữ tỉnh Vĩnh Long, tâu xin tập hợp binh dân trong tỉnh và tư cho tỉnh láng giềng cùng tỉnh thân Gia Định cũ chiêu tập binh dân, định ngày đến đánh lấy lại thành Gia Định; đến bây giờ tư cho các tỉnh phái quân đến tiếp ứng, mà tự mình đem lính Vĩnh Long (1.300 tên), Định Tường (800 tên) và đem theo án sát tỉnh ấy là Lê Đình Đức, lãnh binh là Tôn Thất Tuấn và phó lãnh binh Định Tường là Hoàng Mỹ đi đến Gia Định để hội nhau với bọn Trần Tri, lúc bấy giờ bọn Tri đã dời đến đóng quân ở cầu Tham Lương, thôn Thuận Kiều gần tỉnh thành; vừa đi đến chùa Mai Sơn, lũy Lão Sầm hạt Gia Định đóng quân lại (ngày mùng 2). Quân của Tây dương chia 2 đường xông đến đánh bắn bọn Đình Đức, ở các đồn trước đều tan vỡ. Quân của Tây dương đến đánh vào đồn giữa. Uyên trúng đạn bị thương đem quân lui, cùng với Đình Đức, Tuấn, Mỹ đều lại về Vĩnh Long (quan quân bị chết 21 viên, danh)”. Đây là việc xảy ra ngày mùng 2 tháng Hai âm, tức là đã hơn nửa tháng kể từ ngày Sài Gòn thất thủ.



Hình 37: Đồn Cây Mai về sau này, khi đã trở thành 1 đồn binh của Pháp

Có dư luận cho rằng Trương Văn Uyên này là hậu duệ của Trương Văn Đa, danh tướng phò mã nhà Tây Sơn, song điều này thật khó tin, vì Uyên vốn đỗ hương cống ở Gia Định năm Minh Mạng thứ 2 tức năm 1821, về làm thuộc hạ của Trương Đăng Quế trong nội các, được Quế trọng dụng đề bạt từ năm 1830. Chùa Mai Sơn, dân dã thường gọi chùa Cây Mai, về sau sẽ thành đồn Cây Mai; còn cầu Tham Lương không thay đổi, thôn Thuận Kiều giờ thành đường Thuận Kiều, những địa danh tuy chìm nổi nhưng vẫn tồn tại đến tận bây giờ. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha chiếm được thành Phụng, đã đuổi quân triều đình dạt ra xa, phía Bắc ra khỏi cầu Tham Lương, phía Tây ra khỏi chùa Cây Mai, ra khỏi cả 2 vùng dân cư là Sài Gòn và Chợ Lớn.

Cũng họ Trương nhưng không thân thuộc gì với Trương Văn Uyển là Trương Công Định, mặc dù được Đại Nam chính biên liệt truyện mô tả là sẽ “ứng nghĩa” vào năm 1861, nhưng sử tào lao vẫn cho ông ngay đầu năm 1859 đã kéo quân từ Gò Công ngược đường bằng qua Sài Gòn lên đóng ở Thuận Kiều rồi lại quay lại đánh nhau ở Cây Mai, lung tung cả. Trước khi có giặc mà ông chủ đồn điền Trương Công Định đã có sẵn 1 đội quân thì rõ là không được rồi.



Hình 38: Bản đồ Sài Gòn năm 1895, còn đủ cả những Cây Mai, Tham Lương và cả đại đồn Chí Hòa

Ngay sau khi đánh bại Trương Văn Uyển ở Cây Mai, “quân của Tây dương bắn phá thành tỉnh Gia Định, đốt cháy dinh thự kho tàng, rồi rút lui đóng ở mạn dưới bảo Hữu Bình”, dường như đã tạo bối cảnh cho 2 câu thơ buồn thảm của Nguyễn Đình Chiểu: Bến Nghé của tiền tan bọt nước, Đồng Nai tranh khói nhuộm màu mây. Đi xa hơn đề Chiểu, các sử gia đời sau thêm vào rằng, 32 khối thuốc nổ đã làm cho tòa thành “cháy mãi 2 năm mà khói còn nghi ngút [!?”]. ĐNTL không đề cập việc đốt cháy hay đám cháy nào khác trước đó. Không chiếm giữ thành mà lại rút xuống tận đồn Vàm Cỏ Tân Thuận, hẳn nơi đây là thích hợp hơn, trên bến có đồn dưới sông có thuyền, cho hạm đội của liên quân đóng giữ. Nhớ là thời kỳ này ở Tân Thuận chưa có kênh Tê.

Tập san Sabix của trường Bách Khoa Pháp thì viết:

“Faute d’effectifs, il était impossible de conserver cette citadelle que le Génie fit sauter après en avoir évacué tout ce qui pouvait être utile. Saïgon était déjà une grande ville d’environ cent mille habitants, riche et très commerçante grâce à son importante colonie chinoise comptant 12 à 15000 personnes. Toute la région était bien cultivée et grosse productrice de riz. Comme on pouvait le prévoir, une grande partie de la population s’était enfuie. Rigault de Genouilly tenta de

la rassurer par une proclamation dans laquelle il promettait le respect des personnes et des biens et invitait les habitants à venir vendre leurs produits. Le marché fut vite approvisionné”. [Vì thiếu nhân lực, không thể giữ được tòa thành nên Thiên tài đã cho nổ tung nó sau khi đã sơ tán mọi thứ có thể hữu ích. Sài Gòn là 1 thành phố lớn với khoảng 100 ngàn dân, giàu có và rất thương mại nhờ cộng đồng hoa kiều lớn khoảng 12 đến 15 ngàn người. Toàn vùng được canh tác tốt và là nơi sản xuất lúa gạo lớn. Có thể dự đoán, phần lớn dân số đã bỏ trốn. Rigault de Genouilly cố gắng trấn an mọi người bằng 1 tuyên bố, trong đó ông hứa tôn trọng con người và hàng hóa và mời cư dân đến bán sản phẩm của họ. Thị trường nhanh chóng được cung cấp]. Phía Pháp thừa nhận cho nổ tòa thành ngay lập tức, có thể ngay hôm đó hoặc hợp lý hơn là hôm sau, sau khi “đã sơ tán mọi thứ”. Lưu ý thuật ngữ “colonie chinoise”, cũng có thể được dịch là “thực dân người hoa”, theo nghĩa “thực dân” chỉ là những người đi làm ăn sinh sống ở xứ người.

“Malgré ces tentatives de cohabitation, le 18 février, un immense incendie éclata qui se prolongea pendant plusieurs jours et détruisit toute la ville à l’exception du quartier chinois. Il s’agissait à l’évidence d’un incendie volontaire, soigneusement organisé”. [Bất chấp những nỗ lực chung sống như vậy, vào ngày 18/02, 1 đám cháy lớn đã bùng phát kéo dài nhiều ngày và phá hủy toàn bộ thành phố, ngoại trừ khu phố hoa kiều. Rõ ràng đó là 1 cuộc đốt phá được tổ chức cẩn thận]. Sẽ đáng tin hơn nếu coi đám cháy này là hậu quả của việc “thiên tài đã cho nổ tòa thành”, trong đúng ngày 18/02 này hoặc 1 ngày trước đó. Quan quân triều đình khó có ai còn ở lại để tiến hành “cuộc đốt phá được tổ chức cẩn thận” như vậy.

“Dans les jours qui suivirent, Rigault de Genouilly fit commencer les travaux d’hydrographie du fleuve et d’exploration des environs de la ville. Le 7 mars, la citadelle fut détruite et peu à peu une garnison aux ordres du capitaine de frégate Jauréguiberry s’installait, protégée par une petite division comprenant la corvette Primauguet, 2 canonnières, un transport et un aviso espagnol. Le 27 avril 1859, Rigault de Genouilly quittait Saïgon pour remonter à Tourane”. [Những ngày sau đó, Rigault de Genouilly bắt đầu công việc đo đạc thủy văn của dòng sông và khám phá môi trường xung quanh thành phố. Vào ngày 07/03, thành bị phá hủy và 1 đơn vị đồn trú dưới quyền của thuyền trưởng Jauréguiberry dần dần được hình thành, được bảo vệ bởi 1 hải đội nhỏ bao gồm tàu hộ tống Primauguet, 2 pháo hạm, 1 tàu vận tải và chiếc Aviso của Tây Ban Nha. Ngày 27/04/1859, Rigault de Genouilly rời Sài Gòn để đi Đà Nẵng]. Việc đánh đồn Cây Mai ngày 06/03/1859, tức ngày mùng 2 tháng Hai âm theo ĐNTL, có lẽ đối với liên quân là 1 việc không đáng kể nên không thấy đề cập, ngày 07/03 thì phá hủy thành Phụng, phá hủy 1 lần nữa, phù hợp với mô tả của ĐNTL, và lui về đóng giữ tại đồn Hữu Bình Vàm Cỏ. Gần 2 tháng sau, ngày 27/04, Genouilly mới rời đi Đà Nẵng.

Đơn vị đồn trú nhỏ của Jauréguiberry không gặp khó khăn gì lắm, chắc là thu mua được hàng hóa lương thực từ người dân địa phương để tồn tại ở đồn Hữu Bình Vàm Cỏ cho đến tận đầu năm 1861.

Ở Đà Nẵng, tháng Tám âm, “Phạm Thế Hiển, Nguyễn Hiêu đánh nhau với quân Tây dương ở Phước Trì, Liên Trì bị thua..., vua sai Phan Thanh Giản, Lê Chi Tín đem cờ bài, mang theo bộ

viện thị vệ mỗi bên 1 viên, cùng 400 lính ở Kinh đi đến ngay quân thứ Quảng Nam, họp tướng sĩ lại, tuyên đọc chỉ dụ, chém bọn Văn Đa 3 tên ở trong quân cho mọi người biết; Tri Phương, Thế Hiển và Hiên đều cách chức lưu dụng”.

Thông thả làm xong tiết Vạn thọ, cuối tháng Tám âl, “vua sai bắt trói bọn Trần Hoàng (tổng đốc, dưới đây đều quan ở Quảng Nam), Nguyễn Tài (lãnh binh), Trần Tri (đề đốc, từ đây trở xuống đều quan ở Gia Định), Vũ Thực (bổ chính), Tôn Thất Năng (lãnh binh) đem về Kinh giao cho bộ Hình nghiêm bàn xử tội, (đều can việc thất thủ đại đồn Quảng Nam và thành Gia Định); rồi khi án dâng lên, Hoàng, Tài, Tri, Năng đều chiếu luật ‘chủ tướng không cố giữ được thành’ xử tội trăm giam hậu; Năng bị tước sổ tôn thất, đổi theo họ mẹ gọi là Trần Năng, Thực vì làm quan ít ngày, đổi xử tội giáo giam hậu; nhưng sau đều chuẩn cho tha ra cố sức làm việc chuộc tội”.

Rồi đến cuối năm, tháng Chạp, tức là đã vào đầu năm 1860 dương lịch, “xử tội các viên biên 2 quân thứ thua trận: trận thua ở Phước Thắng tỉnh Biên Hòa, lãnh binh là Bùi Thỏa phải cách lưu; trận thua ở Mai Sơn tỉnh Gia Định, hiệp quân là bọn Đặng Điền 28 viên cách chức cố sức làm việc, suất đội là bọn Vũ Đặc 6 viên, thương biện là Trần Xuân Hòa giáng 4 cấp, đều lưu dụng, hiệp quân là bọn Lê Nghĩa 40 viên phạt đánh ngay 100 trượng; trận thua ở Nại Hiên Liên Trì tỉnh Quảng Nam, hiệp quân là Đỗ Lực, suất đội là Vũ Văn Linh, Lê Vũ Tảo, Lê Lượng phải cách chức cố sức làm việc, hiệp quân là bọn Vũ Tảo, Nguyễn Du 7 viên đều cách lưu, lãnh binh là bọn Lê Xuân 11 viên đều giáng 4 cấp lưu, hiệp quân là bọn Lâm Viết Lợi 42 viên, suất đội là bọn Trần Phú Dao 7 viên đều phạt 100 trượng, quân vệ là bọn Phạm Đức Sáng 5 viên giáng 2 cấp, suất đội là bọn Hà Phước Cẩm 24 viên đều phạt 80 trượng; trận thua ở thành Định Hải đồn Chân Sảng, phó vệ úy Lê Hòa, thành thủ úy Tôn Thất Mưu cùng bọn hiệp quân, suất đội đều cách chức cố sức làm việc”.

Đã không được lưu danh sử sách là lớp người đầu tiên “anh dũng chống thực dân Pháp xâm lược” thì thôi...

273 – Hòa hay Chiến

Mặc dù súng đã nổ và máu đã đổ, nhưng mọi việc trên thực tế vẫn còn cơ hội để có thể diễn ra khác đi. Tháng Ba âm năm 1859 tiết Thanh Minh, vua Tự Đức vẫn thông thả đi thăm vua cha Thiệu Trị ở Xương lăng thì đến tháng Tư có chuyện “Tôn Thất Hàn ở nơi đóng quân tại Quảng Nam tự tiện phái cho suất đội là Chu Cửu dò hỏi phái nhân của Tây dương, hỏi rằng, 2 nước đánh nhau, rút lại không ích lợi gì, quan nước Nam nếu muốn đến thuyền của Tây dương thì có ngại gì không”. Dường như Tôn Thất Hàn thuộc về Tôn Thất phả hệ 7 phòng 19 chi 1 đệ tứ thế, tức là hậu duệ đời thứ 4 của chi trưởng của người con thứ 19 của chúa Nguyễn thứ 6 Nguyễn Phúc Chu [người này tên là Nguyễn Phúc Truyền, sau gọi là Tôn Thất Truyền. Tôn Thất Truyền sinh Tôn Thất Thùy, Tôn Thất Thùy sinh Tôn Thất Nhâm, Tôn Thất Nhâm sinh Tôn Thất Hàn]. Như vậy xét về vai vế trong dòng tộc, Tôn Thất Hàn bằng vai vớ với vua Gia Long. Năm 1865, Tôn Thất Hàn qua đời khi đang đương chức hậu quân đô thống, lĩnh tổng đốc Hà Nội – Ninh Bình.



Hình 39: Hoàng đế An Nam trên ngai vàng, hình minh họa trong hồi ký của Paul Doumer

“Chu Cửu lại yêu cầu họ [người Pháp] gửi thư cho làm tin, rồi thì phái viên của Tây dương là Đê La Phong [liệu có phải là Thoyon, người ở lại Đà Nẵng khi Genouilly đi Sài Gòn, mà Thoyon

này có phải là Alfred Jean Pascal Thoyon 1811-1866?] sai thám tử là Nguyễn Văn Mai, Nguyễn Văn Đặc đưa 1 phong thư đến, quan ở quân thứ đem thư ấy tâu lên; vua nói rằng, thư này nếu họ tự đưa đến trước, còn có thể tùy cơ châm chước thi hành, nhưng bởi Chu Cửu cần bậy nói ra trước, nên họ mới đưa thư này, hơn nữa trong thư chưa biết họ nói gì, nhưng xét việc hành động cùng lời nói của họ không phù hợp, đều không phải là ý tốt, nếu mở ra xem thì họ mượn đây làm cớ, khó cho việc chấp nhận hay bác đi được; bèn giao cho trả thư ấy cho quân thứ sức tên Mai, tên Đặc đem thư ấy trả lại cho Đê La Phong và bảo họ biết cái ý là không thể dễ dàng mà nhận thư ấy, đại lược nói rằng, quan Tây dương muốn giảng thuyết việc gì, nên phái 1 viên quan có chức phẩm cùng đến quân thứ trình nộp, thì mới mở ra xem rồi trả lời, quân thứ ta chính chính đường đường, sao nỡ giết người sứ giả ư, còn thư này ám muội, chưa biết hư thực thế nào, há lại có lẽ dễ dàng mà nhận; rồi phạt Tôn Thất Hàn, thống chế dinh Long võ sung đề đốc quân thứ Quảng Nam, 6 tháng lương, Chu Cửu cũng phải phạt đánh ngay 60 trượng”. Ý tứ lời lẽ của nhà vua nghe ngô nghê hết biết, quyết chiến với thất bại cầm chắc trong tay cũng bị nhà vua phạt, mà tìm cách thương lượng đảng hoàng cũng vậy. Tên Mai tên Đặc có vẻ là những người được Chu Cửu sai đi, rồi “Đê La Phong sai” ngược trở lại, đi lại nhiều lần, chứ không phải là người Việt làm việc cho Pháp.

Tập san Sabix của trường Bách Khoa Pháp dường như cũng thu thập được thông tin từ đầu đó: “Les Annamites étaient éprouvés eux aussi par cette dure campagne et ils demandèrent à négocier. Le 18 juin, l’amiral reçut un parlementaire et le 23 les bases d’un Armistice étaient établies mais, suivant les meilleures méthodes asiatiques, la Cour de Hué cherchait surtout à gagner du temps pour reconstituer ses forces”. [Người An Nam cũng bị thử thách bởi chiến dịch khó khăn này và họ yêu cầu thương lượng. Ngày 18/06, đô đốc tiếp 1 phái viên, có lẽ là Chu Cửu, và đến ngày 23/06, cơ sở cho 1 cuộc đình chiến được thiết lập, nhưng, theo các phương pháp tốt nhất của châu Á, Triều đình Huế chủ yếu tìm cách câu giờ để xây dựng lại lực lượng của mình]. “Cơ sở cho 1 cuộc đình chiến” mà người Pháp hy vọng đó chắc chính là phong thư mà về sau đã không được mở, chỉ có điều họ không hiểu được uẩn khúc bên trong, vì sao mà phong thư lại bị trả về.

“Lassé de ces attermoiements, Rigault de Genouilly lui fit savoir que si la paix n’était pas signée le 15 septembre, les hostilités reprendraient. Ce fut ce qui se produisit. Le 15, un nouveau combat culbuta les défenses reconstituées et repoussa les Annamites mais il demeurait évident que les Français ne disposaient pas des moyens d’obtenir des résultats décisifs. Le 21 septembre, Rigault de Genouilly écrivait: ‘on ne voit pas de terme à l’entreprise dans laquelle nous sommes engagés. Peut être la meilleure solution serait-elle de s’emparer de la province de Saïgon, d’y former un établissement définitif et d’attendre là les déterminations du gouvernement annamite’”. [Mệt mỏi với sự trì hoãn này, Rigault de Genouilly cho phái viên biết rằng nếu hòa bình không được ký kết vào ngày 15/09, các hành động thù địch sẽ tiếp tục. Đây là những gì đã xảy ra. Vào ngày 15, 1 cuộc giao tranh mới đã phá hủy hệ thống phòng thủ mới được tái thiết và đẩy lùi quân An Nam, nhưng rõ ràng là người Pháp không có đủ phương tiện để có được kết quả quyết định. Vào ngày 21/09, Rigault de Genouilly đã viết: ‘chúng tôi không thấy

kết cục cho công việc mà chúng tôi đang dính vào. Có lẽ giải pháp tốt nhất là chiếm tỉnh Sài Gòn, đóng quân và chờ quyết định của chính quyền An Nam ở đó”]. Từ ngày 18/06 đến 15/09 là suýt soát 3 tháng, Genouilly đã tiếp nhận quá trình đàm phán từ Thoyon và 2 bên đã cử người qua lại không phải chỉ 1 lần.

Sau khi đã xử tội Tôn Thất Hàn và Chu Cửu thì ĐNTL kể tiếp, coi như câu chuyện này không liên quan gì đến câu chuyện của Hàn và Cửu cả: Tháng Sáu âm năm 1859, “phái viên của Tây dương sai đến bàn hòa, xin phái quan đến cùng hội, các quan ở quân thứ đem việc tâu lên; vua cho là 2 bên đánh nhau, bên nào cũng có trận được trận thua; nay đã chán chiến tranh, đến bàn hòa, cũng là ý tốt; bèn sai Nguyễn Tri Phương chuyên biện việc ấy, nói hết cả các điều đính ước, tâu lên đợi mệnh lệnh”.

Trước đó, “tháng Năm, quân của Tây dương ở Gia Định chiếm đóng mãi bảo Hữu Bình, vua bảo viện Cơ mật rằng, trước kia trẫm nghĩ là người Tây dương đến Gia Định, đã no chán thỏa thích rồi thì tất rút lui, không ngờ chúng thực có lòng cố giữ [!]; mà các quan ở quân thứ, tướng võ giỏi giang vẫn thân mưu lược cũng ít; bọn người chọn người tâu lên, không câu nệ phẩm cách”. Hóa ra là, đương đầu với Pháp trong 1 bối cảnh quốc tế phức tạp, bài học bên nhà Thanh còn nóng hổi, nhưng mà nhà vua cứ tưởng là chuyện đùa.

Khi vua đã biết là không phải chuyện đùa nữa rồi, và ra chỉ dụ cho bá quan văn võ “tâu bày phương lược đối phó với Tây dương”, thì “đình thần theo lời dụ lục tục mật tâu”, cơ bản có thể chia ra thành các luồng ý kiến như sau:

“Cơ mật viện là Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Lưu Lượng nói rằng, bãi việc binh đao cho dân nghỉ ngơi, liệu thời thế mà nuôi sức, thì chiến không bằng hòa, nhưng cần giữ cho chắc, rồi sau sẽ bàn; [đại lược nói: giặc lấy thuyền liền dùng súng nháy làm nghề giỏi, ở ngoài biển rộng sóng gió, thế ta cũng khó tranh đua được với họ; về kế sách hiện thời, cũng nên lấy thế thủ làm việc chính, giữ cho vững rồi sau mới có thể nói chuyện đánh hay chuyện hòa được; nếu trước hết ta giữ không chắc thì chiến đã không được lại e rằng hòa lại không đủ trông cậy; đến như cách đánh giữ, đã được hoàng thượng nhiều lần chỉ thị cơ nghi, không thiếu cách gì, khéo thế theo mà làm, cũng đủ thắng được giặc]”. Có thể tóm tắt lại là “giữ vững để hòa”, chỉ có điều là làm sao để giữ cho vững thì không rõ lắm, ý lại cho vua đã “nhiều lần chỉ thị”, chỉ cần ai đó “khéo thế theo mà làm”...

“Đình thần là Trần Văn Trung, Trương Quốc Dụng, Chu Phước Minh, Lâm Duy Thiếp, Phan Huy Vịnh, Phạm Chi Hương, Nguyễn Xuân Hàn, Nguyễn Hữu Thành, Nguyễn Luận, Lê Đức, Vũ Xuân Sán cũng nói, về cách chống giặc, cốt giữ vững là hơn, mà cách giữ cần phải vững chắc nuôi sức, để đợi tùy cơ đối phó; [đại lược nói: nghe nói giặc Tây dương, thói thường vẫn đem quân đi khiêu khích nước ngoài, nước nào đánh nhau với nó, nếu được thì nó đánh mãi, chiến trận liên miên, họa nạn không dứt; mà thua nó thì nó chiếm tịch thượng yêu sách lấy lợi, cho thỏa lòng ham muốn mới thôi; nước Tây dương kia cùng ta không phải là nước liền láng giềng, có thể thôn tính nhau được; chuyển chúng đến này chẳng qua để cầu lợi thôi; bởi vì quân ở xa

đến, cốt cần đánh ngay]”. Hóa ra là, từ vua đến tôi đều ý y cho rằng, vì Tây dương xa xôi quá, chẳng thể nào ở lại thôn tính nước Việt được.

Tiếp tục đại lược nói: “[nay chúng đặt chí ở Trà Sơn, lại đặt chí ở Gia Định, bèn giả hình làm ra cách có ý giằng dai, mà gần đây lại có việc chúng đưa thư đến; đầu trong thư nói những gì, chưa từng dịch ra để xem, nhưng ý ngu xuẩn của chúng tôi trộm nghĩ, đại yếu chẳng qua có 2 khoản, 1 là muốn lập phố xá ở Trà Sơn để buôn bán sinh lợi, 2 là cho người nước chúng đi lại truyền đạo Kitô thu thuế lấy lợi; đó đều là những khoản ta không bằng lòng cho, bởi thế, vô cớ gây việc để mong được những khoản ấy]”. Đoạn này các đình thần biện luận loanh quanh, tối nghĩa và cố chấp.

Vẫn tiếp tục đại lược nói: “[nhưng thuyền tàu súng đạn đều là cái sở trường của chúng, người nhà Thanh cũng nói, những bến đỗ thuyền buôn bán, khó tranh nổi với chúng; nay ta muốn thi đua với cái sở trường của chúng, đánh nhau với chúng, mong cho chúng chóng lui, chưa thấy có cơ tất thắng, mà lỡ ra có sa sầy, lại thêm gió thổi chim kêu cũng sợ hãi; lấy mình là chủ mà đối đãi với chúng là khách, nên làm kế chống giữ lâu dài, để đợi khi chúng mỏi mệt, chúng nếu có sai sứ đi lại, thì bấy giờ ta sẽ tùy cơ châm chước đối phó, thì chúng cũng không làm gì được ta vậy]; vua cũng cho là phải, nhưng lại bắt phải tâu lại, thì các quan đều tâu như lời trước”. Vua như vậy quan như vậy, âu là vận nước đã được định đoạt.

“Còn các nhà khác là bọn Tô Trân, Phạm Hữu Nghi, Trần Văn Vy, Lê Hiếu Hữu, Nguyễn Đăng Điều, Hồ Sĩ Tuấn thì chuyên nói việc đánh và giữ; [đại lược nói: Quảng Nam và Gia Định thế đất và tình hình giặc, đại thể giống nhau, cùng có chỗ khác nhau 1 chút; Quảng Nam số thuyền của Tây dương hiện đang có ít, chúng đã vào sâu trong lòng sông, còn có cơ đánh úp được; Gia Định thì số thuyền của Tây dương hiện đóng có nhiều, mà gần mặt biển, quân ta khó tiến đến gần được; vậy xin do quân thứ Quảng Nam phòng bị rất nghiêm, đợi chúng vào sâu trong đất liền, ta đánh chúng ở trên bộ để thu công toàn thắng; quân thứ Gia Định, kịp nên hợp với tinh thần các tỉnh, hợp sức tiến đánh, cốt cho tàu của Tây dương hẹn ngày đốt phá; thế quân ở Gia Định đã thắng, thì ở Đà Nẵng cũng có thể lần lượt dẹp tan được; nếu hòa với nó thì các việc bỏ điều cấm, cho thông thương, dựng nhà thờ đạo, lập phố bán hàng, trăm cách gian xảo đều bởi trong 1 chữ ‘hoà’ mà ra cả, các tể hại không thể nói xiết được]”. Chủ chiến cho nên lời lẽ có chiều cứng rắn, nhưng cũng không rõ Quảng Nam và Gia Định nên lấy nơi nào làm mặt trận chính.

“Bọn Vũ Đức Nhu, Phạm Thanh, Nguyễn Khắc Cần, Phạm Xuân Quế cũng đều có lời bàn khác; Đức Nhu xin mật tư cho quân thứ Quảng Nam liệu làm thư trách họ lấy nghĩa lý, xem họ nếu chỉ muốn thông thương như cũ, hoặc xin bỏ điều cấm đạo Kitô, mà họ tự rút lui thì ta cho giảng hòa cũng chẳng hại gì; nếu họ dối trá yêu sách không thôi, chẳng đánh cũng chẳng hòa, thì ta chỉ có cố sức giữ mà thôi; Phạm Thanh, Khắc Cần, Xuân Quế tâu bày, người thì 5 điều, người thì 2 điều, người thì 8 điều là chủ trương đánh giữ; nhưng có người chỉ thuyết lý mà không có phương lược, hoặc có việc đã làm rồi, hoặc có việc không thể làm được, viện Cơ mật đã duyệt, cho là phần nhiều không thể lấy dùng được, vua đều bỏ đấy”.

“Bọn Lê Chi Tín, Đoàn Thọ, Tôn Thất Thường, Tôn Thất Dao, Nguyễn Hào thì chuyên nói việc hòa; [đại lược nói: phép dụng binh lấy mình nhàn rồi đối phó với quân giặc nhọc mệt, nay giặc nhàn rồi mà ta nhọc mệt, thì việc đánh và giữ là rất khó; hòa đầu là hạ sách, nhưng hiện nay chính là lúc nên cho quân nghỉ để nuôi dân; nếu giằng dai hằng tháng, hằng năm, sợ có sự lo bất ngờ xảy ra; nay giặc muốn cầu hòa, thì việc quyền nghi cũng không nên hoãn], vua bảo rằng, bọn người biết việc đánh việc giữ là khó, mà không biết việc hòa lại càng khó hơn; sao không so sánh sự lý, không tính đầu cuối, mà khinh suất nói như thế”.

“Gặp khi tham tri là Bùi Quỹ đi việc công ở Bắc Kỳ về, dâng nói: thần trộm nghe đình thần, người thì nói đánh giữ, người thì nói hòa thân; người chủ trương đánh giữ thì trong bụng ngầm cho bọn nói hòa là tự mình hèn nhất kém khí thế trước, người chủ trương hòa thân thì ngầm chê trách bọn chủ chiến là không hiểu sự cơ; người cầm đầu người cầm sào, mỗi bên 1 ý kiến, lỡ ra có việc nguy cấp xảy ra, còn có thể mong cùng 1 thuyền cùng chở được không; xin nhà vua bỏ hết lời bàn khác đi, mà độc đoán từ trong bụng, định quy mô, trước để thống nhất lòng người; vua nói, lời nói ấy đầu buống thẳng, các quan cũng nên răn”.

Đang lúc vua quan bối rối ngờ ngạc thì có vẻ như có tin tốt lành: “quân của Tây dương đánh úp đồn trên bộ ở Gia Định, nhưng đánh không được”. Đoạn trích dưới đây trong nguyên bản chỉ cách đoạn trên có mấy dòng mà thấy rõ tình trạng viết sử rất đầu Ngô mình Sở: “vua bảo bộ Binh rằng, phái viên của Tây dương đã sai người đến nghị hòa mà còn cho quân đốt phá Quảng Nam Khánh Hòa là đạo lý gì; vừa rồi phái viên của Tây đã nói trước rằng chỗ gần có thể sức cho biết, chỗ xa thì không báo khắp được, thì Quảng Nam có phải là chỗ xa đâu; chúng làm điều bất tín, muốn chóng xong hòa cục, có thể được ư; sai quan ở quân thứ đem điều ấy mà trách hỏi”.

Tây dương đánh ở Gia Định thì vua muốn trách hỏi việc đốt phá Quảng Nam Khánh Hòa, ấy vậy mà sử quan cũng chêm vào được mấy lời có cánh: “rồi thì chủ soái Tây dương trả lời, từ sau không dám làm như thế nữa”, y như học trò viết kiểm điểm. Nhưng sau đó, “thuyền Tây dương đốt thuyền vận tải 5 chiếc, thuyền buôn 3 chiếc ở ngoài biển Quảng Trị, Quảng Bình”.

Vua “ban bài thơ ngự chế cho 2 quân thứ Quảng Nam, Gia Định”. ĐNTL viết là, “đã 2 3 tháng nay, 2 bên đi lại nghị hòa; vua sợ tướng sĩ ở rồi sinh trễ biếng, cho nên dụ hỏi các việc huấn luyện, tính toán việc đánh giặc giữ giặc và ban cho mỗi nơi 1 bài thơ để cho hiểu biết lòng vua”, nghe hấp dẫn vậy mà chẳng thấy trích đăng gì cả.

274 – Hoàng đế hiếu thảo

Ngày nay còn lưu truyền giai thoại về sự hiếu thảo của vua Tự Đức với người mẹ, - đức Từ Dụ Nghi Thiên thái hoàng thái hậu mà tên còn lưu, với ít nhiều chệch âm, ở 1 bệnh viện phụ sản nổi tiếng, - đại khái là dăng roi chờ mẹ đánh khi mắc lỗi.

Kể ra thì, nhị giai thành phi Phạm Thị Hằng, trường nữ của thượng thư Lễ bộ Phạm Đăng Hưng, [khu lăng mộ họ Phạm Đăng ở Gò Công sau này tiếm xưng lên thành “lăng hoàng gia”], là 1 người mẹ hết lòng vì con đẻ của mình, Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, khi đã loại bỏ được 1 cách hết sức êm thấm hoàng trưởng tử An Phong công Nguyễn Phúc Hồng Bảo, người có người mẹ vai vế đã thấp hơn, tam giai quý tần, lại còn mất sớm [ĐLSC số 253]. Êm thấm đến mức, đến bây giờ sử sách vẫn coi bà là người “đôn hậu và hiền hòa”. Giỏi văn chương trọng lễ nghĩa, nhà vua có hiếu với mẹ là phải.

Trong bối cảnh đó, cũng nên nhắc lại 1 việc vua vừa làm, ngay tháng Chín âm năm 1860, sau khi cử Nguyễn Tri Phương đi Gia Định để đương đầu với quân Pháp. Việc này cần lấy nguyên văn theo ĐNTL dù rất dài, như sau:

“Vua cho là yên nước trị dân, chẳng gì tốt hơn lễ phép. Bàn sai quan bộ Lễ châm chước bàn định các lễ hoàng thân, bộ, thự, quân dinh cũng gặp nhau, ra mắt nhau ở triều đường và lễ hương ẩm tửu, nam nữ hôn thú. Rồi sau bộ Lễ dâng lên. Vua chuẩn cho chép ra làm lệ:

- Lễ hoàng thân, các quan ở Kinh ra mắt nhau: Từ thân vương, hoàng thân cho đến Tá quốc lang, Phụng quốc lang, người nào phẩm trật kém nhau, thì lúc ở triều đường hay ở công thự, người tôn hơn đến thì người kém phải đứng dậy kính chào, người tôn ngồi yên, rồi sau theo thứ tự đều ngồi. Đến lúc từ giã lui ra, người tôn hơn đứng dậy trước thì người dưới đứng dậy chào. Nếu cùng lui ra, thì người tôn hơn đi trước, người dưới đi theo, đều theo thứ tự trước sau, không được trái vượt. Lúc ngày thường ra mắt nhau: Nếu phẩm trật ngang nhau (như phiên vương ra mắt phiên vương, quận công ra mắt quận công v.v...) khi đến phủ đệ, người theo hầu báo cho người coi cửa, người coi cửa trình với chủ nhân, chủ nhân đi ra vái 1 vái đón khách, khách vái đáp lại, rồi chia ra bên Đông bên Tây cùng vào. Khi đến thềm, 2 người vái nhau lên ngồi nói chuyện. Xong việc rồi, khách đứng dậy vái 1 cái từ biệt, chủ nhân vái đáp lại, khách ra cửa chủ nhân lui vào. Nếu là người hơi tôn hơn đến ra mắt người hơi kém (như thân vương ra mắt thân công, thân công ra mắt quốc công, quận công v.v...), thì khách đến cửa, người theo hầu báo tin, người coi cửa báo cho chủ nhân, chủ nhân ra đón vái 2 vái, khách đáp lại 1 vái, đón vào lên ngồi, khách ngồi trên về bên Tây, chủ nhân ngồi dưới về bên Đông. Nói chuyện xong, khách có lời cáo từ lui ra, chủ nhân tiễn ra đến cửa, khách vái 1 vái, chủ nhân đáp lại 2 vái, khách lên xe, chủ nhân lui vào. Người hơi kém ra mắt người hơi tôn hơn (như thân công ra mắt thân vương, quốc công, quận công ra mắt thân vương, thân công v.v...) khi đến phủ đệ, người theo hầu báo tin, người coi cửa báo với chủ nhân, chủ nhân ra đứng tại chỗ ngồi, sai người ra đón, khách vào vái 2 vái, chủ nhân đáp lại 1 vái, chủ nhân mời ngồi, khách ngồi dưới về phía Tây, chủ nhân ngồi trên phía Đông. Nói chuyện xong, khách đứng dậy cáo từ vái 2 vái, chủ nhân đáp lại 1 vái, khách ra cửa,

chủ nhân lui vào. Còn từ huyện công, hương công trở xuống ra mắt từ quận công trở lên, đều phải lạy, như lễ thuộc viên đối với đường quan.

朝 拜



Hình 40: Vái chào - bộ tranh của Henri Oger

Lại như lúc triều đường hội họp công: thân vương, thân công đến, thì quan viên văn võ đều đứng dậy kính chào, thân vương, thân công ngồi yên rồi thì các quan đều theo phẩm trật mà ngồi. Việc hội họp công đã xong, thân vương thân công ra trước, quan viên văn võ đều đứng dậy kính chào. Như cùng đi ra, thì hoàng thân các tước công đi trước, các quan theo thứ tự đi sau.

Lại như lễ thân vương, hoàng thân các tước công cũng ra mắt nhau, đều theo thế thứ tôn ty mà kính lễ nhau. (Như hàng chú là tôn, hàng cháu là ty), dẫu cùng ngang hàng mà thứ tự phải có người nhiều tuổi người ít tuổi, dẫu phong tước không giống nhau (như thân vương, quận vương, quốc công, quận công v.v...), mà người vai dưới phải kính nhường người vai trên. Phàm việc gì đều phải kính nhường không lấy tước mà bàn hơn kém. Khi ở triều đường và các nơi hội họp công, người hàng trên đến thì người hàng dưới đứng dậy kính chào, người hàng trên ngồi yên thì người hàng dưới theo thứ tự mà ngồi. Đến lúc lui ra, thì người hàng trên đi trước, thì người hàng dưới theo thứ tự đi sau. Còn lúc ngày thường ra mắt nhau, nên theo lệ người tôn người ty cùng ra mắt nhau mà thi hành. Đến như lễ chú cháu ra mắt nhau, thì người vai dưới thi lễ trước, người vai trên chỉ nghiêng mình để tỏ ra có lễ, không cần phải vái lại.

Còn những công tử tôn thất người đã tập phong hay người chưa tập phong, phàm khi gặp các hoàng thân đều phải khiêm tốn. Khi ở nơi hội họp công và lúc ngày thường ra mắt nhau, vẫn chiếu theo tước để phân biệt người thân người sơ.

Đến như quan viên văn võ ở kinh, hội họp công ở tả hữu vu và ở các sở bàn việc công, đều theo phẩm cấp mà ngồi. Quan nhất phẩm đến, thì quan nhị phẩm xê lui chỗ ngồi để tỏ ý kính chào,

quan tam phẩm trở xuống phải đứng dậy kính chào. Quan nhị phẩm đến, thì quan tam phẩm xê lui chỗ ngồi tỏ ý kính chào, tứ phẩm ấn quan trở xuống đứng dậy kính chào. Còn các quan khác cũng theo như thế. Lại như bàn việc công ở các bộ, thự: trưởng quan ngồi hàng trên, tham tri, thị lang, biện lý đều ngồi dưới, thuộc viên đều theo phẩm cấp mà ngồi. Bát cử phẩm trở xuống đều đứng hầu 2 bên. Khi trưởng quan đến thì tham tri trở xuống đều đứng dậy kính chào; quan tham tri đến thì thị lang trở xuống đứng dậy kính chào. Các việc khác đều theo như thế.

Lại như các lễ mới đến ra mắt lần đầu và chào ngày tết, tham tri, thị lang, biện lý đều đến bộ đường, đến trước mặt trưởng quan ở bộ vái 2 vái, trưởng quan đáp lại 1 vái, rồi đều ngồi. Khi cáo từ lui ra, khách vái 2 vái, chủ đáp lại 1 vái. Thị lang ra mắt tham tri cũng thế. Còn thuộc viên ra mắt đường quan ở bộ đều phải lạy.

Lại như, về văn giai, lang trung trật chánh tứ phẩm, mới đến ra mắt quan ấn quan tứ phẩm lần đầu, lúc mới đến bảu xin lạy ở sân, ấn quan tứ phẩm từ chối, thì làm lễ vái 3 vái, ấn quan đáp lại 1 vái. Về vũ giai, vệ úy ra mắt vệ úy chương quân quân cũng thế.

Lại như, trưởng quan ở bộ ra mắt tham tri: khi đến cửa, cho người theo hầu báo tin, quan tham tri ra xuống thêm vái 2 vái, khách đáp 1 vái, rồi vào ngồi, khách ngồi trên về bên Tây, chủ ngồi dưới về bên Đông hơi lui xuống. Nói chuyện xong, khách đứng dậy vái 1 vái cáo từ, chủ đáp lại 2 vái, tiễn ra ngoài cửa rồi lui về. Quan tham tri đến nhà quan thị lang, quan biện lý cũng thế. Còn các quán các, viện, tự và võ giai cũng đều theo lệ ấy mà suy ra.

Lại như lễ các quan văn võ ở kinh cùng ngang hàng ra mắt nhau: khi đến cửa, người theo hầu báo tin, người coi cửa báo chủ nhân, chủ nhân ra đón, khi đi đến thêm, đều vái nhau 1 vái rồi đi vào nhà, khách ngồi bên Tây, chủ ngồi bên Đông nói chuyện xong, khách cáo từ, đứng dậy vái 1 vái, chủ vái trả 1 vái, khách xuống thêm, chủ nhân cũng xuống thêm vái tiễn. Lại như khách tôn hơn chủ thì chủ nhân phải ra vào đón tiễn, khách vái 1 vái, chủ vái đáp lại 2 vái. Khách kém chủ thì khách vái 2 vái, chủ đáp lại 1 vái.

Còn như thuộc viên nha khác đến ra mắt quan trưởng nha khác, trừ ra hạng tứ, ngũ phẩm là người phẩm trật hơi cao, thì không kể, còn đều theo lệ thuộc viên đối với đường quan phải lạy, còn lâm thời chối từ hay nhận thì tùy tiện.

- Lễ hoàng thân, các quan ở kinh gặp nhau ở ngoài đường: Những hoàng thân tước công cùng các quan văn võ ấn quan trở lên, nếu có gặp nhau ở đường, thì người dưới tránh xe ở bên tả đường đợi người trên đi qua rồi người dưới mới đi. Đến như văn tứ phẩm thuộc viên, võ quan tam phẩm quân vệ trở xuống, nếu gặp văn ấn quan, võ thống quân trở lên, đều phải đứng nghiêng ở bên tả đường, đợi quan trên đi qua mới được đi. Nếu các quan phẩm trật ngang nhau thì chia đường mà đi. Văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở xuống, quan trên quan dưới gặp nhau đều theo lệ mà suy ra. Quân dân nếu gặp quan chức đều phải tránh đường không được vượt qua hay đi lẫn vào. [Tránh ở bên tả, thì ra là người Việt xưa đi lại theo qui tắc Left Hand Traffic, kiểu Anh chứ không phải kiểu Pháp. Nói thêm, Left Hand Traffic là điều thuận tự nhiên, như là con người ta bắt tay nhau hay đầu gối với nhau đều bằng tay phải, đóng yên cho ngựa hay chất hàng đưa

người lên tàu đều từ phía bên trái. Còn Right Hand Traffic đường như là 1 sản phẩm của “cách mạng”].

Lại như các thân vương, hoàng thân tước công gặp nhau ở ngoài đường, cũng nên lấy thế thứ, tôn ty mà kính lễ nhau (hàng chú là tôn, hàng cháu là ty). Hàng ty gặp hàng tôn, tránh xe sang bên tả đường đợi hàng tôn đi rồi mới đi. Quan văn võ chánh nhị phẩm trở lên đi đường gặp các hoàng thân tước công cũng đều tránh xe sang bên tả đường. Còn văn võ từ tòng nhị phẩm trở xuống, cùng các công tử Tôn Thất, đều phải xuống xe đứng ở bên đường. Lại, văn võ tòng nhị phẩm đi đường gặp quan chánh nhị phẩm trở lên, đều phải tránh xe ở bên tả đường, đợi quan trên đi qua mới đi. Quan tam phẩm, tứ phẩm ấn quan trở xuống, đi đường gặp quan tòng nhị phẩm trở lên, cũng theo lệ phẩm trật ấy mà suy ra.

- Lễ hương ẩm tửu, tức lễ uống rượu trong làng: Xét ra, lễ hương ẩm tửu đặt ra, là có đủ ý nghĩa về dạy nhường, dạy kính, tôn người tôn trưởng, nuôi người già, nêu người hiền. Sách Lễ ký nói: Người 60 tuổi thì ngồi, người 50 tuổi thì đứng hầu để nghe bàn công việc, đây là để tỏ ra sự tôn người trưởng. Tuổi 60 thì ăn 3 món, 70 tuổi thì ăn 4 món, 80 tuổi thì ăn 5 món, 90 tuổi thì ăn 6 món, đây là để tỏ ra kính nuôi người già [không quan tâm liệu người 90 tuổi còn ăn được 6 món hay không]. Sách Chu lễ nói: Về chức đẳng chính (500 nhà là 1 đẳng, tức 1 làng; đẳng chính là người đứng đầu trong 1 làng, coi về chính lệnh giáo hóa trong làng), chọn tìm quý thân mà thờ, tế phải lấy lễ. Hợp dân mà uống rượu ở làng, để phân biệt người tuổi già và thứ vị. Tức là lệ tôn người trưởng nuôi người già đấy. Xét trong hội điền nhà Minh, nhà Thanh, cũng có làm lễ ấy. Duy có phép nhà Minh, mời khách đặt người giúp việc, dâng rượu mời rượu lẫn nhau, cũng đã là phiền; phép nhà Thanh thì đặt ra 3 hạng khách, nhiều hạng khách, cả ngày đưa đón, lại là quá phiền, không phải chỗ hương lý dễ biết dễ hiểu được. Nhưng xét luật của quốc triều chép: Phạm trong hương đẳng kể theo hạng tuổi và lễ uống rượu ở làng, đã có phép nhất định, ai trái lễ ấy phải phạt 50 roi (hương đẳng kể theo hạng tuổi, là nói về việc đi ngồi ngày thường, lễ hương ẩm là nói về khi tụ họp uống rượu, lễ đã có thể thức nhất định, ai trái thể thì phải phạt đánh roi). Lệ ấy chép: Hương đẳng kể theo hạng tuổi. Lễ của các người sĩ, nông, công, thương, ngày thường gặp nhau và tuế thời yến hội, vái chào nhau thì người ít tuổi chào trước, chỗ ngồi thì người nhiều tuổi ngồi trên. Như tá điền ra mắt điền chủ, không cứ tuổi nhiều ít đều theo lễ người dưới kính người trên. Nếu có họ hàng với nhau thì bất cứ tá điền hay điền chủ chỉ làm lễ theo vai vế họ hàng.

Chỗ ngồi khi hương ẩm, người tuổi già có đức vọng thì ngồi trên, tuổi già mà thuần hậu cũng ngồi ngang nhau, còn thì cứ theo tuổi mà ngồi. Người nào đã trái điều lệ, phạm pháp, thì ngồi ra ngoài, không được ngồi lẫn vượt vào chiếu chính. Ai trái lệ này nghĩ xử theo luật ‘vi chế’. Người chủ đám tiệc nếu không phân biệt, để đến nỗi người lương thiện người sằng bậy ngồi lẫn lộn, hoặc xét biết, hoặc người trong đám phát giác ra thì theo luật lệ bắt tội.

Năm Tự Đức thứ 8 [1855] đã nghị định: Các xã dân tế thần, xã lớn cho mổ 1 con trâu, xã vừa, xã nhỏ đều chỉ được mổ 1 con bò. Nay định: Phạm các xã, thôn, hương, ấp, lý, hằng năm có việc Xuân tế, Thu tế, Hội ước, Tiết lệ nên làm lễ hương ẩm tửu, thì chỗ ngồi: Những người dự có sắc

mệnh, văn từ thất phẩm trở lên và giám sinh, ẩm sinh tú tài đã được hàm bát, cửu phẩm, võ từ suất đội trở lên, thi đỗ từ văn, võ cử nhân trở lên, đều chia 2 bên tả, hữu ngồi ở gian chính giữa đình. Người già tuổi 70 trở lên và bên võ thất phẩm như đội trưởng các quân, bên văn các nhân viên tạp lưu bát cửu phẩm, các viên thiên hộ, bá hộ bát cửu phẩm, các cai tổng, cùng là giám sinh, ẩm sinh, tú tài, viên tử, cùng thiên hộ, bá hộ quyền, các binh được miễn sai, miễn đao, đều ngồi ở gian bên tả đình. Các nhân viên nói trên này, nếu phẩm bậc ngang nhau thì ai nhiều tuổi hơn ngồi trên. Người tuổi chưa đến 70 trở xuống, cùng lý trưởng, xã dân đều ngồi ở gian bên hữu đình, nhưng theo tuổi mà ngồi. Khi người được ngồi chiếu gian giữa đình đến, thì những người ngồi chiếu và người ngồi 2 bên gian tả hữu, đều đứng dậy kính chào. Người tuổi già 70 đến, thì các viên văn võ bát, cửu phẩm ở chiếu khác và người 60 tuổi trở xuống đều đứng dậy kính chào. Trừ ra những xã thôn nào đình rộng mà viên chức nhiều, đều theo nghị cũ. Còn làng nào đình hẹp mà lâm thời viên chức không ai ở quê, thì gian giữa không nên để không, cho đem những chức sắc ngồi trên, đều theo thứ tự mà ngồi gian giữa đình.

Còn như gặp nhau ở ngoài đường, những quan chức nhỏ cùng quân dân, các người, cùng đi thì người tôn trưởng đi trước, người dưới và ít tuổi đi sau. Đi đường gặp người già 70 trở lên, phải nhường đường đứng ra bên cạnh, không được vượt mà đi trước. Còn thì đều theo luật lệ và nghị năm Tự Đức thứ 8 mà thì hành.



Hình 41: Lấy vợ lấy chồng - lễ vấn danh và lễ nghênh hôn - bộ tranh của Henri Oger

- Lễ lấy vợ lấy chồng: Trừ ra các khoản phạm vào luật lệ, đã chép rõ rồi thì không kể. Phạm các trai gái lấy nhau, thì về họ hàng phải chính đáng, có người mối thông tin tức, đều theo lễ và tục lệ mà làm. Nếu ai tự bạ lấy nhau, thì theo luật “hòa gian” mà xử tội. Lại theo nghị định năm Gia Long thứ 3, bắt nộp tiền gian hôn 30 quan sung công, để làm răn. Còn như người đàn bà goá chồng, đi theo trai đến 3 - 4 lần, những hạng người ấy há nên đếm xỉa vào loài người. Ai phạm

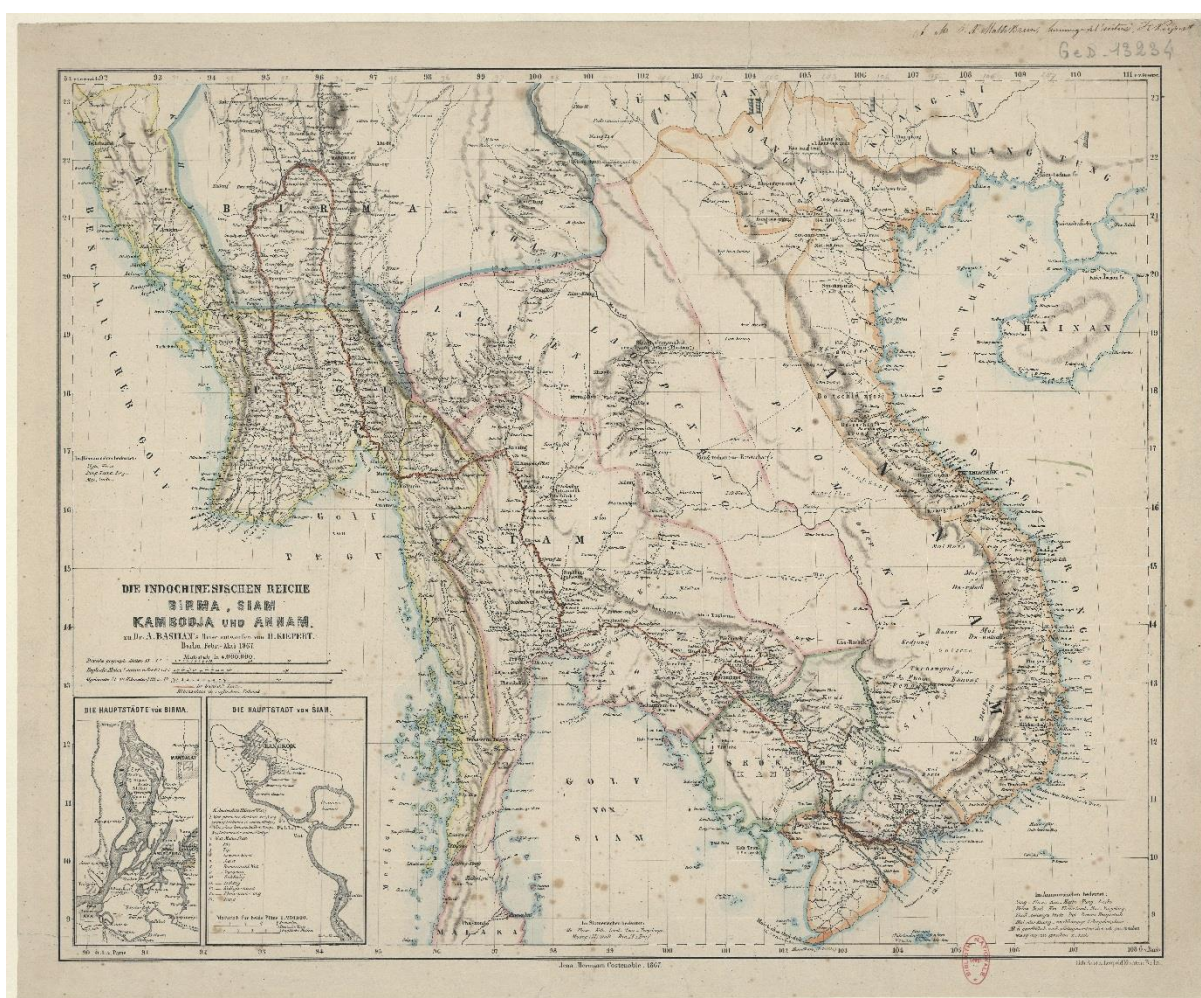
điều ấy, thì chiều luật “hoà gian” xử tội nặng hơn lên 1 bậc. Người gian phu tri tình mà lấy, cũng phải tội như thế. Người gia trưởng không biết cảm đoán, cũng chiều luật xử tội nhẹ hơn 1 bậc. Nếu gia trưởng đem việc cáo giác ra thì không phải tội. Lý trưởng sở tại (chỗ ở của gian phu, gian phụ) biết mà không tố giác, lại xử tội nhẹ hơn gia trưởng 1 bậc nữa, nếu tố giác được sự thực thì khỏi tội”.

Kẻ trước người sau đứng lên ngồi xuống ra vái vào chào hảo phu tiết phụ, nếu đem hết những điều này mà bắt liên quân Pháp – Tây Ban Nha phải thực hiện rồi mới được ở lại đất Việt, thì chắc chắn Genouilly và liên quân tự động chạy mất dép, khỏi đuổi.

Lịch sử không có chữ “nếu”, nhưng nếu còn Nguyễn Phúc Hồng Bảo, người bị coi là “ít học” cái món Nho học, thì lịch sử có lẽ ít nhiều sẽ khác.

275 – Chương mới trong quan hệ Việt – Miên

Sau khi quân Pháp phá hủy thành Phụng và rút về đóng ở đồn Vàm Cỏ, tháng 03/1859, thì có chuyện “tổng đốc An Giang là Cao Hữu Bằng tâu nói, người Man [chỉ người Cao Miên] cùng người Tây dương giao thông, sắp có lòng khác, có tin thám tử báo rằng thuyền quân của Tây dương đỗ ở hải phận Ô Đông, quân Tây dương ngằm vào cỗi Cao Miên, người Cao Miên cũng có đưa đón; xin lập thêm đồn bảo, gọi hợp lính đồn và dân đồng, tùy thế đóng giữ, để việc phòng bị được nghiêm; vua y cho”. Động thái của người Cao Miên như vậy là hoàn toàn chính đáng và cần thiết cho sự tồn vong của chính họ. Điều gây thắc mắc ở đây là những đồn bảo xin lập thêm của An Giang đó, cả lính đồn và dân đồng, sẽ chĩa súng “phòng bị nghiêm” về phía nào, về phía Bắc với người Cao Miên, hay về phía Nam với người Pháp.



Hình 42: Bản đồ bán đảo Indo-China năm 1867

Việc gì phải đến, sẽ đến. ĐNTL kể, đầu năm âm lịch 1860, “nước Cao Miên sai sứ đến Định Tường đệ tờ quốc thư xin bắt đưa đầy tớ làm phản là bọn tên Ích người Chàm, người Chà Và, lời nói có ý bất tôn, trong thư có câu, ‘bọn đầy tớ ấy, hội hợp với dân ta, đi đâu, nước ấy gặp thì tất giết chết gây thành việc to, nếu thành việc to, đừng trách nước ấy’; lại xin lễ cống nay xin đổi

nộp ở Định Tường”. Việc xin đòi địa điểm nộp cống, thay vì phải đi xa tới tận kinh đô thì xin đòi về biên giới cho gần, là giống hệt như nhà Nguyễn đã từng làm với nhà Thanh, nhưng mà trong quốc thư, không rõ được trích dẫn chính xác đến mức nào và có thực sự là quốc thư hay không, mà lại có mệnh đề điều kiện “nếu... thì đừng có trách” thì quả là bất xứng thật, phải có thể lực chống lưng mạnh mẽ mới dám làm điều đó. Và cũng dễ thấy rằng, ân oán chất chứa nhiều chục năm trong lòng vua Nặc Ong Giun đã đến hồi bùng phát.

Trả lời của vua Tự Đức vẫn còn đang chạy ngựa trạm chưa tới nơi thì “Cao Miên vào cướp An Giang, Hà Tiên, đồ thổ dân quấy rối những nơi ven biển 2 tỉnh ấy, ý muốn chia rẽ quân ta: thổ mục bảo Vĩnh Thông là suất cơ Triệu Tầm Di đốt lửa lên làm nội ứng, phòng thủ úy là Nguyễn Toại sai chém đi, lại bắn chết Man mục, Man đình khá nhiều; bọn Man ấy lại cắm tre ngăn chặn ở sông Vĩnh Tế, quân ta họp lại đánh, quân của Man hơi lui 1 chút”. Mô tả cho có dáng vẻ vậy thôi, thực tế “nước Cao Miên đến đóng đồn ở các xứ Chu Úc, Trà Bông thuộc tỉnh Gia Định, chống cự với ta”, tức là vẫn bên đất Cao Miên nhưng lại được coi 1 cách mập mờ là thuộc tỉnh Gia Định. “Quân ta chia đường tiến đánh, phó lãnh binh là Nguyễn Hợp tiến sát đến đồn giặc, giặc nhân lúc sơ hở, đánh úp đằng sau, Hợp cầm gươm xông vào giết giặc, nhưng quân giặc nhiều, quân mình ít, không địch nổi, bị giặc đâm chết”. Được mô tả như là đang ở thế chủ động nhưng hóa ra, thất bại đến khá là nhanh chóng và thậm chí, khá là dễ dàng.

Vốn gần bó và được tin tưởng 1 cách đặc biệt từ khi vua còn chưa lên ngôi, “vua cùng Trương Đăng Quế bàn việc quân ở Nam Kỳ”. Trước đó, khi quân Cao Miên vừa mới gây việc, được vua hỏi tới thì Trương Đăng Quế đã chối mà rằng “việc quân là việc to, chưa dám vội bàn, cốt lâm cơ ứng biến mà thôi”. Nay tình hình diễn biến đã phức tạp hơn lên thì lời bàn của Trương Đăng Quế, cũng phải phức tạp lên nhiều, như sau: “Nguyễn Tri Phương trước kia đánh phá đồn Thiết Thằng, bình định ngay được thành Trấn Tây, Cao Miên vẫn sợ thanh thế của Tri Phương, mà ở Hữu Bình, người Tây dương còn là thế thủ, cùng ta cầm cự; tính về kế sách hiện nay, nên để Tôn Thất Cáp vẫn đốc thúc quân lính phòng thủ như cũ, còn Nguyễn Tri Phương thì lên đi An Giang đem cả các hạng lính mới lần này điều động đi Gia Định ấy đều chuyển đi An Giang, cùng biên binh các đạo An Giang - Hà Tiên họp cả lại cho đông đều theo Tri Phương quản đốc điều khiển; 1 mặt đưa thư sang Xiêm, nói rõ cái tội Cao Miên nên đánh, 1 mặt ngầm kéo quân đi thẳng đến Nam Vang, hay Ô Đông; Cao Miên đã không được nước Xiêm giúp [ý là do bức thư được đưa sang Xiêm?], lại nghe Tri Phương đến, tất nhiên mất vía sợ chạy, không dám chống lại ta; quân ta đã nổi tiếng, lập tức đốt kho tàng, hủy thuyền bè của Cao Miên làm cho nó không còn gì nữa, rồi trở về; làm cho họ sợ hãi 1 phen, mãi mãi không dám sinh lòng phản trắc; bấy giờ ta sẽ liệu để 1 ít binh đồng, đóng ở địa đầu An Giang để phòng giữ, còn bao nhiêu quân lính đều chuyển về quân thứ Gia Định, đem toàn lực đối phó với Tây dương; như thế đã khỏi mối lo quân chia sức yếu, mà đúng với mẹo bỏ chỗ mạnh đánh chỗ yếu; quân Cao Miên đã tan vỡ, thì giặc Tây dương thế cô, chẳng bao lâu cũng phải lui mà nghe theo ta thôi”. Cái kế sách có màu sắc “giết gà dọa khỉ” nhưng lại mượn tay người khác như thế này mà sử quan đem chép vào ĐNTL, có khi là có ý bôi mặt Trương Đăng Quế chứ chẳng phải trọng thị gì. Trong khi người Xiêm người Cao Miên người Pháp đang “giao thông” với nhau ầm ầm, vua tôi Việt 1 mặt thì tính chuyện hàng vạn quân “lên

đi” từ nước này qua nước khác, mặt khác lại muốn trông giông cò mở đưa thư kể tội, để tưởng tượng ra rằng “Cao Miên không được nước Xiêm giúp” rồi mơ 1 trận thắng 1 lần cho mãi mãi, tất cả các quân giặc chỉ còn đường “mà nghe theo ta thôi”.

Cũng may, “vua bảo Đăng Quế rằng, được người tâu như thế trăm rất mừng [!], thế mới không phụ lòng trăm ủy thác lấy việc trọng đại, bèn đem việc ấy hỏi Tri Phương; đến bây giờ, Tri Phương tâu rằng, xem sự cơ còn chưa tiện, xin đợi xem sự thể thế nào; vua lại hỏi Đăng Quế, Quế tâu rằng, việc quân không thể ở 1 chỗ mà tính đường xa được, Phương đã đến nơi, tính toán công việc hẳn là tường tất, xin theo lời Tri Phương; những việc Quế bàn, rồi không thi hành”. [Có lẽ chỗ này có thể coi là vua Tự Đức đã đắc tội với họ Trương, người hóa ra là bà con họ hàng của Ngọc Hoàng thượng đế, có đền thờ ở Ninh Bình!!!].

Đến ngày 19/10/1860 thì “Man tù Xá Ong Giun [tức vua Nặc Ong Giun] nước Cao Miên chết; vua dụ bọn Nguyễn Tri Phương rằng, Cao Miên đòi đòi làm thần bộc nước ta, thế mà dám mượn cơ dân Chàm dân Chà Và, nổi lên làm loạn, xui thổ mục gây hiềm khích ngoài biên, quan ở biên thù đánh dẹp chưa yên; gần đây, Man tù Xá Ong Giun, hiện đã chết rồi, mà nước nó vẫn giữ bí mật; như thế sự phòng bị của họ tất là sơ sài [thực ra chẳng có liên hệ gì giữa “bí mật” và “sơ sài” cả, nếu không muốn nói là ngược lại], ta nhân đó mà đánh, cũng là 1 cơ hội tốt; trăm vẫn biết đánh kẻ có tang, không phải là chính nghĩa, nhưng nó không báo tang, nếu ta có biết cũng coi như không biết [??]; tưởng nên thừa cơ, gióng quân từ An Giang đi, 1 mặt đem quân kéo thẳng đến, 1 mặt kể rõ tội họ gây hiềm khích mà đánh, khiến cho họ phải thú phục thì cõi biên thù chóng yên; rồi lại vì trong nước ấy có nội loạn [chỉ việc các con của Nặc Ong Giun đang giành ngôi với nhau], vua hạ lệnh cho đợi sau sẽ tính làm”. Lại 1 việc nữa, cũng mới chỉ ở lời nói mà chưa ra hành động gì, sử quan đem chép vào ĐNTL dù đã biết rằng “không phải là chính nghĩa”.

Vua Nặc Ong Giun của Cao Miên, người dường như được trao tặng Bắc Đẩu bội tinh của Pháp nhưng chưa rõ trong bối cảnh nào, theo vài thống kê thì đã lấy vợ 38 hoặc 39 lần nhưng chỉ có 10 con trai và 19 con gái. Norodom I người kế vị ngai vàng là con trai của người vợ thứ 3, nàng Pen, và Si Votha người tranh chấp ngai vàng là con trai của người vợ thứ 5, nàng Gamuni, còn Sisowath người sẽ kế vị Norodom I vào năm 1904, em kế vị anh, là con trai của người vợ thứ 4, nàng Pou. Ngay sau khi lên ngôi, Norodom I sẽ cưới 1 người mẹ kế, người vợ thứ 32 của cha mình, nàng Than, về làm người vợ thứ 13. Các con trai thứ 5, thứ 10, thứ 16, và các con gái thứ 8, thứ 14, thứ 17, thứ 24, thứ 26, thứ 29 của Norodom I là của nàng Than này.

Tham gia nổi loạn cùng với Si Votha còn có Sarihvongs con trai của người vợ thứ 8, nàng Surbana. Ngoài 4 người nói trên, trong khi 5 người con trai nữa của Nặc Ong Giun không có gì đáng kể, thì cũng nên đề cập tới người con út, Nilavongs, con của người vợ thứ 37, 1 thường dân là nàng Imaya, năm 1885 đã nổi dậy “chống thực dân Pháp xâm lược” và hi sinh trong rừng sâu 1 năm sau đó.

Các hoàng tử của Nặc Ong Giun nói chung đều trưởng thành ở Bangkok, dưới sự đào tạo của người Xiêm. Đường như sự cạnh tranh đã có từ rất sớm giữa Ang Voddey, tức Norodom I, và Si Votha, và không loại trừ cả Sisowath, nhưng người Xiêm phần nào kiềm chế được điều đó. Cũng không loại trừ, rằng người Xiêm đã tạo ra sự cạnh tranh đó vì lợi ích của họ.

Bối cảnh mà vua Tự Đức thấy là “nó không báo tang, nếu ta có biết cũng coi như không biết”, thực ra là do Norodom I chưa thể lên ngôi được, cho tới tận năm 1864 vì sự ngăn cản của người Xiêm. Trước đó, việc “dân Chăm dân Chà Và” nổi loạn, vốn là 1 việc nội bộ của Cao Miên, cộng đồng người Chăm-Malay thiểu số nổi loạn chống lại đám quan lại địa phương người Khmer, trong khi cả 3 sắc dân này, Chăm Malay Khmer, có mặt rải rác đây đó trên đất Cao Miên và đất Việt. Xử lý yếu kém ở cấp địa phương đã làm cho đám cháy lan rộng, nhưng thực ra thì cũng không đến nỗi rộng hay nguy hiểm gì cho lắm. Hậu quả có thể coi là tai hại nhất của việc nổi loạn của cộng đồng thiểu số Chăm-Malay này là, nó tạo cảm hứng và ủng hộ cho cuộc nổi loạn của hoàng tử Si Votha tiếp theo đó.

Thoạt đầu hoàng tử Si Votha có được sự ủng hộ ít nhiều của người Pháp, cho đến năm 1864 khi Norodom chính thức lên ngôi vua Cao Miên. Những năm tiếp theo sự ủng hộ này không phải là mất hẳn với trò chơi 2 mang của người Pháp, dùng Si Votha như 1 áp lực lên Norodom I. Áp lực này trở nên không còn cần thiết nữa vào năm 1877, người Pháp quay sang hoàn toàn ủng hộ Norodom I. Mất đi sự ủng hộ của người Pháp, của nổi loạn của Si Votha suy yếu nhanh chóng và coi như chấm dứt vào khoảng năm 1886, Si Votha qua đời vào năm 1891. Cuộc nổi loạn tranh giành ngôi báu của Si Votha về sau này có vẻ như đã bị tô vẽ thành “cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược”.

Dù sao đi nữa, mối quan hệ Việt – Miên, như 2 thực thể có chủ quyền, sẽ tạm thời ngưng lại ở đây, trong gần 1 thế kỷ. Ân oán tạm thời bị đóng băng, nhưng còn nguyên vẹn ở đó.

276 – Những nỗ lực ngoại giao

Nói về đoạn cuối của sứ mệnh của Genouilly ở Việt, tập san Sabix của trường Bách Khoa Pháp với những lời có cánh, bênh vực cựu sinh viên của mình như sau:

“L’amiral se trouvait, de son côté, aux prises avec le Gouvernement impérial de Paris qui ne mesurait que fort mal l’ampleur des problèmes et cherchait visiblement à se défaire sur lui des décisions qu’il n’osait pas prendre”. Về phần mình, vị đô đốc [tức Genouilly] nhận thấy mình đang vật lộn với Chính phủ đế quốc ở Paris, vốn không đánh giá đầy đủ mức độ tồi tệ của các vấn đề và rõ ràng đang tìm cách đẩy qua cho ông những quyết định mà họ không dám thực hiện.

Những quyết định mà họ không dám thực hiện này, qua bức thư của bộ trưởng Hải quân Hamelin gửi cho Genouilly mà tập san Sabix trích đăng, thì chỉ là lựa chọn 1 trong 3 khả năng sau đây [nguyên bản viết liền nhưng ở đây ngắt xuống dòng để tiện theo dõi]:

“L’empereur veut que, dans cet état de choses, vous soyez laissé juge des suites à donner à votre entreprise...

- s’il convient de poursuivre l’établissement de notre protectorat sur l’empire Annamite,
- s’il est préférable de se borner à peser sur le Gouvernement par l’occupation de Tourane pour arriver à conclure un traité sur la base du projet du 25 novembre 1857,
- ou enfin s’il faut nous résigner à abandonner les positions que nous occupons et à renoncer complètement à une entreprise décidément hors de proportion avec les moyens d’action dont nous disposons”.

Hoàng đế muốn, trong tình trạng này, ngài [tức Genouilly] được giữ lại để theo dõi sứ mệnh tiếp theo sẽ được giao cho lực lượng của ngài...

- liệu có nên tiếp tục việc thành lập chế độ bảo hộ của chúng ta đối với đế chế An Nam hay không,
- liệu có nên giảm áp lực cho Chính phủ bằng cách chiếm đóng Đà Nẵng để ký kết 1 hiệp ước trên cơ sở dự thảo ngày 25/11/1857 [có vẻ như là 1 dự thảo của Commission de la Cochinchine, Hội đồng Đàng Trong, đúc kết sau thất bại của sứ mệnh Montigny, và điều này sẽ được thực hiện bởi các thuộc cấp của Genouilly như sẽ được mô tả dưới đây],
- hoặc cuối cùng liệu chúng ta phải từ bỏ các vị trí mà chúng ta chiếm giữ và từ bỏ hoàn toàn 1 sứ mệnh được đặt ra không phù hợp với các phương tiện hành động theo ý của chúng tôi.

Ngoại trừ 2 lựa chọn chiếm hãn hoặc bỏ hãn có tính cực đoan, lựa chọn lưng chừng là phù hợp nhưng quả thực là rất vô lý khi mà người Pháp đã không làm được những điều như người Anh đã làm với người Xiêm hay là người Mỹ đã làm với người Nhật.

“Rigault de Genouilly protesta naturellement avec vigueur et refusa de prendre des décisions qui étaient du ressort du gouvernement. Le 10 juin 1859, il demandait son rappel pour raison de

santé et refusait d'accepter 'la responsabilité d'une évacuation complète. C'est une mesure gouvernementale au premier chef que le gouvernement peut seul décider en connaissance de cause et, à cet égard, je décline toute compétence'. Et il insistait sur le fait que, évacuer les positions acquises, 'c'est consommer la ruine de l'influence française dans toute l'étendue de l'Extrême-Orient'". Rigault de Genouilly đương nhiên phản đối quyết liệt và từ chối thực hiện các quyết định thuộc trách nhiệm của chính phủ. Vào ngày 10/06/1859, ông yêu cầu được hỏi hươu vì lý do sức khỏe và từ chối nhận 'trách nhiệm cho 1 cuộc sơ tán hoàn toàn. Đó là biện pháp của chính phủ ngay từ đầu mà chỉ 1 mình chính phủ có thể quyết định với đầy đủ kiến thức, với sự tôn trọng, tôi từ chối mọi quyền tài phán'. Và ông nhấn mạnh rằng việc di tản khỏi các vị trí đã chiếm được 'sẽ hoàn tất việc phá hoại ảnh hưởng của Pháp trên khắp vùng Viễn Đông'.

Quả là những lời lẽ cương quyết, tính chất điều hâu vẫn còn nguyên vẹn khi Genouilly bảo vệ bằng được quyết định và công sức đánh chiếm Sài Gòn của mình nhưng trả lại cho chính phủ Pháp trách nhiệm xử lý tiếp theo với những hậu quả của nó. Mâu thuẫn chính của Genouilly với chính phủ Pháp là ở chỗ, trong khi chính phủ Pháp vẫn muốn duy trì áp lực ở Đà Nẵng, ngay sát kinh thành, để đạt được 1 hiệp ước, thì Genouilly quá mệt mỏi ở Đà Nẵng và chỉ muốn phiêu lưu ở Sài Gòn. Sự nghiệp của Genouilly sau đó vẫn tiếp tục, lên đến vị trí bộ trưởng Hải quân và bộ trưởng Chiến tranh, nhưng chấm dứt cùng với Đế nhị Đế chế của Napoléon III sau thất bại trong chiến tranh Pháp – Phổ 1870. Người thay thế Genouilly làm tư lệnh lực lượng viễn chinh ở Đà Nẵng là Théogène François Page.

Khi Genouilly rời Sài Gòn ngày 27/04/1859, người thay thế vai trò chỉ huy lực lượng Pháp ở đây là Jean-Bernardin Jauréguiberry, chừng 1 năm rồi lại được thay thế bởi Joseph Hyacinthe Louis Jules d'Ariès. Không rõ các cánh quân Pháp ở Đà Nẵng và Sài Gòn liên lạc với nhau và với cấp trên như thế nào, ĐNTL đã kể chuyện hè năm 1859, Tôn Thất Hàn và Chu Cừ ở Đà Nẵng có liên hệ với "phái viên của Tây dương là Đê La Phong" [ĐLSC số 273], thì tháng Giêng âm năm 1860, nửa năm sau, lại kể tiếp, "thống soái của Tây dương là Va Du đưa hòa ước 11 khoản đến quân thứ Gia Định". Chưa rõ "Va Du" này thực ra là ai, Jauréguiberry hay là Ariès, và cũng chưa rõ những điều mà Va Du đưa ra này có giống với những điều mà Đê La Phong đã đưa ra trước đó hay không. Tất nhiên ĐNTL không đăng nguyên văn của hòa ước mà chỉ nói 1 cách đại lược, ĐLSC ở đây, giữ nguyên văn của ĐNTL nhưng cũng ngắt xuống dòng cho tiện theo dõi:

1. 1 khoản, nước Phú Lãng Sa cùng nước Đại Nam giao hiếu với nhau muôn năm, để tỏ nghĩa lớn. [Khoản này nghe có vẻ ổn nhất, nhưng lẽ ra phải đầy đủ kiểu như "il y aura paix constante et amitié perpétuelle entre S. M. l'Empereur des Français, ses héritiers et successeurs, d'une part, et Sa Majesté l'Empereur d'Annam, ses héritiers et successeurs d'autre part..."].
2. 1 khoản, nước ấy nếu có quốc thư thì đến Đà Nẵng đi đường bộ đệ đến kinh. [Khoản này nghe không giống gì với 1 điều khoản của hòa ước, chẳng ai nói chuyện từ "Đà Nẵng đi đường bộ đệ đến kinh" làm gì. Đây có thể là điều khoản về trao đổi lãnh sự, "il pourra être établi un consul de France à Tourane..." chẳng hạn].

3. 1 khoản, nước ta hoặc giao hiếu với nước nào thì nước ấy, Phú Lãng Sa, cũng coi là nước anh em. [Khoản này nói về tính liên đới trong các mối quan hệ quốc tế của cả 2 bên trong hiệp ước, nhưng xuất hiện hơi kỳ lạ ở đây. Không thấy có các điều khoản tương tự trong các hiệp ước tương tự đương thời].
4. 1 khoản, những người dân nước ta lần này làm thuê cho nước ấy đều xin khoan tha cả. [Có lẽ đây là điều khoản đề cập đến việc người Pháp có quyền thuê mướn nhân công bản địa, “es Français pourront, dans l'Empire d'Annam, choisir librement et prendre à leur service...”, và “les Annamites au service de Français jouiront de la même protection que les Français eux-mêmes...”, người An Nam phục vụ người Pháp sẽ được hưởng sự bảo vệ như người Pháp. Cũng có thể điều này được nhấn mạnh vì đã và đang có người Việt đi làm thuê cho liên quân Pháp – Tây Ban Nha, thậm chí tài liệu Pháp còn đề cập tới “lính bản xứ” khi vây đánh đại đồn Chí Hòa].
5. 1 khoản, nước ấy cùng nguyên soái nước ta cùng ký tên đóng ấn vào tờ hòa ước rồi, thì thuyền quân nước ấy lập tức rút ra khỏi cửa biển. [Tất nhiên là hòa ước ký kết rồi thì quân đội phải được rút về, nhưng có lẽ đây phải là điều khoản về việc ký kết, phê chuẩn và trao đổi hiệp ước, kiểu như “les ratifications du présent traité seront échangées dans l'intervalle d'un an à partir du jour de la signature, ou plus tôt si faire se peut, et le présent traité sera en vigueur aussitôt que cet échange aura eu lieu...”. Đây thường là điều khoản cuối cùng nhưng bằng cách nào đó nó đã được các quan “nhớ lại” ở vị trí thứ 5].
6. 1 khoản, dân đạo Kitô làm bậy thì chiếu luật trị tội, yên phận giữ phép thì không được bắt giữ xét hỏi và xâm phạm đến của cải. [Khoản này đề cập tới người Việt, cùng với khoản 7 và khoản 10 ở dưới đề cập tới người Pháp, là nói về tự do tín ngưỡng, cũng có thể mở rộng ra thành vấn đề nhân quyền].
7. 1 khoản, bắt được đạo trưởng của nước ấy, xin đừng gông khóa giết chết, giao trả nước ấy nhận đem về. [Khoản này được ĐNTL thuật lại với giọng điệu rất là năn nỉ xin xỏ, trong khi ở điều 6 của bản dự thảo mà Montigny sử dụng thì giọng điệu là như sau: “les missionnaires catholiques auront le droit de prêcher et d'enseigner, de construire des églises, des séminaires ou écoles, des hôpitaux et autres édifices pieux sur un point quelconque de l'Empire d'Annam. Ils voyageront, en toute liberté, dans toute l'étendue de l'Empire, pourvu qu'ils soient porteurs de lettres authentiques du Consul de France ou, en son absence, de leur évêque ou supérieur, certifiant leur identité et revêtues du visa du Gouverneur général des provinces dans lesquelles ils voudront se rendre”, các nhà truyền giáo Kitô giáo sẽ có quyền truyền đạo và giảng dạy, xây dựng nhà thờ, chủng viện hoặc trường học, bệnh viện và các công trình ngoan đạo khác trên bất kỳ điểm nào trong Đế quốc An Nam. Họ sẽ tự do đi lại trong toàn bộ Đế chế, với điều kiện là họ có thư xác thực từ Lãnh sự Pháp hoặc, khi ông vắng mặt, từ giám mục hoặc cấp trên của họ, xác nhận danh tính của họ và mang thị thực của Thống đốc của tỉnh họ muốn đến thăm].
8. 1 khoản, thuyền nước ấy đến thông thương ở các cửa biển, người coi đồn biển không được ngăn trở và yêu sách ngoại lệ. [Khoản này cùng với khoản 11 ở dưới là nói về thương mại. Thường thì các hiệp ước không đề cập trực tiếp tới những tệ nạn những

nhiều kiểu này, có thể là phía Pháp đã đề cập tới trong khi đàm phán và đụng chạm trực tiếp tới lợi ích của các quan cho nên đã làm cho khoản này được các quan tách riêng ra và đưa lên trước].

9. 1 khoản, xin cấp cho nước Y Pha Nho [tức Tây Ban Nha] 1 bản hòa ước. [Đây không phải là 1 điều khoản của 1 hiệp ước, mà có lẽ là điều phía Pháp nhân tiện nói thêm ngoài lề cho đồng minh Tây Ban Nha mà thôi].
10. 1 khoản, xin cho đạo trưởng nước ấy đi lại đến những xã dân theo đạo Kitô để giảng đạo. [So với khoản số 7 xin tha mạng thì khoản này có vẻ kỳ cục, chứng tỏ khoản số 7 được mô tả không đúng].
11. 1 khoản, xin cho sứ quan nước ấy đến ở bờ biển lập phố thông thương. [Đây thường là những điều khoản cốt yếu nhất của các hiệp ước, bao gồm cả các quyền ra vào, đi lại, cư trú..., của thương nhân Pháp, các điều khoản về thuế má về lãnh sự..., nhưng hoàn toàn nằm ngoài phạm vi hiểu biết của quan lại triều đình].

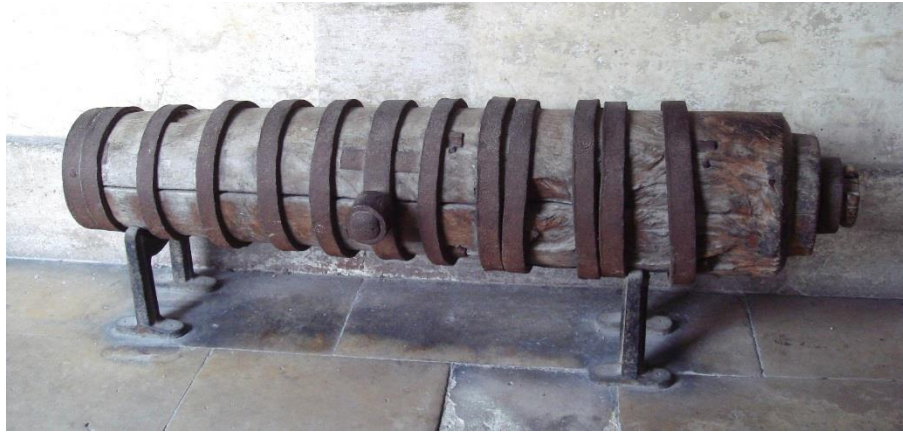
Vì chưa biết “Va Du” là ai cho nên cũng chưa thể tìm được bản gốc của cái hòa ước 11 điều này để xem thực ra nó như thế nào, nhưng rõ ràng là phần thuật lại này của ĐNTL rất lộn xộn và lủng củng. Có thể suy đoán là 2 bên khi nói chuyện với nhau chỉ hiểu nhau được chưa tới 3 hay 4 phần. Nhiều sử liệu cho rằng vào thời điểm này, Nguyễn Trường Tộ đang cùng với giám mục Jean-Denis Gauthier ở Đà Nẵng dưới sự bảo vệ của người Pháp, và Trương Vĩnh Ký đang ở Sài Gòn, được giám mục Lefebvre Ngãi giới thiệu làm thông ngôn cho Jauréguiberry. Nếu những sử liệu này là đúng, thì “Va Du” chính là Jauréguiberry, chỉ có điều không hiểu tại làm sao mà 11 điều khoản nó lại mình Sở đầu Ngô đến như vậy. Không thể nghi ngờ khả năng thông dịch của Pétrus Ký mà chỉ có thể suy đoán về lẽ lỏi làm việc không dựa vào văn bản, truyền miệng, nhớ được đến đâu hay đến đó, tam sao thất bản, và đặc biệt là thiếu hiểu biết..., của bộ máy hành chính và quan lại triều Nguyễn thời bấy giờ.

Lưu ý rằng dự thảo hiệp ước mà Montigny sử dụng có những 28 điều, cộng với 1 điều bổ sung rất quan trọng: "Article additionnel. — Il est bien entendu que le traité qui précède ne rapporte en rien le traité passé le 28 novembre 1787 entre S. M. Louis XVI, Roi de France, et S. M. Gia-long, Roi de Cochinchine. Ce dernier continue à avoir son plein et entier effet". Điều khoản bổ sung – Tất nhiên người ta hiểu rằng hiệp ước nói trên không liên quan gì đến hiệp ước được lập ngày 28/11/1787 giữa Louis XVI vua nước Pháp và Gia Long vua Đàng Trong. Hiệp ước sau có hiệu lực trọn vẹn của nó.

“Quan ở quân thứ bắc bộ, chọn lấy 8 điều không quan ngại gì lắm tạm làm biên bản y cho, còn 3 điều, cấp tờ hòa ước cho Y Pha Nho, đạo trưởng đi lại giảng đạo, sứ quan lập phố thông thương, không dám khinh suất y cho”. Tức là các quan chỉ ừ à với những điều khoản chung chung hoặc những điều linh tinh mà tưởng là điều khoản, mà chối bỏ những điều khoản chính quan trọng nhất.

Dễ hiểu là tại sao ngay sau đó, “người Tây dương bèn tràn vào sông nhỏ cù sách, lên bộ dòm vào lũy, rồi lại đến đóng ở chùa Mai Sơn, thôn Phú Giáo chiếm giữ; vua nghe tin báo, lập tức mật dụ

cho quân thứ Gia Định, 1 mặt lập tức đánh đuôi không để cho ở 1 khắc nào [nhưng bằng cách nào thì không nói], 1 mặt chinh đồn đồn lũy khí giới, phòng giữ nghiêm hơn lên”.



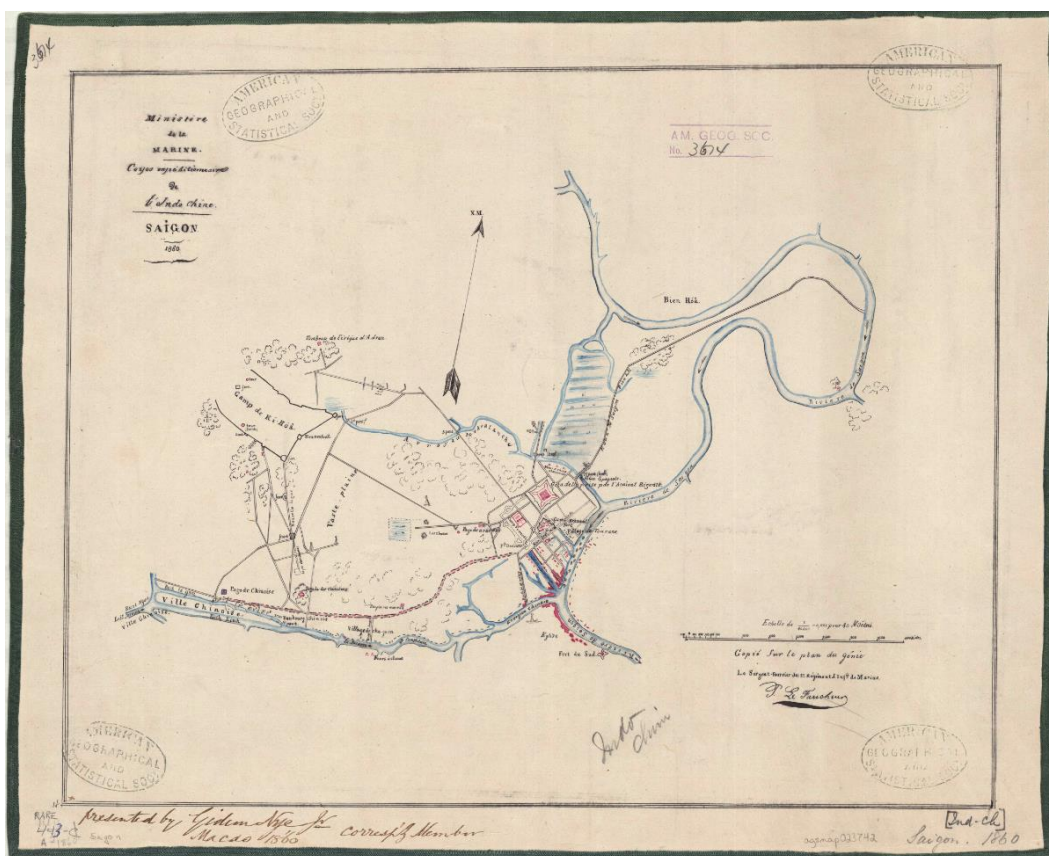
Hình 43: Pháo bằng gỗ của nhà Nguyễn, thu được ở Vĩnh Long năm 1862 - Musée de l'Armée, Paris, France

Tháng Hai âm năm 1860, tức là 1 tháng sau, “sai đình thần hội bàn hòa ước 11 khoản, các người dự bàn, nhiều người có ý khác nhau hoặc giống nhau; vua nói rằng, các quan ở quân thứ đã tạm biên 8 điều, trong đó có 3 điều như điều ‘người nước ta theo đạo không nên bắt giữ xét hỏi và xâm phạm của cải’ thì tạm theo được, nhưng cần cho bọn dân đạo ấy chỉ được có bấy nhiêu người thôi, ai già chết thì thôi, không được dự thêm người khác, trái thế thì trị tội không tha; 1 điều ‘nước ta bắt được đạo trưởng’, nếu xét ra nó không dụ dỗ người ngoài, cũng không làm bậy việc gì, cũng tha không gông khóa giết chết, nhưng giao cho nhận về không được ở lại, nếu còn chiêu dụ người khác cũng là can phạm phép nước thì trị tội không tha; 1 điều ‘thông thương’, ta vốn không yêu sách cay nghiệt gì, nhưng khi mua bán xong thì phải trở về ngay, không được ở lâu và phải theo phép luật nước ta; còn 5 điều nữa không quan ngại gì lắm tạm cho cả; về 1 điều ‘xin cấp hòa từ cho Y Pha Nho’, chuẩn cho quan thống đốc quân thứ liệu lượng cấp cho; duy có 2 điều là xin đặt quan ở cửa biển và cho đạo trưởng đến xã dân giảng đạo, 2 điều ấy chuẩn cho viên thống đốc lấy lẽ bác đi; nếu họ không nghe, thì ta chỉ có đánh giữ mà thôi, quyết nhiên không bàn lại nữa”.

277 – Phòng tuyến các ngôi chùa

Sau nỗ lực bắt thành của Trương Văn Uyên ở chùa Cây Mai ngày 06/03/1859, liên quân Pháp – Tây Ban Nha phá hủy thành Phụng ngày 07 rồi lui về đóng bản doanh tại đồn Hữu Bình Vàm Cỏ. Quảng thời gian gần 2 năm sau đó, từ 07/03/1859 đến trước 24/02/1861, ở Gia Định Sài Gòn có lẽ là cũng khá yên bình, như mô tả sau đây của trung úy Léopold Pallu [cuốn Histoire de l'expédition de Cochinchine en 1861 của Pallu đã được phát hành ở Việt dưới cái tên “Nam Kỳ viễn chinh ký 1861”]:

“Des milliers de barques se pressent contre le bord du fleuve et forment une petite ville flottante. Des Annamites, des Chinois, des Hindous, quelques soldats français ou tagals vont et viennent, et composent au premier abord un spectacle étrange dont les yeux sont bien vite rassasiés”. Hàng nghìn con thuyền chen chúc nhau trên mép sông và tạo thành 1 thị trấn nổi nhỏ. Người An Nam, người Hoa, người Ấn, vài người lính Pháp hay Tagal [lính Philippines dưới cờ Tây Ban Nha] đến rồi đi, thoạt nhìn tạo nên 1 cảnh tượng kỳ lạ khiến người ta nhanh chóng mất hứng. [Mối quan hệ giữa cư dân bản địa với đội quân xâm lược thoạt đầu còn khá rụt rè như vậy, nhưng rồi sẽ thay đổi khá nhanh về sau].



Hình 44: Bản đồ này có nhiều yếu tố rõ ràng hơn so với bản đồ của Pallu

“Il n'y a plus ensuite grand'chose à voir à Saïgon, si ce n'est peut-être le long de l'arroyo Chinois, des maisons assez propres et en pierres, dont quelques-unes sont anciennes et ont résisté aux guerres de rébellion ; dans les massifs d'araquiers, quelquefois une ferme annamite bâtie en quinconce, assez élégante et qui semble se cacher; plus loin, à l'endroit où le terrain se relève, l'habitation du commandant français, celle du colonel espagnol, le camp des Lettrés; et c'est tout ou à peu près. Cette rue en fondrière, ces maisons éparses, cet ensemble un peu misérable, c'est Gia-dinh-thanh, que nous appelons Saïgon”. Không còn nhiều thứ nữa để xem ở Sài Gòn, ngoại trừ có lẽ dọc theo kênh Tàu Hủ, những ngôi nhà bằng đá và khá sạch sẽ, 1 số ngôi nhà trong số đó đã cũ và đã chống chọi được với các cuộc chiến của những kẻ nổi dậy; trên những luống đất rộng, đôi khi là 1 trang trại của người An Nam được xây dựng thành những dãy so le, khá trang nhã và có vẻ như đang ẩn mình; xa hơn nữa, nơi mặt đất nổi lên, nơi ở của chỉ huy Pháp, của đại tá Tây Ban Nha, Trường Thi; và đó là tất cả hoặc đại khái như vậy. Con phố vũng lầy này, những ngôi nhà rải rác này, quần thể có phần khốn khổ này, đó là Gia-Định-thành, mà chúng ta gọi là Sài Gòn. [Lưu ý rằng phần mô tả này chỉ là 1 bức tranh toàn cảnh, ngoại trừ Trường Thi được biết là nằm kề phía Tây thành Phụng, tức là khoảng lãnh sự quán Pháp và Mỹ bây giờ, thì không có 1 địa điểm cụ thể nào cả. Không rõ nơi ở của chỉ huy Pháp có phải là nơi đồn Hữu Bình hay không, đại tá Tây Ban Nha ở đâu..., nhưng có vẻ liên quân khổng chế suốt 1 dải sông Sài Gòn nơi có rất nhiều tàu chiến neo đậu và dọc theo kênh Tàu Hủ lên tới tận gần chùa Cây Mai].

Nhân tiện, có thể chính tác phẩm của trung úy Pallu này là nguồn cơn của câu chuyện về đám cháy thành Phụng “nghi ngút suốt 2 năm” không tắt: “Sur deux lignes parallèles, des amas d'une poussière blanche et fine forment, dans l'intérieur de la citadelle, une chaussée assez longue. C'est le riz incendié en 1859 et qui brûle encore. Vingt-quatre mois d'hivernage n'ont pu l'éteindre. Les grains de riz, en certains endroits, ont conservé leur forme; mais ce n'est plus que de la cendre; le vent, la pression la plus légère, les dispersent bien vite en poussière”. Gạo bị phân hủy sau 2 năm, có thể vẫn giữ nguyên hình dạng, màu trắng, nhưng 1 cơn gió nhẹ cũng cuốn chúng đi như tro bụi, cảnh vật thật là hoang tàn thê lương, nhưng không phải là cháy, cho dù tác giả cố tình nói “et qui brûle encore” đi chăng nữa. Văn chương của Pallu khá là hình ảnh, bóng bẩy và ẩn dụ.

Sau đây là sự tóm tắt của Pallu về số phận của thành Phụng: “En 1837, les Annamites élevèrent une nouvelle forteresse à l'angle nord de la première. Ils adoptèrent la forme d'un grand carré bastionné, revêtu de maçonnerie. La ville se releva de ses ruines sur les rives droites du Don-chaï et de l'affluent dit arroyo Chinois. La nouvelle forteresse commandait le pays, et pouvait arrêter les efforts du Cambodge ou du Siam. Elle devait être moins heureuse contre l'invasion française. L'amiral Rigault de Genouilly la prit le 17 février 1859, la ruina et s'établit solidement dans un fort qu'il fit élever sur l'emplacement de l'ancien poste annamite de Henon-Bigne (le fort du Sud)”. Năm 1837, người An Nam đã dựng lên 1 pháo đài mới ở góc phía Bắc của pháo đài đầu tiên. Chúng có dạng 1 hình vuông lớn, bằng khối xây. Thành phố vươn lên từ đồng đồ nát ở bờ phải của sông Đồng Tranh [tức sông Sài Gòn nhưng tên gọi này bây giờ chỉ còn sử dụng cho nhánh sông ở Cần Giò] và nhánh sông được gọi là kênh Tàu Hủ. Pháo đài mới cai trị vùng đất,

và có thể ngăn chặn những nỗ lực của Cao Miên hoặc của Xiêm. Chắc hẳn nó đã kém may mắn trước cuộc xâm lược của người Pháp. Đô đốc Rigault de Genouilly đã hạ nó vào ngày 17/02/1859, phá hủy nó và xây dựng vững chắc 1 pháo đài mà ông đã dựng lên trên địa điểm của đồn Henon-Bigne (đồn Nam) của người An Nam [tức đồn Vàm Cỏ hay còn gọi Hữu Bình, được phiên âm thành “henon-bigne”].

Ngay tiếp sau là 1 câu văn đáng chú ý: “Quelques familles chrétiennes vinrent former le village de l'Evêque, qui se trouvait ainsi protégé par un fort français”. Vài gia đình theo đạo Kitô đã đến thành lập làng Giám mục, nơi được bảo vệ bởi 1 đồn Pháp. [Chỉ “vài gia đình” cho nên có lẽ sẽ bị dời đi không lâu sau đó để nhường chỗ cho cảng Sài Gòn, mặc dù có 1 nhà thờ được xây dựng ở đó, cũng chưa rõ là xây cho “vài gia đình” hay xây cho cảng].

“Dans le mois de décembre 1859, le contre-amiral Page, qui succédait au vice-amiral Rigault de Genouilly, vint à Saïgon, et avant de retourner à Touranne, qu'il avait reçu l'ordre d'évacuer, il désigna le terrain sur lequel les Français restèrent désormais établis. Il traça les lignes de défense, prescrivit la construction d'un hôpital, de logements, de magasins, et ouvrit le port au commerce”. Vào tháng 12 năm 1859, chuẩn đô đốc Page, người kế nhiệm phó đô đốc Rigault de Genouilly, đến Sài Gòn, và trước khi trở về Đà Nẵng, nơi ông nhận được lệnh di tản, ông đã chỉ định vùng đất mà từ đó đến nay người Pháp vẫn còn thiết lập. Ông vạch ra các phòng tuyến, ra lệnh xây dựng bệnh viện, nhà ở, cửa hàng, và mở cảng để buôn bán. [Chú thích ở cuối trang của Pallu có ghi cụ thể “Le port de Saïgon fut ouvert le 22 février 1860”, cảng Sài Gòn được khai trương ngày 22/02/1860, chỉ 1 năm sau khi thành Phụng bị hạ. Lịch sử của cảng Sài Gòn 1 cách chính thức có ghi nhận ngày này nhưng không có tên của Théogène François Page. Ngày nay về cơ bản cảng đã bị di dời hết về phía hạ nguồn. Những liệt kê của Pallu chắc cũng chỉ là tượng trưng đại khái, ngoài cảng Sài Gòn thì còn có Hôpital militaire, quân y viện đường như muộn hơn 1 chút và tạm bợ ở đâu đó, đến năm 1870 mới chuyển về địa điểm chính thức bây giờ là bệnh viện Grall – Nhi Đồng 2. Không nằm trong liệt kê của Pallu nhưng có thể tin chắc rằng Đại Chung viện Thánh Giuse Sài Gòn và Tu viện của các nữ tu dòng Thánh Phaolô thành Chartres cũng được hoạch định trong dịp này, để Nguyễn Trường Tộ, tháng 02/1861 từ Hồng Kông trở về cùng giám mục Gauthier và đô đốc Charner, có thể thiết kế, khởi công năm 1863 và hoàn thành năm 1864, mặc dù gần đây hàng loạt cây xà cừ / sọ khi gần đó bị đốn hạ nhưng những công trình vẫn còn đó, nguyên vẹn].

Ngay lập tức cảng Sài Gòn phát huy tác dụng: “Soixante-six navires et cent jonques chargèrent, en quatre mois, soixante mille tonnes de riz, et réalisèrent des bénéfices énormes sur les places de Hong-kong et de Singapour. La redoute de Cai-mai leur fit ces avantages. Quelques villages descendirent, attirés par les profits extraordinaires que les Français leur procuraient. Ceux-ci étaient peu nombreux, et les vexations presque nulles. Les Chinois, suivant leur politique, cherchaient à assurer leur commerce, en ménageant les chefs annamites et les chefs français”. Trong 4 tháng, 66 con tàu và 100 chiếc xe tải chở 60.000 tấn gạo, và thu được lợi nhuận kékch xù ở những nơi như Hồng Kông và Singapore. Đồn Cây Mai [“La redoute de Cai-mai”, cái chùa đã bị quân Pháp chiếm, trở thành công sự] đã mang lại cho họ những lợi thế này. Vài ngôi làng sa

sút, bị thu hút bởi những khoản lợi nhuận bất thường mà người Pháp mang lại cho họ. Số lượng [gạo] này nhỏ, và không khó khăn gì cả. Người Hoa, theo chính sách của họ, đã tìm cách đảm bảo việc buôn bán của họ, bằng cách bỏ qua các thủ lĩnh người An Nam và cả các thủ lĩnh người Pháp.

Nói ngoài lề. Về việc buôn bán của người Hoa với đội quân viễn chinh Pháp, Paul Doumer cũng kể lại 1 câu chuyện thú vị, nghe được từ tướng Bichot từng là 1 người lính có mặt ở Đà Nẵng thời kỳ đó, kể về 1 người Hoa bán hàng rong tên là A-Tac mà lính Pháp nhận diện được anh ta từng bán rượu cho mình ở Quảng Đông, bây giờ chèo thuyền đến Sơn Trà để mở 1 tiệm tạp hóa, nhỏ nhưng rồi lớn dần theo thời gian. “Quelques semaines plus tard, nous le retrouvons près de nous, en Cochinchine, avec un beau magasin, installé à demeure. Vingt ans après, revenu comme colonel du régiment de tirailleurs annamites, je revis A-Tac, qui était un des plus gros négociants de Saigon”. Vài tuần sau, chúng tôi [tướng Bichot] lại tìm thấy anh ta ở ngay cạnh mình, ở Nam Kỳ, với 1 cửa hàng đẹp, được xây dựng kiên cố. 20 năm sau, trở lại với tư cách là đại tá của trung đoàn bộ binh An Nam, tôi thấy A-Tac, là 1 trong những thương gia lớn nhất ở Sài Gòn. [Chưa tìm thấy tung tích của A-Tac này]. Doumer kết luận: “L’histoire du Chinois A-Tac, sa hardiesse et son ingéniosité, la confiance avec laquelle ses compatriotes l’ont aidé, lui ont fourni les marchandises qu’il n’avait pas les moyens de se procurer, c’est toute l’histoire du commerce chinois en ExtrêmeOrient. A-Tac est un type, on en trouverait des milliers d’exemplaires, de Tien-Tsin à Singapour”. Câu chuyện của người Hoa A-Tac, sự táo bạo và khéo léo của anh ta, sự tự tin mà đồng bào của anh ta đã giúp anh ta, cung cấp cho anh ta những mặt hàng mà anh ta không thể mua được, đó là toàn bộ lịch sử thương mại của China ở Viễn Đông. A-Tac là 1 điển hình, người ta có thể tìm thấy hàng ngàn bản sao, từ Thiên Tân đến Singapore.

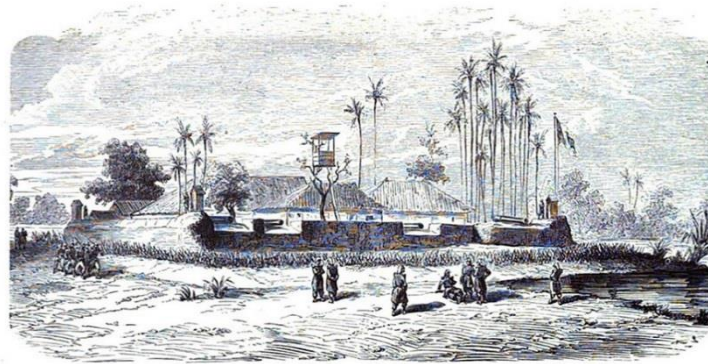
Quay trở lại với câu chuyện của Pallu về Sài Gòn: “L’ennemi s’était établi à une distance de quatre kilomètres de Saïgon, dans une plaine immense remplie de tombeaux, où il s’était retranché solidement. Ses lignes étaient muettes. Cette situation allait changer”. Quân địch [quân triều đình] đã thiết lập công sự ở cách Sài Gòn 4km, trong 1 vùng đồng bằng mênh mông đầy mộ mã, nơi họ cố thủ vững chắc. Phòng tuyến của họ đang im lặng. Tình hình này sẽ thay đổi. [Đây không phải là công việc của ngày 1 ngày 2 mà là của nhiều tháng trời, hơn nữa còn bị ảnh hưởng bởi đối sách mờ hồ của triều đình].

“A partir du mois de juin 1860, les mandarins tendirent à couper les Français de la ville chinoise où se trouvaient emmagasinés les riz qu’on chargeait à Saï-gon. En conséquence, s’appuyant sur des forces considérables, disposant de loin en loin des redoutes fermées, et marchant vite, l’ennemi ouvrit de l’angle sud de l’ouvrage de Ki-hoa une sape double, une longue tranchée qui devait couper la redoute de Caï-maï de la ville et nous forcer de l’abandonner. La clef de la situation était là; il s’agissait de garder ou de perdre le marché chinois”. Từ tháng 6 năm 1860, các quan lại [Việt, có lẽ lúc này Nguyễn Tri Phương đã vào Sài Gòn, ĐNTL ghi ông được sung chức khoảng tháng Bảy âm, nhưng điều đó không có nghĩa là ông không thể đi trước đó] có xu hướng cắt đứt quân Pháp khỏi Chợ Lớn, vựa gạo của Sài Gòn. Do đó, dựa vào lực lượng đáng kể, bố trí các công sự từ xa và hành quân thần tốc, quân địch đã mở ra từ góc phía Nam của công

trình Chí Hòa 1 vụ phá hoại kếp, 1 đường hào dài cắt đứt đồn Cây Mai ra khỏi thành phố và buộc chúng tôi phải từ bỏ nó. Chìa khóa của tình hình là ở đó; vấn đề là giữ hay mất Chợ Lớn.

Nguyễn Tri Phương có vẻ là rất có sở trường về việc xây đồn đắp lũy: Thời gian làm kinh lược sứ Nam Kỳ thì đắp đồn ở Hà Tiên, thời gian là tổng thống quân thứ Quảng Nam thì đắp rất nhiều đồn lũy ở Đà Nẵng. Đến khi được “sung chức tổng thống quân vụ đại thần ở quân thứ Gia Định” thì ngay lập tức xây dựng đại đồn Chí Hòa.

Nhớ lại là ngay sau khi thành Phụng bị quân Pháp phá hủy, tháng Bảy 1859 “Tôn Thất Cáp xin dời thành tỉnh Gia Định làm ở nơi khác, vua cho là quân của Tây dương còn chiếm cứ đồn Hựu Bình, chiến hay hòa chưa nhất định, nên cần việc phòng giữ, để đợi cơ hội, không y cho làm”. Gần nửa năm sau, tháng Chạp cùng năm, “đặt tỉnh lỵ tạm thời của tỉnh Gia Định; trước đây tháng Sáu, quan tỉnh quân thứ cho là thành ấy đã bị người Tây dương đốt phá, mà hình thế nền thành cũ chưa phải là nơi tiện lợi, xin di tỉnh lỵ đến hạt huyện Tân Long; vua nghĩ việc đánh giặc Tây dương đương cần, chưa tiện làm nhọc sức dân, không cho làm; rồi đình thần bàn đã được chuẩn y cho là tỉnh ấy việc binh lương giấy tờ kiện tụng, vận tải điều động phân phát các việc rất nhiều mà gần đây chỉ làm việc ở đồn nhỏ chỗ quân thứ, có phần chưa tiện; xin cho quan tỉnh ấy chọn lấy chỗ đất mà đắp lũy đất, làm tạm dinh thự kho nhà để lấy chỗ đóng tạm làm việc, còn như việc kiến thiết tỉnh ấy đợi khi đánh giặc xong sẽ bàn; đến bấy giờ quan tỉnh lại xin chọn chỗ đất làm tỉnh lỵ ở địa phận thôn Tân Tạo phủ Tân Bình, theo nghị mà xây dựng, vua y cho làm”. Như vậy, đại đồn Chí Hòa không liên quan gì đến tỉnh lỵ mới của Gia Định, không nhằm mục đích phòng thủ, mà là nhằm đối đầu với đồn Cây Mai để giành quyền kiểm soát Chợ Lớn. Có lẽ Nguyễn Tri Phương từ Đà Nẵng đi vào Sài Gòn bằng đường bộ, đến Tham Lương rồi xuôi xuống Chí Hòa.



23. Fort dit la Pagode des Clochetons, au S. de Ki-loa (affaires de février 1861). (p. xij-xij de l'Annexe.)

Hình 45: Hình ảnh duy nhất còn lại về đồn Clochetons

Pallu kể tiếp: “Deux autres pagodes furent choisies entre Saïgon et la redoute qu'il fallait conserver à tout prix. On s'occupa immédiatement de les fortifier. La pagode des Mares avait une cour entourée de briques, qui formait une défense passable. Elle était assez éloignée des lignes

ennemies. L'autre, celle des Clochetons, se trouvait complètement à découvert. Elle n'était qu'à quatre cents mètres de la tête de sape. On prit immédiatement la terre des tombeaux pour se mettre à couvert”. 2 ngôi chùa khác được chọn nằm ở giữa Sài Gòn và ngôi chùa phải được bảo tồn bằng mọi giá [chỉ đồn Cây Mai]. Người ta ngay lập tức bắt đầu củng cố chúng. Chùa Ao Đầm có 1 sân có tường gạch bao quanh, tạo thành 1 công sự tạm tạm. Nó ở khá xa phòng tuyến của địch. Cái còn lại, chùa Tháp Chuông, hoàn toàn không được che chắn. Nó chỉ cách đầu đường hào [của quân Việt] có 400m. Chúng tôi lập tức lấy đất từ các ngôi mộ để đắp chặn.

Quân Pháp đặt tên cho đền Hiền Trung, đôi khi cũng gọi miếu Công Thần, là chùa Ao Đầm là vì nơi đó đất trũng sâu và ngập nước, vị trí của đền này được coi là nằm đâu đó trong khoảng nửa phía Bắc của phường Nguyễn Cư Trinh bây giờ [đầu năm 2021], thời của học giả Vương Hồng Sển đền vẫn còn. Còn chùa Tháp Chuông là chùa Kiểng Phước, chắc là có cái tháp chuông, nằm đâu đó quãng giữa đền Hiền Trung và chùa Cây Mai. Đường Phù Đổng Thiên Vương quận 5 bây giờ, thời Pháp có tên là đường Clochetons, vậy có lẽ Clochetons pagode nằm ngay quãng đó.



Hình 46: Chùa Barbé, sau đó là trường sư phạm An Nam

Còn 1 chùa nữa, chùa đầu tiên trong phòng tuyến, chắc là do quân Pháp đã chiếm từ trước rồi cho nên Pallu không đề cập, là chùa Khải Tường, có viên đồn trưởng là đại úy thủy quân lục chiến tên là Barbet, hay đôi khi là Barbé, bị phục kích chặt đầu ngày 07/12/1860, cho nên quân Pháp gọi tên luôn là đồn / chùa Barbet. Chính đây là nơi vua Minh Mạng được sinh ra, câu chuyện trong ĐNTL đề nghị kỷ được kể lại như sau, tháng Chín âm năm 1832:

“Trước đây vua [Minh Mạng] bảo bộ Lễ, cố cung chỗ sinh hoàng khảo thế tổ Cao hoàng đế ta [vua Gia Long] tại xã Dương Xuân, từ khi trải qua binh biến mất cả di chỉ, sau khi cả nước đã yên, tìm hỏi không ra mỗi khi nghĩ đến thương cảm không nguôi, nhân đó nghĩ đến chỗ sinh ta ở

nhà cũ của Tổng quốc công phu nhân tại ngoại thành Gia Định, vậy sai quan địa phương tìm hỏi xem; đến đây quan thành Gia Định tìm hỏi được di chỉ ở lân Tân Lộc, vẽ địa đồ dâng lên; vua dụ rằng, lân Tân Lộc ở phía hữu thành Gia Định, khi trước, hoàng thái hậu ta đi theo hoàng khảo thế tổ Cao hoàng đế ta vào Nam, từng đóng lại ở nơi ấy, thực là hợp với điềm tốt ‘cầu vòng trôi ở bến hoa’, nghĩ đến đất quý phát phúc càng nên giữ mãi dấu tích, để khuyến khích sau này; vậy nên xây dựng ngôi chùa ở ngay chỗ đất ấy, gọi là chùa Khải Tường để ghi sự tốt lành to tát chứng tỏ nơi phát phúc lâu dài”.

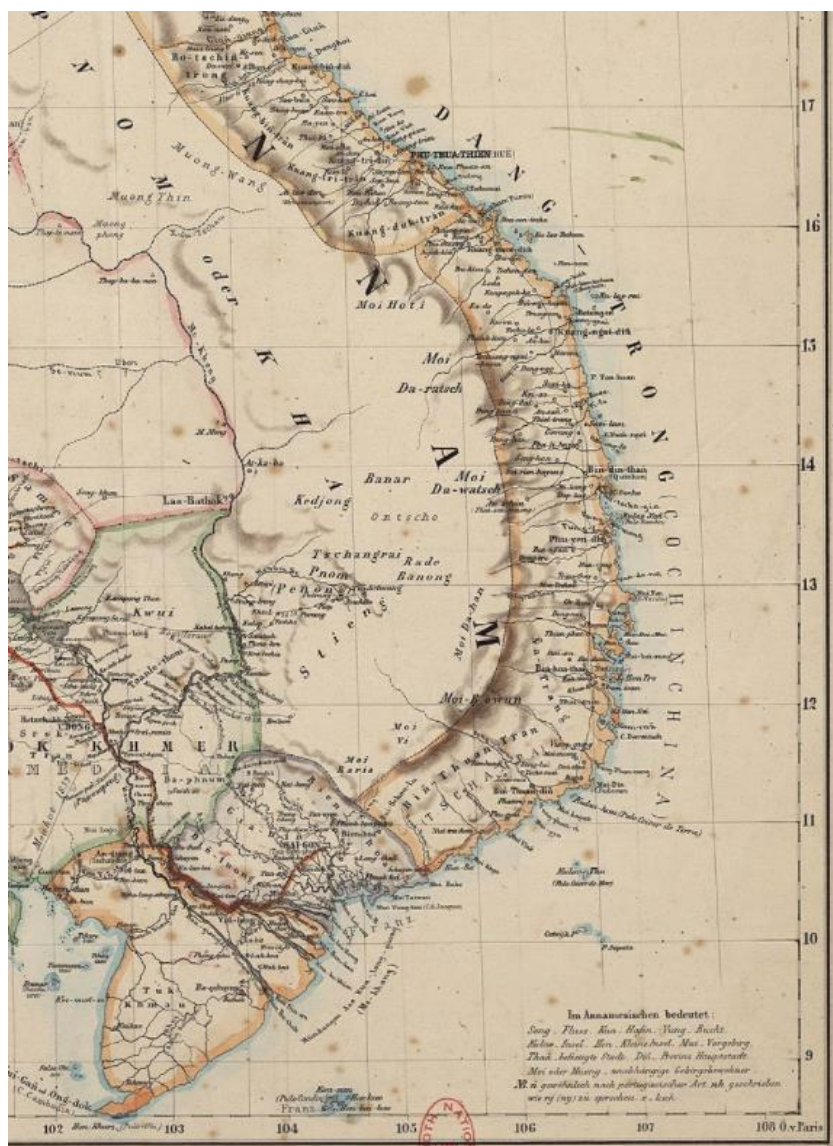
Chùa Barbé xuất hiện trong nhiều bản đồ Sài Gòn về sau này với con đường liền kề tên là đường Barbé, nay là đường Lê Quý Đôn, tất nhiên là khuôn viên đã nhỏ hẹp lại với đường phố đô thị bao quanh. Dường như nơi đây từng là cơ ngơi của trường sư phạm, l’ecole normale, sau là tư dinh của nhân sĩ Bùi Quang Chiêu, công trình tồn tại đến bây giờ mặc dù nhiều lần thay đổi chủ sở hữu, nhiều lần thay đổi công năng và coi nói.

Sở dĩ những ngôi chùa được chọn, thành tên gọi “la ligne des pagodes”, phòng tuyến các ngôi chùa, là vì trong bối cảnh đồng không mông quạnh, đa phần là bùn lầy nước đọng, các ngôi chùa là các công trình kiến trúc đáng kể nhất, thường được xây dựng trên gò đất cao hoặc nơi đã được đào đắp, cho nên quân Pháp sử dụng mà thôi.

278 – Những địa danh trong thời đại mới

Vẫn cần phải nói ra ngoài lề 1 chút, kể cả nhắc lại những điều đã nói trước đây ở chỗ này chỗ khác, về những cái tên của những miền đất, rất có liên quan đến lịch sử nhưng không phải lúc nào cũng được nhận biết đúng về tầm mức quan trọng của nó.

Đầu tiên là cái tên “Cochinchine”, cái tên này liên quan đến vị trí của nước Việt trong cách nhìn của quốc tế, và cả câu chuyện về Bắc Kỳ Nam Kỳ Trung Kỳ.



Hình 47: Bản đồ Cochinchine Đàng Trong, nguồn Wiki

ĐLSC số 114 đã nói về khoảng năm 1500, người Bồ Đào Nha dùng từ Cochi [chính tả không nhất thiết luôn luôn là như vậy, ví dụ có thể là Cochim hay Kochi...], để chỉ Kẻ Chợ, được hiểu là Thăng Long, 1 Thăng Long của người dân trong cuộc sống sinh hoạt bình thường chứ không

phải của vua chúa và những công việc triều đình, và dần dà trong con mắt của thương nhân quốc tế, được coi là “nước Việt” thời kỳ đó. Sở dĩ chỉ là “được hiểu” hay “được coi”, bởi vì triều đình nhà Lê lúc đó nói chung là không thèm biết đến và cũng không được biết đến bởi thế giới phương Tây. Chắc là tên gọi đó xuất phát từ 1 vài ghi chép của thương nhân đến buôn bán ở 1 nơi mà cư dân ở đó tự gọi là “chợ”. Để phân biệt cái Cochi này với 1 cái Cochi khác đã có từ nhiều chục năm trước ở bờ Tây của tiểu lục địa Ấn Độ, người ta phải định vị nó bằng 1 cái to lớn hơn ở ngay bên cạnh, là China, thành ra là Cochi China. Nếu cần phải chuyển ngữ những tài liệu viết về thời kỳ này, “Cochi China” có thể được chuyển ngữ thành “Đại Việt” với những chú thích cần thiết.

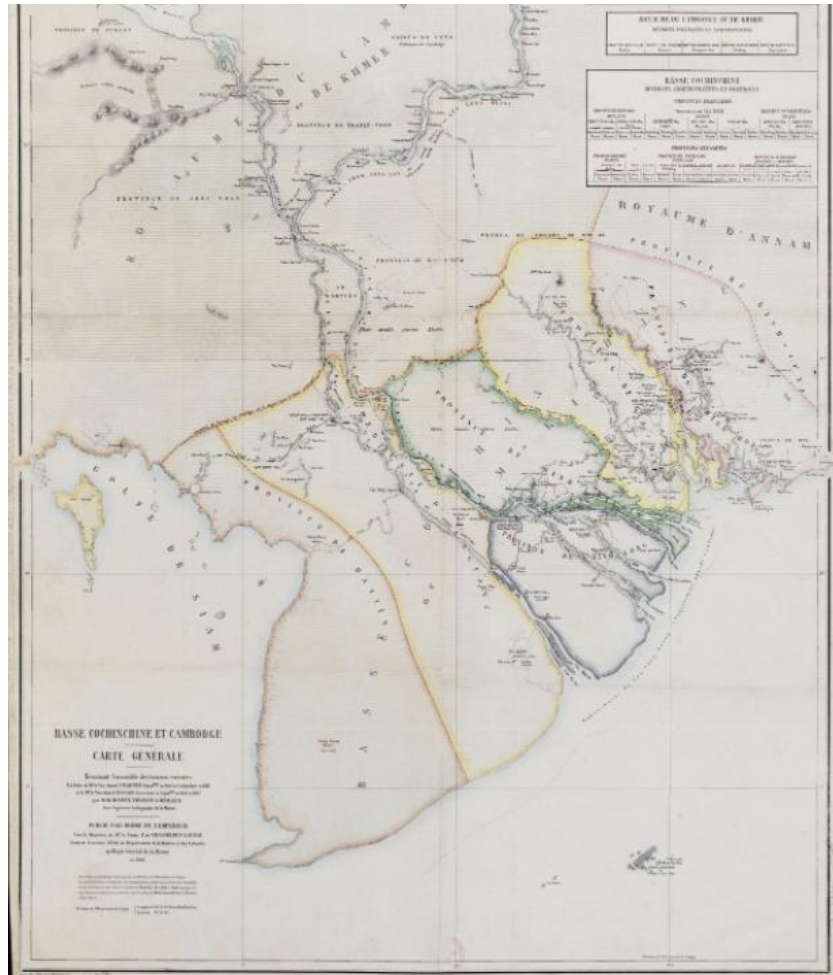
Tuy nhiên, cái tên đó rất hời hợt và chẳng gắn bó với bất cứ 1 thể chế cụ thể nào, cho nên đến khi Trịnh – Nguyễn phân tranh, so sánh 2 miền thì thương mại quốc tế ở Đàng Trong của nhà Nguyễn có phần phát đạt hơn so với ở Đàng Ngoài của nhà Trịnh, cái tên thường dùng của thương nhân đó di chuyển theo nhà Nguyễn để chỉ xứ Đàng Trong, cụ thể hơn là Thuận Hóa. Đến cuối thế kỷ XVIII khi người Pháp xuất hiện nhiều ở khu vực này, và các địa danh trong các tài liệu cũng dần dần trở nên chuẩn mực hơn, các biến thể bị lược bỏ dần, thì tên của xứ Đàng Trong được viết lại theo chính tả Pháp, thành Cochinchine, rồi Cochinchine, hoặc chính tả Anh cũng vậy: Cochinchina. Nếu cần phải chuyển ngữ những tài liệu viết về thời kỳ này, Cochi China phải được chuyển ngữ thành “Đàng Trong” với những chú thích cần thiết. Đó là điều ĐLSC đã làm với những số từ 277 trở về trước.

Nước Việt được thống nhất bởi nhà Nguyễn với những tên gọi Đại Việt rồi Việt Nam rồi Đại Nam, [không hiểu tại sao lại cứ thích có chữ “Nam” cho nó theo 1 cái hệ qui chiếu hướng về “trung tâm”, rất lệ thuộc; ĐLSC thường chỉ dùng chữ “Việt” mà bỏ chữ “Nam”], nhưng những mối bang giao với phương Tây “man mọi di dịch” vẫn không tiến bộ được bao nhiêu. Vì không có các mối quan hệ chính thức, theo kiểu trao đổi sứ quán hoặc tương tự, cho nên không có ai giải thích cho ai các tên nước thực ra là như thế nào, người Pháp đành phải sử dụng cái tên mà họ nghe được từ người China: An Nam, thành ra là Annam hoặc Anam trong tiếng Pháp, và theo đó để chỉ người, thành 1 cái tên đầy ám ảnh là “annamites”. [ĐLSC số 261 đã đề cập chuyện triều đình nhà Nguyễn bối rối thế nào với những cái tên Phật Lan Tây / Phật Lăng Cơ / Phú Lăng Sa / Pháp Lan Tây, hay những cái tên Hoa Càn / Ma Ly Căn].

Tính chính thống của cái tên Cochinchine trong chính trường Pháp dưới thời Napoléon III thoát đầu là cao hơn cái tên Annam, với sự ra đời của Commission de la Cochinchine, và l’expédition de Cochinchine mà Genouilly làm tư lệnh. Nhiều tài liệu chuyển ngữ 1 cách dễ dãi Commission de la Cochinchine thành ra là “Ủy ban Nam Kỳ”, trong khi Genouilly hướng mũi tàu tới Đà Nẵng chứ không phải Nam Kỳ, mà không chú giải gì cả, rõ ràng là không thích hợp.

Genouilly thất bại ở Đà Nẵng, chuyển hướng vào Sài Gòn, và những diễn biến lịch sử tiếp theo sẽ làm cho cái tên Cochinchine cũng di chuyển theo chân đoàn quân viễn chinh vào Sài Gòn, trở thành tên gọi theo tiếng Pháp của xứ Nam Kỳ thuộc Pháp, trả lại cho Trung Kỳ của triều đình nhà Nguyễn cái tên An Nam, Annam. Nếu cần phải chuyển ngữ những tài liệu viết về thời kỳ

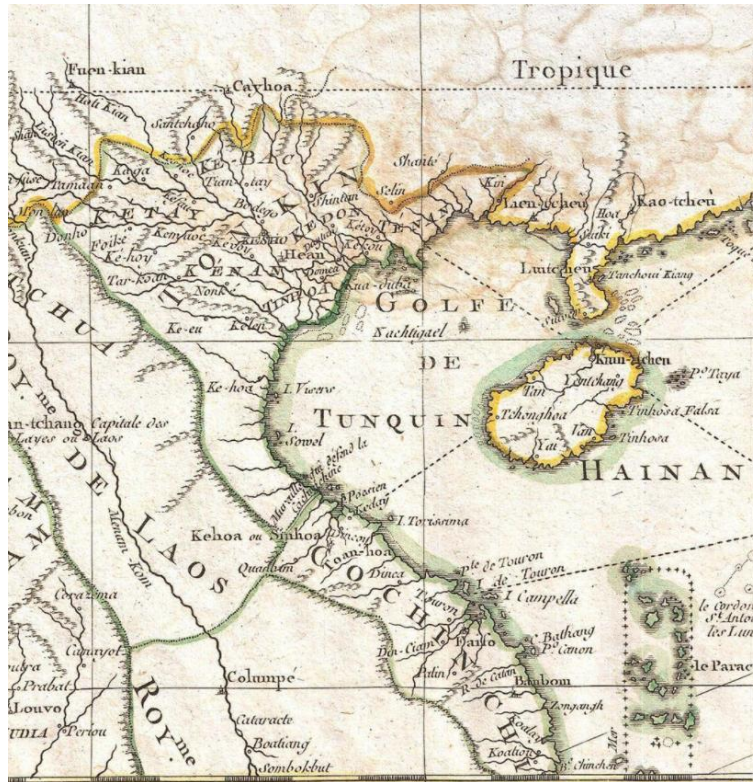
này, và từ thời kỳ này trở đi, Cochinchine mới nên được chuyển ngữ thành “Nam Kỳ” với những chú thích cần thiết. Đó là điều từ đây trở đi, ĐLSC sẽ áp dụng.



Hình 48: Bản đồ Cochinchine Nam Kỳ lục tỉnh năm 1863, 3 tỉnh của Việt 3 tỉnh của Pháp

Và cũng chưa rõ là từ lúc nào, nhưng dường như muộn hơn nhiều so với thời điểm cái tên Cochinchine từ Bắc đi vào Trung, Bắc Kỳ cũng có “tên đối ngoại mới” là Đông Kinh, Tonkin, hoặc Tonquin và nhiều biến thể khác, dễ thấy là bắt nguồn từ tên của triều đình nhà Lê đặt cho kinh thành Thăng Long để phân biệt với Tây Kinh quê của họ ở Thanh Hóa.

Rõ ràng là các thương nhân quốc tế đã phải lặn lội trong 1 bối cảnh đầy rủi ro, họ không biết 1 cách chính thức miền đất họ đến là như thế nào và sẽ đối đãi với họ ra sao, họ phải tự mình đặt ra tên gọi cho miền đất, tự mình đối phó với thói những lạm của đám quan chức và sự lươn lẹo của những đối tác địa phương [về sự lươn lẹo, có thể xem lại ĐLSC số 215, những ví dụ của John White trong cuốn A History of a Voyage to China Sea]. Về lợi ích của thương mại quốc tế, ví dụ về 66 con tàu và 100 chiếc xe tải chở 60 ngàn tấn gạo trong vòng 4 tháng, thu được lợi nhuận kếp xù ở Hong Kong và Singapore cho tất cả các bên tham gia, đã nêu trong ĐLSC số 277, cho thấy lẽ ra đất nước đã có thể khởi sắc như thế nào.



Hình 49: Bản đồ Đông Kinh năm 1771 của Rigobert Bonne

Nhân tiện, mặc dù còn hơi sớm nhưng cũng nên nói luôn về cái tên “Indo-Chine”, đôi khi nhưng không phải luôn luôn, được làm rõ hơn là “Indo-Chine française”.

Về mặt địa lý thì Indo-Chine là những gì nằm ở giữa Indo và China, và chịu ảnh hưởng của Indo và China, thường được gọi là “bán đảo Indo-Chine”. Như hiện nay thì bán đảo này đang bao gồm Myanmar, Thailand, Laos, Cambodia, 1 phần Malaysia, Singapore và Việt.

Về mặt lịch sử thì từ khoảng thời gian này trở đi, bán đảo này sẽ có phần thuộc về Anh và có phần thuộc về Pháp; thuộc về Anh có Myanmar, Malaysia và Singapore; thuộc về Pháp có Việt, Cambodia và Laos; Thailand không thuộc bên nào cả, nằm ở giữa trở thành vùng đệm. Người Việt sẽ bỏ ngoài tai những gì liên quan đến Anh mà chỉ biết đến những gì thuộc Pháp. Vốn dĩ người Việt từng gọi Pháp là “Tây Dương” cho nên sẽ rất tiện lợi để gọi luôn những gì thuộc về Pháp ở phía Đông này là “Đông Dương”, cho nên người Việt thường lẫn lộn giữa “Đông Dương”, cũng là 1 bán đảo, và “Indo-Chine”, là 1 bán đảo to hơn bao gồm cả bán đảo Đông Dương kia. Cách dùng từ của người Pháp, “Indo-Chine française”, thường bị người Việt rút bớt từ “française” sau cùng, góp phần làm trầm trọng thêm sự lẫn lộn đó.

Tóm lại, cần phân biệt bán đảo Indo-China hay có thể gọi là bán đảo Ấn-Hoa, to hơn, trùm ra ngoài, với bán đảo Đông Dương hay có thể gọi là bán đảo Việt-Cam-Lào, nhỏ hơn, nằm bên trong.

Bán đảo Đông Dương



Bán đảo Đông Dương năm 1886

Hình 50: Câu hỏi cho Wiki: Đông Dương hay Indo-China

Tiếp theo là cái tên “Sài Gòn”.

ĐLSC số 181 và 233 đã tìm hiểu về nguồn gốc cái tên “Sài Gòn”. Điều cần nhấn mạnh là, ngoài những khảo cứu kiểu Lê Quý Đôn, bằng chữ nho, thì triều đình nhà Nguyễn không bao giờ chính thức sử dụng tên gọi Sài Gòn. Sử dụng tên gọi Sài Gòn đầu tiên là Bá Đa Lộc trong cuốn *Dictionarium Anamitico Latinum* ra đời 4 năm trước Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, và sau này luôn được người Pháp sử dụng cho đến khi cái tên này trở thành chính thức và quen thuộc. Khi viết *Dictionarium Anamitico Latinum*, Bá Đa Lộc cũng chỉ có thể thu thập dữ liệu từ trong dân dã mà thôi. Quá trình thâm nhập vào cư dân bản địa và ký âm lại các địa danh của họ mà các nhà truyền giáo phương Tây thường làm hẳn là sẽ đáng tin cậy hơn so với quá trình “cứ tạm cho là cũng thâm nhập và tìm hiểu” nhưng ký âm lại bằng chữ Hán của các nho sĩ kiểu Lê Quý Đôn. Theo đó thì có vẻ như là, cư dân bản địa sử dụng địa danh “Sài Gòn” từ lâu đời rồi, còn các nho sĩ thì dùng chữ Hán, đảo qua đảo lại chữ trước chữ sau, tam sao thất bản nét thừa nét thiếu..., thành ra còn lại địa danh Mô Xoài đến bây giờ.

Tiếp theo là cái tên “Huế”.

Hiện nay, nhiều khảo cứu coi tên gọi “Huế” là sự rút gọn có biến âm của “Thuận Hóa”, tức là bỏ bớt chữ “Thuận” và đọc “Hóa” thành “Huế”, tương tự như “hoa” và “huê”, “hòa” và “huê” vậy. Tuy rằng đây mới chỉ là 1 hướng khảo cứu chưa thể kết luận, nhưng dù sao chẳng nữa thì biến âm hay là 1 âm bản địa nào đó, nó cũng chỉ xuất hiện trong dân dã chứ không phải từ trong văn bản của quan lại hay triều đình, và chỉ từ dưới dân dã nó mới được người Pháp thu thập, ghi lại và sử dụng. Tương tự như trường hợp của “Sài Gòn”, “Huế”, chính tả Pháp viết là Hué, được người Pháp sử dụng cho đến khi cái tên này trở thành chính thức và quen thuộc.

Tiếp theo là cái tên “Bà Rịa”.

Nói về địa danh “Bà Rịa” bây giờ là hơi sớm, chỉ là nhân tiện nói luôn mà thôi, bởi vì đến năm 1865 người Pháp mới thành lập “hạt tham biện Bà Rịa”, l’arrondissement de Baria, có thể dùng ngôn ngữ thời nay đơn giản là ủy ban tỉnh Bà Rịa. Cái tên hết sức quê mùa là Bà Rịa, mà lại được người Pháp đưa ra rất nhanh chóng, đã khiến cho nhiều nhà nghiên cứu sau này nhảy dựng lên đổ tội cho người Pháp là hấp tấp hồ đồ, 1 số nhà nghiên cứu khác thì nhanh chóng nghiên cứu ra được 1 danh nhân Nguyễn Thị Rịa [!].

Sở dĩ người Pháp cần nhanh chóng thành lập hạt tham biện Bà Rịa là vì nó án ngữ con đường Sài Gòn đi ra biển, và sở dĩ họ đặt tên Bà Rịa là vì bằng 1 cách nào đó, họ đã có được dữ liệu về 1 bộ tộc xa xưa [có phần chắc nhưng không nhất thiết phải là theo mẫu hệ] của cư dân bản địa, bộ tộc Bà Rịa hay có thể là những biến âm nào đó, Bơ Rịa chẳng hạn. Có thể nhớ lại rằng “vương quốc” này từng xuất hiện đâu đó, loáng thoáng mờ hồ trong thư tịch cổ từ thời nhà Đường, Bà Rịa hay Bà Lợi hay Bà Ly gì đó, chẳng qua chữ China không thể hiện được âm R mà thôi, [Ba Lê cho Paris hay Lỗ Ma Ní cho Rumania]. Lưu ý rằng “Bà” không nhất thiết là để chỉ 1 người đàn bà.

Với những trường hợp như Huế, Sài Gòn, Bà Rịa... nói trên, rõ ràng là có sự tồn tại khuất lấp, và có lẽ đã tàn lụi dần, của những khối cư dân bản địa, không nhất thiết cư trú ở chính xác Huế hay Sài Gòn hay Bà Rịa, có thể là người Chăm hay người Khmer những cũng có thể là những nguồn gốc phức tạp khác, với ngôn ngữ, lịch sử và văn hóa riêng, tồn tại khuất lấp bên cạnh sự tràn lấn của người Kinh hay người Hoa. Những khối cư dân này, có lẽ chỉ có những nhà truyền giáo phương Tây, do thiên chức truyền giáo và tư cách là người đến từ bên ngoài, mới có thể thâm nhập và cảm nhận được, và đã ghi nhận lại được phần nào những dữ liệu rời rạc mờ hồ của họ. Có lẽ về sau, họ đã phần nào đồng hóa vào với người Kinh hay người Hoa, và phần nào lẫn tránh lên rừng sâu núi cao, sống tách biệt thành những sắc tộc thiểu số bây giờ.

Tương cũng nên nói thêm rằng, trong 1 cộng đồng không có chữ viết như cộng đồng người Việt, những cái tên dân dã truyền khẩu có sức sống mãnh liệt hơn nhiều so với những cái tên nho nhã thâm sâu mang nhiều ý nghĩa và điển tích mà triều đình thường đặt ra và cũng thường thay đổi về sau này.

Tiếp theo là chuyện, chỉ 1 chút xíu nữa là Hà Nội cũng có tên mới, mà dựa trên 1 cái tên rất cũ. Paul Doumer viết trong hồi ký, được xuất bản vào năm 1905, như sau:

“Les écrits du XVII^e siècle donnent à Hanoï le nom de Ke-So (prononcez Ké-Cheu), qu'on trouve actuellement dans le pays en divers lieux et qui signifie ‘grand marché’. Etait-ce le vrai nom de la ville, ou plutôt une appellation courante, comme celle que nous emploierions en désignant constamment Paris par le mot ‘la capitale’? On ne sait”. Các ấn phẩm của thế kỷ 17 đã đặt cho Hà Nội cái tên Kê Sở (phát âm là Ké-Cheu), hiện được tìm thấy ở nhiều nơi trong cả nước và có nghĩa là ‘chợ lớn’. Đây có phải là tên thật của thành phố, hay đúng hơn là 1 tên thông thường, giống như tên mà chúng ta thường sử dụng khi liên tục gọi Paris bằng từ ‘thủ đô’? Chúng ta không biết. [Chỗ này chắc là Doumer đọc chữ ‘chợ’ theo kiểu Pháp, ‘ch’ đọc là ‘s’, khác với trường hợp của đại đồn Chí Hòa, người Pháp đọc chữ ‘h’ bị câm cho nên ‘ch’ của ‘Chí Hòa’ lại thành ra ‘k’, ‘Kỳ Hòa’, sự phân biệt khi phát âm giữa ‘cho’ và ‘chi’; hậu quả là bây giờ Sài Gòn có cả Chí Hòa và Kỳ Hòa cùng song song tồn tại].

“Ce qu'il y a de certain, c'est que la ville d'il y a deux ou trois siècles était située sensiblement au même point sur le fleuve que la ville actuelle. D'ailleurs, à cet emplacement, il paraît y avoir toujours eu une ville, et ce que l'on sait d'Hanoï remonte beaucoup plus haut que le Ke-So annamite. On a découvert, en effet, au cours de fouilles exécutées en 1898 ou 1899, dans la partie haute de la ville, au jardin botanique, des ruines, des vases, des monnaies, qui révèlent l'existence d'une grande cité au temps de l'occupation chinoise, il y a quelque dix siècles. Elle portait le joli nom de Dalila”. Điều chắc chắn là thành phố của 2 hoặc 3 thế kỷ trước nằm gần cùng 1 điểm trên sông với thành phố hiện tại. Hơn nữa, tại địa điểm này, dường như luôn luôn có 1 thành phố, và những gì chúng ta biết về Hà Nội ở mức cao hơn nhiều so với Kê Sở của người An Nam. Trên thực tế, chúng tôi đã phát hiện ra, trong các cuộc khai quật được thực hiện vào năm 1898 hoặc 1899, ở phần trên của thành phố, trong vườn bách thảo, những tàn tích, bình hoa, tiền xu, cho thấy sự tồn tại của 1 thành phố vĩ đại vào thời kỳ China chiếm đóng, khoảng 10 thế kỷ trước. Nó có cái tên đẹp là Dalila. [Thành Đại La, với nguyên nghĩa là 1 cái la thành to, mà ‘la thành’ vốn chỉ là 1 cái thành phụ rộng hơn, bao ra bên ngoài tòa thành chính, lại được viên toàn quyền Pháp hiểu thành tên của người phụ nữ đẹp đã quyến rũ để phản bội, cắt trụi mái tóc vốn là nguồn gốc của sức mạnh của người anh hùng Simpson, theo 1 tích trong Kinh Thánh. Đoạn tiếp theo viên toàn quyền lấy làm tiếc rằng đã không biết sớm để lấy tên Dalila thay cho tên Hà Nội].

Nói chung, mỗi cái tên sẽ hàm chứa 1 câu chuyện ở trong đó, địa danh gắn liền với lịch sử. Nhưng với các vua nhà Nguyễn thì khác, chẳng vì lý do gì và cũng chẳng để làm gì, rảnh rỗi là cũng có thể “đổi tên núi Tá Ly gọi là núi Tá Linh”, hay “đổi tên bảo Ai Lao ở phủ Cam Lộ làm bảo Trấn Lao”, hay “vua ngự chơi chùa Trấn Quốc, đổi tên là chùa Trấn Bắc, cấp cho tiền 200 quan”.

Cũng có những trường hợp gọi là có lý do, mà thường chỉ là kiêng húy: “đổi tên chùa Sùng Ân ở Hà Nội làm chùa Hoằng Ân, chùa này ở phường Quảng Bồ, nay là Quảng Bá [tức cũng đã đổi

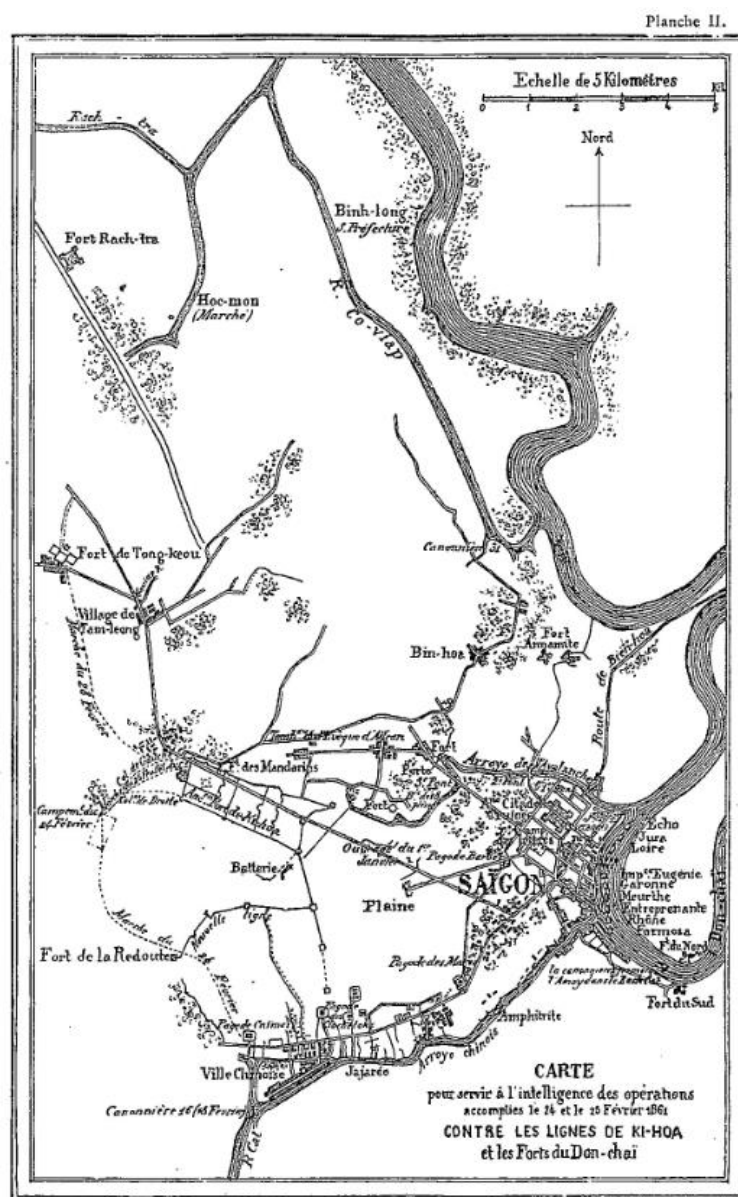
lúc nào đó rồi], tỉnh Hà Nội, nguyên tên là Long Ân, do bà Ngọc Tú, công chúa triều trước, dựng ra; năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], vua ra Bắc, cho tên chùa này là Sùng Ân; tới đây, vì tránh tên điện của nhà vua, có chữ ‘Sùng’, mới đổi tên thế”.

Hay là “đổi tên phủ Yên Ninh ở tỉnh Tuyên Quang làm phủ Tương Yên; vua thấy ‘Yên Ninh’ đã có tên 1 xã thuộc phủ Thừa Thiên, tức là chỗ đất phong cho tước Yên Ninh bá Nguyễn Ngọc Huyền, nên mới đổi tên phủ này”.

Hay là “đổi tên gọi tỉnh Thanh Hoa là tỉnh Thanh Hoá [mà trường hợp này không thấy có ai gọi trại đi thành ‘Thanh Huế’ như trường hợp Thuận Hóa nói trên]; trước kia, vì húy nhà vua, phải đổi lại cả ấn triện; nay, vua nói, những chữ húy ở thái miếu rất là tôn trọng, theo lễ phải nên cung kính mà kiêng tránh, nhưng đối với cái nơi phát tích ngàn muôn đời, cũng phải nên còn lại sự thực; xét các sử sách của nước Nam, tỉnh Thanh đời cổ là Thanh Hoá, vậy chuẩn cho lấy lại tên cổ, phàm các dấu quan phòng và ấn triện cũng đều đổi lại mà ban cấp”. Đổi đi cũng có lý do mà đổi lại cũng có lý do luôn, thế nào cũng được.

279 – Trận đại đồn Chí Hòa

Tiếc rằng ĐNTL không có chỗ cho những điều vặt vãnh như là mô tả đại đồn Chí Hòa, toàn bộ ĐNTL đệ tứ kỷ chỉ có 8 lần dùng chữ “đại đồn”, nhưng chung cho tất cả các công trình của Nguyễn Tri Phương ở từ ngoài Đà Nẵng vào tới Gia Định, đặc biệt không hề có 1 chữ “Chí Hòa” hay “Kỳ Hòa” nào cả. Dưới đây ĐLSC tiếp tục sử dụng Histoire de l’expédition de Cochinchine en 1861 của trung úy Léopold Pallu, nhắc lại rằng Chí Hòa bị người Pháp phiên âm thành ra Ky Hoa để rồi lại được chuyển ngữ trở lại tiếng Việt thành ra 1 địa danh khác, cùng tồn tại ở Sài Gòn đến bây giờ, là Kỳ Hòa.



Hình 51: Bản đồ đại đồn Chí Hòa của Pallu

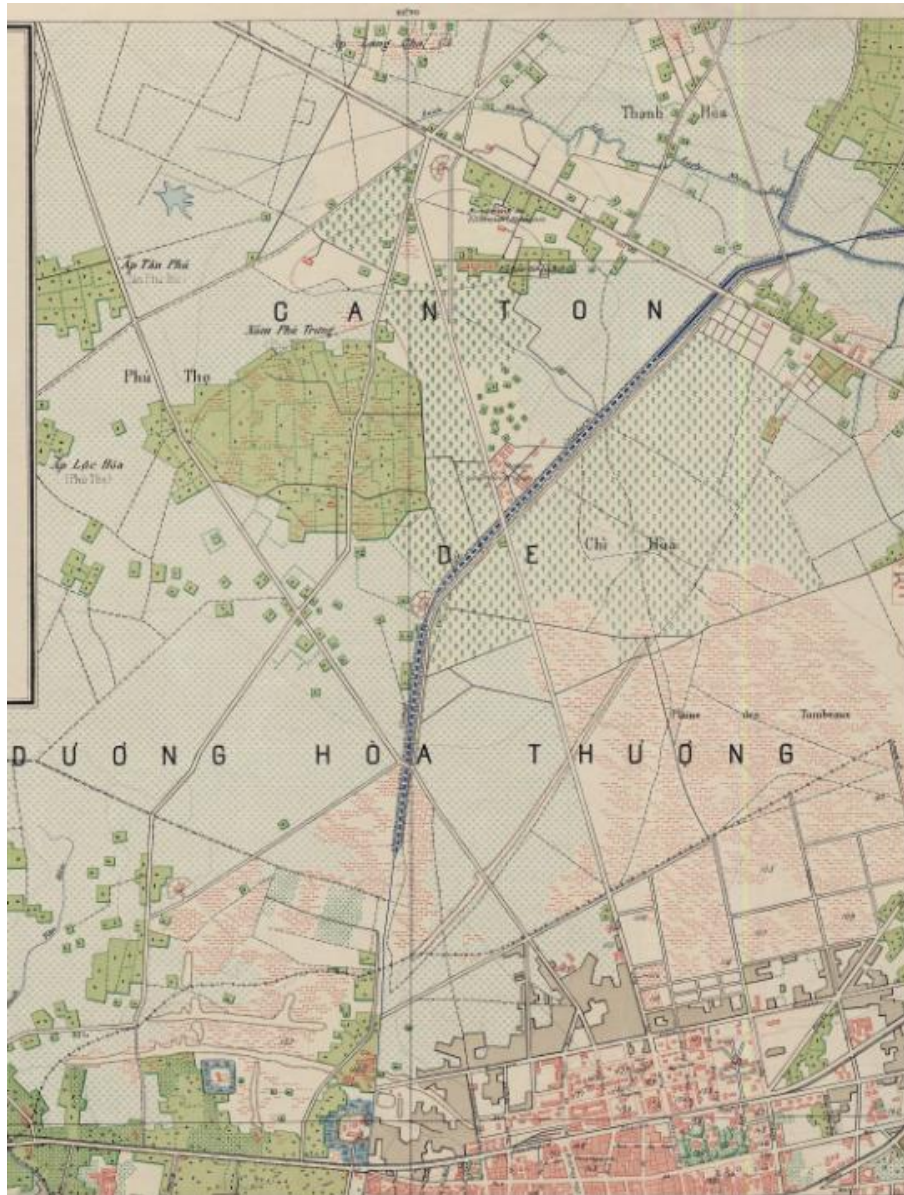
Pallu có 1 đánh giá tổng quát về đại đồn Chí Hòa như sau: “Toute la plaine comprise entre l'arroyo de l'Avalanche et l'arroyo Chinois se trouvait alors barrée par de longues tranchées que des redoutes commandaient de distance en distance. Partout où il y avait un chemin ou un cours d'eau, les Annamites avaient élevé un fort. Le cours supérieur du Don-chaï était barré. Enfin, contrairement à l'idée qu'on s'en fit, les revers de ce système de redoutes se trouvaient aussi forts que le front et les flancs”. Toàn bộ vùng đất bằng giữa rạch Thị Nghè và rạch Tàu Hủ [tức là toàn bộ không gian nằm giữa ngã tư Bảy Hiền ở phía Bắc và chợ Bình Tây ở phía Nam, theo bản đồ bây giờ] sau đó đã bị phong tỏa bởi các chiến hào chạy dài với các công sự không chế từng đoạn. Bất cứ nơi nào có con đường hay con suối, người An Nam đã dựng lên 1 đồn lũy. Thượng nguồn của sông Sài Gòn đã bị chặn. Cuối cùng, trái với suy nghĩ của nhiều người, mặt sau của hệ thống công sự này cũng mạnh như mặt trước và 2 bên sườn. [Đoạn này có thể được hiểu rằng, mặc dù đại đồn Chí Hòa của Nguyễn Tri Phương nằm trong 1 chuỗi liên hoàn, theo sao là những đồn Thuận Kiều đồn Rạch Tra v.v., nhưng thực tế lại khá là đơn độc, và do đó phải tự mình phòng thủ cho mình cả về 4 hướng. Đồn Thuận Kiều và đồn Rạch Tra là để bọc lót cho đường tiến lui của đại đồn Chí Hòa, đường tiến lui duy nhất ở thời điểm đó].

“Ainsi établi, ce grand camp retranché avait repris toute l'importance de l'ancienne citadelle. Il dominait le pays. Il tenait les routes qui conduisent à My-thô, à Hué et au Cambodge. Les communications des Annamites avec la ville chinoise étaient régulières. Les sapeurs de l'ennemi portaient comme des bras, du grand corps de Ki-hoa, étouffaient la petite garnison alliée dans Sai-gon, et la réduisaient à l'impuissance malgré l'immobilité que semblaient avoir adoptée ses adversaires”. Như vậy được thành lập, trại cố thủ rộng lớn này đã lấy lại tất cả tầm quan trọng của tòa thành cũ [thành Phụng]. Nó thống trị vùng đất. Nó không chế những con đường bộ đi đến Mỹ Tho, Huế và Cao Miên. Sự liên lạc của người An Nam với Chợ Lớn là thường xuyên. Những cánh tay của kẻ thù, xuất phát từ cơ thể vĩ đại của Chí Hòa, đã bóp nghẹt các đồn trú nhỏ của đồng minh ở Sài Gòn, và khiến họ trở nên bất lực mặc dù kẻ thù của họ dường như đã chấp nhận án binh bất động. [Quả là những lời có cánh].

“Le camp annamite affectait une forme rectangulaire. Il comprenait cinq compartiments séparés les uns des autres par des traverses. L'enceinte était un épaulement en terre, de trois mètres et demi de haut, de deux mètres d'épaisseur; elle était percée de meurtrières très rapprochées, dont la grande ouverture était tournée en sens contraire des meurtrières européennes. Les défenses accessoires étaient accumulées sur toutes les faces, mais principalement sur le front et le revers de l'ouvrage”. Trại của quân An Nam có hình chữ nhật. Nó gồm 5 ô được ngăn cách với nhau bằng các vách ngang. Bao ngoài là 1 thành đất, cao 3 mét rưỡi, dày 2 mét; thành có những lỗ bắn rất gần nhau, các lỗ lớn của nó quay đối diện với những lỗ bắn của liên quân. Các phụ kiện phòng thủ được bố trí ở tất cả các mặt, nhưng chủ yếu ở mặt trước và mặt sau của công trình.

Cái hình chữ nhật đó có 2 cạnh có thể nhìn thấy còn rõ ràng đến tận bây giờ là đường Trương Công Định và đường Bàu Cát. Phần kéo dài của đường Trương Công Định, tức là của bức tường thành phía Tây Bắc, sang phía bên kia của con đường thiên lý đi Nam Vang đã biến mất không biết từ lúc nào, không còn dấu vết gì cho dù đó chính là nơi đầu não của đại đồn, bản doanh của

Nguyễn Tri Phương. [Dường như Nguyễn Tri Phương có nuôi 1 con cá sấu nhỏ ở đây để làm cảnh: au centre de ce réduit, dans une pièce d'eau, il y avait un caïman de taille moyenne qui paraissait conservé là comme un animal de luxe]. Có thể chăng cái tên Bàu Cát ở đây là liên quan đến việc lấy đất để xây dựng đại đồn?



Hình 52: Dấu vết còn lại của đại đồn trên bản đồ năm 1923, có 1 đài tưởng niệm lính Pháp cạnh nhà thờ Chí Hòa

Tương tự, phần kéo dài của đường Bàu Cát, bức tường thành phía Tây Nam cũng không còn ra tới được đường Lạc Long Quân nơi ngã tư Bảy Hiền, trong khi lẽ ra phải chạy thẳng tiếp để gặp con đường giáo xứ Nghĩa Hòa là bức tường thành phía Đông Nam. Cái góc mở về phía Tây của ngã tư Bảy Hiền này có vẻ đã trải qua những lần thay đổi qui hoạch khá kỳ quặc, những con đường hướng vuông góc ra 2 trục đường bị chặn lại bởi những con đường 45 độ hướng ra tâm của ngã tư, rồi rớt cục những con đường 45 độ cũng như bị tắc nghẽn lại.

Bức tường thành phía Đông Nam có dạng 1 đường cong lõm, điểm giữa, tạm gọi là đồn Trung Tâm, nằm ở vị trí của trường THCS Tân Bình ngay ngã ba ông Tạ, phía bên tay phải chạy xuống 1 đồn ở góc phía Nam tại khoảng vị trí của nhà thờ Nam Hòa, tạm gọi là đồn Hữu, bây giờ chỉ còn là 1 con hẻm nhỏ nhưng khá nguyên vẹn hình dáng cong cong trên mặt bằng, tên là đường Nghĩa Hòa. Phía bên tay trái hiện cũng không còn dấu vết gì. Đồn Tả, tạm gọi như vậy, phải đối xứng với đồn Hữu qua trục đường thiên lý có lẽ là nằm ở khoảng cuối con đường Bùi Thị Xuân, đầu đó trong xí nghiệp đầu máy Sài Gòn bây giờ. Có lẽ vườn rau Lộc Hưng, những năm 50s-70s được gọi là cánh đồng Sơn Tây vì người Sơn Tây di cư được định cư nhiều ở đây, cũng liên quan đến việc lấy đất để xây dựng đại đồn.

[Ngoài lề: Rất ngộ nghĩnh là con đường mang tên Bùi Thị Xuân ở Tân Bình, xuất hiện rất sớm trên bản đồ của Trần Văn Học từ hồi năm 1815, tất nhiên hồi đó chưa thể mang tên Bùi Thị Xuân, đến đây tham gia vào hệ thống đại đồn Chí Hòa, trở thành 1 đường giao thông nối 2 đồn phụ làm nhiệm vụ che chắn cho hướng Đông Bắc của đại đồn, là đồn Tả và 1 đồn nữa ở ngay gần lăng Cha Cả. Về sau xí nghiệp đầu máy đã xóa mất đoạn cuối của con đường mở ra nối với đường thiên lý đi Nam Vang, rồi tiếp đến kênh Nhiêu Lộc lại cắt rời ra 1 mẫu nằm chơ vơ không tên tuổi, 1 đoạn hẻm rất ngộ nghĩnh nơi đầu cầu số 5 bây giờ. Chỉ ở bên kia bờ kênh, nơi đầu cầu số 4 chạy về lăng Cha Cả mới có tên Bùi Thị Xuân, 1 cái tên không rõ được đặt từ bao giờ và may mắn tránh được những đổi thay của thời cuộc. Ví dụ như đường Thoại Ngọc Hầu, cùng với đường Bùi Thị Xuân 2 con đường cắt nhau cùng thời, đường Thoại Ngọc Hầu còn nổi tiếng hơn với địa danh “ông Tạ”, nhưng tên của Ngọc hầu Nguyễn Văn Thoại thì lại không giữ được với thời cuộc, thua cả tên của Ngọc hầu phu nhân, đường Châu Vĩnh Tế nay vẫn còn phía sau nhà thờ Đắc Lộ].

Con đường thiên lý đi Nam Vang, mặc dù đồn Trung Tâm đóng tại ngã ba Ông Tạ, nhưng con đường đã bị chặn từ trước đó, chắc là bằng 1 đường hào ở ngay đoạn ngang với xí nghiệp đầu máy xe lửa Sài Gòn bây giờ, thời đó vốn có 1 con đường đất từ Chợ Lớn đi Gò Vấp chạy ngang qua, nay hình như cũng không còn dấu vết gì. Trên con đường mà bây giờ là đường Lý Thường Kiệt, 1 công sự cũng đã thọc xuống tới khoảng vị trí của hồ bơi Phú Thọ bây giờ, 1 số tài liệu thường gọi là đồn Hữu vì giống như cánh tay phải vươn xa của đại đồn, đối đầu với đồn chùa Tháp Chuông, với 1 hoặc 2 công sự nữa tiếp ứng phía sau, nằm đầu đó trong khu vực sau này thành trường Bách Khoa Phú Thọ. Để cho dễ hình dung, nên gọi đồn Hữu này là đồn Hữu số 3, với các đồn Hữu số 2 và Hữu số 1 tiếp ứng phía sau. Đồn Hữu không số chính là góc Nam của đại đồn Chí Hòa như đã nói trên.

[Ngoài lề: Lưu ý rằng đường Thoại Ngọc Hầu ông Tạ là đường của tỉnh Gia Định cũ, còn đô thành Sài Gòn thì cũng có nhưng lại gọi là đại lộ Nguyễn Văn Thoại, chính là đường Lý Thường Kiệt bây giờ, nơi có đồn Hữu số 3 nói trên].

Theo mô tả của Pallu thì từ đồn Hữu số 1 lại rẽ ra thêm 1 “nouvelle ligne” nữa, tức là 1 chiến tuyến mới từ đồn này chạy ngang về phía Tây, bao gồm chừng 4 hoặc 5 công sự nữa mà cái công sự cuối cùng được Pallu gọi là “Công Sự”, gọi 1 “redoute” là “Fort de la Redoute”, viết chữ

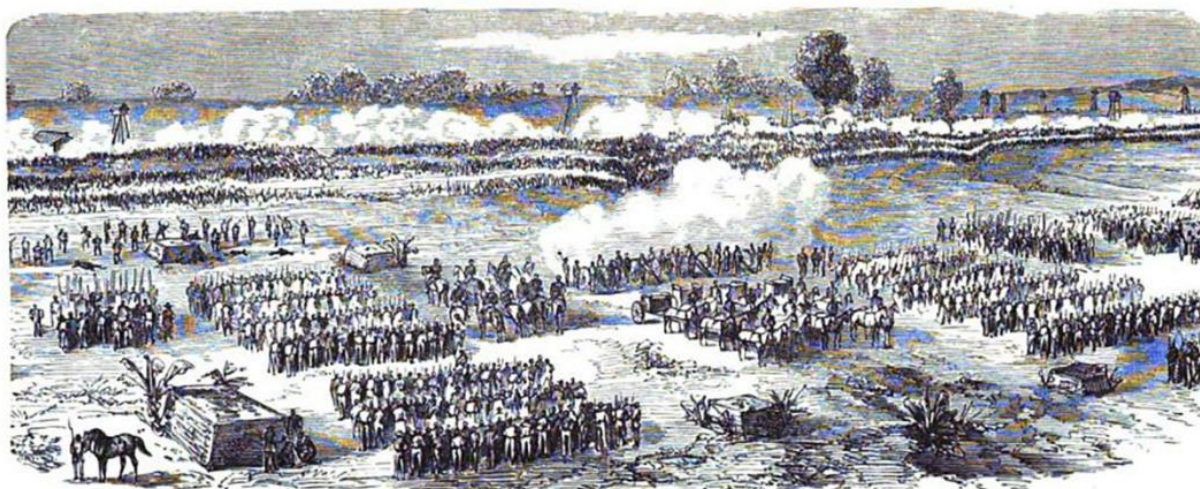
hoa với 1 sự kính nể không dấu điểm, đối đầu với đồn Cây Mai, có lẽ nằm đâu đó ở gần Đầm Sen bây giờ. Đường như có 1 vài tài liệu tiếng Việt cũng gọi đồn này là đồn Hữu nữa, lẫn lộn với đồn Hữu số 3 đối đầu với đồn Tháp Chuông. Nên gọi đây là đồn Hữu số 4, bỏ qua các công sự khác phía sau nó.

Các vách ngăn để chia ra thành 5 ô của đại đồn bây giờ rất khó xác định, có lẽ ô trên cùng, gọi là ô thứ 5, là trong khoảng Trương Công Định và Đồng Đen, ô thứ 4 là trong khoảng Đồng Đen và Nguyễn Bá Tòng [tên cũ], ô thứ 3 từ Nguyễn Bá Tòng xuống tới ngã tư Bảy Hiền, ô thứ 2 giữa ngã tư Bảy Hiền và nhà thờ Chí Hòa, ô dưới cùng, tức ô đầu tiên đối đầu với quân Pháp, là từ nhà thờ Chí Hòa tới trường THCS Tân Bình và nhà thờ Nam Hòa. Những năm 50s-60s của thế kỷ trước, 3 ô phía trên ngã tư Bảy Hiền thuộc ấp Tân Việt, còn 2 ô phía dưới là cư xá Tự Do và nhà thờ Chí Hòa. [Ngoài lề: Đáng lẽ nhà thờ Chí Hòa nhìn ra trục đường Thánh Mẫu theo đúng hướng Đông – Tây rất đẹp, nhưng trục đó nay đã bị 1 trường mầm non án ngữ, đường Thánh Mẫu cũng bị lấn chiếm nên nhỏ hẹp lại].

“Les rencontres de Touranne donnaient une connaissance suffisante de ces obstacles. On savait que les tiges du bambou et les touffes épineuses de cet arbuste y étaient employées avec un art consommé; les tiges fournissaient des pieux pointus dans les trous de loup; des chevaux de frise, des barrières et des piquets; les touffes couronnaient toute l'enceinte d'un buisson dru et épineux”. Những đụn độ ở Đà Nẵng đã cung cấp đầy đủ kiến thức về những trở ngại này. Người ta biết rằng thân và những búi gai của bụi tre đã được sử dụng ở đó với kỹ năng hoàn hảo; thân cây đóng cọc nhọn trong các hố bẫy; hàng rào và cọc ngăn chặn ngựa; toàn bộ được bao quanh bởi bụi rậm gai góc. [Đôi bên đã từng đụn độ nhau ở Đà Nẵng, và quân Pháp như vậy là cũng đã hiểu rõ về sở trường sở đoản của Nguyễn Tri Phương: vật liệu để xây đồn đắp lũy chỉ là tre gai và đắp đất. Có lẽ điều này sẽ lý giải vì sao, đại đồn Chí Hòa mất nhiều thời gian và công sức để kiến tạo nhưng không hiệu quả, bị quân Pháp hạ khá dễ dàng trong vòng 2 ngày].

Tuy nhiên, cũng có thể thấy Pallu thừa nhận sức mạnh của đại đồn Chí Hòa còn nằm ở chỗ khác: “Les mœurs et le caractère des Annamites étaient alors fort peu connus; ceux qu'on voyait à Saïgon étaient grêles de corps, et paraissaient appartenir à une race abâtardie. Ils n'avaient que des vices, étaient portés à la ruse, au jeu et au lucre. Mais il était plus juste de présumer le caractère des Annamites par la résistance qu'ils avaient fournie dans quelques rencontres. Ils avaient montré, notamment au mois d'avril 1860, qu'ils pouvaient se défendre. On savait que leur gouvernement était résolu, patient, fort et rassemble; qu'ils étaient façonnés à une obéissance aveugle et qu'ils vénéraient sous un titre sacré un empereur, résolu personnellement à ne pas céder”. Các phong tục và tính cách của người An Nam hồi đó rất ít được biết đến; những người chúng tôi thấy ở Sài Gòn có thân hình gầy gò, và có vẻ thuộc về 1 chủng tộc khốn khổ. Họ chỉ có tệ nạn, có khuynh hướng xảo quyệt, đánh bạc và trục lợi. Nhưng sẽ đúng hơn nếu đánh giá tính cách của người An Nam qua cuộc kháng chiến mà họ đã thể hiện trong 1 vài cuộc chạm trán. Họ đã cho thấy, đặc biệt là vào tháng 04/1860, rằng họ có thể tự vệ. Chúng tôi biết rằng chính quyền của họ kiên quyết, kiên nhẫn, mạnh mẽ và đoàn kết; rằng họ được uốn nắn bởi sự vâng lời mù

quáng và họ tôn kính như 1 tước hiệu thiêng liêng là hoàng đế, cá nhân họ kiên quyết không nhượng bộ.



TYP. J. CLAYE.

12. Attaque des lignes de Ki-Hoa, le 24 février 1861. — Prise de la grande redoute (p. 244-245).

Hình 53: Tranh của Pháp, minh họa về cuộc tấn công đại đồn Chí Hòa, 24/02/1861

Những mô tả về tính cách thoát tiên rất tiêu cực, nhưng lại được tiếp nối bởi những tố chất chiến binh mạnh mẽ. Pallu nói thêm: “Malgré quelques instigations d’origine européenne, l’esprit d’insurrection du Tonquin depuis longtemps se taisait”. Bất chấp 1 số lời xúi giục của người châu Âu, tinh thần khởi nghĩa của người Đông Kinh đã im hơi lặng tiếng từ lâu, [có lẽ Pallu muốn ám chỉ cái ‘huyền thoại’ cho rằng các Kitô hữu sẽ ngay lập tức nổi dậy ủng hộ quân Pháp].

Những mô tả chi tiết và văn vẻ của Pallu trong cuốn sách nói trên cho thấy 1 cuộc chiến ngắn ngủi nhưng cũng khá ác liệt. “Tous les Annamites qui ne purent s’enfuir furent massacrés, et le combat finit par une scène de carnage”. Tất cả những người An Nam không thể trốn thoát đều bị thảm sát, và trận chiến kết thúc bằng 1 cảnh tượng tàn sát.

Đáng lưu ý là Leonard Charner, am hiểu địa hình ở 1 mức độ nào đó, đã bố trí 3 tàu, l’Avalanche, le Sham-Rock và pháo hạm số 31, theo sông Vàm Thuật, và/hoặc sông Sài Gòn lên tới tận Thủ Dầu Một [Pallu phiên âm là Fou-yen-mot], chặn đường rút lui của quân triều đình, trong khi hướng tiến quân chính của liên quân Pháp – Tây Ban Nha là từ đồn Cây Mai tiến lên đánh đồn Hữu [đồn Hữu số 4 đối diện đồn Cây Mai], rồi đánh vào hướng Tây Nam của đại đồn. Sang ngày thứ 2, 25/02/1861, liên quân chuyển hướng đánh vào mặt sau, tức hướng Tây Bắc của đại đồn, và đã thành công. Mặt trước, giả sử quân triều đình có rút chạy theo mặt trước thì quanh quẩn, họ cũng chỉ mắc kẹt lại đâu đó trong phạm vi đồng Mả Ngự mà thôi. Quân Pháp cũng không mất thời gian vào việc phải lợi qua lần lượt cả 5 ô của đại đồn mà đánh thẳng vào ô thứ 5 nơi có bản doanh của Nguyễn Tri Phương ở đó. Có vẻ như sự lựa chọn bố trí của đại đồn Chí Hòa là không được hợp lý cho lắm. Nguyễn Tri Phương bị thương, cũng rút về được tới Thuận

Kiều rồi Rạch Tra rồi về tới Biên Hòa, nhưng con cá sấu thì bị mắc kẹt lại trong bể cảnh của đại đồn.

Cũng nên lưu ý 1 điều khác, tham gia trong liên quân vây đánh đại đồn Chí Hòa đã kịp thời có 1 đại đội lính bản xứ: “la compagnie indigène comptait 80 Annamites, entraînés par le chef de bataillon Delaveau, elle marcha avec l'infanterie de marine, et se conduisit bien”, đại đội lính bản xứ gồm 80 người An Nam, do tiểu đoàn trưởng Delaveau huấn luyện, họ đi cùng thủy quân lục chiến, và cư xử tốt.

ĐNTL cũng kể: quân Tây dương đánh phá đồn lớn và chỗ tinh đóng tạm của Gia Định, quân quan lui về đóng ở tỉnh Biên Hòa; khi ấy, thuyền Tây dương đem thêm đến 30 chiếc và hơn 10 ngàn lính, đổ bộ vào các chỗ núi gò, 4 mặt chỉ vào đồn mà bắn, và chia từng toán sẵn vào đánh, bắc thang lên lũy; quân quan hết sức chống giữ, chết và bị thương rất nhiều; suốt 2 ngày đêm, từ đêm 14 đến ngày 16 [tháng Giêng âm lịch] chống chọi không nổi rồi tan vỡ; tán lý là Nguyễn Duy, tán tương là Tôn Thất Trĩ đều chết trận; tổng thống là Nguyễn Tri Phương cũng trúng đạn bị thương, bèn cùng tham tán là Tôn Thất Cáp, Phạm Thế Hiển lui về đóng ở tỉnh tạm [trước có nói tỉnh tạm đóng ở thôn Tân Tạo phủ Tân Bình, không rõ liệu thôn Tân Tạo xưa có bao gồm cả Tham Lương Thuận Kiều vào hay không, trận đánh đồn Thuận Kiều sẽ được Pallu tiếp tục mô tả trong chương VI sách đã dẫn]; người Tây dương lại đem vài ngàn lính mỗi ngày đánh bắn từ ngày 17 đến ngày 19, quân quan sức không chống nổi, lại lui về đóng ở tỉnh Biên Hòa; người Cao Miên cùng dân đạo [Kitô] nhân thể quấy rối; tinh thần là bọn Đỗ Quang thụ tuần phủ, Đặng Công Nhượng bộ chính, Phạm Ý án sát, đã đến phủ Tây Ninh, lại tính rằng tỉnh hạt không thể đóng được ở đây, cũng dời đến Biên Hòa, hội đồng đóng cả ở đây; đều dâng sớ xin nhận tội”.

Về con số 30 thuyền “thêm” [mà không rõ thoát đầu là bao nhiêu, chẳng lẽ là 12 thuyền từ hồi năm 1858], và hơn 10 ngàn lính của ĐNTL, Pallu đưa ra con số khác, chi tiết hơn:

“En tout, 68 bâtiments de guerre, dont 13 à voiles et 55 à vapeur, — 4 officiers généraux, 13 capitaines de vaisseau, 22 capitaines de frégate, 95 lieutenants de vaisseau, 105 enseignes, environ 100 aspirants, 100 médecins, 80 officiers d'administration, 8,000 marins composaient le personnel. L'artillerie s'élevait à 474 bouches à feu; la force nominale des machines à 7,866 chevaux. Dix navires à vapeur loués à la Compagnie péninsulaire et orientale reliaient entre eux les points des côtes de Chine et de Cochinchine. Ces bâtiments portaient le pavillon français: des officiers nommés par le commandant en chef y exerçaient les fonctions de capitaine ou de subrécargue. Enfin quatre-vingts navires de commerce, nolisés par la France, portaient des vivres, des munitions, du charbon, et formaient une véritable flotte marchande dont les efforts ne sont pas indignes d'attention”. Tổng cộng có 68 tàu chiến, trong đó có 13 tàu buồm và 55 tàu chạy bằng hơi nước, - 4 sĩ quan cấp tướng, 13 thuyền trưởng hải quân, 22 thuyền trưởng tàu khu trục nhỏ, 95 trung úy hải quân, 105 cận vệ, khoảng 100 trung úy, 100 bác sĩ, 80 sĩ quan hành chính, 8 ngàn thủy quân lục chiến được tạo thành trong biên chế. Pháo binh lên tới 474 khẩu; công suất định mức của máy là 7,866 mã lực [chưa rõ]. Mười tàu hơi nước được thuê từ Peninsular and Oriental Company đã nối các điểm của bờ biển Trung Quốc và Nam Kỳ. Những

con tàu này mang cờ Pháp: các sĩ quan do tổng tư lệnh bổ nhiệm thực hiện các chức năng của thuyền trưởng hoặc giám sát hàng hóa. Cuối cùng, 80 tàu buôn, do Pháp thuê, chở lương thực, đạn dược, than đá, và thành lập 1 đội thương thuyền thực sự mà những nỗ lực của họ không đáng được chú ý.



Hình 54: Đồn Thuận Kiều, góc trên bên trái, bây giờ là trường tiểu học Thuận Kiều, Q12 – bản đồ năm 1895

Để phục vụ cho cuộc tấn công này, quân Pháp cũng đã thành lập 1 bệnh viện dã chiến ở thôn Chợ Quán, ven bờ kênh Tàu Hủ, tiền thân của bệnh viện Chợ Quán sau này.

280 – Sau Sài Gòn là Mỹ Tho

Quá trình truy đuổi quân triều đình lên Thuận Kiều rồi Rạch Tra rồi Tây Thới, Tay-theuye trong tiếng Pháp, và Trảng Bàng, Tram-ban, trong tiếng Pháp, đã dẫn liên quân Pháp – Tây Ban Nha lên thẳng tới Tây Ninh và tiếp xúc trực tiếp với Cao Miên. Rất già dặn về mặt ngoại giao, đô đốc Leonard Charner đã có ngay 1 bức thư, đề ngày 24/03/1861, gửi cho vua Cao Miên Norodom I, mà Pallu ghi lại như sau:

“Les derniers événements de la Cochinchine sont parvenus à la connaissance de Votre Majesté. Elle sait que les troupes franco-espagnoles ont chassé les Annamites des lignes de Ki-hoa, que Saïgon est dégagé et que l'armée ennemie vaincue s'est dispersée dans toutes les directions. Les populations des environs, à de grandes distances, sont venues faire leur soumission et accepter la protection qui leur était offerte”. Những sự kiện mới nhất ở Đàng Trong đã được bệ hạ biết đến. Rừng liên quân Pháp – Tây Ban Nha đã đánh đuổi quân An Nam khỏi phòng tuyến Chí Hòa, rằng Sài Gòn đã được giải phóng và quân địch bại trận đã phân tán ra mọi hướng. Dân chúng xung quanh, từ những khoảng cách rất xa, đã đến để phục tùng [liên quân] và chấp nhận sự bảo vệ được dành cho họ.

“L'intention de la France est de conserver sa conquête, de fonder dans la Basse-Cochinchine une colonie et d'y apporter tous les bienfaits de la civilisation européenne”. Ý định của Pháp là tiếp tục chinh phục, thành lập một thuộc địa ở Nam Kỳ và mang đến đó tất cả những lợi ích của nền văn minh châu Âu.

“Le Cambodge a toujours eu avec la France des relations d'amitié. J'espère que nos rapports, en devenant plus fréquents, deviendront aussi plus intimes”. Cao Miên luôn có quan hệ hữu nghị với Pháp. Tôi hy vọng rằng các mối quan hệ của chúng ta, khi chúng trở nên thường xuyên hơn, cũng sẽ trở nên thân thiết hơn.

“Comme commandant des forces de terre et de mer en Cochinchine, et comme représentant de la France, je viens assurer Votre Majesté de nos meilleures intentions à l'égard du royaume du Cambodge et répondre aux avances de paix et d'amitié que le Roi, votre père, Sire, a souvent faites au représentant du noble Empereur des Français à Saïgon”. Với tư cách là tư lệnh các lực lượng trên bộ và trên biển ở Đàng Trong, và là đại diện của Pháp, tôi xin cam đoan với bệ hạ về những ý định tốt nhất của chúng tôi đối với vương quốc Cao Miên và để đáp lại những tiến bộ của hòa bình và hữu nghị mà nhà vua, vua cha của bệ hạ, thường thể hiện với đại diện của Hoàng đế Pháp tại Sài Gòn.

“J'ai l'honneur d'informer aussi Votre Majesté que je compte, dans un temps peu éloigné, porter nos forces sur My-thô et m'emparer de cette place, dernière défense des Annamites vers le Cambodge”. Tôi cũng có vinh dự được thông báo với Bệ hạ rằng tôi có ý định trong 1 thời gian ngắn sẽ đưa lực lượng của chúng tôi đến Mỹ Tho và đánh chiếm nơi này, nơi phòng thủ cuối cùng của người An Nam đối với Cao Miên.

Đóng vai trò đặc sứ của Charner, kết hợp đi thăm dò khám phá, người cầm lá thư này đi Cao Miên là trung úy Sébastien-Nicolas-Joachim Lespès, thuyền trưởng tàu Norzagaray, người về sau được thăng dần lên tới đô đốc, tư lệnh hải đoàn Viễn Đông của Pháp. Nhớ lại rằng chỉ ngay trước thời kỳ của sứ mệnh Montigny, mới gần đây thôi, nếu không nhờ có mối quan hệ giữa vua Nặc Ong Giun và giám mục Jean-Claude Miche thì nước Pháp còn chưa từng biết đến Cao Miên. Charner cũng không ngần ngại dùng những lời lẽ ngoại giao đầu môi chót lưỡi, bởi vì cho đến lúc đó hoàng đế Pháp chẳng thể có 1 đại diện nào ở Sài Gòn cả. ĐLSC số 275 đã đề cập tới 1 chương mới trong mối quan hệ Việt – Miên mà rất rõ ràng là, những gì còn có thể tạm coi là tốt đẹp dù nhỏ nhoi trong mối quan hệ đó đã, qua những lời bàn giữa Tự Đức và Trương Đăng Quế, hay qua lối cư xử nói chung của triều đình Việt, chỉ có thể mất dần dần đi. Tới đây, trong bối cảnh mới của mối quan hệ với phương Tây, trong khi Việt đang khốn đốn thì Cao Miên đã có 1 vị thể ngoại giao tốt hơn hẳn.

Lưu ý là Charner đã rất rõ ràng khi phân biệt “Cochinchine” và “Basse-Cochinchine”, “những sự kiện mới nhất ở Cochinchine” là những gì đã và đang diễn ra, có thể bao gồm cả sứ mệnh của Montigny vào đó, ở Huế, Đà Nẵng, trở vào đến Gia Định, tức là ở Đàng Trong, còn “ý định của Pháp”, cho tới lúc này, mà cũng mới chỉ là ý định của viên tư lệnh ngoài chiến trường thôi, chỉ là Basse-Cochinchine, phần Hạ Đàng Trong mà thôi, phần mà không lâu sau sẽ trở nên quen thuộc với tên gọi “Nam Kỳ”.

Cũng phải mất gần 1 tháng, kể từ đầu tháng 03/1861 hạ xong các đồn Thuận Kiều Rạch Tra Tây Thới, Charner mới viết lá thư này, thông báo cho vua Cao Miên về ý định đánh Mỹ Tho. Trước đó, 1 cách tự nhiên, quân Pháp sẽ muốn truy đuổi Nguyễn Tri Phương về Biên Hòa, và thực tế Thủ Dầu Một đã được chuẩn bị như 1 bàn đạp ở tả ngạn sông Sài Gòn [sách của Pallu vẫn gọi tên sông Đồng Tranh] cho kế hoạch đó. Nhưng những cuộc trinh sát tiếp theo sau đã cho thấy rằng, “tout montra qu'il suffisait de marcher sur elle pour qu'elle tombât comme Tong-kéou, comme Tay-theuye étaient tombés”, mọi thứ cho thấy rằng chỉ cần bước lên là nó, tức Biên Hòa, sẽ sụp đổ, như Thuận Kiều, như Tây Thới đã sụp đổ. Nói 1 cách khác, Biên Hòa đã trở nên quá yếu ớt và không còn đáng giá như 1 mục tiêu quân sự.

Tất nhiên là không nên tin tưởng hoàn toàn vào mô tả của những kẻ viễn chinh về việc họ được cư dân bản địa chào đón, “phục tùng và chấp nhận sự bảo vệ” như thế nào, nhưng cũng không phải là thừa khi nghe xem để có được 1 bức tranh toàn cảnh. Pallu có 1 vài chi tiết sinh động như sau:

“Quelques maisons bordaient la route, ruinées par l'armée annamite en déroute. Les habitants, cachés dans les taillis, à quelques centaines de mètres, se montraient quelquefois entre deux bouquets d'arbres, et s'éloignaient aussitôt avec frayeur. Sur le seuil de leurs maisons dévastées ils avaient déposé des cruches de terre noire remplies d'eau. La soif fut plus forte que la crainte du poison. Le soir, quelques-uns de ces paysans se familiarisèrent et proposèrent aux soldats de les aider pour transporter les hommes qui étaient tombés”. Vài ngôi nhà nằm dọc bên đường, bị tàn phá bởi quân đội An Nam trên đường rút. Những cư dân, ẩn mình trong những bụi rậm cách

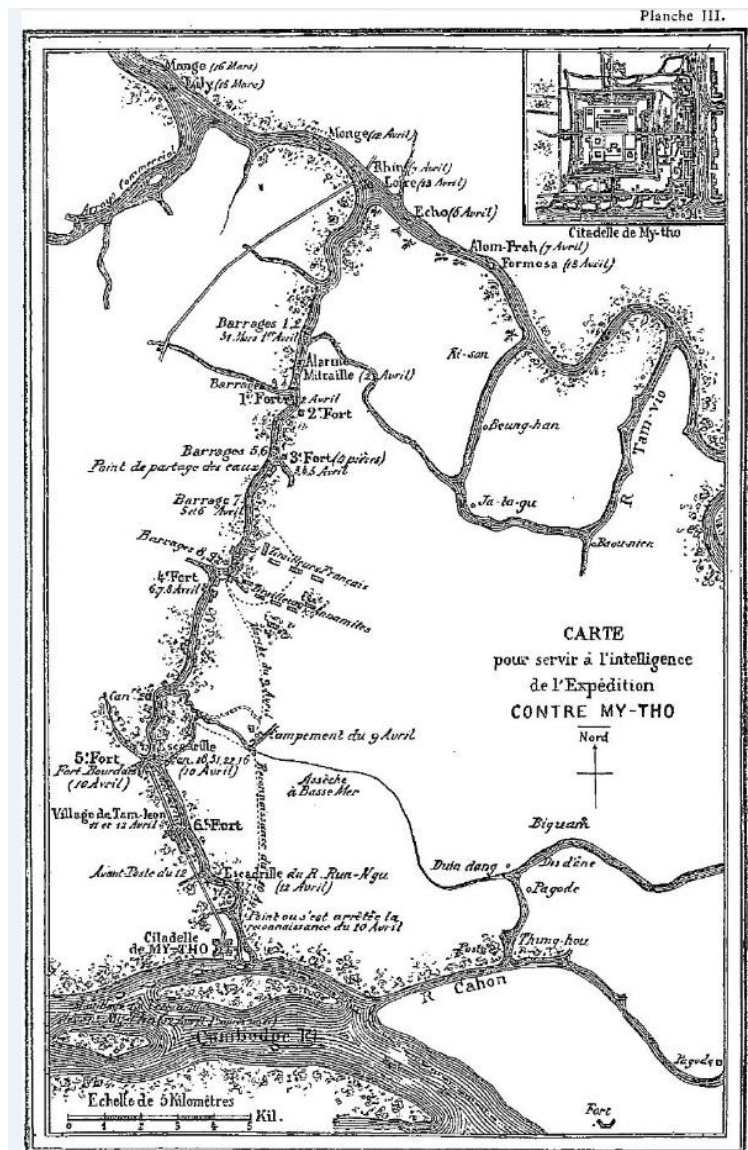
đó vài trăm thước, thỉnh thoảng xuất hiện giữa 2 lùm cây, và lập tức chạy ra xa vì sợ hãi. Trên ngưỡng cửa của những ngôi nhà bị tàn phá, họ đặt những bình đất màu đen chứa đầy nước [hóa ra đây là tiền thân của những bình nước uống miễn phí bây giờ!]. Con khát mạnh hơn nỗi sợ hãi trước chất độc. Vào buổi tối, 1 số nông dân này đã làm quen và đề nghị giúp các binh sĩ vận chuyển những người đã ngã xuống.

“Une compagnie d'infanterie de marine tint garnison à Ki-hoa. L'artillerie vint réoccuper la pagode des Mares. Le corps des marins débarqués s'établit de nouveau dans la Ville Chinoise. Les autres corps d'infanterie s'échelonnèrent jusqu'à l'Avalanche dans des pagodes abandonnées. Ces logements, qui se suivaient presque sans interruption de Saïgon à Cho-leun, reliant ainsi les deux villes, avaient un air agreste et gai”. 1 đại đội thủy quân lục chiến đóng tại Chí Hòa. Pháo binh quay lại chùa Ao Đầm. Thủy quân lục chiến đóng tại khu phố Tàu. Các đoàn bộ binh khác tỏa ra xa đến tận rạch Thị Nghè trong những ngôi chùa bỏ hoang. Những doanh trại này nối tiếp nhau gần như không gián đoạn từ Sài Gòn đến Chợ Lớn, nối liền 2 thành phố, mang 1 không khí mộc mạc và tươi vui.

“Les marchés de Saïgon et de la Ville Chinoise étaient abondamment pourvus. Toute la province affluait, et la solde de Paris, attribuée aux troupes par une décision du commandant en chef, leur donnait la jouissance, si précieuse pour le soldat, d'avoir quelque argent de poche”. Các chợ ở Sài Gòn và khu phố Tàu được cung cấp dồi dào. Toàn bộ tỉnh đổ vào, và lương từ Paris được trả cho quân lính theo quyết định của tổng tư lệnh, đã mang lại cho người lính niềm vui quý giá có tiền tiêu vật.

Tiếp theo là 1 chi tiết nữa mà thực sự không thể bỏ qua: “Plus d'un soldat, revenu en France; plus d'un matelot, remis à la portion congrue, se souvient sans doute, avec un mélange de plaisir et de regret, du temps où la broche tournait sans cesse sous les palmiers araquiers de Cho-quan et de Cho-leun”. Nhiều người lính, trở về Pháp; nhiều thủy thủ, bị vật trụi hết tiền, không nghĩ ngờ gì là sẽ nhớ lại, với sự xen lẫn vui sướng và tiếc nuối, cái thời khắc nhỏ nước cốt trâu ở Chợ Quán và Chợ Lớn. Quả là 1 hình ảnh rất đắt giá về cái “không khí mộc mạc và tươi vui” vừa đề cập.

Có thể hình dung là, không còn bộ máy của triều đình những nhiều thu thuế bắt lính nữa, mặc dù cũng chưa biết tương lai sẽ ra sao, nhưng quân xâm lược thì cũng chưa làm gì đụng chạm đến thường dân, lương thì mới lĩnh và mua bán thì ngờ nghệch, đã vậy lại còn muốn bắt chước thử nhai trầu. Người dân chắc là đang trải nghiệm 1 cuộc sống mới lạ, khác hẳn với những gì trước đó, gọi là “mộc mạc tươi vui” quả thật cũng đúng. So sánh với 1 góc nhìn khác, chẳng hạn như của Nguyễn Đình Chiểu người đương thời, hoàn toàn đồng ý với cụ đồ rằng “mỗi xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu”, nhưng ngoài những “bồng bong che trắng lốp” và “ổng khói chạy đen sì” ra thì cũng không thấy cụ đề cập gì đến 1 tội ác cụ thể nào của những kẻ mà cụ gọi là “lũ treo dê bán chó”, chưa kể sự khác biệt về tín ngưỡng đã bị cụ tố lên thành “quăng vùa hương xô bàn độc” để biện minh cho việc các nghĩa sĩ Cần Giuộc đốt nhà dạy đạo là những công trình đã có từ trước đó trong làng xóm của họ, [chắc là sau khi vừa hoan hỉ “chém rớt đầu quan 2 nọ” thì họ quay về tiện đà “đốt cháy nhà dạy đạo kia” luôn thể].



Hình 55: Bản đồ trận Mỹ Tho trong sách của Pallu

Tiếp theo Gia Định và đại đồn Chí Hòa, tỉnh Định Tường, mà quân Pháp gọi là Mỹ Tho, Mỹ-thô, dường như là có giao tranh ác liệt hơn nhưng cũng thất thủ khá nhanh chóng, với 1 vài cuộc trao đổi có tính cách ngoại giao trước đó, mà thực ra là cả đôi bên đều cần giờ để chuẩn bị lực lượng. ĐNTL viết:

“Nguyễn Công Nhân [mới được phong tống đốc Định Tường] đã đến nơi, lập tức tư ngay cho tống đốc Vĩnh Long – Định Tường là Trương Văn Uyên đem ngay thuyền quân đến nơi cùng đánh giặc; lại tạm nghỉ kế hoãn binh, cho người đến hỏi ý kiến của người Tây dương đem thuyền đến; hỏi rằng, thuyền Tây dương đến Gia Định quấy rối, không can thiệp gì đến Định Tường, lại như vụng Cù Úc từ trước thuyền Tây dương đi lại không thấy đỗ lại, mà nay vô cớ bỏ neo đỗ lại, hoặc vì chiến đấu hay vì thông hiếu mà đến, chủ ý thế nào; người trưởng tàu ấy đáp rằng, phải có văn thư của quan tỉnh giao cho thuyền ấy để đệ trình nguyên soái ở Gia Định xét định, mới có

văn thư trả lời; tỉnh ấy làm 1 phong thư nói những câu hỏi như trên, phái người đệ giao đi, rồi thì quan của Tây dương trả lời xem ra không có ý tốt; thư ấy đưa đến, trưởng thuyền hẹn độ vài ngày, [nếu] thấy trên cột thuyền treo cờ trắng thì đến nhận thư trả lời; ngày 18 tháng ấy, phái nhân thấy cờ, theo lời hẹn đến nhận thư, thì người đầu mục Tây dương tự xưng là quan chức thứ 2, vâng lời quan chức thứ nhất hôm trước, phái đệ thư trả lời, nhưng quan tỉnh phải đến thuyền tiếp nhận, hoặc là họ đến tỉnh cùng với quan tỉnh nói chuyện giảng rõ ý tứ trong thư, nếu không như thế thì chỉ có việc đánh nhau thôi, không chịu giao thư”. Có vẻ như người Pháp đã học được cách thức, giao nhận thư mà thực ra là từ chối giao nhận, từ chính vua quan nhà Nguyễn. Và lại, bây giờ họ không còn là bên muốn đưa thư như trước nữa. Không thấy chi tiết này trong sách của Pallu.

Từ Sài Gòn vượt qua sông Vàm Cỏ, thoát đầu quân Pháp thăm dò 2 đường, sông Bảo Định và [có lẽ là] rạch Chanh mà Pallu gọi là arroyo de la Poste và arroyo Commercial để tiến quân, nhưng ở thời điểm đó rạch Chanh nước cạn và nhiều cỏ lác, không sử dụng được. ĐNTL kể tiếp: “Rồi lại đem đến 3 tàu nữa, cùng những tàu trước cùng vào địa phận thôn Tường Khánh đổ lại; Công Nhân, Hữu Thành lập tức đem binh đồng đi đến trạm Định Tân gần tỉnh làm quân tiếp viện cho đồn Tân Hương; thuyền quân của Tây dương tiến sát đến ngoài lũy cấm bằng gỗ, (tỉnh ấy cấm cọc gỗ để chắn giữ sông, ở phần sông bảo Tân Hương 2 lần, phần sông bảo Tỉnh Giang 1 lần), bắn súng luôn mấy ngày, từ ngày 19 đến ngày 23, 2 thành đất về bên tả bên hữu bảo Tân Hương nối nhau sụt đổ, quan quân bắn đối lại, không địch nổi, lui giữ bảo Tỉnh Giang; quân của Tây dương nhờ hàng rào chắn sông mà tiến vào, các bảo Tỉnh Giang, Cai Lộc (ở mặt sau bảo Tỉnh Giang) cũng đều tan vỡ”.

Nhớ lại trận thủy chiến năm 1783 ở khúc Tân Thuận sông Sài Gòn, quân nhà Nguyễn cũng bày đặt “hỏa công kế” nhưng bị ngược gió ngược nước cho nên quân ta đốt quân mình [xem ĐLSC số 162]. Lần này Nguyễn Công Nhân cũng không khá hơn được:

“Trước đây 1 ngày, Công Nhân đi đến giữ Thủy Trường (giang phận mặt sau tỉnh thành) chế làm cách đánh hỏa công, bị thuyền của Tây dương ngăn chặn (ban đêm dùng 4 chiếc thuyền chứa thuốc súng từ thượng lưu phóng xuống, hẹn rằng đến chỗ tàu Tây dương đổ thì đốt lửa, phục binh 2 bên bờ sông đều bắn súng vào; vừa gặp thuyền sam bản của Tây dương đi tuần, lính ở thuyền chở thuốc súng của ta, tưởng là thuyền to của Tây dương, lập tức đốt lửa lên [lính không phân biệt được tàu to và thuyền sam bản nhỏ], thuyền sam bản của Tây dương đều móc kéo thuyền thuốc súng của ta đưa vào ngòi nhỏ, cho lửa cứ việc tự cháy; Công Nhân bèn ngồi thuyền nhỏ chạy đi nơi khác, [Huỳnh] Mẫn Đạt liền cũng chạy ra thành chạy trốn, Hữu Thành, Đặng Đức vẫn đóng cửa thành để giữ; quân của Tây dương đến Thủy Trường (ngày mùng 3) đem súng lớn bắn vào thành, những kho chứa và dinh thự trong thành đều bị cháy, binh đồng trốn tan gần hết; Hữu Thành bèn đốt hành cung, cùng với Đặng Đức mở cổng thành chạy, bọn Duy Quang và Tuấn thấy thành không giữ được cũng đem lính bản bộ về Vĩnh Long”. Theo Pallu thì từ ngày 03/04/1861, quân Pháp đã phát hiện được 25 chiếc bè chất đầu lưu huỳnh và sợi xơ, “vingt-cinq radeaux chargés de soufre et d'étoupes”. Sau đó đêm 09, sĩ quan Joucla đã phát hiện và cảnh báo để sĩ quan Besnard kéo vào rạch nhỏ 2 thùng mỡ đang bốc cháy.

Đoạn kết của Định Tường theo lời kể của Pallu: “Le vice-roi des six provinces, avant d'évacuer la place, donna la liberté aux chrétiens, et leur dit: ‘Allez rejoindre vos amis les Français’. C'est un exemple d'humanité qui plus tard ne fut suivi ni par les Annamites ni' par leurs adversaires. Il fit incendier les magasins publics et les ligatures des chapelets de monnaie de zinc. On sauva fort peu de chose”. Vị phó vương của 6 tỉnh, trước khi di tản khỏi nơi này, đã trả tự do cho những Kitô hữu [đang bị giam giữ], và nói với họ: 'Hãy đi theo đám bạn bè người Pháp của mày'. Đó là 1 ví dụ về lòng nhân đạo mà sau này cả người An Nam cũng như kẻ thù của họ đều không noi theo. Ông ta đốt các kho tàng. Rất ít thứ được cứu. [Đoạn này khớp với hành động của lĩnh tuần phủ Định Tường là Nguyễn Hữu Thành như ĐNTL vừa mô tả, “đốt hành cung”, nhưng rõ ràng là Nguyễn Hữu Thành chẳng thể nào sánh được với Lê Văn Duyệt thời xưa, làm “phó vương của 6 tỉnh”].

Đoạn kết của Định Tường theo ĐNTL: “Từ khi tàu Tây dương mới đến vụng Cù Úc và mới đến quấy đồn Tân Hương, vua nhiều lần được tin báo, đều dụ bảo cơ nghi phương lược và sức quân thứ phải lập tức cứu viện đánh dẹp, nhưng tờ dụ còn đang đi ở đường, mà thành đã thất thủ, đều không đến kịp được; đến bấy giờ, Hữu Thành chạy đến trạm Biên Long, dâng tờ tâu đạy tội, nói kèm việc Công Nhân thừa cơ trốn trước, chuẩn cho giáng Hữu Thành làm chủ sự, Đặng Đức làm đội trưởng, đều theo quân thứ giúp việc, còn bọn Công Nhân sẽ xét xử sau; Công Nhân sau đi đến huyện Kiến Đăng, cùng làm tờ tâu xin nhận tội, nói kèm việc Hữu Thành không cùng bàn tính công việc; vua thấy 2 tờ tâu nói khác nhau, cho là đùn đẩy nhau làm lỡ việc, chuẩn cho các quan tỉnh ấy đều cách chức, để xét rõ tội rất nghiêm, nhưng bắt phải lên về lý sở cũ, chiêu tập dân đồng để mưu báo hiệu về sau”.

281 – Kể thức thời là trang tuần kiệt

Ngay từ sau khi đại đồn Chí Hòa thất thủ, 1 nhân vật bỗng nhiên xuất hiện để lãnh đủ búa rìu dư luận, cả của đương thời và của sau này, là Hộ bộ thượng thư kiêm khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi. Có lẽ chính lời của vua Tự Đức nói về viên khâm sai do mình cử đi là chính xác và cô đọng nhất: “trước sau chỉ thấy nghị hòa”.

Tất nhiên Nguyễn Bá Nghi xuất hiện nhiều trong ĐNTL, nhưng lời tâu được thuật lại sau đây, ngay tháng Tư âm năm 1861, có thể được coi là cô đọng điển hình nhất [lưu ý rằng văn chương của nho sĩ vốn chỉ có sở trường về thơ phú, chứ còn về report hay proposal thì thật thảm hại]:

“Tôi vẫn nghe người nhà binh nói, người Tây dương tàu thì chở đi như bay, súng thì bắn suốt được thành đá vài nhạ (8 thước là 1 nhạ), bắn xa hơn 10 dặm; có được vài thứ binh khí ấy, muốn đánh khó lòng đánh được họ, muốn giữ cũng khó lòng giữ được họ, nhưng lòng tôi vẫn chưa tin; mùa Xuân năm Thiệu Trị thứ 7 [1847], thuyền Tây dương đến Đà Nẵng bắn phá 5 chiếc thuyền bọc đồng lớn của ta mà không đầy vài chiếc; lúc ấy tôi quyền bộ chính Quảng Nam, chính mắt đã trông thấy, mới tin là thật; từ 3 - 4 năm nay, lính ta không phải là không dũng cảm, súng ta không phải là không mạnh, thành lũy của ta không phải là không bền, thế mà không đánh được Tây dương là vì thuyền súng của họ rất tốt, đạn súng bắn đi xa mà mạnh đẩy thôi; nhưng các quan ở quân thứ, không biết tính sức mình sức giặc, miễn cưỡng đánh mãi, đến nỗi nay lại có việc thất bại ấy”. Đánh giá tình hình 1 cách chân thực, và mạnh dạn xác định quan điểm đối lập với những võ quan chủ chiến ngoài mặt trận.

“Tôi đến Biên Hòa, xét thấy tình thế đều là nguy bách; bắt đắ dĩ phải phái người đến trách hỏi viên nguyên soái của Tây dương, dẫu rằng tạm làm kẻ hoãn binh, nhưng thực ra tôi thấy sự thế, đánh và giữ đều không làm được; không hòa thì không định được cục diện, mà tập tâu trước, tờ tư trước, có nói suất lược rằng, trừ 1 cách ấy (cách hòa) ra tôi đành chịu tội”.

“Là vì người Tây dương cho là bấy lâu ta đối đãi với họ nhạt nhẽo, họ bị các nước láng giềng khinh bỉ, cho nên họ đem quân đánh bắt ta phải hòa, hãy xem như họ thường thường sai người đến nói trước thì có thể biết là họ định hòa; vả lại, bờ biển của nước ta dài suốt, mà từ lúc đánh nhau với họ đến nay, những lính thủy thuyền quân, vì tránh cái nghề sở trường của họ đã bỏ đấy không dùng, thế là binh lực của ta đã giảm đi 1 nửa, chỉ cậy có súng lớn và thành lũy làm kẻ đánh giữ, mà việc đánh giữ lại khó làm lắm; nay nếu không hòa, họ tất nhiên không lui, chiến tranh tai họa liên miên, tôi rất lấy làm sợ ngại”. Nhận định về lý do hành động của người Tây dương 1 cách thô thiển, theo đúng kiểu “ếch ngồi đáy giếng” rất đặc trưng của nói chung vua quan thời bấy giờ.

“Lại xem như khoảng năm Minh Mệnh, Thiệu Trị tiết thứ đánh giặc Khôi, đánh Xiêm La, Cao Miên; vì đất Nam Kỳ nhiều sông ngòi, thủy binh cùng bộ binh tiếp ứng lẫn nhau, các hạng thuyền Hải đạo, thuyền Ô, thuyền Lê, nhẹ nhàng nhanh chóng dùng rất tốt, những hạng súng lớn đạn nặng đều dùng thuyền lớn chở từ kinh đi đường biển chở đến, còn hết thảy tiền, gạo, khí giới và thuyền, các hạng đều do 6 tỉnh cung ứng, lấy vào đâu cũng thừa thãi; thế mà lấy toàn lực như

thế, đánh 1 giặc Khôi phải 3 năm mới xong việc, dẹp 1 nước Cao Miên cũng phải 2 năm mới giảng giải xong”. Điềm qua những trang sử tưởng oanh liệt nhưng hóa ra chỉ đáng buồn của triều đại.

“Nay 2 tỉnh Gia Định, Định Tường là nơi quãng giữa trong 6 tỉnh, trên từ bốn sơn Man, dưới đến cửa biển, người Tây dương đã chiếm giữ được cả; còn 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên thì cách trở không thông, Biên Hòa đã liền sát với nó; rừng lớn đằng sau, nối đến đất Man, rất là chỗ đứt ngang; tuy 4 tỉnh ấy đều có thuyền, nhưng khó đối địch với tàu của Tây dương được, cho nên tôi nói rằng dầu có nhiều thuyền quân cũng chưa dùng được là thế đó”. Theo Pallu thì đường như ở Định Tường, quân Pháp chỉ tự giới hạn trong “le quadrilatère compris entre le Cambodge, la Poste, le Commercial, la section du Vaïco occidental”, hình tứ giác được giới hạn bởi sông Tiền [Pallu gọi tên sông là Cambodge], sông Bảo Định, rạch Chanh, và sông Vàm Cỏ Tây. Tuy nhiên, cũng khó biết rạch Chanh, mà Pallu gọi là l’arroyo Commercial, thời đó chảy như thế nào, có khi là sông Ba Rai chảy qua Cai Lậy, bao gồm cả những rạch Ông Gầm, rạch Xoài Mút vào đó.

“Hiện nay Tây dương đã chiếm cứ Gia Định, Định Tường, hòa hay không hòa, chỉ 1 việc ấy ta đã thua thiệt rồi; nếu hòa mà họ không trả lại 2 tỉnh ấy thì ta chỉ thua thiệt có bấy nhiêu thôi, mà Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, còn là của ta, đường bộ đường biển có thể giao thông được, để cứu cấp trước mắt, mà tính cách về sau; nếu ta cho thế là thua thiệt mà không hòa thì nó có chịu ngồi yên đâu, cả 6 tỉnh Nam Kỳ rồi cũng mất cả, việc buôn bán trên sông và việc vận tải đường biển đều đứt mất cả”. Hình như thuật ngữ hiện đại sẽ gọi đề xuất của Bá Nghi là “cắt lỗ”, cut losses, để không bị mất mát thua thiệt thêm nữa.

“Chỗ đáng lo ngại khó nói ra được, tôi không dám nói điều quá đáng; cho nên tôi nói rằng, hòa thì dầu thua thiệt mà sự thế Nam Kỳ còn làm được, nếu không thì tôi không biết chịu tội vào chỗ nào, là thế đó; ngày nay thế giặc như thế, hiện tình 6 tỉnh như thế, việc đánh hay giữ không thể thì thỏ được; không có sự thực đánh giữ, chỉ phô trương hình thức, chỉ cho giặc chóng sinh lòng mà thêm tổn hại thôi; cho nên tôi gần đây không đắp đồn lũy, bớt việc trưng lương gọi lính, là vì có đó, đấy là chủ ý của tôi”. Đoạn này thực không giống với 1 văn bản, mà giống mấy lời cảm râm của 1 tội nhân, tự biện hộ cho việc không trưng lương gọi lính, không xây đồn đắp lũy.

“Duy quân Tây dương yêu cầu quá đáng, tôi cố sức biện bạch, đã đến 4 lần, mà khí thế của họ rất căng, giờ giọng đã man; tôi đã lại nói như trước, cho là cắt đất bồi phí tổn như thế, thực là có chỗ không tiện, không chịu nổi, cho nên chưa dám y theo; đã phái người đưa thư, viên quan Tây dương ấy nói rằng việc ấy khó giải quyết, đợi mười ngày nữa sẽ bàn lại; vả lại, cứ phái nhân về nói thì xem giọng nói cách khoản tiếp của họ, cùng như mấy lần trước, không có tình ý gì khác; xem thế thì đủ biết ta không sinh sự với họ thì họ cũng chưa vội lần áp ta; hãy đợi họ trả lời thế nào, sẽ tùy cơ mà làm”. Điều mà tội nhân cho rằng sẽ là yếu tố giảm nhẹ, niềm hy vọng của Bá Nghi, là ở giọng nói và cách khoản tiếp của người Pháp, thông qua mô tả của phái nhân nhưng có lẽ đúng hơn là thông qua quan sát của chính Bá Nghi, “không có tình ý gì khác”.

“Hiện nay sự thế 6 tỉnh Nam Kỳ như thế, chỉ có 1 chữ “hòa”, còn có thể làm được; nhưng nay hòa thì 1 khoản mất đất, ta đã thua thiệt; bởi họ cho là của họ đã lấy được rồi, họ nhất vị cố giữ, ta kiếm lời biện bạch cũng khó; còn các khoản khác ta lấy lời lẽ biện bác, hoặc có thể bớt đi được; cúi mong hoàng thượng quyết đoán mà làm, để cứu đỡ nỗi khổ cho dân binh từ Quảng Nam, Quảng Ngãi trở vào Nam; nếu hoàng thượng không quyết đoán, mà làm 2 mặt kia [trung binh và đắp lũy]; về phần tôi thì làm thư từ đi lại giảng thuyết, còn về phần quân thứ và các tỉnh thì không dám trái lời của bộ, hoặc phái người đi chiêu dụ binh dân, hoặc sửa đắp đồn lũy làm ra dáng đánh giữ; bên giặc dòm biết ý ta không thực, lại có ý đánh hiệp ta; thế thì đánh không được, giữ không được, hòa cũng không được, tôi không biết xử trí ra làm sao cả”.

“Thư ấy tâu lên, vua nói rằng, sự thế khó làm, trẫm đã biết hết rồi; người có lòng chịu trách nhiệm, nên hết sức mà làm, để tỏ khí tiết như cây khê gặp cơn bão táp là được”. Đoạn này chắc là sử quan thêm râu thêm ria hoàn chỉnh câu văn cho nhà vua mà thôi, thực tế chắc nhà vua chỉ nói theo kiểu Vũ Trọng Phụng là cùng: biết rồi, khổ lắm, nói mãi.

Nhớ lại hồi thành Phụng mới thất thủ, hộ đốc Võ Duy Ninh mặc dù đã tuân tiết nhưng vẫn bị vua Tự Đức phạt truy cách hết quan hàm, duy nhất có Nguyễn Bá Nghi “dâng sớ xin trả lại quan chức”, hơn nữa còn đòi “gia tăng và ẩm thụ cho con cháu”. Vì việc này mà Bá Nghi bị kết tội là “có tình vì cùng quê quán”, đều là dân Quảng Ngãi với nhau, và bị phạt 6 tháng lương.

Sau đây là những gì Pallu viết về Nguyễn Bá Nghi:

“Vingt jours après la victoire de Ki-hoa, le ministre des finances de l'empire d'Annam, ambassadeur de l'empereur de Hué et vice-roi des six provinces de la Basse-Cochinchine, fit parvenir à bord de l'Impératrice-Eugénie des propositions de paix”. Sau chiến thắng Chí Hòa 20 ngày [tức là 17/03/1861], bộ trưởng tài chính của đế quốc An Nam [cách hiểu về chức vụ Hộ bộ thượng thư], đại sứ của hoàng đế ở Huế và phó vương của 6 tỉnh Hạ Nam Kỳ [cách hiểu về chức vụ khâm sai đại thần], đã lên tàu Impératrice-Eugénie với các đề nghị hòa bình.

“Le personnage qui servit d'intermédiaire pour ces premières ouvertures avait rempli un poste élevé dans l'administration de la province de Gia-dinh; il était alors réduit à un rang inférieur parce que, suivant l'expression annamite, il avait trop mangé le people”. Nhân vật trung gian cho những khai mở đầu tiên này đã từng đảm đương chức vụ cao trong quản lý tỉnh Gia-dinh; sau đó anh ta bị hạ xuống 1 cấp bậc thấp hơn bởi vì, để sử dụng cách diễn đạt của người An Nam, anh ta đã ăn quá nhiều của dân chúng. [Thực ra thì Bá Nghi có bị cách chức, dường như từ thời còn làm quan nhỏ ở Vĩnh Long, vụ việc cũng không đáng kể, nhưng có khi còn nhiều tai tiếng trong dân chúng mà Pallu thu thập được].

“Ces actes de rigueur ne sont pas rares de la part de la cour de Hué. Cependant comme dans ce pays la concussion ne déshonore pas, l'ancien préfet de la justice à Saïgon n'en était pas moins resté un homme en place. Il passait pour être très versé dans les littératures chinoise et tonquinoise, et les gens de Saïgon, qui le connaissaient tous, prétendaient qu'il était le principal rédacteur des pièces officielles qui s'échangeaient alors, et que son poste, inférieur en apparence,

avait en réalité de l'importance". Những hành vi nghiêm khắc này [cách chức] không phải là hiểm về phía triều đình Huế. Tuy nhiên, như ở đất nước này, sự chấn động không làm mất uy tín, vị cựu chánh án Sài Gòn [thực ra là cựu thự án sát Vĩnh Long] dù sao cũng là 1 người còn tại vị. Ông được cho là rất thông thạo văn học China và Bắc Kỳ, và dân tình Sài Gòn [nên hiểu là Nam Kỳ], mọi người đều biết ông, cho rằng ông là người biên tập chính của các tài liệu chính thức được trao đổi sau đó, và rằng bài đăng của ông có vẻ kém cỏi, nhưng trên thực tế lại quan trọng. [Có lẽ người Pháp cũng cảm thấy phiền toái và khó hiểu khi đọc hoặc nghe dịch lại những văn bản miên man lung củng của các nho sĩ].

“Cet agent arriva presque sans suite dans un canot du Primauguet, qui se trouvait alors mouillé au point où le Don-chaï revient sur lui-même au-dessus de Saïgon et forme une boucle dont les deux branches comprennent entre elles la route de Bien-hoa. Le message annamite était rempli de ces phrases générales qui abondent dans les pièces chinoises: toutes avaient trait aux calamités que le fléau de la guerre entraîne. Du reste, l'ambassadeur de Hué n'acceptait, dans cette première dépêche, aucune des clauses que les Français proposaient pour rétablir l'harmonie entre les deux empires: ‘Tous les avantages étaient pour la France; il n'y en avait aucun pour l'empire d'Annam’”. Đặc sứ này đến mà hầu như không có tùy tùng trên một chiếc ca nô của tàu Primauguet, thả neo ở chỗ sông Đồng Tranh uốn cong về phía Sài Gòn và tạo thành 1 đường vòng có 2 nhánh gồm đường đến Biên-hòa. Thông điệp An Nam chứa đầy những cụm từ chung chung có rất nhiều trong điển tịch tàu: tất cả đều liên quan đến những tai họa do chiến tranh gây ra. Sau cùng, đại sứ của Huế đã không chấp nhận, trong công văn đầu tiên này, bất kỳ điều khoản nào mà người Pháp đề nghị nhằm khôi phục sự hòa hợp giữa 2 đế quốc: ‘Mọi thuận lợi đều dành cho nước Pháp; không có gì thỏa đáng dành cho đế quốc An Nam’. [Kể ra thì việc Bá Nghi bác bỏ tất cả các điều khoản khá là khẳng khái. Lưu ý rằng Bá Nghi khi tâu với vua đã đề cập đến “phái nhân”, người do ông cử đi, nhưng Pallu thì mô tả người đó dường như là chính Bá Nghi, trong trường hợp này Pallu không có động cơ gì để nói sai sự thật, còn Bá Nghi thì phải ra về danh phận. Nhớ lại, nước Việt như có truyền thống “sứ thần áo rách, nón mê tàn”, xem lại chuyện Lê Duy Đàm và Trần Danh Ấn thời vua Lê Chiêu thống ở ĐLSC số 167. Bá Nghi phải đi nhờ tàu địch để đến đàm phán với địch, sứ bộ Phan Thanh Giản đi Pháp sau này cũng vậy].

Lận đận chống Pháp theo kiểu chủ hòa, về sau Nguyễn Bá Nghi bị điều ra Bắc làm tổng đốc Sơn-Hung-Tuyên, lận đận chống “giặc” vùng cao đang cầu kết với “giặc” vùng biển tung bùng suốt 1 giải biên giới phía Bắc. Năm 1865, “giặc” tạm yên thì Nguyễn Bá Nghi vẫn phải tiếp tục lận đận chống lại dư đảng Thái Bình Thiên Quốc từ China lánh sang. Thực tế, ngoài việc được đánh giá là “tiết tháo”, Nguyễn Bá Nghi không có tài cán gì đáng kể. Nhưng ở hoàn cảnh đối đầu với Pháp lúc bấy giờ, rõ ràng ông là người khá thức thời.

Con trai của Nguyễn Bá Nghi là Nguyễn Bá Loan, 1857-1906, là 1 trong những tiền bối của Duy Tân hội ở Quảng Ngãi sau này.

282 – Kể thức thời là trang tuần kiệt (tiếp theo)

ĐLSC số 275 đã có đề cập chuyện “vua [Tự Đức] cùng Trương Đăng Quế bàn việc quân ở Nam Kỳ”, theo đó thì vị “cố mệnh lương thần thái bảo cần chính điện đại học sĩ quản lý Binh bộ sự vụ sung cơ mật viện đại thần kinh duyên giảng quan kiêm lĩnh khâm thiên giám Tuy Thịnh quận công” Trương Đăng Quế cho rằng chỉ cần Tri Phương đánh 1 trận cho “quân Cao Miên tan vỡ, thì giặc Tây dương thế cô, chẳng bao lâu cũng phải lui mà nghe theo ta thôi”. Cũng may cả vua và Nguyễn Tri Phương đều không nghe theo lời bàn nhảm nhí đó.

Tất nhiên Trương Đăng Quế xuất hiện rất nhiều trong ĐNTL, từ quyển III của đệ nhị kỷ, tức ngay từ năm Minh Mạng thứ nhất 1820, khi được sung làm trực học cho các hoàng tử, 1 dạng hầu đọc sách cùng các hoàng tử, chắc là bao gồm cả hoàng trưởng tử Miên Tông, tức vua Thiệu Trị sau này. Công việc này kéo dài những 8 năm, và những thăng tiến sau đó rất thuận lợi cho Trương Đăng Quế, chức việc rất gần gũi với nhà vua ở kinh đô. Vài lần được cử đi “công tác” ở Bắc Kỳ hay Nam Kỳ cũng thuận lợi, “đại công cáo thành”. Ngoài việc xuất hiện nhiều lần trong ĐNTL, tuy không ở mức kỷ lục, Trương Đăng Quế có lẽ đã nắm giữ 1 kỷ lục khác khá kỳ lạ, là nhiều lần được ĐNTL mô tả rằng cố gắng xin về hưu nhưng vua không cho, và cố gắng xin giáng hàm giảm lương, đôi khi vua cũng không cho nhưng cũng có lần vua “miễn cưỡng nghe theo”.

Tháng Ba âm năm 1863, “Tuy Thịnh quận công Trương Đăng Quế trí sĩ”, tức là về hưu. Đến tháng Sáu cùng năm, “Trương Đăng Quế tuân theo dụ trước (khi trước về trí sĩ, vua dụ ở trước mặt rằng, có thấy nghe sự gì hay tính nghĩ được điều gì, thì bất thần đệ tâu lên), có tâu lên được 5 điều về tính nghĩ ra được”. Hãy xem xét những điều cso dạng tâm huyết sau cùng này:

Điều 1 “về đường lối trị nước, điều cần nhất không gì bằng việc dùng người; hoàng thượng từ khi ngự trị tới nay, thông minh, nhân hiếu, tiếng đồn khắp thiên hạ, thường tự ví mình với vua Văn Đế nhà Hán, vua Nhân Tông nhà Tống, thần trộm lấy làm đúng thế, không phải là quá khen vậy, thế mà nước chưa được thịnh trị là vì sao; há chẳng phải cách dùng người chưa được hết chăng...”. Văn rất nịnh nhưng lại vô tình tố cáo người được nịnh là có thói xấu tự nịnh, “thường tự ví mình với...”. Đoạn tiếp theo là những điển tích về Văn Đế Nhân Tông này nọ bên China, theo 1 tâm thức thông thường của nho sĩ. Không đề cập đến những công thức quen thuộc kiểu “dụng nhân dụng mộc” hay “thụ mộc thụ nhân”...

Vẫn điều 1, “tuy rằng đời sau người toàn tài có ít [rõ là 1 quan niệm coi lịch sử chỉ là thụt lùi], nhưng nhân tài của 1 đời cũng đủ làm xong công việc cho 1 đời, trong nước chưa từng không có nhân tài bao giờ; huống chi, ngày nay mạn Tây cùng bọn Tây dương giảng hoà, mà trong lòng tàn bạo, vẫn giữ tính hung tợn, phương Bắc tuy trộm giặc đã im, mà dân còn ly tán, chưa được yên ở cả; về chính sách tự cường tự trị, chớ nên vội quên [lúng cùn], thì 1 khoản dùng người thực là việc khẩn yếu, xin hoàng thượng cẩn thận kén chọn tùy tài giao việc; quan đứng đầu ở các bộ viện các, tổng đốc tuần phủ cần được người trong sạch siêng năng xướng suất cho kẻ dưới thực lòng vì nước, làm việc công quên việc riêng, thống quản các dinh thì chọn người nào tài

nghe hơn người khéo vỗ về quân lính và đã từng trải hàng trận, cất nhắc lên mà dùng; không nên lạm dụng những bọn nói năng khéo léo, bồn xu lạnh lẽ; đã dùng được người giỏi thì phạm những việc nhỏ giao hết cho họ làm [hóa ra người giỏi chỉ là để làm việc nhỏ? đoạn tiếp theo sẽ thấy có ý khác, nhưng việc trình bày như vậy là rất kém], mà bắt buộc phải có thành hiệu, hoàng thượng chỉ giữ về đại cương, coi ai hay hay dở, công hay lỗi, mà thưởng phạt để cho người biết việc đáng khuyên đáng răn, đều hết lòng với chức vụ, thì mọi việc lo gì là chẳng xong, mà công hiệu trị an, tất vượt qua nhà Hán, nhà Tống xa vậy; việc gì phải nhọc lòng khổ nghĩ, ngày xem giấy tờ kiện cáo, lật vật nhỏ mọn, mà thay việc làm cho trăm quan làm gì”. Tóm lại là văn chương từ ngữ thì dài dòng lung củng, mà ý tứ thì xưa cũ, thật chẳng đáng gì để đưa lên làm điều 1.

Điều 2, “trước đây, thần từng nói đến việc hoàng thượng chưa có điềm ứng sinh hoàng tử, nhưng hoàng thượng bảo thần, là rồi sau tất cũng có; thần trộm lấy làm mừng, ngày đêm mong mỏi; tới nay chưa thấy điềm gì, thần rất lấy làm lo, đó cũng là gốc lớn của nhà nước vậy”. Là bề tôi, dù là đại thần tới cỡ nào, mà đề cập trực tiếp với vua về đề tài này thì thật là không thích hợp. Nếu ở bối cảnh khác có khi bị coi là trọng tội.

Vẫn điều 2, “khi thần ở kinh, kính thấy... hoàng thượng ta [3 chấm trong bản dịch, cần đối chiếu với bản gốc; có thể là hành động “kính thấy” này cũng không thích hợp] siêng lo mọi việc, xem và phê tập tâu, ngày không hết việc, rất là khó nhọc, còn về phương pháp di thần dưỡng tính, chưa rồi nghĩ đến; về khoản nói trên, thần càng mong hoàng thượng bận về lúc cầu hiền, mà thông thả về lúc đã chọn được người, để mà di dưỡng tinh thần, ngày được Khang kiện, đã có thể nhờ sức khoẻ để mưu việc trị nước, mà điềm ứng sinh hoàng tử, cũng tất có thể được; mỗi tình tha thiết ấy không thể lúc nào không nghĩ đến”. Vốn dĩ đã có nhiều đồn đoán, mà tất cả những đồn đoán này cho đến nay chỉ là chìm xuồng chứ chưa có cách nào gột rửa đi được, về 1 mối quan hệ có thể có giữa Trương Đăng Quế và Từ Dụ và Tự Đức, và tất nhiên cùng với đó là số phận thê thảm của Hồng Bảo và người thân trong 1 vụ án phé lập đẫm máu. So sánh với những gì lê thê trong điều 1 thì rất có lý để cho rằng điều quan trọng nhất mà Đăng Quế muốn nói chính là cái điều 2 này. Khách quan mà nói, có thể giữa Trương Đăng Quế và Từ Dụ không có những quan hệ như đương thời đồn đại, nhưng không thể trốn tránh được thực tế rằng, Đăng Quế chính là người được Từ Dụ mượn tay để thực thi kế hoạch phé lập. Quan hệ đặc biệt nảy sinh từ đó giữa Đăng Quế và Tự Đức chính là cái mà Đăng Quế, 1 cách chân thành nhất, gọi là “mối tình tha thiết ấy”.

Điều 3, “về chức huyện lệnh, là viên quan rất thân với dân, thực không nên quên điều đó, thần trộm thấy các tôn sinh, ẩm sinh, giám sinh vừa tới niên lệ được bổ đã phân phát về làm hậu bổ ở các tỉnh, đem người chưa từng trải việc bao giờ mà uỷ dùng vào việc trị dân, thì không khỏi dư luận chê là chưa học cầm kéo mà đã học cắt găm, mà đời sống của dân lợi hại thế nào, không giúp ích được gì; khoản ấy nghĩ nên, phạm người nào đến niên hạn, theo lệ xét hạch, chia bổ về các bộ, viện, khiến cho tập biết chính trị, đợi 1 - 2 năm sau, do thượng ty xét, người nào có thể làm chính trị được, thì tư giao cho bộ Lại phân phát, gặp có chỗ khuyết thì theo thứ tự mà bổ, mới có thể khỏi bờ ngõ sơ suất, mà có thực dụng”. Đây thực sự là 1 điều thuộc về “thấy nghe hay tính nghĩ được” từ chốn điền viên thôn dã, theo đúng yêu cầu của vua Tự Đức. Tuy nhiên,

cái điều “thấy nghe hay tính nghĩ được này” cũng chỉ là 1 sự thực hiển nhiên, chẳng có giá trị gì cho lắm.

Điều 4, “hiện nay tài dụng hơi thiếu hụt, ngày xưa có Tuyên Tông nhà Minh cho quan lại quân dân nộp gạo chuộc tội, vua Càn Long nhà Thanh cũng nói vàng để chuộc tội, đó cũng là ý nghĩa của người xưa thương kẻ bị tội; thần trộm nghĩ khoản ấy đáng nên phân biệt kẻ tội nặng tội nhẹ, kẻ tình nguyện, kẻ không tình nguyện, châm chước bàn định mà thi hành ngõ hầu người có tội khỏi bị giam lâu, mà nhà nước chi dùng cũng nhân đó mà được dồi dào, so với việc quyền nộp được bỏ quan tương cách này có phần tiện hơn”. Khác với kiểu quý tộc có lãnh địa và nguồn lực riêng ở các nước khác hoặc các thời đại khác, quan lại Việt sống nhờ vào bổng lộc vua ban, không có độc lập về tài chính. Việc xin về hưu hay xin giáng hàm giảm lương, đến bây giờ lại lo lắng cho vấn đề tài dụng của vua cũng 1 lần nữa lại là 1 dấu hiệu bất thường trong mối quan hệ của 2 người này. Mặt khác, điều này không thể được kể là điều gì mới, cho dù được thực hiện cũng khó mà bù đắp nổi cho sự thiếu hụt của tài dụng trong tình trạng có chiến tranh.

Điều 5, “binh các vệ ở kinh, mỗi vệ đều chỉ có 400 người thôi, đó là nên làm tạm thời, chứ không nên dùng làm phép thường mãi mãi được; trước từng tuân theo sắc chỉ bàn định châm chước dồn bổ để sung số của vệ, nhưng vì đình nghị bác bỏ không làm, nay vâng sắc chỉ lại sai bàn lại, chưa biết đã bàn xong chưa; nhưng đó cũng là việc quan hệ đến việc binh, nên trong 1 thời gian là phải; đến như việc tỉnh giảm quan lại, thì năm trước thần đã có kiến nghị tâu bày, nay không nói lại nữa thêm thừa, duy người xưa có nói rằng ‘muốn cho quan được thanh liêm, không gì bằng bớt người làm việc mà thêm lương’, cũng là rất đúng; nhưng việc có bớt đi thì người mới có thể bớt được, mà muốn cho việc bớt đi thì quan cần phải được người giỏi, quan được người giỏi thì đường lối trị nước, tướng đã được quá nửa vậy; còn mọi việc nhỏ, gián hoặc có việc nên làm, nhưng không quan trọng lắm, không dám tâu lên hoàng thượng nghe thêm phiền”. Đoạn này thật khó đoán ý định của người tâu bày, có vẻ như là muốn tăng số binh lính đóng ở kinh, vốn đang “chỉ có 400 người thôi”, và giảm số quan lại. Mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa số việc và số người và “đường lối trị nước”, mức lương và mức giỏi và mức thanh liêm v.v. được ví cổ mệnh lương thần mô tả 1 cách chòng chéo lung củng. Có vẻ như ẩn chứa đâu đây nỗi niềm lo lắng cho ngai vàng khi mà ở kinh đô ít lính nhiều quan, tức là đang có 1 nguy cơ, thực sự hoặc theo quan điểm của Đấng Quế, từ những quan lại đương thời không tin vào tính chính thống của Tự Đức.

“Vua mở xem 1 điều thứ nhất, phê rằng, biết người là việc rất khó, trầm tư lâu đã nghĩ kỹ vẫn chưa được cách gì, nên bảo lại ta rõ ràng, thực là việc rất cần thiết, ta rất mong mỗi vậy; điều thứ 2, vua phê bảo, chỉ nhờ ơn trên ban cho, may hoặc có chẳng; còn từ điều thứ 3 trở xuống, vua phê bảo, có thể dùng được, giao cho đình thần xét bàn thi hành”. Điều mà nhà vua để tâm chờ đợi cũng chỉ đến vậy mà thôi.

Sau cuộc nội chiến với nhà Tây Sơn, vua Gia Long đã là 1 tấm gương sáng về việc trọng dụng các quan tướng của phe thua cuộc, triều đình nhà Nguyễn tiếp theo cũng vậy mà trường hợp Trương Đăng Quế là 1 ví dụ điển hình: với lý lịch là con trai của 1 tri phủ của chế độ cũ, Trương Đăng Phác là tri phủ Quảng Ngãi thời Tây Sơn, Đăng Quế không những được yên ổn học hành

thi cử, mà còn thăng tiến và được trọng thị đến tột bậc. Có lẽ Trương Đăng Quế đã đáp lại bằng sự tận tâm và lòng trung thành với triều đại, mặc dù không có tài năng gì nổi bật. Hiện chưa rõ, mà có lẽ cũng sẽ không còn cách nào để làm rõ được nữa, rằng ông đã dính líu vào với nghi án phế lập của Từ Dụ như thế nào.

Tháng Năm âm năm 1864, dường như đây là lời cuối cùng về việc đàm phán hòa ước với người Pháp: “Xin khi toàn quyền họp bàn, nên y theo như ta đã định, cố giữ bền lòng, chớ bị họ làm lay động, cứ lấy lẽ là dân nghèo của ít [!?] làm có nói, hoặc không thấy họ cự lại, may ra việc ta được xong; bằng kẻ kia đòi lấy hàng năm 33 vạn bạc thực là khó chịu nổi, nhất định không theo là phải”. Cũng lại 1 lời bàn chẳng ra gì.

Điểm giống nhau của Trương Đăng Quế và Nguyễn Bá Nghi là cả 2 đều là người Quảng Ngãi. Con cháu của Trương Đăng Quế cũng gắn bó với triều đại và thành đạt.

283 – Kể thức thời là trang tuần kiệt (tiếp theo nữa)

Tháng Hai âl năm 1862, ĐNTL kể 1 câu chuyện “2 trong 1” như sau: “Sai lĩnh phó lãnh binh Gia Định là Trương Định kiêm lĩnh làm đầu mục quân mộ nghĩa ở Gia Định; Định đóng đồn ở xứ Gò Thượng (thuộc huyện Tân Hòa) thường ra đánh úp quân Tây dương, nghĩa sĩ nhiều người đi theo; (Định năm trước chiêu mộ các thân hào ứng nghĩa, đồn thành 18 cơ, nổi lên bắt được súng đạn của Tây dương và đúc thêm súng để phòng bị sai phái, mong ơn được lĩnh chức phó lãnh binh); khi ấy quân Tây dương đổ tàu bọc đồng ở phần thôn Nhật Tảo, quyền sung quản binh đạo là Nguyễn Văn Lịch sai sung phó quản binh đạo là Hoàng Khắc Nhượng, Võ Văn Quang đều đem binh thuyền dọc theo ven sông, tới gần chỗ tàu quân Tây dương đậu, chia quân phòng bị và đặt quân phục kích, bèn đem 59 viên nhân quân chiến tâm chia làm 2 đạo, giả làm thuyền buôn thẳng tới tàu Tây dương, nhảy lên trước đâm chết 4 tên người Tây dương, những người cùng đi đều nhảy lên tàu 1 lượt giết bừa đi; quân Tây dương nhảy xuống sông, hoặc chết hoặc thoát thân, còn thì chui xuống khoang thuyền chống bắn, Quang liền hô 30 tên phục binh nổi dậy tiếp chiến; bọn quân toán là Nguyễn Học, lương thần là Hồ Quang lấy búa sắt phá tàu của Tây dương không vỡ, tức thì phóng lửa đốt cháy hết”.

Nửa đầu là câu chuyện về Trương Định, nửa sau là câu chuyện về Nguyễn Văn Lịch tức Nguyễn Trung Trực. Mỗi quan hệ giữa 2 người này rất mờ nhạt: thoát đầu, do xuất thân dân dã, Nguyễn Trung Trực phải đầu quân làm lính đồn điền dưới trướng của Trương Định. Không được trọng dụng ở đại đồn Chí Hòa, mà cũng không rõ có có mặt ở Chí Hòa hay không, chắc là không, sau đó cả 2 hầu như không còn liên lạc gì với nhau nữa, tự phát chống Pháp theo cách riêng của mình.

Thực ra không phải đến tháng Hai âl năm 1862 như đề cập trên đây Trương Định mới xuất hiện trong ĐNTL. Trước khi trận đại đồn Chí Hòa xảy ra, ĐNTL có ghi lại 1 vài “chiến thắng” của quân triều đình trước quân Pháp mà không thể kiểm chứng, trong đó có lần có liên quan đến Trương Định:

Tháng Chín âl năm 1860, “thuyền quân của Tây dương đến đánh đồn Phú Nhuận, quan quân ta bắn ra giặc phải lui, (bắn chết 1 quan Tây, 5 lính Tây)”. Tiếp theo đến tháng Một âl cùng năm, “quân của Tây dương đến đánh bắn lữ mới Gia Định, quân quan đánh, cho họ bị thua, bắn chết và đâm chết được 132 tên; quan bộ Binh tâu nói, trận thắng này cũng hơi làm cho giặc phải nhụt, so với các trận được trước, là đặc lực hơn, hơi làm cho người vừa lòng 1 chút, xin phân biệt khen thưởng và tặng tuất; vua bèn thưởng cho Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp gia 1 cấp quân công, Lê Tổ, Nguyễn Duy, Hồ Hòa, Tôn Thất Trĩ đều kỷ lục 2 thứ, quân suất là bọn Trương Định 50 người đều thưởng chung cho biên binh 800 quan tiền [đoạn này hơi tối nghĩa, dường như là 50 người của Trương Định được coi đồng hạng với biên binh mà không rõ số lượng biên binh là bao nhiêu, tất cả được 800 quan chia đều]; còn 12 viên, danh bị chết trận, đều cho tặng hàm, tiền tuất và nhiều âm có thứ bậc khác nhau”. Đây là lần đầu tiên Trương Định xuất hiện với chức vụ quân suất, dường như là 1 chức vụ có tính tự phát, áp dụng cho người tự đứng ra tập hợp được trai tráng từ đâu đó, như trường hợp của Trương Định là tập hợp trai tráng ngay trong đồn

điền của mình. Con số thương vong của địch là không thể tin được, có khi là 1, 2 hoặc 3 tên, giống như chuyện rất khôi hài trong sách của 1 tay Lý Đào nào đó bên China, viết là “chém được nhị tam tứ ngũ đầu giặc” liền được dịch ra thành 2345 và được hiểu thành 2 ngàn 3 trăm 4 mươi 5 [ĐLSC số 070 có đề cập việc này khi đọc tới chuyện Lê Hoàn chém đầu Hầu Nhân Bảo ở ải Chi Lăng].

Gần 1 năm sau, tháng Tám âm năm 1861, tức là khi cả Chí Hòa và Định Tường đã thất thủ rồi, Trương Định mới được nêu rõ lai lịch trong ĐNTL: “phó quân cơ Gia Định là Trương Định (người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi [lại 1 người Quảng Ngãi nữa], con viên lãnh binh Trương Cầm) chiêu mộ những thủ đông, có nhiều người đi theo, thường cùng quân Tây dương chống đánh nhau đắc lực; thự tuần phủ là Đỗ Quang đem việc tâu lên, vua cất nhắc cho làm quân cơ, rồi lĩnh chức phó lãnh binh; (khi ấy Đỗ Quang chiêu vỗ Trương Định mộ thành 6 cơ, gần hơn 6 ngàn người; tri phủ phủ Phước Tuy là Nguyễn Thành Ý, tùy phái là Phan Trung mỗi người đều mộ được 2 cơ, hợp cộng 4 ngàn người, lại đang tiếp tục mộ, kể ước tới hàng vạn)”. Viết “phó quân cơ” rõ là viết sai, chưa biết là từ bản gốc hay từ bản dịch. Quân cơ hay quân suất thì dường như chẳng có ý nghĩa gì cả vì không nằm trong thang bậc chính thức, tự chiêu mộ được người thì “quân” thôi, còn chức “phó lãnh binh” mà vua cất nhắc, chẳng qua là trong hoàn cảnh từ “binh” đến “lãnh binh” của vua đã tan chạy hết cả rồi. Dường như có khá nhiều lính chính quy của triều đình sau khi tan hàng ở Chí Hòa thì trở thành lính của Trương Định.

Sách của Pallu cũng có đề cập đến Trương Định, rất lẫn lộn, như sau:

“Go-cung est un chef-lieu de préfecture situé au centre du quadrilatère oriental, entre le Cambodge, la mer de Chine, l'arroyo de la Poste et le cours du Vài-co. C'est une sorte de terre sainte pour les Annamites. Le grandpère maternel de l'empereur Tu-Duc, le Quan-quê [chưa hiểu là gì, chẳng lẽ đây là cách ký âm tước vị “quốc công” của Phạm Đăng Hưng bố đẻ của Từ Dụ?], est né à Go-cung, et il y a dans cette petite préfecture plus de trente familles alliées à l'empereur d'Annam. La pagode de ses ancêtres y est entourée d'un culte particulier”. Gò Công là 1 tỉnh lỵ nằm ở trung tâm của tứ giác phía Đông, giữa sông Tiền, biển Đông, sông Bảo Định và các nhánh sông Vàm Cỏ. Đó là 1 loại đất thánh của người An Nam. Ông ngoại của vua Tự Đức, quốc công, sinh ra ở Gò Công, và ở quận nhỏ này có hơn 30 gia đình liên minh với hoàng đế An Nam. Ngôi chùa của tổ tiên ông được bao quanh bởi 1 giáo phái đặc biệt. [Nhận xét xác đáng về Gò Công, nhưng không rõ Pallu đề cập đến giáo phái nào bao quanh ngôi chùa của dòng họ của Phạm Đăng Hưng, vì nơi đây có khá nhiều những giáo phái đặc biệt, như Cao Đài, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Minh Đạo...].

“Ce fut au commencement du mois de juin 1861, dans le même temps que le plénipotentiaire de l'empereur de Hué écrivait au quartier général français une quatrième dépêche, qu'un Annamite entreprenant, énergique et brave, appelé Dinh, se présenta devant l'ambassadeur, à Bien-hoa, et se fit fort de révolutionner le pays”. Đó là vào đầu tháng 06/1861, cùng lúc với việc đặc mệnh toàn quyền của hoàng đế tại Huế viết cho bộ chỉ huy Pháp công văn thứ tư, rằng 1 người An Nam khởi nghĩa, đầy nghị lực và dũng cảm, tên là Định, đã xuất hiện trước đại sứ, tại Biên Hòa,

ra sức làm cách mạng cho đất nước. [Khó có thể có chuyện này, rằng Trương Định xuất hiện ở Biên Hòa, trước mặt 1 viên đại sứ Pháp nào đó. Hợp lý hơn là, lúc này Biên Hòa chưa thất thủ, người Pháp tới đó đàm phán và có nghe nói về Trương Định, hay là, như dưới đây sẽ thấy, nghe nói về 1 họ Trương nào đó mà lẫn lộn với Trương Định].

“Il fut fait vin-teut (fils de mandarin), reçut un sceau qui attestait son titre et eut qualité pour nommer des chefs de partisans”. Ông được phong làm vin-teut (con trai của quan), nhận được 1 con dấu chứng nhận danh hiệu của mình và có năng lực bổ nhiệm các chỉ huy nông dân. [Không rõ từ đâu ra chữ vin-teut này, nghe na ná như “vĩnh tế”, kiểu như 1 cách gọi người con rể cao quý, trong khi Trương Định chỉ là con rể của 1 hào phú người Gò Công mà thôi].

“Le père de cet émissaire était un des grands personnages de l'empire; il s'appelait Thiey-ve-sam et résidait à la cour, où il occupait un rang qui équivalait à celui d'un général de division dans nos pays”. Cha của đặc vụ này là 1 trong những nhân vật vĩ đại của đế chế; tên của ông là Thiey-ve-sam và cư trú tại triều đình, nơi ông giữ 1 cấp bậc tương đương với thiếu tướng ở nước ta. [Cấp bậc thiếu tướng có thể được coi là tương đương với “nguyên lãnh binh Thủy sư Gia Định” Trương Cầm, nhưng Trương Cầm rõ ràng không phải là “1 trong những nhân vật vĩ đại của đế chế” ở triều đình].

Ở đây Pallu sử dụng 1 từ, général de division, mà nghĩa thông thường của nó là thiếu tướng, nhưng cũng bao gồm 1 nghĩa khác cấp cao hơn nhiều mà có lẽ đây mới đúng là chủ ý của Pallu, “ce titre désignait un suppléant ou un délégué investi de tous les pouvoirs de la personne qu'il est censé remplacer”, chức danh này chỉ định 1 người thay thế hoặc 1 đại diện được trao tất cả các quyền hạn của người mà anh ta được cho là thay thế, tức là quan kinh lược hoặc khâm sai đại thần. Cả 3 đoạn văn vừa dẫn cho thấy có thể đã có 1 sự lầm lẫn nghiêm trọng của Pallu, giữa Trương Định và có lẽ là phò mã Trương Đăng Trục, cùng họ Trương, trưởng nam của đại thần Trương Đăng Quế. Thiey-ve-sam chưa rõ là chữ gì trong những chức tước mà Đăng Quế có. Ngoài ra, những thông tin về Trương Định về sau này trong các tài liệu phương Tây cũng khá lẫn lộn.

“Les principaux agents de Dinh furent deux capitaines qui s'étaient rendus à Bien-hoa dès le mois de mars, et dont les femmes habitaient Go-cung”. Đây có lẽ là 1 cách bóng bẩy của Pallu để nói về gia đình của Trương Định, 2 con trai thì đến Biên Hòa còn các bà vợ thì ở lại Gò Công, và có thể đây cũng vẫn là những thông tin lầm lẫn.

“L'insurrection fut promptement organisée, et en quelques jours, le vin-teut réunit 600 hommes armés. Cette troupe comprenait 200 colons militaires, de ceux qu'on appelle Don-dien, 200 soldats réguliers, débris d'un régiment qui nous avait combattus à Ki-hoa, et 200 miliciens provinciaux recrutés parmi les parents de l'empereur et leurs amis”. Cuộc khởi nghĩa được tổ chức nhanh chóng, chỉ trong mấy ngày, ngài vĩnh tế đã tập hợp được 600 người có vũ trang. Đội quân này gồm 200 người định cư được vũ trang, ở đây người ta gọi là [lính] đồn điền, 200 lính chính quy, tàn quân của 1 đơn vị đã từng chiến đấu chống lại chúng ta ở Chí Hòa, và 200 dân

binh ở tỉnh được tuyển chọn từ cha mẹ của hoàng đế [ý nói bởi họ ngoại của vua Tự Đức ở Gò Công] và bạn bè của họ. [Không rõ bằng cách nào mà Pallu, làm như là nắm rất rõ về binh lực của Trương Định, trong khi ĐNTL thì đưa ra 1 con số gấp 10 lần như vậy. Sự cân bằng $200+200+200=600$ của Pallu cũng làm cho con số này trở nên kém tin cậy. Trong 1 mô tả hiếm hoi được trích dưới đây, Pallu cũng nói nghĩa quân có 600 người, tấn công quân Pháp có 27 người].

Cuộc chiến đấu của nghĩa quân của Trương Định được Pallu mô tả, ngày 22/06/1861, hết sức đẫm máu, và bi thảm hơn nữa là còn hết sức đơn giản: “Les premiers Annamites qui se montrèrent furent tous tués et obstruèrent le passage; mais ils furent aussitôt remplacés par d'autres. Ils étaient là, quelquesuns contre le mur, avec leurs lances, qui se faisaient abattre comme une cible humaine”. Những người An Nam đầu tiên xuất hiện đều bị giết và cản trở lối đi; nhưng họ ngay lập tức được thay thế bởi những người khác. Họ ở đó, vài người dựa vào tường, giáo trong tay, bị bắn hạ như bia thịt.

“Cependant les trois colonnes ennemies avaient perdu leurs chefs, presque tous abattus des premiers par les carabines à tige: ne se sentant plus soutenues, elles commencèrent à faiblir, puis battirent en retraite. Alors l'enseigne monta sur la lorcha, et voyant les bandes qui s'éloignaient dans la plaine, il leur fit envoyer quelques boulets qui probablenent ne les atteignirent pas, car elles marchaient sur un seul rang, mais qui précipitèrent leur mouvement. On crut d'abord que l'attaque recommencerait dans la journée; mais ni miliciens, ni réguliers, ni Don-Dien ne reparurent en armes et en troupes. Un homme tué, un blessé, rapportèrent plus de résultats pour notre influence dans cette partie du monde, que les centaines de morts dans le cours d'une grande guerre. Un certain nombre de colons militaires se présentèrent, demandant à être inscrits sur les catalogues du village, et disant qu'ils ne voulaient plus être Don-dien. On accorda cette inscription à presque tous ceux qui la réclamèrent”. Cả 3 cánh quân địch đều mất đi thủ lĩnh, hầu như tất cả đều bị bắn đầu tiên bằng súng trường: không còn cảm thấy được hỗ trợ, họ bắt đầu suy yếu rồi rút lui. Sau đó, viên chỉ huy [Pháp] lên chiến thuyền, nhìn thấy quân địch đang rút đi ngoài ruộng, anh ta ra lệnh bắn vài theo vài quả đạn pháo, có thể không chạm tới họ, vì họ đi hàng 1, nhưng điều này đã làm cản trở chuyển động của họ. Thoạt đầu, người ta tin rằng cuộc tấn công sẽ xuất hiện lại ngay trong ngày; nhưng cả dân quân, chính quy, cũng như lính đồn điền đã không xuất hiện trở lại với vũ khí và đội ngũ. 1 người bị giết, 1 người bị thương [ý nói tổn thất về phía Pháp], mang lại nhiều kết quả cho ảnh hưởng của chúng ta ở khu vực này của thế giới, hơn là hàng trăm người chết trong một cuộc chiến lớn. 1 số lính đồn điền xuất hiện, yêu cầu được đăng bạ làm dân làng, và nói rằng họ không muốn làm lính đồn điền nữa. Đăng bạ đã được cấp cho hầu hết tất cả những người đã yêu cầu.

“La plupart des chefs restèrent étendus sur la place. L'un d'eux fut pris pour ce Dinh qui avait préparé et conduit la révolte; mais ce chef ne fut pas atteint; il fut nommé quan par l'empereur et continua de lutter, avec une fortune diverse, contre l'autorité française dans le quadrilatère oriental. Un autre vivait encore; quoique vaincu, blessé et sans espérance de quartier, il garda un visage tranquille et fut au-dessus de son adversité. Sa conduite, l'état où il se trouvait, jusqu'au

lieu où il gisait, montraient assez qu'il était un soldat prisonnier: ceux qui l'ont vu rapportent qu'il se montra sensible à la décision qui fut prise de le fusiller au lieu de le pendre. Il mourut comme étaient morts ces Indiens dont l'histoire n'a pas dédaigné de tracer l'attitude: restes misérables, mais non sans grandeur, d'une nationalité qui se débat et qui expire”. Hầu hết các thủ lĩnh nghĩa quân vẫn nằm trong quảng trường. 1 trong số họ đã được coi là Trương Định, người đã chuẩn bị và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa; nhưng vị thủ lĩnh này đã không bị hạ; ông được hoàng đế bổ nhiệm làm quan, và tiếp tục chiến đấu, với nhiều vận may, chống lại chính quyền của Pháp ở tứ giác phía Đông. 1 người khác vẫn còn sống; mặc dù bị đánh bại, bị thương và không còn hy vọng chiến đấu, anh ta vẫn giữ 1 khuôn mặt bình tĩnh và vượt lên trên nghịch cảnh của mình. Hành vi của anh ta, tình trạng của anh ta, cho đến khi anh ta nằm xuống, đủ cho thấy anh ta là 1 người tù chiến binh: những người nhìn thấy anh ta báo cáo rằng anh ta nhạy cảm với quyết định đã được đưa ra là bắn thay vì treo cổ anh ta. Anh ta đã chết như những người da đỏ mà lịch sử đã ghi lại với thái độ tôn trọng: những hài cốt khôn khổ, nhưng không phải là không vĩ đại, của 1 quốc gia đang gặp khó khăn và sắp hết thời. [Có lẽ đến bây giờ, đã không còn có cách nào để xác định được danh tính của người anh hùng này].

Trong bối cảnh quan lại triều đình, người thì chủ hòa, người thì không thể giành được 1 thắng lợi nào cả trên chiến trường, triều đình lúc đó và cả sử quan sau đó, dù muốn dù không bắt buộc phải tìm kiếm và nói tới những cuộc khởi nghĩa trong dân dã, như là 1 cố gắng cân bằng lại lịch sử của mình. Cách thể hiện của ĐNTL trong bối cảnh như vậy, sẽ phải cố tình hạ tầm mức quan trọng của nhân vật và sự kiện để lèo sự hiện diện của nhà vua vào, cất nhắc này nọ cho ra vẻ. Tuy nhiên, chắc sử quan cũng không ngờ tới, là đã có lúc họ viết ra những điều coi Trương Định như giải pháp cuối cùng: [Cùng tháng Hai al 1862 như đã trích dẫn lúc đầu], “dụ sai tinh thần Gia Định, Định Tường là Đỗ Quang, Đỗ Thúc Tĩnh, phó lãnh binh là Trương Định điều khiển những người ứng nghĩa, cùng với quân thứ cùng giúp đỡ nhau lựa thời đợi cơ, để thu lấy cuộc toàn thắng”.

Có điều đáng nói là, khi tình thế thay đổi thì thái độ của triều đình và sử quan cũng thay đổi theo nhanh chóng. Tháng Bảy al 1862, “từ khi hòa ước đã thành, thông dụ cho Nam Kỳ nghỉ quân, đổi Trương Định về Phú Yên; khi ấy những nhân dân ứng nghĩa ở Gia Định, Định Tường, Biên Hòa không chịu theo, tụ họp đoàn kết, sau tôn Trương Định làm người đại đầu mục, tâu bày xin ra đánh giặc; đình thần cho rằng việc miền Bắc đang khẩn mà việc miền Nam chưa có cơ hội, lại sai Phan Thanh Giản đi hiểu dụ; Trương Định lâu không đến nhận chức, bèn cách chức hàm”. Thái độ của nhà vua cũng đầy mâu thuẫn: tháng Mười al năm 1862, “Phan Thanh Giản hằng dụ Trương Định, Định thể không cùng giặc cùng sống, binh dân ứng nghĩa ở 6 tỉnh thuộc vào trong bộ ngũ của Trương Định đều cùng cầm cự chống lại giặc Tây dương; tướng nước Phú châu dụ Định, Định không chịu khuất; Thanh Giản lại xin xuống sắc để dụ Định, vua bảo các thị thần rằng, lòng người như thế, cũng là 1 sự giúp cho cuộc mưu tính lấy lại, há lẽ nào cứ răn dụ lật vạt mãi”.

Có thể dẫn thêm 1 số trường hợp tương tự khác:

Phan Trung năm 1865, khi quân Pháp về quê quán của Phan Trung là Bình Thuận, yêu cầu bắt giao, “vua nghe tin báo, xuống dụ sai Nguyễn Hữu Cơ [tỉnh thần Bình Thuận] tùy liệu châm chước đáp lại, để dứt cái nghi ngờ của người Phú [người Pháp]; lại sức cho Phan Trung phải rủ nhau lánh xa đi, để lưu dùng sau này”.

Vũ Duy Dương năm 1866, khi tỉnh thần Khánh Hòa báo tin Duy Dương khởi nghị, “vua bảo viện cơ mật rằng, lũ tên Dương lòng hấn thế nào chưa dễ biết rõ, nhưng cũng là do lòng công phần mà ra, có thể mới có thể ràng buộc lòng người, để dùng về sau, cho đi tuần bắt cũng chẳng qua để cho vui lòng nước Pháp mà thôi, giết đi thì cũng đáng tiếc, người không biết thì bảo là phụ ân, trước bắt đặc dĩ đã mất 1 Phan Huân [dường như là 1 quan ngự sử, chủ chiến ác liệt, đến mức đòi trảm Phan Thanh Giản và đuổi Trương Đăng Quế, nên sau đó bị cách chức đuổi về quê], lòng trầm vẫn áy náy, chưa biết quan kinh lược và quan tỉnh cũng đã biết rõ ý ấy làm cho thoả đáng hay không, nếu nhận là việc thật, thì thất sách nhiều lắm; bọn chúng quen đánh không sợ, tuy sức ít không làm nên việc, nhưng khí khái đáng khen, huống chi lũ tên Dương nếu được địa lợi, đủ quân đủ lương, biết đem dùng hấn thì người đã quen, tưởng cũng được việc, nếu vờ hấn đến xử trí cho khéo, ngô hầu là lưỡng toàn”.

Mùa Hạ tháng Tư âm năm 1862, “nguyên soái Phú Lăng Sa (từ tháng này trở về sau, theo như hòa ước chép là nước Phú) là Phô Na sai Xuy Mông chạy tàu máy vào cửa biển Thuận An (1 chiếc tàu máy và 3 chiếc thuyền sam bản đi theo có tới hơn 200 người, ở 2 tầng bên tả bên hữu chiếc tàu ấy, chia đặt súng lớn, đèn đốt 2 cây đèn sáng để đo nước ở cửa biển), để đưa thư bàn về việc hòa; Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành đem việc tâu lên; vua hỏi đình thần là bọn Trương Đăng Quế đều lấy việc cho sứ đi lại là phải”. Phô Na này là Louis Bonard, phó đô đốc, người kế nhiệm của Leonard Charner, còn Xuy Mông là 1 trung tá hoặc thiếu tá Simon nào đó. Lúc này, Biên Hòa đã thất thủ được nửa năm còn Vĩnh Long thì đã 2 tháng.

“Thư đưa nói 3 việc là, 1 việc là đặt toàn quyền, 1 việc là bồi trả quân nhu, 1 việc là đưa trước 10 vạn quan tiền để làm tin; vua hứa đưa cho 5 trăm lạng bạc hoặc 1 ngàn lạng, đình thần xin đưa bội thêm, Lâm Duy Thiếp xin đưa đúng số và xin nhận đi sứ; Đăng Quế tâu nói, tôi rất lấy lời Duy Thiếp nói là phải, nếu không đoán định thì công việc không khi nào xong được; vua nói, tạm thời khuất mình, tạm thời chịu phí, mà có thể cứu được quân dân, không bị mất đất đai thì nên lắm, duy sợ không tiếp tục mãi được thì việc quân lại dấy lên, thành ra không được việc gì; đến như việc đặt toàn quyền, đến lúc ấy mà không thể nói được, nếu theo họ thì có nước cũng như không, đã chịu nhục mà đòi đòi chịu tai vạ; không theo họ thì người của mình đã sa vào trong phạm vi của kẻ kia rồi, sống chết ở tay họ; há có thể được như Phú Trịnh Công (tức là Phú Bật, thời Tổng Nhân Tông, Bật 2 lần sang sứ Liêu, cố sức biện bác việc cắt đất cho Liêu, dân ở cõi Nam, cõi Bắc, không lấy việc binh đao đến vài mươi năm) đi sứ nước Liêu đâu; nếu họ không giết mà họ sai đưa về ta, thì lại làm ra thế nào; đình thần xin theo lời Duy Thiếp nói”. Sách của Pallu dùng từ piastre, 4 triệu piasters, mà “piastre” chỉ là 1 đơn vị tiền tệ nói chung, kiểu như “dollar” hay “quan” hay “đồng”, [những cách nói “đồng đô la” hay “đồng rúp” là những cách nói bị lặp lại, giống như “đồng việt nam đồng” vậy; chỉ cần đô la hay dollar, rúp hay ruble, đồng..., là đủ]. Hòa ước cũng nói rõ, như dưới đây, mỗi piastre tương đương 7 đồng cân 2 phân bạc. Vậy 1 ngàn lạng nhà vua định đưa là chưa tới 1 ngàn tư quan trong khi quân Pháp đòi tới 100 ngàn quan, 1 sự chênh lệch khá kỳ cục.

“Khi ấy Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp xin đi, lại chuẩn cho sung làm chánh phó sứ toàn quyền đại thần để nghị về việc hòa; lại sai đình thần bàn định đại ý về điều ước, vua sửa định rồi trao cho”. Lúc này Nguyễn Bá Nghi chuyên chủ hòa đã bị rút về, ĐNTL cũng không nói rõ bối cảnh mà Phan Thanh Giản, 66 tuổi, đương nhiệm hiệp biện đại học sĩ thượng thư bộ Lễ sung tổng tài quốc sử quán, và Lâm Duy Thiếp, 56 tuổi, đương nhiệm hữu tham tri bộ Binh sung cơ mật đại thần hiệp lý công việc thủy sư kinh kỳ, vì sao lại xin đi.

“Khi ấy đình thần tâu nói, 1 việc nghị hòa đã 3 - 4 năm rồi mà chưa định cục, nay tàu của họ đưa thư đến nghị hòa, tuy chưa nói rõ từng khoản từng mục, nhưng đại yếu tương cũng không ngoài 14 khoản đã yêu cầu năm trước”. Không thể tin rằng Pháp đến đưa thư mà lại “chưa nói rõ từng khoản mục”. Có lẽ cần phải hiểu đúng đoạn sử này là, chưa dịch thuật xong hoặc là các quan chưa được nghe trình bày về từng khoản mục. Về “14 khoản của năm trước”, ĐNTL chắc là bận

rộn về việc qui định 47 chữ húy mới, trong đó có 2 chữ của Từ Dự, cho nên chẳng có thời gian dành cho chúng, còn vua quan cũng từng bàn bạc với nhau nhiều cho nên có 1 sự phân loại như sau:

“Họ yêu cầu là [1] để cho tàu Tây dương tự do thông hành ở trên các mặt sông thuộc về phía Tây phía Nam thành Gia Định; [2] tha cả cho các người tù thuộc về trong thời đánh nhau; [3] ở mặt sông Biên Hòa, Sài Gòn không đắp đồn lũy đặt quân phòng bị; 3 khoản ấy không có chỗ quan ngại lắm, trước đã nghĩ ước cũ”. Đại để đây là 3 khoản dễ chấp nhận nhất.

“Còn 11 khoản nữa thì, [1] 1 khoản là cho được truyền giáo giảng đạo công hành, vì 2 chữ ‘công hành’ đó, cốt là họ người nào theo đạo, được tùy tiện giảng tập, người nào muốn tiến theo học đạo cho giỏi, thì mặc sự thích muốn của họ không nên đặt phép ngăn trở, khoản ấy trước đây đã nghĩ, dân nước ta từ trước ai đã chót theo đạo thì cho được giảng tập riêng với nhau, ai muốn bỏ đạo và không muốn theo đạo thì không cưỡng ép; [2] 1 khoản là người Tây dương phạm luật, giao cho quan Tây dương xét xử, khoản đó cũng cho hợp lẽ, duy người nước ta có đến chỗ đất của người Tây dương buôn bán mà phạm luật thì cũng xin giao cho quan nước ta xử trị mới là công bằng; [3] 1 khoản là người Tây dương công nhiên đi khắp nơi trong nước ta, nhưng phải tuân theo đúng điều luật, khoản ấy đã nghĩ, người nước ấy đã có nơi cư trú để thông thương, nếu có việc gì cần phải bàn tính, thì đã có quan địa phương ở đấy làm cho thanh thỏa, còn sự đi lại chỗ khác, cũng không có việc gì, bắt tất phải nhất khải đi bừa bãi; [4] 1 khoản là tàu Tây dương buôn bán ở cửa biển nào thuận lợi và quan Tây dương đóng ở nơi nào, khoản ấy trước đây đã nghĩ, nước ấy đã có nơi ở để buôn, cho được tùy tiện đi lại đỗ thuyền ở nơi đó, còn các cửa biển khác thì cấm chỉ; [5] 1 khoản là phải bồi thường tiền đền mạng cho thân nhân 2 - 3 người Tây dương đã bị giết chết, khoản ấy trước đã nghĩ, sự phí tổn nhỏ mọn ấy, không cần phải so kè, nhưng vì giấy gửi đến chưa nói rõ con số bao nhiêu, nên hỏi rõ ràng để châm chước mà làm; [6] 1 khoản là nước Cao Miên, từ sau không được bắt họ cống hiến nữa, khoản ấy trước đây đã nghĩ, Cao Miên là thuộc quốc của ta, đến cống hay không đến cống, nước ấy vốn không có quyền can thiệp đến, nên không cần phải bàn đến; về 6 khoản ấy, nếu kẻ kia có đề cập đến, xin cứ theo như nghĩ định cũ mà trả lời; hay kẻ kia có yêu cầu như thế nào, cũng nên tùy nghi châm chước mà làm”. Đại để đây là 6 khoản dễ chấp nhận thứ nhì.

“Duy kẻ kia trước có, [1] xin giao hết cả tỉnh thành và đất phụ thuộc của Gia Định, Định Tường; [2] đóng quân ở Thủ Dầu Một, tỉnh Biên Hòa; [3] kinh sư của 2 nước đều có quân đại thần đóng ở; [4] số bạc bồi thường trước đòi 400 vạn đồng; [5] cùng là nước Y Pha Nho xin ở 1 khu Đò Sơn, tỉnh Hải Dương, cửa huyện Nghiêu Phong lập sở tuần lấy thuế 10 năm, sau sẽ trả lại nước ta”. Đại để đây là 5 khoản khó chấp nhận nhất.

“Về 5 khoản này, người Tây dương đã nhiều lần đưa thư yêu cầu xin được như lời xin; nay bọn kia tất không khỏi lại cố yêu cầu cắt đất Biên Hòa, Vĩnh Long giao cho họ, để mong cho hòa ước cũ tất phải thành; nay vâng xét nghĩ, ở Gia Định từ thành cũ, kẻ kia đã lập đồn để đóng và địa giới ở ven sông 2 huyện Tân An, Cửu An thuộc hạt ấy, 1 sở Thủ Dầu Một, tỉnh Biên Hòa và đất phụ cận ở ngoài thành tỉnh Định Tường, nghĩ hãy tạm cho bọn kia quản nhận cư trú, còn địa

phận các hạt khác cùng là toàn hạt tỉnh Vĩnh Long, đều nên giao trả về nước ta quản trị; đến như cửa biển kinh đô, đã không phải là nơi buôn bán, mà chỗ bọn kia lập phố, đã có người trị sự ở đó, phạm công việc gì đủ để gánh làm, không cần phải đặt đại viên làm gì; nếu họ cố xin đặt thì đáp lại rằng, cửa biển Đà Nẵng là nơi gắn liền với kinh sư, mà họ vẫn thường đi lại đậu thuyền yên ổn, nên cho 1 viên quan nước họ đến đóng ở đó; về số bạc bồi thường quân phí, xin chước lượng trả họ 100 vạn đến 200 vạn đồng mà thôi [trả 1 phần tư hoặc 1 nửa giá]; lại nước Y Pha Nho cùng với họ đến Gia Định cũng đã lâu năm, họ cũng vì nước kia cố xin đất Đồ Sơn để cư trú buôn bán, hoặc ở cửa huyện đánh thuế 10 năm sẽ trả lại nước ta, về 2 khoản này, chước lượng cho họ 1 khoản; dân Bắc Kỳ theo đạo Gia tô, nghe tin là nước ấy truyền giáo, thì việc tha cấm cũng xin theo như khoản trước đây đã y cho nước Phú Lăng Sa; còn các khoản trong điều ước ấy, không cần phải bàn đến; lại Gia Định, Định Tường trước đã nghĩ bàn giao cho nước ta quản trị, nếu họ không nghe, thì nghĩ nên viện theo như lệ Quảng Đông trước đây tạm hãy chuộc về, nếu họ có đòi giá chuộc, thì phỏng lấy 100 - 200 vạn đồng làm giá định chuộc, nhưng hẹn sau sẽ trả dần, hoặc có thể sớm xong chuộc ấy, nếu bọn kia đòi giao hết các tỉnh họ đã chiếm được, thì quyết không theo; trong khi bàn nói, thì nên cân nhắc tình lý, tùy nghi biện chiết, khiến cho họ bằng lòng nghĩ lại, giảm được phần nào lại càng tốt, nếu không được đúng, bấy giờ mới từ ít đến nhiều, liệu nói trong đó; còn ngoài ra những khoản nào chưa có dự nghĩ, thì việc nhỏ mọn nên chiều lẽ mà làm cho ổn thỏa, còn việc quan trọng to lớn thì lấy lẽ mà tranh biện, nếu họ nghe theo thì thôi, họ không nghe thì kiếm lời thoái thác để ngừng hoãn lại, đợi được báo cáo sẽ làm cho hợp sự thể”.

Tất nhiên chỉ có thể buồn lòng mà biết rằng, các nho sĩ ếch ngồi đáy giếng chỉ có thể đưa ra được những lời bàn kiêu kễ cả “xin cho”, cho sướng miệng, nhưng lại rất cò kè vụn vặt vớ vẩn như vậy mà thôi. Quan niệm ngoại giao theo chiều dọc, “nước cha” và “nước con”, làm cho họ không thể hiểu được việc trao đổi đại sứ, khoản thứ 3 trong số 5 khoản khó chấp nhận nhất, “không cần phải đặt đại viên làm gì”, và những điều đơn giản khác.

“Vua phê bảo rằng, về khoản đạo giáo công hành, quyết không thể cho được, nếu không được đúng thì chỉ được theo như lần trước đã nghĩ, đến thì phải trình, ở thì có nơi; Nam Kỳ thì chỉ 1 xứ Gia Định, Bắc Kỳ thì Nam Định hoặc Hải Dương 1 xứ mà thôi; còn về người Tây dương đi lại tự do, đóng ở kinh đô, 2 khoản ấy quyết cũng không cho; về khoản nước Cao Miên, cũng phải trả lời như thế; nếu họ cố ý yêu cầu, thì cũng cho, để bớt sự vô ích [sic!]; duy có ước định, nếu Cao Miên chống cự nước ta, thì nước ta cứ trách cứ vào người Tây dương, nếu không thì nước ta đem quân tiêu diệt, người Tây dương đừng cho làm lạ; đến như địa hạt Gia Định, Biên Hòa, Định Tường chỉ cho ở đấy buôn 1 - 2 nơi mà thôi, không được dừng thì chỉ đến chuộc là cùng; còn các khoản Y Pha Nho ở buôn và đánh thuế thì bác đi”. Trong số những con ếch ở đáy giếng thì “hoàng thượng chí tôn” ở dưới tầng sâu nhất, tận cùng.

“Lại sai viên Cơ mật sao ra những thư của Tây dương nhiều lần gửi đến và các bản hợp của đình thần giao cho 2 viên ấy cẩn thận đem đi [tiền thân của information management thời bây giờ], xem coi luôn ghi nhớ lấy để tiện lâm thời ứng đáp; và lại dặn rằng lần này nếu họ nói những điều mới, thì tùy nghi mà trả lời, bất tất phải đề cập đến thuyết cũ nữa; nếu họ vẫn nói khoản gì như

cũ, thì chiếu theo như lời định mới tham bác với lời bàn cũ mà ứng đáp, cốt cho càng bớt giảm đi được thì càng tốt, cần nhớ kỹ lấy; đường sá xa cách, duy nhờ ở tài giỏi của các người, nên theo như lời phê nghị; nếu sai trái để hại về sau, đó là làm hỏng việc nước, quyết không nên làm”. Câu cuối này chắc chắn do là sử quan đời sau thêm vào cho phù hợp với kết quả thực tế, đổ hết tội lên đầu “Phan Lâm mãi quốc”.

“Khi sắp đi, vua rót rượu của vua dùng ban cho rồi dụ rằng, đất đai quyết không thể nào cho được, tã giáo quyết không cho tự do tuyên truyền”. Duy vua chỉ không bày cho kế sách, “quyết” bằng cái gì hay cách gì.

“Kịp khi 2 viên ấy đến Gia Định, bèn đem đất 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa nhường cho Tây dương, lại nhận số bạc bồi quân phí đến 400 vạn đồng (ước tính đến 280 vạn lạng bạc) [tỷ giá chỉ là 7 chỉ ăn 1 quan, so với 7 chỉ 2 nói trên] và lập nhà giảng đạo, mở phổ thông thương, gồm 12 khoản, chép làm hòa ước, mới được 20 ngày, đã đi thuyền trở về đem việc tâu lên (tháng Ba, tướng của Phú Lãng Sa cấp giấy cho Xuy Mông đến xin giảng hòa, rồi đi tâu về, tháng Tư, lại đến đón tiếp toàn quyền sứ là Thanh Giản, Duy Thiếp đi sứ, vào ngày 24 tháng ấy đi thuyền Thụy nhạc vào Gia Định, ngày mùng 9 tháng Năm định hòa ước, ngày 11 đi thuyền về, ngày 14 đến kinh); vua nói, thương thay con đồ của lịch triều, nào có tội gì, rất là đau lòng, 2 viên này không những là người có tội của bản triều mà là người có tội của nghìn muôn đời vậy”. Cũng rất đau lòng cho 2 viên này vậy.

Không hiểu sao, có vẻ hơi khó tìm văn bản chính thức, cả chữ Hán và chữ Pháp, của Hòa ước Nhâm Tuất. ĐNTL tóm lược “12 khoản” như sau:

1. từ sau khi vua 2 nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho với vua nước Đại Nam cùng dân của 3 nước, không kể người nào ở địa phương nào, đều cùng đôn đốc hữu nghị, hòa hảo lâu dài,
2. 2 nước Phú và Y truyền đạo Thiên Chúa ở nước Đại Nam, ai muốn theo cũng cho, ai không theo cũng không bắt buộc,
3. về 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và 1 xứ đảo Côn Lôn giao cho nước Phú quản hạt;
như người buôn của nước Phú chạy tàu, thuyền lớn nhỏ từ biển khơi đến các sông lớn, sông nhỏ đi sang các xứ nước Cao Miên buôn bán, đều được tùy tiện; nếu tàu nhà binh của nước Phú do từ ngoài khơi ấy đi vào các sông xem xét cũng cho tùy tiện,
4. từ sau khi nghị hòa, nếu có nước khác muốn đến nước Nam gây chuyện, hoặc muốn cắt đất giảng hòa, nên báo tin cho nước Phú tính bàn, tùy nghị cùng giúp đỡ; về trong khoản giảng hòa với nước khác mà có sự cắt đất, nếu nước Phú bằng lòng làm thì làm, không bằng lòng thì bắt tất làm,
5. người buôn ở 2 nước Phú, Y đến buôn bán ở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên, đều nên đây đó cùng yên, cho được tùy tiện, về thuế lệ của nước Nam phải chiếu lệ mà giao nộp;
nếu người buôn của nước Nam có muốn đi sang buôn bán ở 2 nước Phú, Y, cũng được đây đó cùng yên, đều cho tùy tiện, y theo thuế lệ của 2 nước ấy mà nộp;

- nếu người nước khác đến buôn ở nước Nam, thì các quan nước Nam không được tư vị giúp đỡ hơn là 2 nước Phú, Y; nếu có sự ích lợi buôn bán gì thì hành cho các nước khác, thì cũng thi hành cho cả 1 loạt cho 2 nước Phú, Y,
6. nếu có công việc khẩn yếu mà cần phải hội đồng bàn bạc để làm thì đều phái ra viên khâm sai đại thần, hoặc họp ở kinh đô nước Nam, hoặc họp ở kinh thành 2 nước [Phú và Y] để bàn mới được;
nếu không phải là nhân việc công mà 3 nước sai sứ đến hỏi thăm nhau cũng được;
nhưng tàu của 2 nước Phú, Y đến cửa biển Đà Nẵng thì cho tàu dừng đậu, viên khâm sứ phải do đường bộ tiến vào kinh, [1 nhượng bộ của Pháp và Tây Ban Nha],
7. sau khi đã hòa ước rồi, thì những điều thù oán cũ đều vứt bỏ đi hết; phạm quân dân người nào bị nước Phú bắt giam đều tha cho về, tài sản của trăm họ cũng đều giả lại cả;
những người nước Nam có đi làm việc cho người nước Phú, nước Nam cũng nên đặc ơn tha cho họ và không bắt tội đến thân thuộc họ,
8. bồi lại số bạc chi phí về quân nhu cho 2 nước Phú, Y là 400 vạn đồng, chia trả làm 10 năm cho đủ, mỗi năm giao cho viên đại thần nước Phú đóng ở Gia Định 40 vạn đồng chứa giữ;
nay hiện đã nhận được 10 vạn quan tiền kẽm, đợt sau giao bạc sẽ khấu trừ đi;
mỗi đồng bạc nặng là 7 đồng cân 2 phân,
9. nước Nam như có những giặc cướp, giặc biển, những kẻ làm loạn, quấy rối ở địa phương thuộc về nước Phú mà trốn về địa phương nước Nam, hay tù phạm giặc cướp của nước Phú trốn sang địa phương nước Nam, thì quan nước Phú lập tức tư cho quan địa phương nước Nam ở nơi tên can phạm ẩn trốn ấy bắt giải giao cho địa phương nước Phú trị tội;
nếu có bọn cướp giặc, bọn can phạm của nước Nam trốn ở địa phương thuộc về nước Phú, thì quan nước Nam cũng tư cho quan nước Phú biết, bắt bọn tội phạm ấy giao cho quan địa phương nước Nam trị tội.
10. từ sau khi nghị hòa rồi, phạm nhân dân ở 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên đi lại buôn bán ở địa phương thuộc về nước Phú, về thuế lệ của nước Phú đã theo lệ nộp rồi, thì đều được tùy tiện;
nếu nhân có việc công hoặc các việc quân lính, lương thực, súng đạn, khí giới mọi vật, muốn qua lại cửa biển Tiểu ở Định Tường thuộc về đất của nước Phú, thì Phú Lãng Sa cũng chuẩn cho đi, nhưng tất phải trước 10 hôm quan nước Nam phải tư báo cho quan nước Phú biết trước để cấp phiếu cho đi; nếu không báo trước, lại không có giấy chứng thực của quan nước Phú mà tự tiện đi lại riêng lén, quan nước Phú xét biết, nhất định đem thuyền ấy phá tan và quân lính đều bắt giữ trị tội,
11. tỉnh Vĩnh Long hiện đã về phần sở hữu của nước Phú, nay tạm làm nơi đóng quân; nhưng quan quân của nước Phú tuy đóng ở Vĩnh Long, nhưng phạm việc nào thuộc về nước Nam, do quan nước Nam xử lý, thì quan binh nước Phú không chen vào kiêu làm, cùng là các việc cấm răn cũng vậy; duy nước Nam hiện còn có các quan vâng mệnh dò thám riêng, để thừa cơ tiến đánh vẫn ẩn nấp ở 2 tỉnh Gia Định, Định Tường; hiện nay đã cho nghỉ việc binh, lại lập hòa ước, thì nước Nam tất phải cho gọi những bọn quan viên ấy về,

để cho nhân dân địa phương ấy đều được bình an, thì nước Phú lập tức đem tỉnh Vĩnh Long giao trả về nước Nam coi quản,

12. phàm sau khi chương trình hòa ước đã lập rồi, quan đại thần 3 nước ký tên đóng dấu tâu lên; tính từ ngày ký tên đóng dấu là bắt đầu, hạn trong 1 năm thì vua 3 nước coi xem phê chuẩn, rồi giao cho nhau ở tại Kinh thành nước Nam để lưu chiếu.

“Đã đưa xuống cho đình thần bàn xét, phước tâu là, về khoản cắt đất bồi ngân, 2 viên ấy đã làm, phần nhiều chưa hợp, nhưng điều ước mới định, nếu vội sửa đổi ngay, sợ họ còn tức khí, chưa chắc đã nghe ngay; xin chuyên trách 2 viên ấy ở gần bàn tính châm chước dần dần để chuộc lỗi trước, hãy đợi khi sai sứ tới hỏi, nhân cơ mà châm chước nghĩ định; nhưng lại cho là xếp đặt không giỏi, xin bắt tội; vua nói, bây giờ há có người hiền tài nào mà đổi hết được du; bèn cho Thanh Giản lĩnh tổng đốc Vĩnh Long, Duy Thiếp lĩnh tuần phủ Thuận - Khánh cùng với tướng nước Phú biện bác để chuộc tội”.

Bản tiếng Pháp, tìm được trên trang belleindochine.free.fr, như sau:

Traité du 5 juin 1862 conclu à Saigon entre la France et l'Espagne d'une part, et l'Annam de l'autre.

Article Premier - Il y aura dorénavant paix perpétuelle entre l'empereur des Français et la reine d'Espagne d'une part et le roi d'Annam de l'autre: l'amitié sera complète et également perpétuelle entre les sujets des trois nations, en quelque lieu qu'ils se trouvent.

Art. 2 - Les sujets des deux nations de France et d'Espagne pourront exercer le culte chrétien dans le royaume d'Annam, et les sujets de ce royaume, sans distinction, qui désireront embrasser et suivre la religion chrétienne, le pourront librement et sans contrainte; mais on ne forcera pas à se faire chrétiens ceux qui n'en auront pas le désir.

Art. 3 - Les trois provinces complètes de Bien Hoa, de Gia Dinh et de Dinh Tuong (Mytho), ainsi que l'île de Poulo Condor, sont cédées entièrement par ce traité en toute souveraineté à Sa Majesté l'empereur des Français.

En outre les commerçants français pourront librement commercer et circuler sur des bâtiments, quels qu'ils soient, dans le grand fleuve du Cambodge et dans tous les bras de ce fleuve; il en sera de même pour les bâtiments de guerre français envoyés en surveillance dans ce même fleuve ou dans ses affluents.

Art. 4 - La paix étant faite, si une nation étrangère voulait, soit en usant de provocation, soit par un traité, se faire donner une partie du territoire annamite, le roi d'Annam préviendra par un envoyé l'Empereur des Français, afin de lui soumettre le cas qui se présente, en laissant à l'Empereur pleine liberté de venir en aide ou non au royaume d'Annam; mais si, dans le dit traité avec la nation étrangère, il est question de cession de territoire, cette cession ne pourra être sanctionnée qu'avec le consentement de l'empereur des Français.

Art. 5 - Les sujets de l'empire de France et du royaume d'Espagne pourront librement commercer dans les trois ports de Tourane, de Balat et de Quang An.

Les sujets annamites pourront également librement commercer dans les ports de France ou d'Espagne, en se conformant toutefois à la règle des droits établis.

Si un pays étranger fait du commerce avec le royaume d'Annam, les sujets de ce pays étranger ne pourront pas jouir d'une protection plus grande que ceux de France ou d'Espagne, et, si ce dit pays étranger obtient un avantage dans le royaume d'Annam, ce ne pourra jamais être un avantage plus considérable que ceux accordés à la France ou à l'Espagne.

Art. 6 - La paix étant faite, s'il y a à traiter quelque affaire importante, les trois souverains pourront envoyer des représentants pour traiter ces affaires dans une des trois capitales.

Si, sans affaire importante, l'un des trois souverains désirait envoyer des félicitations aux autres, il pourra également envoyer un représentant.

Le bâtiment de l'envoyé français ou espagnol mouillera dans le port de Tourane, et l'envoyé ira de là à Hué par terre, où il sera reçu par le roi d'Annam.

Art. 7 - La paix étant faite, l'inimitié disparaît entièrement, c'est pourquoi l'empereur des Français accorde une amnistie générale aux sujets soit militaires, soit civils du royaume d'Annam compromis dans la guerre et leurs propriétés séquestrées leur seront rendues.

Le roi d'Annam accorde également une amnistie générale à ceux de ses sujets qui se sont soumis à l'autorité française et son amnistie s'étend sur eux et sur leurs familles.

Art. 8 - Le roi d'Annam devra donner, comme indemnité, une somme de quatre millions de dollars, payable en dix ans, donnant ainsi chaque année quatre cent mille dollars, qui seront remis au représentant de l'empereur des Français à Saïgon. Cet argent a pour but d'indemniser les dépenses de guerre de la France et de l'Espagne.

Les cent mille ligatures déjà données seront déduites.

Le royaume d'Annam n'ayant pas de dollars, le dollar sera représenté par une valeur de soixante douzièmes de taël.

Art. 9 - Si quelque brigand, pirate ou fauteur de troubles annamite, commet quelque brigandage ou désordre sur le territoire français, ou si quelque sujet européen coupable de quelque délit s'enfuit sur le territoire annamite, aussitôt que l'autorité française en aura donné connaissance à l'autorité annamite, celle-ci devra faire ses efforts pour s'emparer du coupable afin de le livrer à l'autorité française.

Il en sera de même au sujet des brigands ou pirates ou fauteurs de troubles annamites qui, après s'être rendus coupables de délits, s'enfuiraient sur le territoire français.

Art. 10 - Les habitants des trois provinces de Vinh Luong, d'An Gian et de Ha Tien pourront librement commercer dans les trois provinces françaises en se soumettant aux droits en vigueur; mais les convois de troupes, d'armes, de munitions ou de vivres entre les trois susdites provinces et la Cochinchine devront se faire exclusivement par mer.

Cependant l'empereur des Français accorde, pour l'entrée de ces convois dans le Cambodge, la passe de Mytho, dite Cua Tien, à la condition toutefois que les autorités annamites en préviendront à l'avance le représentant de l'empereur qui leur fera délivrer un laissez-passer. Si cette formalité était négligée et qu'un convoi pareil entrât sans un permis ledit convoi et ce qui le compose seront de bonne prise et les objets seront détruits.

Art. 11 - La citadelle de Vinh Luong sera gardée jusqu'à nouvel ordre par les troupes françaises, sans empêcher pourtant en aucune sorte l'action des mandarins annamites. Elle sera rendue au roi d'Annam aussitôt qu'il aura fait cesser la rébellion qui existe aujourd'hui par ses ordres dans les provinces de Gia Dinh et de Dinh Tuong, et lorsque les chefs de ces rébellions seront partis et le pays tranquille et soumis, comme il convient à un pays en paix.

Art. 12 - Ce traité étant conclu entre les trois nations, et les ministres plénipotentiaires desdites trois nations l'ayant signé et revêtu de leurs sceaux, il en rendront compte chacun à leur souverain, et à partir d'aujourd'hui, jour de la signature, dans l'intervalle d'un an, les trois souverains ayant examiné et ratifié ledit traité, l'échange des rectifications aura lieu dans la capitale de l'Annam.

En foi de quoi, les plénipotentiaires respectifs susnommés ont signé le présent traité et y ont apposé leurs cachets.

A Saigon, l'an mil huit cent soixante-deux, le 5 juin. Tu Duc, quinzième, année, cinquième mois, neuvième jour.

(ls) Amiral Bonnard. (ls) Phan Tan Giang. (ls) Lam Dui Hiep.

QUYỀN BỐN – THIỆU TRỊ, TỰ ĐỨC VÀ HÒA ƯỚC NHÂM TUẤT

QUYỀN BỐN – THIỆU TRỊ, TỰ ĐỨC VÀ HÒA ƯỚC NHÂM TUẤT

